BỘ 2 · SỐ 9 · THÁNG 1-1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Aleksandr Solzhenitsyn. Allen Ginsberg. Bắc Phong. Bùi Bảo Trúc. Bùi Bích Hà. Bùi Diễm. Cao Đông Khánh. Cao Tiêu. Cao Xuân Huy. Châu Văn. Carmine Flocken. Daniel Jacob. David Aikman. Dương Nhu Nguyện. Đào Trung Đào. Đặng Phùng Quân. Định Nguyên. Đỗ Hùng. Đỗ Kh. Đỗ Ngọc Yên. George Bejenaru. Gức. Hà Quân. Hà Thúc Sinh. Hoàng Đạo. Hồ Kiệt. Hoàng Khôi Phong. Hoàng Linh. Hoàng Ngọc Tuấn. Hoàng Mai Hạt. Hoàng Nhã Trang. Hoàng Tử. Hương. Hoàng Xuân Sơn. Huỳnh Liên Ngân. Julia Kuniwles. Khánh Trường. Kiệt Tân. Kristina Bonella. Kum. Lê Bi. Lê Cảm Thạch. Lê Đại Lăng. Lê Diên Điền. Lê Mỹ Hương. Lê Tùi Biển. Lê Tâm Cá. Lê Thiện Tùng. Lưu Văn Vinh. Lý Vũ. Mai Thảo. Ngọc Đúng. Ngô Chân Văn. Ngô. Nguyễn Đúng. Ngô Yên. Nguyễn Phong. Nguyễn Bá Trực.

Nguyễn Hằng Thương. Nguyễn Đồng. Nguyễn Đăng Sơn. Nguyễn Đức Lập. Nguyễn Hoàng Sơn. Nguyễn Huỳnh Mai. Nguyễn Hưng Quốc. Nguyễn Hữu Chung. Nguyễn Long Thanh Sơn. Nguyễn Khanh. Nguyễn Mộng Giác. Nguyễn Ngọc Bích. Nguyễn Mạnh Trinh. Nguyễn Tất Nhiên. Nguyễn Thị Chưu Quỳnh. Nguyễn Tại Hoàng Bắc. Nguyễn Thị Hợp. Nguyễn Thị Ngọc Nhung. Nguyễn Thiếu Nhẫn. Nguyễn Văn Ba. Nguyễn Văn Sâm. Nguyễn Xuân Hoàng. Nguyễn Ý Thuần. Nhã Cu. Phạm Cao Đường. Phạm Cùng Thiện. Phạm Duy. Phạm Duy Cường. Phạm Quân Khanh. Phạm Thị Xuân Anh. Phạm Văn Hải. Phạm Việt Cường. Phạm Vĩnh Long. Phan Nhật Nam. Phan Ni Tấn. Rene Tavernier. Rolf Schneider. Ruth Tatavich. Salman Rushdie. Tâm Trường. Thái Hiên. Thế Uyên. Thương Quân. Thủy Khuê. Tiểu Uyển. Timothy Garton. Trần Sa. Trần Dạ Từ. Trần Danh Sơn. Trần Diệu Hằng. Trần Thanh Hiệp. Trần Vũ. Trần Mộng Tử. Trịnh Y Thư. Trúc Phượng. Trường Anh Thuỷ.

Tường Vũ Anh Thy. Tuy Hồng. Vaclav Havel. Vanu Phan. Văn Lang Thi sĩ. Vũ Phiên. Vũ Huy Quang. Vũ Thị Dung. Vương Hữu Bội. Vương Tiểu Muội. Xuân Vũ. Yusuf Idris.

XUÂN CANH NGỌ • 1990

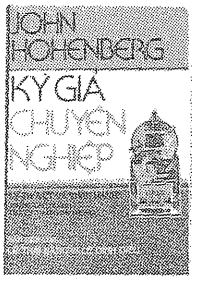

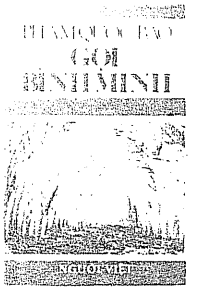

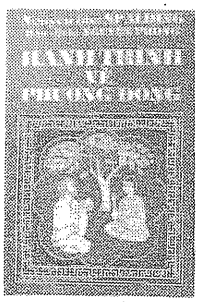

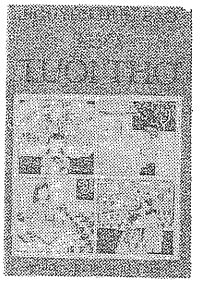

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

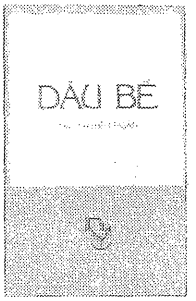

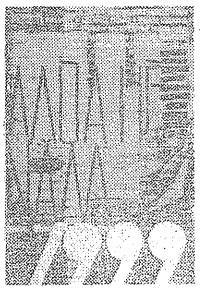

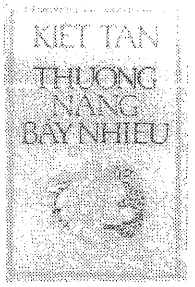

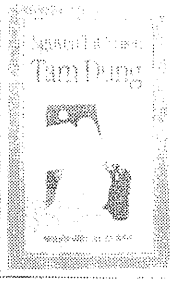

THƯ TÒA SOẠN

Thêm một "bài học của lịch sử"

"Quyền lực dẫn tới thối nát,
và quyền lực tuyệt đối
thì thối nát cùng cực."
LORD ACTON

(Sử gia Anh thế kỷ 19)

Từ thời cổ, người Hy Lạp (và người La Mã) đã tin rằng lịch sử là những chu kỳ tái diễn: từ dân chủ đi tới hỗn loạn vô chính phủ, trải qua giai đoạn độc tài (quân chủ hoặc quý tộc)... cứ thế, cứ thế.

Lý thuyết đạo Thiên Chúa, ngược lại, cho rằng đời sống thay đổi và tiến bộ ngày càng đến gần "phán xét cuối cùng của Thượng Đế."

Đến thế kỷ 19, triết gia Đức Georg Wilhelm Friedrich Hegel đưa ra sử quan "biện chứng." Biện chứng gồm tiền đề và phản đề -- hai cái này đấu tranh với nhau đưa tới một tổng đề. Tổng đề sau đó lại trở thành một tiền đề mới... cứ thế, cứ thế.

Một người Đức khác, ông Karl Marx, đem thuyết biện chứng của Hegel ra giải thích lịch sử và ứng dụng vào việc tạo dựng một mô thức xã hội mới: với tiền đề là chủ nghĩa tư bản, Marx đưa ra phản đề là chủ nghĩa cộng sản, và viễn tượng của cuộc đấu tranh tư bản - cộng sản tất yếu dẫn tới tổng đề một xã hội không giai cấp, của cải tràn đầy, và con người sống như ở nơi thiên đường.

Lý thuyết của Marx đầy mầu sắc tôn giáo nên quyến rũ được nhiều người.

Có điều đây là một quy luật lịch sử có đời sống ngắn ngủi nhất -- vì nó đã cáo chung vào cuối năm 1989, khi những lá cờ trắng phất lên sau bức tường đỏ.

Và một quy luật lịch sử khác, do sử gia người Anh, Lord Acton, đưa ra cũng hơn 100 năm, đang được minh chứng là có giá trị lâu dài hơn (nếu không muốn nói là vĩnh cửu): "Quyền lực dẫn tới thối nát, và quyền lực tuyệt đối thì thối nát cùng cực." Chế độ dân chủ, áp dụng quy luật lịch sử Acton, có những biện pháp ngăn chận con đường dẫn tới "quyền lực tuyệt đối" -- bầu cử tự do và giới hạn nhiệm kỳ cầm quyền. Chế độ dân chủ không hẳn là chế độ tốt nhất, nhưng rõ ràng nó không dẫn tới một "thối nát cùng cực" để phải "phất cờ hàng" như chế độ cộng sản ở Đông Âu, hoặc bị sức dân quật sụm như các nền độc tài ở Lỗ Ma ni (Ceausescu bị xử tử), Phi Luật tân (Marcos bị lưu vong), Panama (Noriega bị truy kích), v.v.

Bài học lịch sử mới của năm 1989 cần được giảng dạy ở Việt Nam -- chỉ e các học trò ngoan cố không chịu học thì không còn chọn lựa nào khác hơn đoạn kết của gia đình Nicolae Ceaucescu.

THẾ KỶ 21

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
ĐỖ NGỌC YẾN

Chủ bút:
VƯƠNG HỮU BỘT

Chủ biên văn học:
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Chủ biên biên khảo:
LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Giám đốc mỹ thuật:
NGUYỄN ĐỒNG

Giám đốc trị sự:
TÂM QUYÊN

Trong số này

THƯ TÒA SOẠN
Thêm một "bài học của lịch sử"/1
Hạ Long LƯU VĂN VỊNH
Giả thuyết về một thế trận mới của Mạc Tư Khoa/4
NGUYÊN HỮU CHUNG
Ăn chuối/7
LÊ ĐÌNH ĐIỂU
1989: "Động đất tám chấm" sau bức tường đỏ/9
XUÂN VŨ
Đào và chó/14
TRẦN DIỆU HẰNG
Chuyện của người đọc truyện/20
HẢI VÂN
Có lẽ chẳng bao giờ/26

NGUYÊN SA
Trái tim, trí nhớ và giòng sông/28
MAI THẢO
Huyết hoa/28
NGUYÊN HOÀNG NAM
Vài chuyện vặt mùa xuân/29

NGUYỄN THIẾU NHẪN
Ngọn cỏ trong mùa xuân/30
NGUYÊN THỊ HOÀNG BẮC
Tình bậu muốn thôi/35
TRẦN SA
Đóa hôn giữa lá/39
NGUYÊN MẠNH TRINH
Mười hai câu lục bát/43
HÀ THÚC SINH
Phở Hách/44
KHÁNH TRƯỜNG
Tình yêu/51

Thơ NGUYỄN TẤT NHIÊN, BẮC PHONG, HOÀNG XUÂN SƠN, PHẠM VIỆT CƯỜNG, CHÂN PHƯƠNG

NGÔ NGUYÊN DŨNG
Nhân chứng/58
PHẠM XUÂN ĐÀI
Gặp gỡ bác sĩ Zhivago/65
PHẠM DUY
Phố Hàng Dầu/70
NGUYÊN HƯNG QUỐC
Mười lăm năm văn học Cộng Sản Việt Nam/73
LÊ TAM CA
Mười dự báo cho đời sống/84
LTC
Sách báo trong tháng/86

Đọc, viết và góp ý!

Mua báo và
giới thiệu với thân hữu!

Để Thế Kỷ 21

trở thành
tờ báo của chúng ta

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72 . First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liênlạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhãn danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của người xuất bản. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

1989: "ĐỘNG ĐẤT TÁM CHẤM" SAU BỨC TƯỜNG ĐỎ
Lê Đình Điểu/9

Một biên niên biểu của những "cơn địa chấn chính trị" đằng sau bức tường đỏ làm rung động cả thế giới, bắt đầu bằng những báo động đầu năm 1989 ở Hung và bùng nổ dữ dội vào những ngày cuối năm ở Lỗ Mã Ni, chấm dứt bằng cái chết của nhà độc tài Ceausescu. Theo dõi những chuyển động của cơn "chính chấn" này người ta không thể không tự hỏi: Còn Bắc Kinh, Hà Nội thì sao? Bao giờ? Cái gì? Như thế nào? *Thế Kỷ 21* muốn mời bạn đọc tham gia những suy nghĩ về Việt Nam và những ngày sắp tới của nó. Liệu cái "dư chấn" của Đông Âu tác động lên Việt Nam đến mức độ nào?

THƠ VÀ TRUYỆN ĐỌC TRONG MÙA XUÂN

Các tác giả Nguyên Sa, Mai Thảo, Phạm Duy, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Hưng Quốc, Xuân Vũ, Trần Diệu Hằng, Hải Vân, Nguyễn Thiếu Nhẫn, Nguyễn Hoàng Nam, Trần Sa, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Ngô Nguyên Dũng, Khánh Trường, Phạm Xuân Đài... gửi đến bạn đọc những sáng tác mới nhất của họ. Hơn ba phần tư trang báo của số Xuân Canh Ngọ này được dành cho thơ văn, như một lời chúc bình an cho bạn đọc của *Thế Kỷ 21* về một năm mới đầy triển vọng.

Đón đọc trong số tới

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG, *Tô Phở*
VŨ HUY QUANG, *Trước khi bắt được Antonio Noriega*
ĐỖ KH., *Cô gái sơn cước*
HỒ TRƯỜNG AN, *Tình yêu Yvon*
TRẦN MỘNG TÚ, *Tình yêu*
CAO ĐỒNG KHÁNH, *Thi sĩ là dương bản của Mai Thảo*
ISAAC BASHEVIS SINGER, *Sát sinh*
TRẦN THỊ KIM LAN, *Nụ cười nghiêng*
NGUYÊN VIỆT, *Trở về*
HOÀNG MAI ĐẠT, *Ngày giỗ bố*
KHÊ IÊM, *Tro tàn*
TRẦN VŨ, *Những buổi tối mất chân trời*
NGUYÊN THIÊU NHÂN, *Des Moines đêm mới tới*
NGUYÊN THỊ THANH BÌNH, *Còi*
HẢI VÂN, *Hương muộn*
NGUYÊN XUÂN HOÀNG, *Buổi tối ở Quận Cam*
VƯƠNG TIỂU MUỘI, *Một giờ với Mai Thảo*
NGÔ CHÂN VĂN, *Những câu hỏi trong thơ ở Việt Nam (1987-1989)*
THỤY KHUÊ, *Cái tiến cái mới trong sáng tác*
NGUYÊN XUÂN THU, *Vấn đề duy trì văn hóa Việt Nam ở hải ngoại*
BỬU KHẢI, *Thử đề nghị một phương pháp giảng dạy Việt ngữ trong các học đường Úc*
NGUYÊN HƯNG QUỐC, *Thơ và văn*
NGUYÊN MINH, *Một nền kinh tế kiến thức đang thay dần một nền kinh tế tài nguyên thiên nhiên.*
MAI CHÍNH (Canada), *Tuổi 20 nói với...*
VŨ TRẦN LAM SƠN, *Nói chuyện với Trần Vũ Ngọc Khôi.*

Trình bày
Nguyễn Thị Hợp

Hình bìa
Dân Đông Đức vui mừng trước Bức Tường Bá Linh bị chọc thủng. Biểu ngữ đàng sau mang nội dung: "Cho một Bá Linh không còn Bức Tường, trong một nước Đức không bị chia cắt, ở một Âu Châu không còn biên giới"

Kỹ thuật
Yến Trân

GIẢ THUYẾT VỀ MỘT THẾ TRẬN MỚI CỦA MẠC TƯ KHOA

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

Đột biến Đông Âu lồng trong thế toàn cầu

Những đột biến đã và đang diễn tiến tại Đông Âu, với sự thả lỏng biểu đồng tình của Mạc Tư Khoa, làm cả thế giới tự do và cộng sản, ngạc nhiên và bối rối.

Có người nghĩ rằng Gorbachev là ân nhân của dân chúng bị đè nén bấy lâu trong gông cùm đỏ, rằng có thể ông âm thầm căm thù Cộng Sản để nay đạt quyền bính ông ra tay phá vỡ hệ thống đỏ.

Lối nghĩ này có tính cách "Tam Quốc Chí" vì ở hệ thống đảng vững chắc như Nga Sô, Gorbachev không thể đơn thân độc mả làm anh hùng Don Quichote để phá vỡ một thành trì cả triệu đảng viên và KGB, cộng với cả một nửa thế giới mà Mạc Tư Khoa đang đóng vai não bộ chỉ huy.

Một lối giải đoán khác, dựa trên sự kiện kinh tế khoa học, cho rằng những lầm lỗi và thất bại kinh tế khiến Mạc Tư Khoa *phải* thay đổi đường lối chính trị hòng cứu vãn xã hội nghèo đói Cộng Sản, nếu muốn tiến bộ ngang với các cường quốc kinh tế Âu Mỹ, Nhật, Đại Hàn...

Cách giải thích này xem ra hợp lý nhưng chỉ hợp lý nếu Cộng Sản cởi mở, thay đổi dần dần đường lối kinh tế, áp dụng những phương pháp kinh thương mới để canh tân guồng máy mà không cần phải "phá vỡ" hệ thống Cộng Sản. Thật vậy, những đột biến ở Âu Châu khiến ta có cảm tưởng thế giới Cộng Sản đang vỡ từng mảnh, vỡ rất nhanh và trung ương Cộng Sản thế giới tại Mạc Tư Khoa lại gần như "xúi dục" cho phép "vỡ," trong khi hai nước Cộng Sản lớn nhất là Nga và Tầu lại không được phép vỡ, tại sao?

Trước một hệ thống vĩ đại như hệ thống 15 triệu đảng viên Nga và 35 triệu đảng viên Tầu, mọi biến chuyển cần phải được nhìn theo thế chiến lược toàn cầu và không thể khinh khi phiếm diện khi nhận định về những đột biến đang xẩy ra.

Thật vậy, chính sách cởi mở của Nga đã làm suy giảm lực lượng đồng minh NATO và đồng thời suy giảm ý chí chống Cộng của Âu Mỹ và các nước chống Cộng khác trên thế giới. Nó đã đẩy được những con ngựa thành Troie vào trong quỹ đạo Âu Châu, cho dù Đông Âu có "mất" vào quỹ đạo tự do tư bản do lòng khao khát tự do và nhu cầu kinh tế quần chúng, Mạc Tư Khoa vẫn có lợi là *trút gánh nặng nghèo nàn lên cổ tư bản, lấy được viện trợ kinh tế Âu Mỹ, và tạo được một hình ảnh mới tốt đẹp hơn* đối với thế giới.

Theo dõi cải cách của Gorbachev, ta thấy ông đi từng giai đoạn: giai đoạn *trẻ trung hóa* guồng máy Cộng Sản Nga Sô trong những năm trước 1987, từ 1987 tới 1989 ông mạnh dạn *cải cách hệ thống kinh tế*, chấp nhận đường lối tư bản tự do mậu dịch như Đặng Tiểu Bình đã làm từ mười năm trước. Giai đoạn hiện tại từ cuối 1989, ông tấn công hòa bình thế giới Âu Mỹ bằng những quyết định táo bạo là thả những con chốt nghèo đói Đông Âu vào lòng Âu Châu đang trên đường thống nhất thành Hợp Tung EEC (European Economic Community) vào năm 1992. Cuộc tấn công này làm Âu Mỹ sửng sốt và không có cách nào hơn là chấp nhận những lá bài, những nước cờ do Mạc Tư Khoa chủ động đưa ra.

Một đệ ngũ quốc tế thành hình?

Nói khác đi, Gorbachev đã nhận định được thời đại sắt máu của Stalin và Đệ Tam quốc tế cần phải chấm dứt để đi tới một chiến lược quốc tế khác, thực tiễn hơn, trong kỷ nguyên kinh tế điện tử đang vùn vụt tiến hóa từ Âu sang Á. Kể từ Đệ Nhất quốc tế thành lập ở Luân Đôn năm 1864, tới Đệ Nhị quốc tế ở Paris 1889, tới Đệ Tam quốc tế thành lập ở Mạc Tư Khoa do LêNin (1919), nay đã tới lúc Mác Xít phải chuyển hóa sau gần một thế kỷ ngưng đọng ở độc tài đảng trị, một phương pháp đổ máu tai hại do tầm nhìn hẹp hòi của Stalin. Tầm nhìn hẹp hòi này đã bị Trotsky và Đệ Tứ Cộng Sản kết án là phản bội cách mạng (La Révolution trahie et l'Ecole stalinienne de falsification -- 1937 -- Cuộc cách mạng bội phản và trường phái giả mạo Stalin) và giai cấp thống trị mới chính là ung nhọt, một lực chết (poids mort) giữa một cơ thể trẻ trung (un cancer au sein d'un corps jeune).

Tất nhiên Gorbachev ở một vị thế thoát thai từ Đệ Tam nên ông không thể lấy Đệ Tứ vốn dĩ là kẻ thù nội tạng, để làm đường lối mới, chưa kể tới con người Do Thái của Trotsky. Không chắc đã được Mạc Tư Khoa chấp nhận. Do đó, có thể nêu giả thuyết rằng Gorbachev đã làm một cuộc cách mạng trong thế giới Cộng Sản, một cuộc cách mạng không đổ máu, để chấm dứt thời đại Đệ Tam và bắt đầu một thời đại mới, *tạm gọi là Đệ Ngũ Quốc Tế* với chiến lược hoàn toàn mới để đương đầu với thế hợp tung Liên hoành của thế giới tự do.

Sau đệ Nhị thế chiến, chiến lược toàn cầu của Cộng Sản là làm ung thối các nước nhược tiểu, tạo chiến tranh du kích, chiếm các vòng xích yếu ớt Á Phi và nhất là hạ bức màn sắt nhằm cắt đứt liên lạc kinh tế Âu Mỹ và các nước chậm tiến.

Suốt 40 năm chiến lược này đã giúp Cộng Sản chiếm được đất nhưng không chiếm được dân, đã lừa được giai đoạn đầu, nhưng lòi đuôi ở giai đoạn cuối. Bánh vẽ không làm dân no và Cộng Sản đã ý thức được điểm đó, cộng thêm với sự khôn ngoan của Tây phương đã minh chứng rằng tư bản không phải là thối nát mà còn hữu hiệu hơn bao giờ hết.

Từ thập niên 1970, Tây phương đã bầy lại bàn cờ thế giới bằng các khối Liên lập, nào giao thương với Trung Hoa, nào tạo thành các cường quốc kinh tế Thái Bình Dương, nào tạo dựng Thượng đỉnh kinh tế gồm các quốc gia kỹ nghệ, nào cộng đồng kinh tế Âu châu hợp nhất... Những thế cờ này làm Cộng Sản cô lập, tụt dần xuống thung lũng chậm tiến và *Mác xít mất hết sức hấp dẫn của nó,* một sức hấp dẫn đã có thời làm J. Paul Sartre phải thừa nhận "hiện sinh là một phần của Mác xít!"

Chiến lược ngựa gỗ công thành

Trước nguy cơ như vậy Gorbachev và ban tham mưu không thể không nhận thức và tìm chiến lược đối phó, một chiến lược đáng lẽ phải thực hiện từ thập niên 1970. Vì mất thời gian tính nên chiến lược hiện tại là bằng mọi giá cứu ông tổ sư Mác cho nguyên vẹn bài vị và hạ bệ chiến thuật "cứu cánh biện minh phương tiện" của Lê Nin, dứt khoát từ bỏ chiến thuật sắt máu độc tài ghê tởm của Stalin, hòng tính thế sinh tồn lâu dài cho xã hội chủ nghĩa. Chính Gorbachev thúc ép các nước Đông Âu cải cách theo chiến lược "đệ ngũ quốc tế" mới và đồng thời ông *không bao giờ* nói chủ nghĩa Cộng Sản là sai lầm, ông vẫn đề cao Mác xít tại đại học Mạc Tư Khoa và chỉ sửa sai những người thực hiện lệch lạc chủ nghĩa ấy sau Cách mạng 1917.

Từ đây, đối với "đệ ngũ quốc tế" thế giới tự do Âu Mỹ cần phải thay đổi hoàn toàn chiến lược đối phó là vì chiến lược "tằm ăn lá" này mới thật là chiến lược toàn diện. Mác xít vốn là một hệ thống triết lý xã hội rộng lớn nên chính diện của nó là Văn Hóa, rồi tới Chính Trị, Xã Hội, *sau chót mới là Quân Sự.* Thời Đệ Tam quốc tế, diện Quân sự được đặt nặng ở các "vòng xích yếu" tức là các nước nhược tiểu, còn ở các nước tiền tiến thời diện tuyến truyền văn hóa được đặt ưu tiên. Chiến lược của "đệ ngũ" đặt lại thứ tự ưu tiên dường như Văn hóa Chính trị Kinh tế được đưa lên thay thế cho Quân sự, đồng thời không lấy việc chiếm đất đai làm tiên quyết. Việc Nga Sô rút khỏi A Phú Hãn minh chứng cụ thể điểm này, việc "trả lại" Đông Âu cho Âu Châu minh chứng thêm con chốt Văn Hoá Chính Trị Kinh Tế đã phá màn sắt qua sông. Cộng đồng Âu châu liệu có thể đặt Đông Âu sang một bên không? Mà nếu nhận vào tức là chấp nhận sự trộn lẫn xanh dỏ trên bản đồ Bắc Đại Tây Dương. Thế giới tư bản tự do xưa nay chống Cộng vì Cộng Sản độc tài sắt máu, nay Cộng Sản bỏ độc tài sắt máu, tức là Âu Mỹ phải đối diện với chủ nghĩa xã hội Mác xít trên căn bản tư tưởng văn hóa. Một ngày nào đó, khi Cộng Sản theo kịp đà phát triển kinh tế của Âu Mỹ Nhật, thì lúc đó chính là lúc con *ngựa gỗ đã lọt vào thành Troie.* Liệu thế giới tư bản cơ tâm lấy tiền tài làm cán cân nhân vị, có đủ sức chống trả, cạnh tranh trực diện với Mác xít không? Câu hỏi ngày hôm nay sẽ chờ câu trả lời vào 20 năm tới.

Thế đứng của Đông phương và Việt Nam

Đông phương đã dại dột cuốn

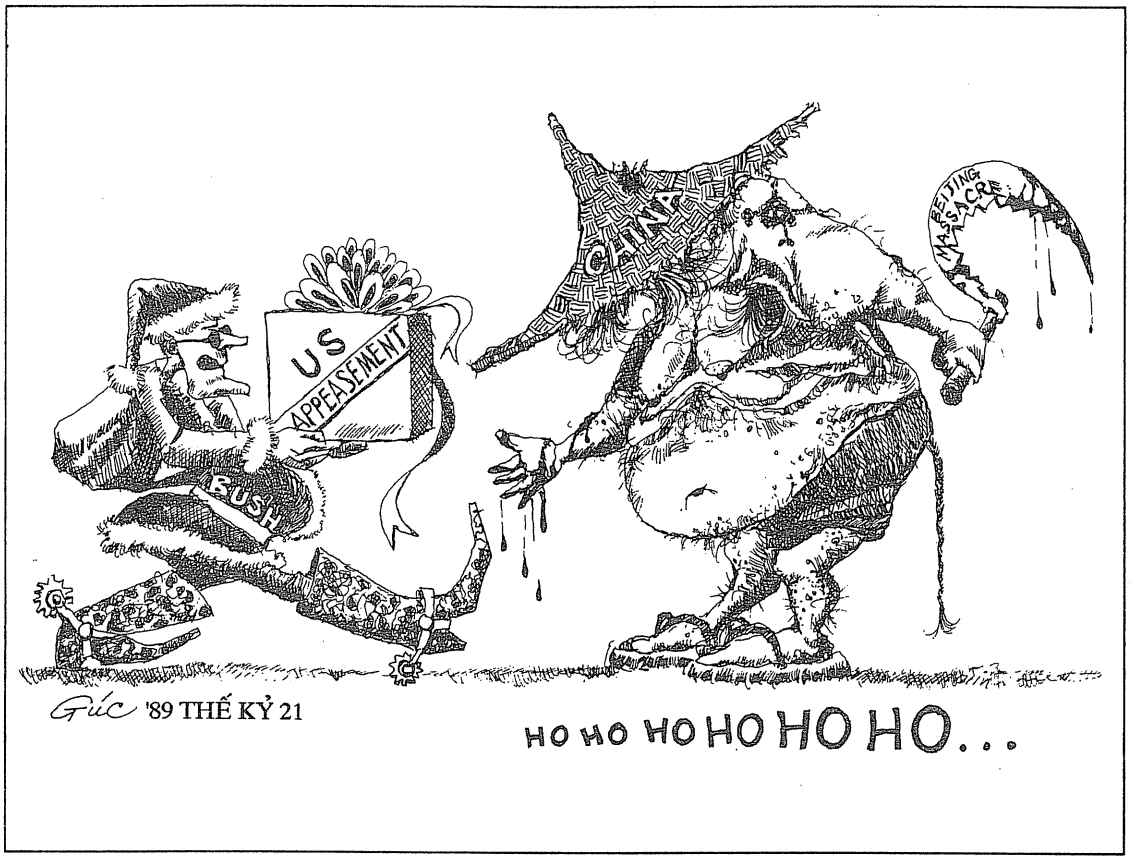

hút vào cuộc tương tranh đổ máu của Tây phương Tư bản và Tây phương Cộng Sản. Ấn Độ khôn ngoan đã đứng riêng với nền văn hóa cao vời vợi của mình, còn Tầu, Việt Nam và cả Nhật Bản... đã đi vào quỹ đạo hoặc đỏ hoặc xanh. Đáng lẽ Tầu và Nhật phải tạo tư thế để phân thiên hạ với Tây phương hoặc ít ra cũng kéo khối da vàng ra khỏi bàn tay sắt Cộng Sản hoặc bàn tay bạch tuộc Tư Bản. Đằng này ông Tầu có 6000 năm văn hóa lại mang ông Mác Do Thái về thờ, ông Nhật kỹ nghệ hóa như Tây Âu để rồi lĩnh bom nguyên tử... rút cục cả tỉ dân da vàng, có văn minh và văn hóa, lại trở thành con chốt cho ngoại bang Âu Tây chơi cờ thế.

Có thể trong chiến lược mới khi Nga Tầu hòa dịu với nhau, Việt Nam và các nước Cộng Sản Á Châu sẽ bị Nga bỏ lại cho Tầu quản lý, nếu vậy Cộng Sản Việt Nam phải thoát ngay, sớm ngày nào hay ngày đó, việc đổi chác Nga Hoa để thừa thế perestroika và glasnost, chuyển mình về khối Đông Á (ASEAN). Tiếc rằng các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam còn quá thủ cựu từ lò Đệ Tam Stalin nên không thể nhìn ra cái lợi của đường lối "Đệ Ngũ" do chính Mạc Tư Khoa cổ võ. Nước lớn như Tầu có thể sợ biến động làm vỡ ra từng mảnh, nhưng nước nhỏ như Việt Nam có hy vọng Mạc Tư Khoa y chuẩn theo các nước Đông Âu. Cơ hội 60 năm một thuở này mà bỏ qua thì quả thật Cộng Sản Việt Nam đã mù mắt! Chậm ngày nào thì con hổ Tầu cộng sẽ thêm nanh vuốt để ép Việt Nam ngày đó, mà lần này Nga Sô sẽ ở rất xa không bận tâm tới ông bạn nhỏ chơi trò "bé hạt tiêu" làm hỏng chiến lược toàn cầu của "Đệ Ngũ Quốc Tế." Một mặt Tàu ép, một mặt Mỹ giận, Việt Nam sẽ lui về đâu để thủ thế, nếu không phải là lui về thế dân tộc, thực sự dân tộc, thành khẩn dân tộc, để toàn dân lớn vụt lên như Phù Đổng Thiên Vương, tiến vào thế kỷ 21?

Ngày 15 tháng Mười Một 1989

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

ĂN CHUỐI

NGUYỄN HỮU CHUNG

Chánh trị như... ăn chuối. Dễ như vậy. Câu nói nầy không phải của một ông X-Tử nào cả, mà là một ý vụng của kẻ viết bài nầy.

Có một tin tức quan trọng hàng đầu nhưng ít ai để ý, đó là hai ngày sau khi biên giới đông-tây mở cửa thì tại những thành phố gần biên giới của Tây Đức, người ta không còn thấy chuối nữa. Dân Đông Đức tràn qua Tây Đức, thấy chuối thì mua hết. Lý do là vì có nhiều người cả đời chưa được ăn chuối, chưa thấy trái chuối, họa chăng là thấy trên truyền hình. Chuyện đó chẳng có gì lạ. Người Đông Đức chưa hề ăn chuối thì cũng giống như đồng bào tôi ở Quảng Ngải chưa bao giờ ăn táo tây (pomme, apple). Trái chuối trồng ở vùng nhiệt đới, Âu châu phải nhập cảng, cũng như trái *pomme* trồng ở vùng ôn đới, Việt Nam muốn ăn phải nhập cảng. Việt Nam chẳng có ngoại tệ để nhập cảng *pomme* thì người dân Quảng Ngải chẳng biết tới nó, không có gì lạ. Ở Đức quốc, điều nghịch lý là chuối được bày bán đầy các tiệm thực phẩm Tây Đức, trong khi ở Đông Đức không hề có một trái.

Người Đông Đức ăn chuối thấy ngon thật. Quả tiếng đồn không sai. Họ muốn mỗi tuần đi qua Tây Đức mua chuối, nhưng ngặt không có tiền, lương bổng họ quá thấp, đồng tiền của họ quá nhẹ so với tiền Tây Đức. Mới đầu, đối với nhiều người, giải pháp dễ nhất là qua Tây Đức ở, làm việc để có nhiều tiền rồi tha hồ ăn chuối. Nhưng vấn đề không đơn giản như vậy, vì không phải ai qua Tây Đức cũng có việc làm thích hợp, có nhà cửa, vì vậy có nhiều người vì muốn ăn chuối mà ngủ đường, sống nhờ tiền trợ cấp xã hội, chẳng có gì danh dự lắm, trong khi bỏ nhà cửa, việc làm đã có sẵn bên Đông Đức. Người dân Đông Đức bèn nghĩ ra rằng họ muốn có chuối bán trong các tiệm thực phẩm gần nhà họ, có nghĩa là họ vẫn ở Đông Đức, nơi nhà họ, trong khu phố của họ, giữa bạn bè của họ, trong khi vẫn có đầy đủ những thứ mà người Tây Đức đang có. Phép lạ! Nhưng cũng chẳng khó gì. Chỉ như ăn chuối. Đó là thống nhất hai nước Đức để có cùng một nền kinh tế, cùng một đồng tiền, cùng một đồng lương, cùng một trái chuối, thứ tốt nhất nhập cảng từ Phi châu.

Nhưng có trở ngại nào trong việc thống nhất hai nước Đức? Giữa người Đức với nhau thì ông thủ tướng Tây Đức Kohl đã đưa ra chương trình mười điểm để đi đến một loại liên bang hai nước Đức, bước đầu cho việc thống nhất. Như vậy, phía Tây Đức, chẳng những không có trở ngại mà còn có cố gắng vận động để thống nhất. Về phía Đông Đức thì chánh phủ cộng sản đang hồi tan rã. Chủ tịch Krenz mới lên có hơn một tháng đã mất chức. Cả một đám cựu lãnh tụ cộng sản đang bị truy tố về tội tham nhủng. Sẽ có bầu cử tự do vào tháng Năm tới và người ta đoán rằng đảng cộng sản được nhiều lắm là 20% phiếu. Một chánh phủ dân chủ được thành lập ở Đông Đức không có lý do gì để cản trở việc thống nhất, làm kéo dài thêm tình trạng bất ổn và chậm tiến ở Đông Đức? Việc thống nhất nước Đức có vẻ như việc lột vỏ chuối. Dĩ nhiên các chánh trị gia Đức quốc cũng phải khôn ngoan, không lột vỏ chuối liệng bừa bãi để rồi chính mình sẽ bị... trượt vỏ chuối.

Về phía các cường quốc, ông Gorbachev đã thấy rõ việc thống nhất Đức quốc khi ông cho phá bức tường Bá Linh vì nó là một diễn tiến hết sức tự nhiên, như nước từ trên chảy xuống, nếu không có gì chận lại. Ông Gorbachev đã đưa ra nguyên tắc tự do lựa chọn của mỗi dân tộc và ông sẽ không

can thiệp vào diễn tiến này, cho dù (theo lời ông) nó có đưa đến sự ly dị đối với chủ nghĩa cộng sản. Thống nhất nước Đức là món quà tặng của Gorbachev cho dân tộc Đức, một món quà vĩ đại mà người Đức sẽ nhớ ơn và sẽ phải đền đáp, bằng hàng tỷ trái chuối, một thứ mà nhiều người dân Nga cũng chưa được nếm. Tuần rồi, sau phiên họp thượng đỉnh với TT Bush, Gorbachev đã trả lời trong một cuộc họp báo về vấn đề thống nhất nước Đức rằng "có nhiều vấn đề nên để cho lịch sử quyết định, đừng nên hấp tấp quá trong những đổi thay..." Tờ báo *Times* nhận định rằng lời tuyên bố này xạo quá, làm nhiều người cười vì chính ông Gorbachev là động lực đưa Đông Đức tới tình trạng ngày hôm nay. Tình trạng nầy đã tới mức mà ông ta không còn cần can thiệp nữa, chỉ một mình dân chúng Đông Đức và "lịch sử" đủ để thanh toán quốc gia cộng sản nầy. Khi Gorbachev gọi lãnh tụ các nước Đông Âu lại họp ở Mạc Tư Khoa tuần rồi để lên án cuộc xâm lăng của khối Varsovie vào Tiệp Khắc vào năm 1968, ông đã nói cho mọi người hiểu rằng 400 ngàn quân Nga đang đóng ở Đông Đức sẽ không rục rịch nếu nước nầy bỏ chế độ cộng sản và thống nhất với Tây Đức. Vấn đề còn lại đối với Nga là dung hòa nhịp nhàng những bước tiến ngoại giao với những bước lùi quân sự hầu đạt được tối đa những lợi nhuận kinh tế. Chắc chắn 99% là Nga sô không ngăn cản việc thống nhất Đức quốc, 1% còn lại có thể xảy ra nếu Gorbachev không còn tại chức.

Phần Hoa Kỳ, sau cuộc họp thượng đỉnh, TT Bush tuyên bố một cách cương quyết rằng sẽ duy trì quân lực Mỹ ở Âu châu (NATO), có nghĩa là 250 ngàn quân Mỹ sẽ tiếp tục đóng ở Tây Đức để duy trì thế lực của Hoa Kỳ ở đây. Ông Bush thành thật, không tuyên bố xạo như Gorbachev, vì đó chính là ước muốn của Hoa Kỳ. Nhưng "lịch sử" có cho phép Hoa Kỳ tiếp tục duy trì chánh sách đã cũ 45 năm, không cần biết tới những thay đổi đã xảy ra ở Âu châu? Thủ tướng Tây Đức Kohl, khi đưa ra chương trình mười điểm để đi đến thống nhất, chẳng hề có tham khảo các quốc gia chiếm đóng là Hoa Kỳ, Pháp và Anh. Chánh quyền Đông và Tây Bá Linh đã gặp nhau hàng tuần để bàn việc chỉnh trang cống rảnh, nối liền hệ thống điện thoại v.v..., chẳng có xin phép ai cả. Các cường quốc chiếm đóng thấy vậy đâm ngứa ngáy, cũng rũ nhau hội họp nhưng chẳng đưa ra kết luận nào. Bởi vì vấn đề căn bản là: "Tôi bại trận, các ông chiến thắng, các ông có quyền chiếm đóng, nhưng không có điều kiện nào bắt người Đức nầy không được nói chuyện, làm ăn với người Đức kia, đó là chưa nói việc các ông chiếm đóng 45 năm cũng đủ lắm rồi."

Phía thế giới tự do, từ lâu đóng quân ở Tây Đức không còn coi như chiếm đóng xứ nầy mà là để ngăn chặn cộng sản. Bây giờ lấy danh nghĩa gì để ngăn chặn việc thống nhất hòa bình Đức quốc? Dưới mắt mọi người, Tây Đức từ lâu là một quốc gia tự do độc lập, trong khi Đông Đức là một trại tù canh gác bởi lính Nga. Bây giờ trại tù đã mở cửa, chế độ cộng sản đang sụp đổ, người dân Đông Đức có cảm giác được giải phóng. Ngược lại, thái độ dùng áp lực để chống đối việc thống nhất Đức quốc của các nước Hoa Kỳ, Anh, Pháp khiến người dân Tây Đức có cảm giác bị áp bức. Đó là một thất thế nặng nề của các cường quốc Tây phương trước cuộc tấn công của Gorbachev. Hoa Kỳ dường như đã lần lần thấy điều đó, thấy rằng người ta đang lột vỏ một trái chuối chín, còn mình đang cạp một trái... dừa khô. Thấy không thể *đè* Tây Đức, Hoa Kỳ nghĩ ra việc *nâng* Đông Đức. Đó là lý do cuộc viếng thăm hội đàm với thủ tướng Đông Đức của ngoại trưởng Mỹ Baker tại Postdam ngày 12/12/89. Nói là để ủng hộ những cải tổ ở Đông Đức và hứa giúp đỡ kinh tế (nói xạo), nhưng thực tế là để giúp củng cố chánh phủ Đông Đức, để nước nầy không sớm tan trong cổ họng của Tây Đức. Sự thật, dân Đông Đức không cần viện trợ Mỹ, Tây Đức đủ sức trợ giúp họ. Cuộc viếng thăm Postdam của ông Baker là sáng kiến đầu tiên của Hoa Kỳ trong những biến chuyển ở Âu châu, nhằm chận bớt tốc lực của "lịch sử," để khi tốc lực giảm bớt thì đưa con thuyền mình vào dòng lịch sử, để đi xuôi theo dòng lịch sử với mọi người. Đó là một bước đi sáng suốt.

Chính trị dễ như ăn chuối, khi người ta làm việc thuận lòng trời, hợp lòng dân. Chánh trị khó khăn rắc rối khi người ta gian dối, bắt chó làm mèo, ăn cắp thay vì phục vụ, đàn áp thay vì nghe dân.

Chánh trị dễ như ăn chuối, khi người ta làm việc thuận lòng trời, hợp lòng dân. Chánh trị khó khăn rắc rối khi người ta gian dối, bắt chó làm mèo, ăn cắp thay vì phục vụ, đàn áp thay vì nghe dân. Vũ khí có sức mạnh của nó. Nó có thể đàn áp con người nhưng không thể thay đổi con người. Bốn mươi lăm năm cộng sản không làm thay đổi tinh thần người dân các nước Đông Âu, đó là tinh thần dân tộc, chống chủ nghĩa ngoại lai, chống sự thống trị của ngoại bang.

Nghe nói nhà nước cộng sản Việt Nam đã giải thích với dân chúng rằng những biến cố ở Đông Âu là những cuộc đảo chánh do đế quốc Mỹ xúi giục chống lại Xã hội chủ nghĩa. Cai trị mà phải nói láo kiểu đó thì không phải đang ăn chuối mà đang ăn một cục đá.

NGUYỄN HỮU CHUNG

1989: "động đất tám chấm" sau bức tường đỏ

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Động đất được đo bằng độ Richter. Năm 1989, trên thế giới có nhiều trận động đất -- từ Nhật, Trung Quốc, tới La Mã, Liên Xô và Hoa Kỳ. Thiệt hại hàng triệu, hoặc hàng tỉ Mỹ kim, tùy độ Richter thấp hay cao, và tùy mức chuẩn bị đối phó nhiều hay ít. Như ở Armenia, động đất "sáu chấm" (tức 6 độ Richter) mà hàng vạn người chết, trong khi ở San Francisco "bẩy chấm" mà chỉ hơn 200 người thương vong.

Dân California vẫn chờ đợi, trong âu lo, một "cú lớn" (The Big One) -- tức một trận động đất cỡ "tám chấm." Không ai tiên đoán được "cú lớn" sẽ xảy ra vào lúc nào, và đâu là trung tâm của cơn địa chấn.

Nhưng ở Đông Âu -- thành trì của chủ nghĩa cộng sản, thế giới đằng sau "bức tường đỏ" -- năm 1989 đã trải qua một trận "động đất tám chấm."

Không căn nhà nào sập trong trận "động đất" này. Chỉ có bức tường (nghĩa đen) ở Berlin bị đổ một mảng, và bức tường (nghĩa bóng) bao quanh thế giới cộng sản vỡ vụn thành cát bụi.

Chủ nghĩa cộng sản đã cáo chung.

Cao điểm của cơn địa chấn làm sụp đổ chủ nghĩa cộng sản ở vào những tháng cuối năm. Nhưng những rung chuyển báo động đã có từ đầu năm. Và những "dư chấn" *(aftershocks)* hẳn là còn kéo dài sang những năm cuối của thế kỷ 20.

Sau đây là một "biên niên biểu" của "động đất tám chấm" 1989 đằng sau bức tường đỏ -- dựa theo tài liệu của nhật báo *L.A. Times*, cập nhật bằng các bản tin AP, UPI.

Tháng Giêng

Hung Gia Lợi

11: Quốc hội hợp pháp hóa quyền tự do hội họp và tự do lập hội.

Tiệp Khắc

15-21: Hàng ngàn người biểu tình đòi nhân quyền, nhân kỷ niệm 20 năm ngày chết của sinh viên Jan Pallach -- tự tử để phản đối quân Liên Xô tràn vào Tiệp Khắc đàn áp phong trào đòi tự do. 800 người bị bắt, trong đó có kịch tác gia Vaclav Havel.

Ba Lan

18: Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản kêu gọi hợp pháp hóa từ từ công đoàn Solidarnosc.

Tháng Hai

Ba Lan

6: Thảo luận "bàn tròn," về tương lai đất nước, giữa chính phủ và công đoàn Solidarnosc.

Hung gia Lợi

11: Đảng Công nhân Xã hội Chủ nghĩa (tức đảng Cộng sản) chấp nhận sự hình thành những đảng chính trị độc lập.

Tiệp Khắc

21: Kịch tác gia Vaclav Havel bị kết án chín tháng tù vì tội sách động những cuộc biểu tình từ 15 đến 21 tháng Giêng. Các nước phương Tây tố cáo vụ án này.

Ba Lan

24 (đến 5 tháng Ba): Công an đụng độ với những đám biểu tình chống Cộng ở thủ đô Warsawa và nhiều thành phố khác. Nhiều người bị bắt.

CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

Tháng Ba

Lỗ ma ni

13: Nhiều viên chức cao cấp về hưu viết thư tố chủ tịch Nicolae Ceausescu vi phạm nhân quyền và quản trị kinh tế tồi. Những người ký thư này đều bị bắt.

Hung gia Lợi

15: 75,000 người diễn hành ở thủ đô Budapest, nghe nhiều diễn giả kêu gọi bầu cử tự do và quân Liên Xô triệt thoái. Nhà cầm quyền không can thiệp.

29: Chủ tịch đảng Cộng sản Karoly Grosz cho hay Mikhail Gorbachev hứa không can thiệp vào những cải tổ ở Đông Âu.

Tháng Tư

Ba Lan

5: Các cuộc thảo luận "bàn tròn" giữa chính phủ và công đoàn Solidarnosc chấm dứt với những thỏa thuận quan trọng về cải tổ chính trị và kinh tế, kể cả bầu cử tự do vào tháng Sáu, và hợp pháp hóa công đoàn Solidarnosc.

18: Chủ tịch Wojciech Jaruzelski và lãnh tụ công đoàn Solidarnosc, Lech Walesa, hội kiến lần đầu kể từ tháng Mười Một, 1981.

Hung Gia Lợi

25: Liên Xô đơn phương giảm thiểu quân trấn đóng ở Đông Âu, bắt đầu rút ở Hung.

Tháng Năm

Tiệp Khắc

1: 1,000 thanh niên biểu tình phản kháng nhân ngày Lễ Lao Động ở thủ đô Praha.

Hung gia Lợi

2: Quân đội bắt đầu cắt bỏ hàng rào kẽm gai dọc biên giới Hung-Áo. Hung là nước cộng sản đầu tiên "mở cửa" thông với phương Tây.

Bảo gia Lợi (Bulgaria)

4: Lãnh tụ Todor Zhivkov vạch kế hoạch giải tán nông trường tập thể. Ông ta thừa nhận đang có nhiều vấn đề trong sản xuất lương thực.

Ba Lan

5-11: 20,000 thợ mỏ đồng đình công tự phát. Công đoàn Solidarnosc ấn hành báo -- tờ báo độc lập phổ biến rộng đầu tiên sau bốn thập niên.

Hung gia Lợi

8: Lãnh tụ đảng Cộng sản, Janos Kadar, 76 tuổi, bị buộc về hưu.

Ba Lan

17: Quốc hội cho phép Giáo hội Công giáo hoạt động hợp pháp. Nước cộng sản đầu tiên làm việc này.

Tiệp Khắc

17: Kịch tác gia Vaclav Havel được ân xá (trước hạn sáu tháng). Nhà tranh đấu nhân quyền Jiri Wolf được phóng thích sau sáu năm trong tù.

Hung gia Lợi

21: Nhiều cán bộ Cộng Sản có tư tưởng đổi mới, trong đó có cả những thành viên Bộ Chính trị như Imre Pozsgay và Reszo Nyers, ra tuyên ngôn kêu gọi nói chuyện với phe đối lập và bàn về đổi mới kinh tế.

Tháng Sáu

Ba Lan

4: Chế độ Cộng sản lãnh thất bại nhục nhã trong cuộc bầu cử toàn quốc tự do đầu tiên sau 40 năm độc chiếm chính trường. Các ứng cử viên do công đoàn Solidarnosc hốt hết phiếu vào Quốc hội.

Hung gia lợi

13: Chính quyền và đối lập bắt đầu thảo luận chính thức về việc chuyển sang chế độ đa đảng.

16: Chính quyền cải táng cho cố Thủ tướng Imre Nagy và bốn cố phụ tá của ông -- những người lãnh đạo cuộc nổi dậy năm 1956. Lễ cải táng có 250,000 người dự.

Lỗ ma ni

19: Có tin lọt sang phương Tây là Lỗ ma ni dựng hàng rào kẽm gai dọc biên giới để ngăn dân vượt biên. Anh và Liên Xô đều lên tiếng phản đối, Lỗ ma ni dẹp hàng rào.

Hung Gia Lợi

24: Đảng cộng sản lập tứ đầu chế, do Rezso Nyers cầm đầu. (Nyers chủ trương cải cách).

Tháng Bảy

Ba Lan

4: Quốc hội có lưỡng viện vừa thành lập họp. Các nhà lập pháp thuộc nhóm Solidarnosc hình thành khối đối lập chính trị đầu tiên trong "bức tường đỏ" từ sau Thế Chiến II.

Liên Xô

5-6: Trong bài diễn văn đọc trước Hội đồng Âu châu, Chủ tịch Gorbachev gạt bỏ việc dùng võ lực đối với các nước "anh em" Đông Âu. Ông ta cũng cho các ký giả biết rằng những cải cách ở Hung và Ba Lan là chuyện riêng của những nước này.

Ba Lan và Hung gia Lợi

9-13: Tổng thống Bush thăm viếng để biểu lộ sự hỗ trợ cho các cuộc đổi mới.

Ba Lan

17: Chính quyền tái lập bang giao với Vatican -- bang giao này bị chính quyền cộng sản cắt đứt năm 1945.

19 (đến 22-8): Lãnh tụ cộng sản Wojciech Jaruzelski được tái đắc cử để cứu vãn vai trò chủ tịch nước. Nhóm Solidarnosc bác bỏ lời lêu gọi của ông ta xin thành lập "đại liên hiệp" với cộng sản.

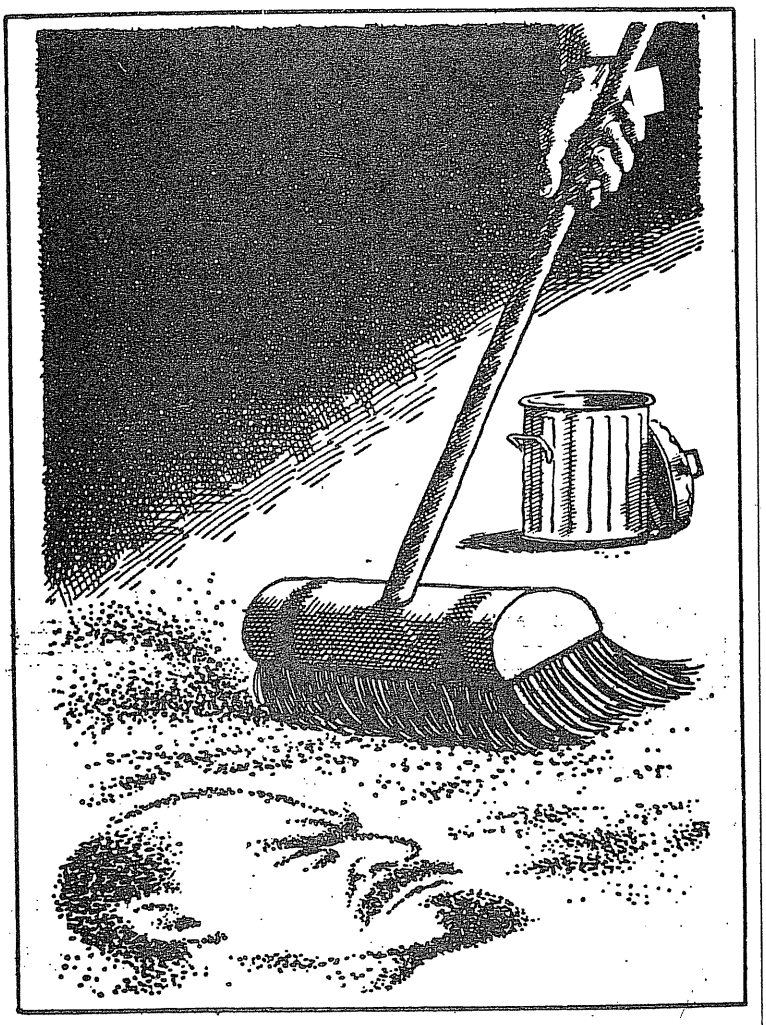

Tháng Tám

Ba Lan

7-17: Thủ lãnh của Solidarnosc, Lech Walesa, đề nghị chính phủ liên hiệp do Solidarnosc lãnh đạo. Các cuộc thương thảo đưa đến thỏa hiệp.

Đông Đức

8: Hàng trăm người Đông Đức trốn trong các cơ sở ngoại giao của Tây Đức ở Đông Bá Linh, Budapest và Praha với hy vọng được tị nạn chính trị tại Tây Đức.

Tiệp Khắc

21: 3,000 người tập họp ở Praha đòi hỏi đổi mới nhân ngày kỷ niệm quân Liên Xô tràn vào Tiệp Khắc đàn áp biểu tình năm 1968; 370 người bị bắt.

Bảo gia Lợi

22: Thổ nhĩ kỳ đóng chặt biên giới với Bảo gia Lợi để chặn làn sóng người Bảo gốc Thổ sang tị nạn. Hơn 300,000 người đã vượt biên.

Ba Lan

24: Nhà hoạt động thuộc Solidarnosc, Tadeus Mazowiecki, 62 tuổi, được mời làm thủ tướng; chính phủ không-cộng-sản đầu tiên ra đời sau bức tường đỏ.

Tháng Chín

Đông Đức

4-5: Hàng ngàn người Đông Đức du lịch sang Hung gia Lợi, hy vọng di cư được tới Tây Đức. Làn sóng dâng cao tạo ra khủng hoảng ngoại giao.

11-14: Hơn 13,000 người Đông Đức rời Hung gia Lợi tới Tây Đức, qua ngả Áo. Đông Đức phản đối Hung để cho họ đi.

Ba Lan

12: Quốc hội chuẩn nhận Nội các liên hiệp 23 người, trong đó chỉ có bốn người cộng sản.

Đông Đức

18, 25 (và 2-10): Biểu tình lớn cổ võ dân chủ ở Leipzig (đọc là Lai-xích).

Hung gia Lợi

19: Cộng sản và đối lập đạt thỏa ước hình thành hệ thống chính trị đa đảng vào năm 1990.

Tháng Mười

Đông Đức

(Từ 30-9) - 4: Hơn 17,000 người tị nạn Đông Đức di cư sang Tây Đức bằng xe lửa, qua ngả Tiệp Khắc và Ba lan, sau khi nhà cầm quyền Đông - Tây Đức thảo luận.

3-4: Chính phủ đóng cửa biên giới với Tiệp Khắc để chặn dân di tản. Nhiều cuộc "xuống đường" diễn ra ở Dresden. Hàng trăm người bị bắt.

6-7: Kỷ niệm 40 năm chính quyền Cộng sản, trong lúc làn sóng chống đối dâng cao, và làn sóng bỏ nước ra đi cũng không giảm. Chủ tịch Mikhail Gorbachev thăm, kêu gọi đổi mới.

Hung gia Lợi

7: Đảng Công nhân Xã hội Chủ nghĩa (tức đảng Cộng sản) chối bỏ chủ nghĩa Mác, và chủ trương chủ nghĩa xã hội dân chủ. Rezso Nyers, người thuộc phe đổi mới, tiếp thu vai trò lãnh đạo đất nước từ tay Karoly Grosz.

Ba Lan

12: Chính quyền do Solidarnosc lãnh đạo công bố chương trình chống lạm phát và tạo thị trường tự do để làm dịu cơn khủng hoảng kinh tế.

Đông Đức

16: 100,000 người ở Leipzig đòi hỏi dân chủ; cuộc biểu tình không-được-phép lớn nhất kể từ năm 1953.

18: Erich Honecker bị hạ bệ khỏi chức vụ Chủ tịch nước sau 18 năm ngự trị. Thành viên bộ Chính trị Cộng sản Egon Krenz, 52 tuổi, thay thế.

Hung gia Lợi

23: Công bố nền cộng hòa và tổ chức kỷ niệm cuộc nổi dậy 1956; 80,000 người dự lễ.

Tiệp Khắc

28: 10,000 biểu tình chống đối bị chính quyền giải tán.

Tháng Mười Một

Đông Đức

1-5: Chính phủ bãi bỏ lệnh giới hạn du lịch nước ngoài. Hàng ngàn người đổ sang Tiệp Khắc.

4: 1 triệu người biểu tình đòi đổi mới.

7-8: Thủ tướng, Nội các, Bộ Chính trị cùng rút lui sau những đợt chống đối.

9-11: Mở bức tường Bá Linh và nhiều cửa ngõ biên giới khác. Hàng trăm ngàn người đổ sang Tây Bá Linh.

Bảo gia Lợi

10: Chủ tịch Todor Zhivkov rút lui sau 35 năm cầm quyền; Petar Mladenov lên thay.

Đông Đức

16-17: Tân Thủ tướng Hans Modrow thành lập Nội Các với gần phân nửa là người không-cộng-sản, và công bố đổi mới.

Tiệp Khắc

17: Công an giải tán thô bạo cuộc biểu tình của sinh viên ở Praha.

Bảo gia Lợi

18: 50,000 người tập họp mừng tân chính phủ. Đây là cuộc biểu tình lớn nhất của Bảo từ 40 năm nay.

Tiệp Khắc

19: Nhóm Diễn đàn Dân vụ (Civic Forum) được thành lập. 20,000 người diễn hành ở Praha.

20-23: Khoảng 250,000 người diễn hành ở Praha, đòi hỏi bầu cử tự do và truất phế các lãnh tụ cộng sản.

24: Lãnh tụ đảng Cộng sản, Milos Jakes, rút lui. Karel Urbanek thay. Bộ Chính trị và Ban Bí thư rút lui. Lãnh tụ "Mùa Xuân Praha," Alexander Dubcek, được hoan hô trong cuộc biểu tình của 300,000 người.

25-27: 500,000 người biểu tình ở Praha. Cuộc tổng đình công hai giờ chống chính quyền cộng sản làm tê liệt cả nước.

Lỗ Ma ni

24: Đảng Cộng sản chấm dứt đại hội, bầu lại Nicolae Ceausescu vào chức Chủ tịch và bác bỏ đổi mới.

Hung gia Lợi

26: Nhân dân bỏ phiếu hoãn bầu chủ tịch tới mùa xuân 1990. Đây là cuộc bỏ phiếu tự do đầu tiên từ 1945.

Tiệp Khắc

29-30: Quốc hội chấm dứt vai trò lãnh đạo của đảng Cộng sản.

Tháng Mười Hai

Đông Đức

1: Quốc hội chấm dứt độc quyền quản trị đất nước của đảng Cộng sản.

Liên Xô

1: Chủ tịch Gorbachev nói cuộc xâm lăng Tiệp Khắc của Liên Xô năm 1968 là sai lầm.

Mỹ và Liên Xô

2-3: Thượng đỉnh Bush-Gorbachev ở Malta.

Đông Đức

3: Egon Krenz rút lui chức vụ chủ tịch đảng Cộng Sản. Bộ Chính trị và Ủy ban Trung ương Đảng rút lui. Nhóm cải cách được chỉ định quyền nhiếp vai trò lãnh đạo. Đảng khai trừ cựu lãnh tụ Erich Honecker.

Tiệp Khắc

3-4: Các lãnh tụ cộng sản đề cử 16 đảng viên Cộng sản và năm người không-cộng-sản vào Nội các mới. 150,000 người biểu tình chống chính phủ mới.

Đông Đức

6: Egon Krenz rút lui chức vụ chủ tịch nước. Manfred Gerlach, 61 tuổi, được cử làm quyền-quốc-trưởng; người không-cộng-sản đầu tiên lãnh đạo.

7: Đảng Cộng sản gặp gỡ các nhóm đối lập lần đầu tiên. Thuận viết lại hiến pháp, tổ chức bầu cử vào ngày 6 tháng Năm, 1990.

Tiệp Khắc

7: Thủ tướng Ladislav Adamec rút lui. Thảo luận về việc lập chính phủ mới.

Đông Đức

8: Cựu lãnh tụ Erich Honecker và năm cựu thành viên Bộ Chính trị bị bắt vì các tội tham nhũng và lạm quyền.

10: Luật sư Gregor Gysi, phe ủng hộ dân chủ, 41 tuổi, được bầu làm chủ tịch đảng Cộng sản. Đảng quyết định theo đường lối "Xã hội dân chủ."

Tiệp Khắc

10: Chủ tịch Gustav Husak rút lui sau khi nhận tuyên thệ của chính phủ không-cộng-sản đầu tiên từ 41 năm nay.

Bảo gia Lợi

10-11: 50,000 người biểu tình đòi chấm dứt độc quyền lãnh đạo của Cộng sản. Chế độ hứa bầu cử tự do vào tháng Sáu, 1990.

18-12-1989

(thêm chi tiết về Lỗ ma ni ngày 26-12-89)

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Bảng tổng kết cuối năm sau "động đất" Đông Âu:

Nước	Phe cộng sản	Phe không cộng sản
1 Anbani	vẫn cầm quyền	Chưa nổi dậy
2 Ba Lan	Liên hiệp với phe chống đối; trở thành thiểu số ở quốc hội	- Tadeus Mazowiecki làm Thủ tướng. - giáo hội Công giáo tái hoạt động.
3 Bảo gia Lợi	- Todor Zhivkov rút lui.	- Petar Mladenov làm chủ tịch. - Bầu cử tự do tháng Sáu, 1990.
4 Đông Đức	- Erich Honecker và thành viên Bộ Chính trị bị bắt giam vì tham nhũng và lạm quyền. - Egon Krenz rút lui - Quốc hội chấm dứt độc quyền lãnh đạo của đảng CS - Đổi tên đảng	- Manfred Gerlach, quyền quốc trưởng. - đường lối mới: "xã hội dân chủ." - Sửa hiến pháp - Bầu cử ngày 6 tháng Năm, 1990.
5 Hung	- Đảng chối bỏ chủ nghĩa Mác - Karoly Grosz rút lui	- Công bố chế độ cộng hòa. - Rezso Nyers lãnh đạo quốc gia. - bầu chủ tịch vào năm 1990.
6 Liên Xô	- Nhận việc xâm lăng Tiệp Khắc năm 1968 là sai lầm - Không can thiệp vào việc đổi mới ở các nước "anh em." - Phong trào đòi độc lập của các tiểu quốc nhen nhúm.	- Đã có đề nghị sửa hiến pháp để chấm dứt độc quyền quản trị đất nước của đảng Cộng sản. - Nhiều biện pháp kinh tế kiểu tư bản.
7 Lỗ mã ni	- Nicolae Ceaucescu tái đắc cử. - Chối bỏ đổi mới - Biểu tình bị bắn chết hàng ngàn. - Ceaucescu bị nhân dân chống đối, quân đội quay súng, phải bỏ trốn. Ngày 25-12, ông ta và vợ bị bắt và xử tử.	- "Ủy ban Cứu nguy Dân tộc" ra đời tạm thời quản trị đất nước. - Ion Iliescu (một trong sáu người viết thư phản đối chính sách của Ceausescu), làm quốc trưởng. Petre Roman, tân thủ tướng.
8 Nam Tư (Yugoslavia)	Theo chủ nghĩa xã hội nhưng không nằm trong khối sô viết.	
9 Tiệp Khắc	- Chủ tịch đảng Gustav Husak rút lui - Thủ tướng Ladislav Adamec rút lui.	- Chính phủ liên hiệp, phe không cộng sản chiếm đa số. - Kịch tác gia Vaclav Havel (có thể) được bầu làm chủ tịch nước.
Các nước cộng sản khác:		
10 Bắc Hàn	- Cha truyền con nối làm lãnh tụ cộng sản và lãnh đạo đất nước	
11 Cuba	- Fidel Castro tuyên bố "bảo vệ chủ nghĩa cộng sản đến giọt máu cuối cùng."	
12 Trung Quốc	- Thiên An Môn!	
13 Việt Nam	- Đả đảo "đảo chánh phản cách mạng ở Ba Lan!"	

ĐÀO VÀ CHÓ

XUÂN VŨ

Lão Đằng đặt gánh xuống vệ đường nghỉ. Trời còn sớm, lão đi cũng chưa xa, nhưng đã thấy mệt. Đầu trước những ba cành đào, đầu sau là con Vện. Con Vện không như cành đào. Nó kêu ăng ẳng và vùng vẫy nên chiếc đòn tre cứ lắc lư thành ra gánh đã nặng lại càng thêm nặng. Đáng lẽ lão còn sức gánh đi đến đầu đường tàu điện ở đỉnh dốc kia, lão lại phải hạ gánh xuống để mà thở ở chân dốc. Lão vừa quệt mồ hôi vừa dỗ con vật:

"Chốc tới chợ tao kiếm cho miếng bánh đúc!"

Không biết con Vện nghe sắp được ăn bánh hay được nằm xuống đất một cách thăng bằng mà im? Từ nảy giờ nó bị lọt chân xuống lỗ rọ nó rút lên, bước đi lại lọt chân còn nhìn xuống thì nó thấy nó hổng xa mặt đất lướt như bay, ruột gan nó thót lên, nên nó muốn chui ra khỏi rọ.

Gió từ mặt Hồ Tây vượt dốc và cuộn nhẹ trên ngọn cây xanh um. Người đi ngoài đường đông hơn ngày thường. Tàu điện phải móc thêm toa mới chở hết. Chợ Đồng Xuân hôm nay chật như nêm, tha hồ bán đào và mua sắm các thứ.

Vừa nghĩ, lão Đằng vừa nâng gánh lên vai. Lần này lão quay chiếc rọ ra trước để lão trấn áp con Vện khi nó vùng vẫy, nếu để nó ở đầu sau, tiếng la của lão không có tác dụng bằng.

Lão chen chúc trên lề đường, ráng đưa cái gánh hàng Tết đến bến tàu. Ôi giời ơi! Lão thấy lão vụng tính quá. Hay là lão không có kinh nghiệm đi chợ Tết. Người đi chợ xếp hàng đứng chờ theo dọc bến tàu cùng với hàng hóa của họ họp thành một cái chợ tua tủa quang gánh, cứ mỗi phút lại cứ thòi thêm ra. Con tàu nhiều toa dài nhẵn nhẵn như con rít đỏ sẵn uốn mình ôm khúc quanh rồi dừng lại với cái cần điện ngấc lên tóe lửa xoèn xoẹc như một cái ngạnh vươn lên trên lưng con vật.

Bất kể trật tự tôn ti, mạnh ai nấy thừa thắng xông lên với khí thế ngất trời làm cho những người trên tàu bị ém cứng như cái mồm muốn ói bị bịt kín. Mặc, người ở dưới cứ việc nhào lên với quang gánh, thúng rổ tay nãi làm tắt nghẻn cả cửa tàu mà không ai chịu mình là người gây nên cớ sự đó cả. Toa dành cho hàng hóa thì khách thường cứ leo lên, toa dành cho khách thường thì hàng hóa cứ việc tong vào. Quang gánh treo tua tủa cả hai bên hông tàu chỉ trong chốc lát làm cho nó hóa ra một con quái vật.

Lão Đằng nhìn cảnh tượng đó mà lắc đầu, rồi lão tự an ủi: người ta đến trước để người ta đi trước! Thực ra, lão không thể chen nổi. Người xé vé tàu tay ôm hộp vé nhảy xuống đất, nắm dây cần điện quay ngược lại. Con tàu lấy đít làm đầu rùng mình chuyển động những toa đỏ sẵn rồi ì ạch bò đi, bỏ lại sau nó những con mắt hi vọng hoặc tức tối.

Lão Đằng đứng ngó theo, nó càng đi xa, lão càng thấy chuyến đi của lão tới gần.

Lão quen những toa tàu như những cái xe ba gác chở phân hợp tác ra đồng hằng ngày. Thỉnh thoảng lão lại thấy cái toa mang một vết dài suốt một bên hông tàu. Mảnh thiếc cộm lên như một nếp áo không bao giờ được là phẳng. Một quảng ở gần cửa xe vỡ ra tang hoác, qua đó người ta có thể nhìn thấy những ống chân và những đôi dép. Riêng cửa kính thì vỡ hết cả chỉ còn có một khoảng trước mặt anh tài xế, nhưng nó cũng đã nứt, phải hàn lại bằng đồng xu, ngó như một mặt trời tí hon với những tia tua tủa

chung quanh nhưng không có ánh sáng.

Những khung kính vỡ được thay thế bằng những cánh cửa lá sách có thể kéo qua kéo lại nhưng dần dần những lá sách cũng rụng như những hàm răng già hấp. Lão lấy tàu điện làm chân từ lâu, không nhớ bao lâu, trên một chuyến tàu trưa, một người công an đã bắt một anh thanh niên bán báo Nhân Văn. Hồi đó lão mới được đứa con đầu lòng. Bây giờ lão ta đã có một bầy cháu.

Không, biết anh công an và người thanh niên kia ngày nay ở đâu? Một chão chuối chiên đang sôi đặt ngay bên cạnh cột đèn lôi cuốn người đến sưởi nhờ cái khói bốc lên từ chiếc cà ràng đất nung.

Người đàn bà mặc áo bông đen thủng lòi bông ở cùi chỏ, chít khăn mỏ quạ đang vớt những miếng chuối mõng tẩm bột chiên đã ngã màu vàng sậm xếp lên chiếc vĩ sắt gác ngang miệng chảo. Một người đàn ông mặc pa đờ suy lính tẩy vàng da bò, đội mũ công nhân xanh ngồi sà xuống nhặt một que củi rơi đốt mồi điếu thuốc lá. Lão nhận ra là người quen ở Nghi Tàm nhờ hai cái chậu pha lê để bên cạnh.

"Ơ kìa ông Phùng, đi gả Điêu Thuyền hả?"

"À, cụ Đằng!" người đàn ông quay lại và đứng dậy. "Đi chợ Đồng Xuân hở?"

"Đi bán mấy cành đào và con Vện để ăn Tết chứ" Lão Đằng lại hỏi. "Mô tô đạp đâu mà đáp tàu vũ trụ thế này?"

"Còn đang nằm ụ!"

"Có nghiêm trọng không?"

"Hôm qua đã lộn xích xong, sáng nay lại xẹp bánh."

"Rồi làm sao di chuyển hai chậu cá to như thế tới đây?"

"Mô-tô chân!"

"Kiểu đó thì Điêu Thuyền và Uất Trì ngất ngư hết cả!"

Ông Phùng bặp bặp điếu thuốc hấp háy đôi mắt rụt đầu xuống cổ áo dày xù đã dựng lên ôm lấy chiếc cổ gầy và cười nhe hàm răng mất mấy cái như chiếc cửa tàu điệ n:

"Thì đời có lúc thịnh lúc suy chứ sao ông bạn!"

Ông Phùng là thi sĩ nổi danh Hà Nội. Thời Nhân Văn Giai Phẩm ông làm nhiều thơ đăng các báo Nhân Văn và Giai Phẩm. Ông bị đấu, bị cho nghỉ việc. Thời đó ông chưa vợ con, đến hợp tác xả nấu cơm mướn nào cũng bị từ chối. Sau đó ít lâu ông về Nghi Tàm lấy vợ. Bà vợ làm nghề lai tạo và bán cá vàng. Nhiều lần đến xem hoặc mua cá về nuôi ở hợp tác xả Cá Vàng của ông, nhưng lão không biết gốc ông Phùng. Sau đó hàng xóm rỉ tai. Lão ớn quá thụt luôn, không tới nữa. Mãi vài chục năm sau, hàng xóm lại cho ông biết rằng ông Phùng đã được phục hồi danh dự và được cho làm chức cán bộ trong Bộ Văn Hóa. Và vẫn còn hành nghề bán cá vàng.

Lão Đằng lại tới mua cá. Một lần ông Phùng cho lão xem bể cá giống đặc biệt có rất nhiều loại cá ít thấy bán ở chợ Đồng Xuân. Ông Phùng trỏ cho lão xem con cá nửa vàng nửa bạc đang uốn éo, ông cười hóm hỉnh xem có giống Điêu Thuyền múa không? Và cái con đen lừ lừ từ đầu đến chót đuôi kia có khác gì Uất Trì Cung?

Ông Phùng hít thuốc và hỏi bạn:

"Đằng ấy có định kiếm một cặp Điêu Thuyền về làm cảnh ba ngày Tết hay không?"

"Muốn thì cũng muốn nhưng chờ bán được mấy món này đã."

Ông Phùng rút điếu thuốc ra và nói:

"Tôi các cho ông một cành đào được không?"

"À ừ, được đấy. Tôi còn ở nhà vài cành chưa đốn!"

"Con Vện còn non thế bán được là mấy?"

"Không nuôi nỗi nữa ông ạ. Mình còn chả nuôi được lấy mình lại nuôi chó! Để nó chạy long tong có ngày thằng công an nó thịt mất lại toi công."

"Sao cụ không nghĩ là chính nó nuôi cụ?"

"Tôi cần tiền bây giờ."

"Thằng con trai có về thăm không?"

"Từ ngày chánh quyền xiết chiếc xe đạp của nó mượn để trừ thuế của tôi, nó vùi đầu làm kiếm tiền đền chiếc xe có thì giờ đâu về thăm bố nó. Còn ông, thằng Cu có về không?"

"Rút quân ra Campuchia hết rồi vẫn chưa thấy nó về mà cũng không có thư."

"Là cái nghĩa gì?"

"Ai biết cái nghĩa gì" Ông Phùng lại tra điếu thuốc vào mồm rít. "Chiều nay tôi đem cá lại cho ông để xin cành đào nhé."

"Vâng!"

"Điêu Thuyền hay Uất Trì nào?"

"Cả hai."

Lão Đằng đứng bên mép đường ở cuối chợ Đồng Xuân. Nhìn trái thì thấy gian cầu *Đu-me* ngó phải thì thấy chữ *Đồ* trên mặt tiền chợ. Còn khúc kia của chữ "Đồng" và chữ "Xuân" thì không thấy. Hoặc là nó đã rớt đi hoặc là mòn mất. Mặc dù không có chữ Xuân trên đó, nhưng ở dưới này hoa đào vẫn ngập lối đi. Mặt đường đầy những cội đào biết đi. Những cành hoa đua nở bị ràng bóp lại không cho xòe ra giống như những kim cô niềng đầu nhà văn. Những người cầm hoa đi đi lại lại, tay chìa hoa sang Đông, sang Tây để nhử khách. Những khách hám hoa phần đông đều sang trọng còn người bán hoa thì bộ ngực lép và có cái bao tử réo sôi nước lã. Vậy mà nụ cười của họ vẫn tươi tắn hồn nhiên không gượng và khô như mồm lũ đĩ đực quốc tế có các tên rất kỳ quặc "Bộ Chính Trị." Bọn này đã bán cả dân tộc cho khắp địa cầu nhưng vẫn không tìm ra được một mụ Tú Bà để nương thân.

Lão Đằng ngây thơ nên cứ đứng chôn chân một chỗ và chỉ chờ khách chứ không chịu đi tới đi lui đi ngang đi dọc băng sang bên này rẻ sang bên kia và nhất là lão không biết biến nước bọt thanh nước hoa xịt

vào mặt khách như những con buôn chuyên nghiệp.

Một anh thanh niên đội nón bộ đội, mặc áo bộ đội, quần gin cũ rách ở hai đầu gối -- ý chừng là bộ đội đi Cam Bốt làm xong nghĩa vụ quốc tế mới về, bằng chứng là anh ta có một chân cụt, ống quần lòng thòng -- tay chống nạng, tay ôm cành đào cà nhắc đi chen trong đám đông miệng vừa giải thích về sự độc đáo của cành đào mình vừa kêu gọi các ông các bà dư ăn dư để rũ lòng thương hại một kẻ tật nguyền.

Một người đàn bà dừng lại xem rồi bỏ đi như không nghe lời van vỉ kia, nhưng một ông dẫn Vespa lẫn trong rừng người trờ tới và móc túi lấy tiền mua cành đào của anh thương binh một cách hào hiệp dường như không muốn nghe thêm một tiếng than, cái thứ tiếng làm khét cả chế độ vốn nhiêu khê từ lâu.

Lão Đằng mới nghĩ rằng lão cần phải đi lưu động và phải mời mọc. Nhưng lão không biết mời mọc như thế nào, vì lão không có miệng lưỡi của Nguyễn Cơ Thạch và Đỗ Mười, vả lại tay chân lão còn đủ cả thì lấy cớ gì để than van. Còn như kêu đói, ồ, cái đó hả? Dân Hà Nội này anh dũng có dư để cười vui uống nước lã và hô ba ngàn sáu trăm chín mươi chín khẩu hiệu lô-can lẫn ngoại nhập từ năm 1945 tới nay rồi mà có thấy ai than đói đâu, cớ gì mình lại kêu đói?

Lão bèn nghĩ ra một lối rao hàng rất độc đáo, độc đáo không thua gì sự nhân cách hóa của ông Phùng đối với đám Cá vàng. Lão giơ cành đào lên và cất giọng:

"Nước Việt Nam tôi có bốn ngàn bốn trăm bốn mươi năm chẵn văn hiến, có chùa Tây Phương trăm tay, có Hồ Gươm lịch sử, đã từng oánh cho hai đế quốc sừng sỗ nhất thế giái cuốn ró chạy rài, cho nên mới sản xuất ra được loại đào tươi thắm nhất Đông Nam Á như thế này, mời quí ông bà và các đồng chí thỉnh nó về để trên bàn thờ Tổ Hùng Vương ăn Tết..."

Một ông tóc vàng to lớn béo như cái bồ lúa gầy hợp tác xã dừng lại nhìn cành đào trên tay lão một cách rất thích thú. Ông ta trõ trõ mấy cái mục dày đặc trên những cành tỏ vẻ sành chơi hoa và hiểu rằng đây là những bông hoa tương lai. Ông ta hất hàm như hỏi: bao nhiêu tiền? Lão Đằng mừng quýnh định xòe tay ra dấu thì đằng sau lưng có tiếng kêu:

"Tô-va-rích, tô-va-rích Ác-tốp-ki!"

Cái bồ lúa gầy kia đang thò tay vào túi áo trên lấy tiền mua nhưng chợt nhận ra người quen vừa gọi -- quay lại và đi luôn.

Đó là một bài học đường đời. Lão Đằng nghĩ phải làm sao cho người ta thấy rằng ba cành đào của lão là đào đẹp nhất Hà Nội, nhất Việt Nam, nhất Đông Nam Á và nhất thế giới kể cả những vùng đất không có cây gì mọc được như Sahara, nhưng lão còn chút tự trọng của một con người, lão còn nhận ra rằng lừa gạt, bôi trét làm cho người ta hiểu cứt ra vàng đồ độn vũng ra trầm hương thì đã có báo Nhân Dân làm cật lực hằng ngày rồi, nếu mình đi theo lối đó thì sẽ bị xách đầu bỏ vô ban chấp hành Trung Ương như ông tổng biên tập báo này thì chết sao!

Mưa bắt đầu rơi, một thứ mưa không ai cần, ngoài sự thật. Dưới làn mưa mọi sự thật đều bị mờ nhạt một cách nghệ thuật như một nét phớt trên tranh lụa.

Con Vện nằm im trong chiếc rọ. Có lẽ nó nhớ lời hứa của chủ nó khi nó vùng vẫy. Nó đang chờ. Nó đói -- và lạnh nữa. Nó đứng lên. Cái rọ như lưới bũa ở trên đầu, trước mõm và hai bên hông nó. Chân nó bây giờ đạp trên những cọng sắt của rọ lẫn xi-măng của vỉa hè không lọt ra được. Chỉ có cái đuôi của nó là ló ra ngoài vun vẩy tí ti.

Nó rên khe khẽ. Nhưng bỗng nó im ngay. Nó nhìn qua kẽ chân người bước thấy ở bên kia đường những đồng của nó cũng nằm trong rọ sắt như nó, anh thì vận com lê kaki vàng, chị thì mặc bà ba đen mượt, kẻ khác mặc đờ-mi-xe-dông khúc trắng khúc đen. Nó muốn sủa lên một tiếng chào thông cảm, nhưng vì tiếng mua bán ồn ào, có kêu cũng không thấu. Cái xã hội thiệt là kỳ. Trên đầu là hoa nở rợp, không khí bắt ngát hương hoa mà dưới chân toàn là những rọ sắt, cái méo, cái tròn, cái vuông cạnh. Có điều Con Vện không hiểu đó là những loại rọ chính Bác Hồ đã dùng để dìm những người không theo đường lối của Bác hồi bốn-mươi-lăm ở bến đò Chèm gần nhà chủ nó. Nó cũng không biết rằng ngày nay đã có những cái rọ nhốt cả vạn người và cái rọ lớn nhất nhốt đến sáu chục triệu người.

Lão Đằng đứng đã mỏi chân. Mưa thấm lạnh. Nhiều cái áo tơi bằng lá chầm lùi xùi đã thấy xuất hiện lác đác trong rừng đào di động, lẫn trong những tấm choàng ni lông đủ các màu. Lão thu người lại và tự nhiên lão suy nghĩ: "Không ai đi mua đào và mua chó cùng một lúc. Hoặc chó hoặc đào, hoặc không chó cũng không đào, chỉ thả mình vào đây để xem hoa, đầm mình trong hương hoa thôi. Một bên là tục một đằng là tiên muôn đời không hòa hợp được. Con chó có bao giờ biết ngắm hoa đào!

Nhờ một người quen giữ dùm ba cành đào, lão Đằng quảy con Vện đi lại hàng thịt chó để bán. Đó là hành động táo bạo nhất trong đời lão tính đến năm nay. Ngoài ra thì lão chỉ nghe theo lời ở trên không dám làm gì sai một ly. Một dãy những chiếc sạp ọp ẹp lót lá chuối, trên đầu là những tấm tranh te tua dưới thì lấy nước mưa làm nền. Có những sáu bảy tên đồ tể nhà nghề. Một anh mặc áo pa-li-tô cũ không có sơ mi, để lộ cái ngực bóng nhẩy, một anh chột mắt che mặt bằng một chiếc

khăn đỏ buộc chéo qua trán.

Lão Đằng nghĩ bụng: Cái anh này ngó giống Cu-tu-dốp,hay hay nhỉ! Rồi lão dừng lại, bắt mối. Anh chột nhưng lại sáng mắt. Hắn ta xua tay:

"Vện hả? Tôi không xài thứ ấy!"

"Sao vậy? Nó cũng là chó!"

"Nhưng là chó Vện."

"Vện không là chó à?"

"Vện thua Vàng kém Mực. Tôi chỉ bán thịt chó Mực và chó Vàng. Ông nhìn kìa. Bảng tôi treo: Chuyên gia Mực và Vàng."

"Đồ láo!" Lão Đằng nghĩ bụng. Nó nói thế để câu khách hàng. Ai đến nhà nó mà xem lông chó được?" -- Lão cười: "Chó Vện là chó ngon nhất trần đời."

Anh chàng chợt quát:

"Cụ phá công thức hả?"

"Tôi làm cái nghề này hồi tôi còn ít tuổi hơn anh kia! Tôi bị chó cắn vài chục lần rồi!" Lão Đằng đẩy luôn: "Tôi giết dễ thường đến cả nghìn con."

"Thế cơ à?"

"Anh là hậu tiến, đâu có kinh nghiệm bằng tôi."

"Vậy cụ để cho tôi thử một lần xem."

"Ừ thì để."

"Bao nhiêu?"

"Anh tính bao nhiêu?"

"Cháu chưa có đủ tiền mặt. Vậy cụ để chó đây, đi đâu về một chốc rồi trở lại. Cháu đưa tiền cho cụ. Cháu ngồi đây tới chiều mà!" Rồi anh giải thích để lấy lòng tin của lão già. "Ba ngày Tết này khách dữ lắm cụ ạ. Mậu dịch không có thịt heo đủ cung nên chó đắt. Ở nhà cháu đang cho cạo hai ba con, hết con này cháu có con khác ra ngay."

Lão Đằng vốn dễ tin người. Lão cười:

"Vậy anh bỏ bạc cọc cho tôi một ít *đô la* đi!"

"Vâng!" Anh hàng chộp lấy tờ bạc đưa ngay. "Đô la lô-can lúc này xuống giá lắm!"

Lão Đằng cầm lấy nhìn và cười:

"Thấm mỡ nheo nhoéc thế này!" Rồi bỏ túi, lão dặn: "Hai tiếng đồng hồ tôi trở lại..."

"... Cháu sẽ giao đủ số."

Lão Đằng chen lấn đi xuống Hàng Đào. Tưởng xa, ai dè gần. Lão đến tận đầu Hàng Đào. Lâu quá lão mới tới bờ Hồ. Tầm mắt lão tự nhiên trống đi một khoảng. Bức ảnh cụ Hồ to tướng sừng sững dựng ở đây đâu rồi? Chắc bão giật sập!

Mặt hồ mù mịt. Tháp Rùa lẫn mất trong làn mưa phùn. Vẫn những người gò lưng đạp xe vượt dốc lên Hàng Đào để đi chợ Đồng Xuân vào dịp Tết và vẫn những đoàn tàu điện khua chuông leng keng lướt trên đường rầy phát ra những tiếng khô ghê rợn. Không hiểu sao lão Đằng lại có cảm giác những đường tàu kia là những mạch máu bị nghiến dẹp, máu tóe ra ở từng chặng.

Bất giác lão quay trở lại. Lão sực nhớ rằng nhà lão chưa có chưng dọn gì hết ngoài một cành đào còi nhất mà lão đốn đem vào cắm trên bàn thờ làm bằng cái ghế xẹo từ hôm chiếc bàn thờ độc nhất trong nhà bị chánh quyền xiết ngay vì lão thiếu thuế.

Lão tạt vào một hiệu tạp hóa. Lão hỏi người chủ tiệm gầy đét như một thỏi khô cá hố đang đứng ở cửa mời khách.

"Chào cụ, cụ mua chi?"

"Tôi muốn mua mấy cái khẩu hiệu về trang trí trong nhà."

"À, có nhiều!"

Lão Đằng phấn khởi bước vô.

"Cụ muốn khẩu hiệu gì?"

"*Hồ chủ tịch muôn năm* và *Đảng Lao Động Việt Nam muôn năm!*"

"Ấy chết! Sao cụ lại mua các cái khẩu hiệu đó.

"Sao à?" Lão Đằng không hiểu, đứng trố mắt ra. "Ở đây không có bán à?"

"Có bán nhưng chẳng ai mua."

"Thế à?"

"Cụ muốn bao nhiêu?"

"Hai cái thôi. Tôi sẽ treo mỗi bên bàn thờ một tấm cho cân đối."

"Cụ vào đây!"

Anh chủ tiệm dắt lão già vào tận sau bếp trỏ vào một cái bao há mồm tang hoác dựng trong xó:

"Cụ muốn hốt bao nhiêu thì hốt."

Mồm lão già há hốc ra như miệng bao. Hồi lâu lão mới tỉnh người lại.

Người chủ tiệm nói:

"Hồi tôi còn trẻ thì thứ hàng này bán chạy lắm! Năm xu một cái. Tôi ham, tôi đầu cơ tích trữ một kho định bán cho tới đời con tôi và làm giàu luôn, chẳng ngờ chỉ bán được có vài năm rồi ế nhẹ. Muốn bỏ đi cho trống chỗ mà không biết bỏ bằng cách nào. Bán cho đồng nát thì họ không dám mua vì họ sợ gánh đi ngoài đường công an bắt tội, bắt lỗi. Bây giờ cái thứ phong kiến lạc hậu này lại đâm ra chạy hơn cụ ạ!"

"Thứ nào đâu?"

"Cụ nhìn kìa!" Người chủ tiệm trỏ lên tường.

Lão Đằng nhìn theo. Những bức tranh Đền Ngọc Sơn, Chùa Một Cột, Tháp Rùa, rực rỡ, riêng bức Phước Lộc Thọ còn chưa ráo mực. Người chủ tiệm tiếp: "Ông đồ đang lom khom ngoài vỉa hè đó là tác giả của tấm *Phước Lộc Thọ* viết bằng chữ Hán đó."

"Ừ đẹp lắm. Anh để tôi thỉnh một tấm đi! Nét chữ thiệt khéo."

"Cụ có đọc được không?"

"Ơ ơ tôi không biết chữ Nho nhưng hồi tôi còn bé bố tôi vẫn mua các tranh như thế này về treo trong nhà, đến cách mạng mình mới bỏ hết đó chớ! Anh để cho tôi mua luôn bức Đền Ngọc Sơn đi. Anh gói cho tôi luôn bức Chùa Một Cột nữa cho đủ bộ cổ tích. Ông nào họa giỏi quá. Trông y như thật ấy nhỉ. Tôi sẽ treo trên vách giữa để lâu lâu ra ngó một cái như mình đi Hà Nội vậy."

Ôm gói tranh trong tay lão Đằng bương bã trở về hàng thịt chó. Bụng nghĩ dại: cái thằng chột này có vẻ láu lắm. Nhỡ nó chuồn thì có phải mình mất cả chó lẫn rọ không? Lão vẹt người đi nhanh.

Những con chó nằm trên sạp nhe răng nhỏng đuôi cười, những con khác, con thì bị móc sắt treo dộng đầu xuống đất con thì bị xẻo một bên sườn, con lại bị chặt mất một chân. Quả anh hàng chột nói đúng. Khách thưởng thức thịt chó rất đông. Nhiều ông bà có vẻ sang trọng ra phết cũng mặc cả, trỏ món này, lật món kia xem. Có cả một bà môi son đòi nếm một miếng dồi và nói tự nhiên: "Ở bên Liên Xô tôi cứ mơ miếng dồi này!"

Ấy chết, thằng hàng chột đã biến đâu mất, lão Đằng giật mình đánh thót. Ở chỗ hắn ngồi là một mụ đàn bà. Không đợi lão lên tiếng, mụ đã thơn thớt:

"Bố cháu có dặn cụ đến thì đưa tiền và rọ cho cụ ạ! Dạ vâng, đây ạ!"

Lão Đằng thở phào.

"Nhưng mà chưa đủ. Vậy phiền cụ đi quanh một tí xíu trở lại sẽ có ngay."

Lão Đằng xua tay:

"Được bao nhiêu nên bấy nhiêu, còn lại tôi lấy thịt."

Thế là ổn rồi. Lão Đằng tay quảy rọ, tay kẹp nách tranh và cầm thịt trở lại chỗ cũ. Người quen đã bán dùm cho lão được những hai cành đào và với một cái giá cao hơn lão định trước.

Người quen trao cành đào còn lại và tiền rồi biến nhanh, không kịp nhận lời cảm ơn của lão. Bọn ăn trên ngồi trốc thời nào cũng bần tiện hơn đám khố rách áo ôm, thế nhưng chúng mở miệng là nói đạo đức nhân nghĩa.

Lão Đằng buông chiếc rọ xuống đất rồi cặm cành đào vào cái rọ. Lão bỗng thấy buồn khi nhìn cái rọ trống không. Con Vện không còn nằm khoanh trong đó nữa. Mình đã dụ khị nó đừng vùng vẫy nữa sẽ cho miếng bánh đúc, nhưng mình đã quên khuấy đi. Kể ra, không phải riêng mình mà những thằng lớn hơn mình cũng quên lời hứa. Vậy tự lão, lão đã có kinh nghiệm, khi người lớn nói chắc thì không chắc tí nào.

"Kìa ông có cái độc bình độc đáo!" Tiếng ai bỗng vang vang.

Lão Đằng nhìn ra ông Phùng với chiếc pa đờ suy xùng xình.

"Độc bình gì đâu?" Lão Đằng ngơ ngác.

"Cụ cắm đào vào cái gì kia nếu không phải là độc bình?"

"Cái ông này lúc nào cũng hài hước."

Chính cụ mới hài hước hơn tôi! Hà hà.. Gã con Vện xong rồi hả?"

"Vâng! Lấy lại được miếng thịt ít dồi và lòng. Ông có được nhiều khách đến rước Điêu Thuyền và Bao Công không?"

"Chạy lắm. Tôi về nhà lấy thêm hai chậu nữa đấy!"

"Đến chiều nhớ đem cho tôi mấy cặp nghe! Rồi ở nhậu chơi. Tôi chờ đấy."

Ông Phùng ngẫm ngẫm rồi gật:

"Tôi sẽ giắt lưng theo một be nguyên chất!"

Lão Đằng vừa đi vừa nhẩm tính những gì cần thiết để mua cho buổi đón xuân của lão, cái xuân nợ nần và cô độc, cho cân với số tiền vừa có.

Hai cánh cửa bị du kích gỡ đi, cái bàn thờ bị khiêng mất, thậm chí chiếc chõng tre chúng cũng xiết luôn với lý do lão thiếu thuế. Cũng may, lúc chúng phát mại tài sản của lão, con Vện chạy rong đâu đó nên mới thoát.

Bước vào sân, lão Đằng nghe lạnh buốt bàn chân.

Con Vện không còn chạy ra ngoắc đuôi nữa. Lão bước vào nhà như đẩm mình vào băng giá. Lão cất gói thịt chó vào trong củi. "Vện ơi Vện tao ăn thịt mày đây! Tao khốn nạn quá." Để khỏi bị xúc động lão vội vã đi treo tranh. Lão treo hai bức tranh hai bên bàn thờ rồi lùi ra, ngắm nghía. Lão vừa bụng lắm. Chẳng ngờ bức tranh lại đẹp đến thế. Lão tiếc, giá mà mua luôn Cầu Thê Húc cho cân đối. Bức Phước Lộc Thọ toàn là chữ không có hình, nét đen lay láy nổi bật lên nền đỏ thẫm. Mùi mực Tàu thơm phức. Lão cầm, căn ra trên tay đi ướm chỗ này ướm chỗ khác trên vách nhưng chưa ưng ý chỗ nào.

Lão để đó, chờ chốc nữa ông Phùng đến. Chắc ông ấy sẽ tìm ra chỗ đúng cho ba chữ phong kiến này. Trong đầu lão vụt hiện lên cái bao ở xó bếp.

Ê! Tại sao những cái khẩu hiệu thiêng liêng như vậy mà lại ế, ế từ mấy chục năm rồi. Cả đồng nát cũng không mua. Vì nếu bỏ sự thiêng liêng đó vô chung với dép đứt quai giày há miệng, hộp thiếc móp, ấm sứt vòi mà gánh đi đủng đỉnh ngoài đường thì công an sẽ bắt về tội chống chế độ như chơi -- anh chủ tiệm nói phải lắm. Thành ra chỉ có một lối thoát là cho nó vô bếp.

Đến chiều, ông Phừng đạp xe tới với chậu cá vàng nhỏ nhắn rất xinh ràng kỹ ở poọc ba ga. Ông cũng mang theo một gói thịt lợn, thịt lợn chợ đen. Ông nói trỏ mấy con cá trong chậu:

"Ngày hôm nay tôi gã có đến tám trăm cặp Điêu Thuyền Uất Trì đấy cụ ạ."

"Thế à?"

"Các đồng chí nước bạn ham thích mua dữ! Họ móc bạc của mình vứt cho tôi không cần đếm! Nếu họ đem về nước thì cũng chỉ nhóm bếp thôi mà!"

"Nhưng ông nhốt chung như vậy, nhỡ đẻ ra cá con thì hình thù của chúng nó sẽ ra sao mới được?"

Ông Phùng phá lên cười:

"Ông muốn tranh tài hài hước của tôi đấy hở? Điêu Thuyền là tượng trưng cho nghệ thuật, Uất Trì là tượng trưng cho đỉnh... cao trí tuệ, ông hiểu không?"

"Hiểu rồi! Ông chưa uống rượu mà đã say."

Vừa đến đó thì có người vào. Lão Đằng nhận ra thằng người kia ngay nhưng lão quát:

"Nhà tao cấm cửa ma quỉ trong ba ngày Tết."

"Dạ, cháu là em vợ của đồng chí Phó Công An!"

"Tao không đồng chí với công an!"

"Dạ, cháu muốn đem cái bàn

thờ trả lại cụ để cụ cúng kiến ngày Tết."

"Tao không cần, ông bà tao đi hết rồi đâu còn ở nhà mà cúng."

Thằng cha kia bước vô nhà, đứng ở xó rồi bất thần nghẹo cổ khóc hu hu.

"Bố cháu chết rồi!"

"Làm sao, tại sao?" Ông Phùng kêu lên. "Bố anh thất lộc hồi nào?"

"Dạ mới hồi sáng."

"Bệnh gì?"

"Dạ bố cháu đau gan kinh niên. Mậu dịch Quốc doanh dược phẩm không có thuốc, mỗi lần cháu đến các ông bà ấy bảo tìm lá muồng nấu uống cho nhuận trường. Mới vừa rồi thấy có cuốn sách của nhà nước tên là Niên Liệu, bảo nước tiểu trị bá chứng. Bệnh gì cũng trị lành. Bố cháu nghe thế tin thật bèn làm theo, mỗi ngày uống nửa ly. Được hai tuần thì bệnh nặng. Đem vô nhà thương Việt Đức thì bác sĩ bảo gan sưng, làm vỡ hay tắt túi mật sao đó. Bố cháu nằm được ba tuần lễ..."

"Hừ!" Lão Đằng nhìn ông Phùng như hỏi: "có thực thế không?"

"Du tiên cảnh nhằm ngày xuân con cháu sẽ phát sớm!" Ông Phùng nói.

"Dạ tiền bệnh viện họ tính cho cháu là bảy mươi ngàn! Hu hu! Đem chém cháu cũng không có chục bạc chuộc mạng! Cháu đào đâu ra số tiền ấy? Cháu khất đến sau Tết sẽ trả. Họ không chịu cho đem xác bố cháu về. Họ bảo nếu không có tiền đủ trả thì đưa trước một nửa! Nếu trễ họ sẽ đem ra dập ở bãi hoang."

"Kêu gọi hợp tác của mày tương trợ!" Lão Đằng giàn giọng.

"Ai cũng như cháu cả. Cháu không muốn làm phiền hàng xóm."

"Vậy mày đến đây làm gì? Bộ tao có thừa tiền hả?"

"Dạ cháu đã cho vợ con đi trước rồi. Còn cháu đến xin cụ cho cháu đem trả lại cái bàn thờ của cụ cho đúng lời di chúc của bố cháu. Rồi cháu cũng trốn luôn khỏi chỗ này!"

"Chứ không phải mày nghe lệnh phó công an đến đây... đốn đào bắt chó à?"

XUÂN VŨ

11/1989

CHUYỆN CỦA NGƯỜI ĐỌC TRUYỆN

TRẦN DIỆU HẰNG

Tặng người đọc ở Gilles Plains, Australia

Phượng cảm thấy con thuyền nhỏ bị hút tuốt vào trong một vùng lốc xoáy, trên đầu nàng, ngọn sóng cao ngất trông giống như một người khổng lồ đang hả miệng cười. Không gian nứt làm đôi, mở ra một thế giới mới...

*

* *

Vài tháng sau vụ bị nạn ngoài biển khơi, Phượng cảm thấy rất khoẻ khoắn, thân thể bỗng dưng nhẹ hẫng như bông gòn, đi đứng nhanh nhẹn như những lực sĩ chạy đua thế vận hội. Phượng vốn thích du ngoạn nên cho rằng đây là dịp tốt nhất để tới viếng những danh lam thắng cảnh nàng vẫn thường mơ ước. Nàng cũng cảm thấy nhớ cha mẹ già, nhớ căn nhà nhỏ ở cuối con ngõ hẹp, nhớ giàn hoa giấy vừa độ trổ bông, nhớ lu nước mưa bên cạnh gốc hoàng lan thơm ngát, nhớ hàng xực tắc, nhớ gánh cháo khuya, và nhớ quá, những buổi đàm đạo thơ văn với người bạn gái thân thiết từ thuở cả hai còn cắp sách đến trường. Dường như bặt đi một thời gian khá lâu, Phượng không gặp những người thân yêu này. Vì thế, đường xa thì mặc đường xa, Phượng chẳng hề quản ngại. Vừa đi vừa ngắm cảnh, đối với nàng lại còn là một nỗi thú vị tuyệt vời nữa. Nhà cha mẹ ở thành phố Ngọc Trai thuộc một nước nhỏ ở châu Á, còn nhà của bạn văn Trần Tiểu Nhã lại ở tận một thành phố có tên là Bình Nguyên Gilles, Úc châu. Hai thành phố cách nhau quãng hơn nửa đường kính quả địa cầu, nhưng Phượng có đôi chân khỏe, có một tâm hồn phơi phới ở ngoài vòng cương tỏa của nhân gian, và có năm rộng tháng dài trước mặt, nên Phượng cứ thong dong nhàn nhã mà đi.

Khi về tới quê cũ, trở lại nhà xưa, gặp nào cha mẹ già, nào bà con chòm xóm; sau giờ phút vui mừng ngắn ngủi lúc đầu, Phượng thấy mọi người trông đều tả tơi thảm hại, mặt xanh mét như người ốm đói lâu ngày, mắt lúc nào cũng láo liên sợ sệt. Hỏi ra mới biết, toàn dân trong vùng lâu nay bị mắc bệnh trầm kha: một bệnh gây ra bởi ba loại siêu vi trùng có tên là Sợ Hãi, Nghi Ngờ, và Thù Hận. Thêm vào đó, nạn đói hoành hành, dân nghèo, nghèo lắm, nghèo mờ con mắt, nghèo thắt xương hông, nghèo không gạo nấu, nghèo thấu Ngọc Hoàng. Lẽ ra Phượng định ở lại chơi lâu, thấy cảnh tình như vậy, nàng quá đau lòng nên đành từ giã mọi người đi Úc. Ròng rã hơn tháng trường mới tới nhà Tiểu Nhã. Phượng thoắt trông lấy làm vui mừng cho bạn, vì nhà ấy mái lợp ngói đỏ, cửa gỗ bóng sơn, hoa tươi đủ mầu nở thắm sân trước, cây mát xanh tươi vươn bóng vườn sau, trông rõ là một cảnh an cư lạc nghiệp. Chủ nhân ra đón, đôi bạn ôm chầm lấy nhau mừng mừng tủi tủi, nỗi cảm hoài sau bao năm tháng cách xa kể sao cho xiết. Khi ngồi bên nhau hàn huyên tâm tình, Phượng để ý thấy thỉnh thoảng, Nhã lại nhăn mặt đưa tay vuốt nơi cổ họng, dường như bị đau đớn thế nào. Phượng hỏi, Nhã chỉ thở dài. Phượng hỏi lần nữa, Nhã nói bị cảm cúm, rát cổ. Nhưng thấy mắt bạn rướm lệ, Phượng không tin, lại càng gạn hỏi. Nhã xem ra không dấu được,

mới tỏ thật, rằng những người bà con cùng quê hiện đang sống rải rác ở Úc châu, Mỹ châu và Âu châu đều bị mắc bệnh Mất Tiếng Nói và bệnh Mắt Mờ, không nhìn ra nhau, thấy ai cũng cho là kẻ địch. Tiếng nói mất dần, chữ viết cũng phai, tâm hồn mỗi ngày mỗi đổi khác, Nhã sợ rằng lần tới Phượng đến thăm, sẽ chẳng còn gặp được người bạn cũ năm nào. Phượng vừa sợ vừa thương bạn, nhất thời đứng ngẩn người, không biết nói sao. Nhã lấy trong ngăn kéo bàn viết ra một tập bản thảo chi chít chữ viết, trao lại cho Phượng, dặn rằng nếu giữ được truyện, sẽ còn thấy được Trần nương...

*
* *

Sau ba tháng ăn gạo hẩm độn khoai và bé Lan chỉ có chút cháo lỏng bú cầm hơi, tôi phải nhận rằng không còn cách nào khác hơn là làm theo lời đề nghị của ông bố chồng: mẹ con chúng tôi lên đường về quê nội. Ở Rạch Giá, dù sao cũng còn có thể kiếm được gạo mà ăn vì dân vùng này bất chấp chính sách "vét sạch" gạo của Đảng, vẫn trữ gạo đủ ăn cho gia đình, có khi còn dư ra chút đỉnh. Ở lại Saigon, dân không tiền như chúng tôi chẳng thể nào mua tranh nổi dúm gạo chợ đen. Lý do khác nữa là Long bị thuyên chuyển đi dậy ở tỉnh xa, chồng tôi nghĩ rằng chỉ còn mỗi cách gửi mẹ con tôi về quê nội, để gia đình bên chàng tìm phương giúp đỡ tôi buôn bán sống tạm qua ngày.

Buôn bán. Tôi lẩm bẩm nhắc đi nhắc lại hai chữ ấy trong đầu, và cố tưởng tượng ra vài hình ảnh không đến nỗi quá bi quan để tự động viên tinh thần "chiến sĩ." Nhưng cố gắng thế nào thì tôi cũng thấy một nỗi sợ hãi cùng chán nản ào ạt trùm ngập cả tâm hồn. Thời buổi này, người buôn bán thông thạo, vốn liếng đầy đủ cũng còn gặp khó khăn nữa là tôi.

Từ nhỏ, dù gia đình không giầu có gì, nhưng với lương công chức ba cọc ba đồng, bố mẹ tôi chưa hề để cho tôi phải bận tâm lo nghĩ về cái tính chất thực tế nhất của đời sống: sinh nhai. Tôi có nhà ở, cơm ăn, áo mặc. Tôi chỉ việc chân sáo đi tới trường, chân sáo đi thẳng lên đại học. Đáng lẽ tôi sẽ vẫn chân sáo như thế thẳng một lèo luôn cho tới hết bốn năm đại học Luật khoa (dĩ nhiên là sau đó, nếu tôi tính thực tập để làm luật sư thiệt thọ, chắc cũng phải bớt vô tư đi chút đỉnh), nhưng sau "cách mạng," đất nước thăng hoa hùng hục tiến mau tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa, chỗ đứng của luật sư còn không có nói gì một sinh viên mới lò dò học xong năm thứ nhất như tôi. Quá sợ Bác và Đảng, tôi bỏ học, vội vàng.. chân sáo về nhà chồng. Thật ra, tôi vẫn còn may mắn hơn nhiều thiếu nữ khác: tôi lấy được người tôi yêu và yêu tôi. Chúng tôi biết nhau từ năm tôi mới học đệ nhị, sắp sửa thi Tú Tài một. Long hơn tôi năm tuổi, đã ra trường Sư Phạm và là giáo sư trung học dạy môn Sử Địa Việt Văn. Chàng dễ thương, dịu dàng, yêu tôi hết mực. Nếu chúng tôi sống ở một xã hội bình thường thì có lẽ tôi sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm những điều bất như ý trong cuộc sống với chàng. Nhưng chúng tôi sống trên đỉnh trí tuệ loài người, thế mới phiền! Vì việc học không còn ý nghĩa nên tôi phải lấy chồng sớm; mặt khác, vì bằng cấp, nghề nghiệp, lương bổng của Long chẳng giá trị bao nhiêu trong hoàn cảnh tuyệt vời của đất nước, đâm ra sự dễ thương dịu dàng, yêu tôi hết mực của chàng cũng chẳng còn mấy gờ-ram trọng lượng trong đời sống hôn nhân của chúng tôi. À không. Xin đừng hiểu lầm là tôi hết yêu chàng hay chúng tôi hết yêu nhau. Tôi chỉ muốn giãi bầy, rằng chàng bắt buộc phải sống xa mẹ con tôi, phải thuyên chuyển đi dậy ở một tỉnh xa chúng tôi hơn tám chục cây số đường, tiền lương chỉ đủ ăn sáng, uống cà phê, và mua bánh mì gặm đỡ chờ kỳ lương tới. Không đi thì sợ bị lôi thôi với chế độ, sợ bị kết tội thiếu tinh thần, kém tư tưởng, không xứng đáng là công dân tốt của nhà nước Cộng sản Việt Nam. Cho nên, nếu định nghĩa của hôn nhân là sự sống chung, là chia cơm xẻ áo, là bầu bạn sớm hôm với nhau thì coi bộ chúng tôi cũng không cách chi thực hiện được những điều căn bản này. Dù sao đi nữa, tôi cũng tự an ủi rằng chúng tôi còn tấm lòng nghĩ tới nhau, và còn mối giây liên lạc mật thiết là bé Lan, đứa con đầu lòng.

Tôi lập gia đình được hơn một năm, lương ba cọc ba đồng của bố tôi dưới thời Ngụy vẫn còn cầm cự sống đỡ, sang tới thời cách mạng, đùm bọc thêm một đứa cháu ngoại quả thật đã không còn thuốc chữa.

Mẹ con tôi lên đường về Rạch Giá vào một ngày trước mùa mưa một ngàn chín trăm bẩy mươi tám.

Gia đình Long cũng dễ thương như chàng. Chị cả, em gái, em trai của Long đối với tôi thân tình, thương mến. Cha chàng giao cho tôi phân nửa số vốn ít oi còn sót lại của một đời dành dụm, để tôi mở một sập bán giầy dép, vải vóc và đôi ba thứ vặt vãnh ngoài chợ tỉnh.

Khi phải thực sự đối diện với chuyện bán buôn kiếm sống, tôi mới thấy mình đã ngủ quên quá lâu trong chiếc nôi êm ấm của gia đình. Đã quá trễ để thay đổi, hay vì trong tôi có quá nhiều chất lãng mạn thơ ngây, mà lại chẳng có phân ly lanh lợi khôn ngoan nào cả? Mỗi ngày tôi cứ ngồi thộn mặt ở sập hàng, nhìn cảnh mua dành bán giựt diễn ra chung quanh. Đôi mắt tôi thấy hết, tâm hồn tôi cảm hết, đến tận cùng, nỗi chua chát, sợ hãi, bấn loạn của những đồng bào tôi làm lũ đói nghèo, loi nhoi chen nhau như những con giun quằn quại vô vọng trong cái hũ đựng mồi của

người đi câu cá. Sự thấy và cảm này đi song song với phần lý trí nhắc nhở tôi phải bon chen như họ để sống còn, nhưng tôi vẫn không làm sao cất nhắc lên được. Chị chồng tôi bảo tôi khờ quá, phải đon đả mời chào mới có người mua hàng cho mình. Tôi rắp tâm nghe theo, thậm chí "thực tập" cả những lời ngọt ngào mời khách. Vậy mà mỗi lần có người bước về phía sập hàng của tôi, chỉ mới đang nhìn đôi giầy cái áo bày biện, tôi chưa kịp cất tiếng, người bán hàng bên cạnh đã liến thoắng đon đả, thế là cổ họng tôi tắc tị, ngồi làm thinh luôn cả buổi trời. Có lẽ tôi đã tự đặt mình ở ngoài vòng nhìn ngắm cảnh tang thương, nên không thể nhào vô đó tham dự chăng. Hay nói một cách đơn giản, tôi vừa khờ vừa lẩm cẩm?

Buổi sáng trôi đi, có khi chiều xuống tự lúc nào, tôi cũng chẳng buồn dọn hàng. Tôi hết thắc mắc về việc nên hay không nến hét hò dành giựt giống mọi người, lại tới thắc mắc về việc làm thế nào để chữa bệnh khờ muôn thuở. Ngày xưa tôi mơ khi lấy chồng, sẽ dậy sớm pha cà phê cho chàng uống, ở nhà vừa làm cơm vừa nghe nhạc đợi chàng về, ra đón chàng bằng một nụ cười. Ái chà. Bịnh tiểu tư sản trong tôi coi mòi trầm trọng chứ không chơi.

Vốn liếng bố chồng cho cạn dần, anh chị em nhà chồng chỉ có thể giúp đỡ về tinh thần, đời sống vật chất của họ cũng chật vật lắm mới đủ ăn, chẳng thể nào làm gì hơn cho mẹ con tôi. Gạo Rạch Giá rẻ bằng nửa ở Saigon mà tôi cũng vẫn bữa đói bữa no, mâm cơm hôm nào sang lắm thì có được con cá rô kho tộ. Tôi càng buồn thì càng nhớ và cần sự an ủi của Long. Chàng cố gắng lắm mới có thể về thăm mẹ con tôi hai tháng một lần. Sau vài lần "an ủi," tôi mang bầu đứa con thứ hai. Lại thêm một cái khổ khác. Tính tới tính lui kỹ lắm mà không hiểu sao vẫn trật đường rầy.

Sau khi tôi sanh nở cứng cáp rồi, chú em chồng tình nguyện đem hai cháu bé về nhà mỗi buổi sáng để tôi có thể đi theo cô em chồng buôn bán cách khác. Chúng tôi đem vải và thuốc tây đi sâu vào những làng xã nhỏ xây dựng quanh những kinh rạch chằng chịt của miền Nam. Dân trong vùng này có dư chút tiền nhưng ít khi ra tới chợ tỉnh để mua sắm các thứ cần dùng. Mỗi ngày, dậy từ khi trời tờ mờ sáng, sắp xếp quần áo thức ăn cho hai con, tôi thấy mình cũng giống bà Tú Xương lắm lắm. Con cò lặn lội bờ sông. Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non...

Đầu đội thúng vải, tay xách giỏ thuốc, tôi đi bộ mỗi ngày từ sáu tới mười hai cây số, miệng cất tiếng rao giọng Bắc Kỳ lạc lõng trên những con đường mùa mưa đất bùn lầy lội của vùng quê miền Nam. "Ai mua vải mua thuốc ra mà mua." Tôi trợt chân té bao nhiêu lần trên những con đường ấy? Không nhớ. Không đếm được. Ra đi từ sớm tinh sương, trở về chiều đã hấp hối trên những ngọn tre làng, mấy mẹ con về tới nơi trú ngụ, ăn xong bữa cơm đạm bạc thì trời đã tối mịt. Thân thể rã rời, tôi nằm cho con bú mà nước mắt chảy quanh.

Thuở yêu nhau, Long thường cầm bàn tay tôi ve vuốt, khen tay búp măng nuột nà, chỉ xứng để trên phím dương cầm. Chàng ngắm gót chân tôi đỏ như son, nói số em là số sướng, được chồng cưng chiều. Bây giờ đôi lúc được gần nhau, chàng cầm tay tôi ứa nước mắt thương xót. Nhưng những giọt lệ của chàng cũng không thay đổi được gì.

Tôi vẫn đầu đội thúng vải, tay xách giỏ thuốc, vẫn lết bết đi trên những con đường quê lầy lội. Chiếc quần ú đen bạc phếch lấm đầy bùn đất, chiếc áo cánh trắng nhem nhuốc cháo lòng. Cũng may, tôi không đi bán ở những vùng tỉnh lỵ, nếu nhác thấy bóng mình trong tủ kính của một cửa hàng nào đó, có lẽ chính tôi cũng không nhận ra cô cựu nữ sinh Gia Long từng đi dự giải văn chương toàn quốc, hay cô cựu sinh viên Luật khoa dịu dàng thanh nhã trong chiếc áo dài màu hồng phấn ngày nào.

Cô em chồng đi cùng, thể chất vốn khỏe mạnh hơn tôi nhiều, ngày nhỏ lại vốn đã ở miền quê dãi nắng dầm mưa tắm sông bơi xuồng như con trai nên cô không đến nỗi quá bết bát như tôi vậy. Thường thì chúng tôi đi xe chung với nhau một quãng đường từ tỉnh, đến chỗ hết đường xe chạy, trước khi đi sâu vào những làng quê, chúng tôi chia tay ở một ngã ba ngã tư nào đó, rồi cuốc bộ, mạnh ai nấy bán, hẹn gặp lại để cùng trở về. Dân làng không phải ai cũng có tiền, nhiều người đòi đổi gạo lấy vải hoặc thuốc. Lúc đầu tôi rất ái ngại, vì đi bộ trung bình mười cây số, nào thuốc nào vải, lại tha thêm cả túi gạo thì làm thế nào kham nổi? Cô em chồng khuyên tôi cứ chịu khó nhận đổi gạo, sau đó đem ra chợ bán sẽ được lời gần gấp đôi. Nghe lời cô, tôi cố sức đeo thêm một túi vải trên vai. Tôi té ngã thêm nhiều lần. Đầu gối tím thường xuyên hơn. Thảm nhất là những buổi đi cả ngày mà tiền lời cũng lại chỉ đủ trả sở phí xe cộ.

Một ngày kia, trong người khó chịu muốn sốt, tôi vẫn phải đi. Trên đường về, chúng tôi phải băng ngang con sông nhỏ. Thấy tôi quá mệt, chân run rẩy muốn té, không thể nào qua nổi cây cầu khỉ chênh vênh, cô em chồng liền đề nghị tôi hãy ngồi nghỉ mệt ở chân cầu, để cô một mình qua sông đòi nốt số tiền vài khách hàng còn thiếu nợ.

Tôi ngồi phệt xuống đất, dựa lưng vào một thân cây bên bờ sông. Vừa đói vừa mệt rã rời, tôi lần túi vải quàng trên vai lấy nắm cơm vắt và gói muối vừng ra ăn đỡ dạ. Miệng nhai bệu bạo nắm cơm, mắt tôi thờ thẫn theo dõi theo đám lục

bình trôi dạt bên giòng nước. Tôi miên man nhớ tới những ngày tháng của bốn năm năm về trước, tôi là một thiếu nữ thanh xuân, ngập ngừng đứng ở ngưỡng cửa cuộc chiến với đôi mắt buồn rầu sợ hãi, nhưng tôi vẫn còn có được một đời sống tương đối đầy đủ, vẫn còn có chỗ cho những ước mơ nhỏ bé êm đềm, vẫn còn có quyền hy vọng có một gia đình êm ấm với người chồng và một đàn con, vẫn còn chiếc áo dài, còn trường lớp, sách vở, còn bè bạn, còn được nằm nghe mưa rào trên mái ngói, còn được đắm chìm trong tiếng nhạc tuyệt vời vào lúc nửa khuya. Cách mạng vào, cuộc chiến kết thúc, tôi được "giải phóng" khỏi chế độ Ngụy hư nát và được "giải phóng" luôn, khỏi một đời sống dường như chỉ bao gồm những nhu cầu căn bản nhất của một con người. Cha mẹ tôi giờ này đang làm gì, ôi những đôi mắt âu yếm đã đau đớn dõi nhìn theo bước tôi đi, người cũng đang túng nghèo vật lộn từng ngày với miếng cơm manh áo, nhưng có tưởng tượng được ra tôi rách rưới tiều tụy đến mức này, và đang ngồi bên một giòng sông, đang nhớ đến người và đang muốn được về bên người để được xà vào lòng mà khóc nức nở như ngày nào còn ấu thơ. Và Long, Long của tôi, một đôi ngày gần gũi trong số sáu mươi ngày đằng đẵng, chàng chỉ thấy một tôi đã tắm rửa điểm trang, gương mặt hân hoan với niềm hạnh phúc ngắn ngủi được ở bên chồng. Trong bóng đêm thân mật, dưới ánh đèn dầu tù mù, chàng chỉ thấy đôi bàn tay tôi nổi gân xanh, chàng chỉ sờ thấy làn da tôi nham nhám, gót chân tôi nay đã nứt nẻ lấm bùn. Long vẫn chưa bao giờ, nhìn thấy tôi của mọi ngày, tôi như tôi hôm nay, quần đen bạc phếch, tóc tai bơ phờ, này bị, này túi, này xách, này giỏ, từ đầu đến chân lấm lem như con ăn mày...

Có tiếng động khẽ ở bên cạnh. Tôi quay nhìn. Một ông cụ già tóc bạc, trông nhếch nhác cũng chẳng kém gì tôi, y phục thì lại rách rưới hơn nhiều, vừa xà xuống ngồi cách tôi một khoảng chừng ba bốn thước. Ông cụ nhấp nháy đôi mắt kèm nhèm, hỏi tôi một câu mà mười năm sau, tôi vẫn nhớ rõ mồn một như việc mới vừa xảy ra hôm qua vậy?

"Này cô, cô cũng đi xin hả?"

Tôi cứng họng chưa kịp trả lời, thì ông cụ đã chỉ vào túi gạo của tôi nói tiếp:

"Cô còn trẻ, có sức mà đi được sâu vào bên trong những làng mạc xa nên xin được nhiều, chứ còn tôi, tuổi già sức yếu, chỉ đi quanh quanh mấy con đường ngoài này nên xin chẳng đủ ăn cô ạ. Đây cô xem này, đi cả ngày mà chỉ được một dúm gạo thôi..."

Đúng là chẳng cần gương, tôi cũng trông thấy rất rõ bộ dạng tôi lúc ấy thế nào. Không có nữ sinh, sinh viên, tiểu thư nhà lành, hay người vợ hiền hạnh phúc, mà chỉ có mỗi con ăn mày, ngồi đó, ven bờ sông nhỏ nước đục chảy lững lờ. Trong nỗi đắng cay, máu tiểu thuyết của tôi dậy lên ào ạt, thời buổi này cần chi một cái danh xưng, tôi bèn mỉm cười xác nhận:

"Vâng, thưa cụ, cháu cũng đi xin."

Rồi tôi an ủi ông già:

"Thời buổi gạo châu củi quế cụ ạ, ai đã có đủ ăn mà dám cho? Không phải người mình thiếu lòng nhân từ đâu cụ."

Thấy tôi có vẻ thân mật tự nhiên, ông cụ vui chuyện kể lể:

"Khổ lắm cô ơi, tôi có ngờ đâu tuổi già lại phải đầu đường xó chợ ăn xin người ta như thế này. Hồi tháng tư bẩy lăm thì tôi đau thận, đang nằm trong bệnh viện Nguyễn Văn Học ở Gia Định ấy. Bà nhà tôi qua đời quá lâu, tôi chỉ có thằng con trai, một thằng Đại Úy, một thằng mới ra trường Thiếu Úy. Khi súng đạn ngưng rồi, tôi ra nhà thương trở về nhà ở Ngã Ba Hàng Xanh thì chỉ thấy trơ mỗi cái thềm xi măng cháy đen nứt nẻ, nhà cửa đồ đạc bị thiêu rụi hết, chẳng còn gì. Sau đó, tôi lại được tin cả hai đứa con đã đều tử trận rồi. Cô nghĩ xem, đã già yếu, bệnh tật, chẳng còn thân thích, tiền bạc không có, nhà cửa cũng không còn, thế là tôi đành xin ăn từ đấy cô ạ."

Theo dõi nét mặt của ông cụ trong lúc kể chuyện, tôi tưởng tượng ra khuôn mặt ấy, làn da nhăn nheo kia, nếu được lau rửa sạch sẽ, chắc cũng đẹp lão phương phi. Sau một quãng đời dài nhọc mệt, cô đơn, đáng lẽ ông cụ đang ngồi trên bộ ván gỗ hay chiếc đi-văng của một căn nhà nào đó, được vây quanh bởi mấy đứa cháu nội, và ông cụ đang kể chuyện đời cho chúng nghe mà không phải là tôi. Ồ tôi! Tôi cũng có vài chục một trăm điều đáng lẽ phải xẩy ra nhưng nó đâu tới? Tôi sao lại ngồi ở bờ sông với ông già ăn mày?

Nhìn bàn tay run rẩy của ông cụ sờ soạng buộc lại miệng túi gạo, tôi không khỏi tránh được tiếng thở dài. Lại thêm một nạn nhân của chiến tranh, nhưng có lẽ so với chúng tôi, ông cụ còn khổ hơn nhiều. Ông nhìn nắm cơm trên tay tôi với đôi mắt thèm thuồng, rồi cố hướng tia mắt về phía đám lục bình đang trôi dật dờ theo giòng nước, ông hỏi:

"Thế phần cô thì sao, cô có còn ai thân thích không?"

Ngẫm nghĩ vài giây, tôi trả lời:

"Thật ra, thân thích của cháu cũng có vài người, còn sống, nhưng có thể cũng coi như đã chết."

"Sao thế hả cô?"

"Dạ... thì khổ quá, sống cũng như chết rồi."

Tôi đứng dậy, tiến lại gần ông cụ. Đột nhiên, dường như ông hơi sợ hãi, co mình thu túi gạo ôm vào lòng. Trời chiều, xung quanh vắng vẻ, có lẽ ông cụ nghĩ tôi có thể giật phắt "tài sản" của ông rồi chạy biến thì ông biết kêu ai.

Tôi ngồi xuống cạnh ông cụ, mở túi gạo của tôi ra:

"Cụ nói đúng, cháu còn trẻ, còn sức để đi xa để xin, cụ đã có tuổi rồi, thôi cháu biếu cụ ít gạo, mai cụ được nghỉ một ngày, khỏi phải lang thang mà vẫn có ăn. Đây còn mấy đồng bạc nữa, cháu cũng xin biếu cụ luôn."

Đôi mắt kèm nhèm cố mở rộng nhìn tôi. Ông cụ lắp bắp:

"Cô...cô cho tôi thật à?"

"Vâng. Cháu biếu cụ."

Rồi, máu tiểu thuyết lại dâng lên tràn bờ, tôi phóng bút thêm vài giòng trên trang giấy tưởng tượng:

"Mình cùng là ăn mày với nhau mà cụ. Cả nước chúng ta ăn mày lẫn nhau. Nếu mình có thể ăn mày được cả tình thương..."

Ông cụ cầm tiền, hết nhìn mặt tôi lại nhìn theo bàn tay tôi vốc từng nắm gạo đổ vào túi của cụ. Hẳn ông cho rằng tôi là một cô ăn mày quá phong lưu, hoặc là tôi mát dây, dở hơi dở hám.

Ông chỉ lắp bắp được một câu cám ơn rồi run rẩy đứng lên, vội vàng chống gậy xiêu vẹo bước đi, như thể sợ tôi đổi ý đòi lại món quà.

Mười năm. Mới đó đã mười năm thoáng. Chắc ông già ăn xin năm xưa đã chết rồi, chết vì đói lạnh ở một xó xỉnh nào đó, trên một con đường nào đó, dưới bầu trời xám đục của một ngày mưa.

*
* *

Một ngày kia, Trần Vy Uyên nhận được thư của một độc giả nhờ tòa soạn báo Mây Xa chuyển giao. Lá thư kỳ dị chỉ vỏn vẹn đôi giòng ngắn ngủi:

Ngày... tháng... năm

Được đọc truyện của cô đăng trên báo Mây Xa số XX, tôi rất mừng. Ngày hăm chín tháng chạp sắp tới đây mời cô bỏ chút thời giờ đến chơi tệ xá để chúng ta được hàn huyên chuyện cũ nhân lúc một năm nữa lại đã sắp tàn nơi đất khách.

Nguyễn Hữu Độ

Trần Vi Uyên suy nghĩ mãi vẫn không thể nhớ ra Nguyễn Hữu Độ là ai, nhưng nhìn nét chữ run rẩy, Uyên đoán là của một ông già. Địa chỉ ngoài bì thư thuộc về một thành phố cách nơi Uyên ở chừng bốn mươi dặm về phía bắc. Lái xe gần tiếng đồng hồ để đến thăm một người xa lạ chưa hề biết mặt quen tên không phải là một cuộc đi chơi nhiều phần thú vị. Uyên định chỉ viết vài giòng cám ơn và xin lỗi không thể đến được. Có thể lá thư chỉ là trò đùa của một độc giả tinh quái nào đó. Chuyện cũ. Uyên chẳng quen một ông già nào để có chuyện cũ cả. Trần Vy Uyên lìa quê hương năm hai mươi, trải đến nay mười sáu năm ròng, cha mẹ đều đã qua đời, bạn của ông bà cụ chỉ có đôi ba người không biết phiêu bạt nơi đâu, và Uyên cũng chưa hề liên lạc với người nào trong số các chú bác ấy.

Nhưng rồi nghĩ đi nghĩ lại, Uyên quyết định tìm tới người độc giả bí mật. phần vì Uyên tò mò. Phần khác, Uyên tự hỏi nếu người độc giả ấy quả là một ông già cô độc, yêu thích văn chương, thì việc Uyên tìm đến trò chuyện an ủi bậc lão trượng trong một ngày hơi xuân đã vắng lạnh sau mười mấy năm biệt xứ như thế này, biết đâu lại chẳng là một việc làm có ý nghĩa? Người Việt bị bệnh mất tiếng nói ngày càng nhiều, Uyên cũng chẳng nên bỏ qua một dịp gặp gỡ người cùng quê hương xứ sở để nghe lại những âm thanh quen thuộc muôn đời yêu mến kia.

Uyên theo bản đồ, tìm đến thị trấn Cây Sồi nằm trên một ngọn đồi của tiểu bang Michigan vùng đông bắc Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ. Uyên bàng hoàng khi thấy "tệ xá" của người gửi thư là một viện dưỡng lão nhỏ bé nghèo nàn. Ngần ngại định quay về, nhưng nghĩ công trình đi bốn mươi dặm đường xa. Uyên bước vào văn phòng hỏi thăm tên người muốn gặp.

Nhân vật này có thật. Uyên thở phào, bắt đầu cảm thấy lòng dâng lên một mối thương xót lẫn quan tâm. Một ông già Việt Nam sống lẻ loi trong một nhà thương thí vẫn còn đọc báo Việt ngữ, còn viết thư thăm hỏi một kẻ hậu sinh tập tễnh bước vào con đường văn chương gian nan bạc bẽo như Trần Nương ư?

Uyên ngồi xuống ghế ở phòng đợi. Lát sau, người nữ y tá dẫn ông cụ tới. Trí nhớ của Uyên không sai, nàng chưa hề gặp qua cụ già lần nào, nhưng gương mặt thì dường như phảng phất nét quen thuộc. Hay là tất cả những ông cụ Việt Nam tóc bạc da mồi, râu chòm phơ phất, trong trí nhớ Trần Vy Uyên đều tương tự như nhau?

Uyên đứng lên, bỡ ngỡ chào:

"Thưa cụ, cháu là Trần Vy Uyên."

Ông cụ độ bẩy mươi ngoài, dáng người mảnh khảnh yếu đuối, đôi mắt như nhướng lên không nổi sau cặp kiếng lão xệ xuống sống mũi, nụ cười đôn hậu nhuốm chút vẻ dại khờ. Ông chậm chạp ngồi xuống chiếc ghế đối diện, săm soi ngắm nghía nàng:

"Có phải là cô không nhỉ? Tôi không biết tên cô, mà cô cũng không hỏi tên tôi, nhưng chúng ta đã gặp nhau ở ven bờ sông Hậu đó mà."

Uyên ngây người ấp úng:

"Dạ, cháu chưa hề được gặp cụ. Cháu đến đây theo lời mời của cụ trong lá thư nhờ tòa soạn báo Mây Xa chuyển giúp..."

Vẫn với nụ cười đôn hậu dại khờ, ông cụ say sưa kể chuyện:

"Ngày ấy tôi với cô cùng đi ăn mày. Cô còn trẻ, có sức mà đi sâu vào những làng bên trong nên xin được nhiều gạo, còn tôi tuổi già sức yếu, đi quanh quẩn bên ngoài nên cả ngày chỉ được có một dúm con. Rồi cô biếu tôi nắm cơm, lại cho thêm gạo, cho cả tiền nữa. Cô nhớ không?"

Một tia sáng lóe qua óc khiến Uyên chợt hiểu, nhưng sự hiểu

ấy cũng khiến Trần Nương đờ người rơi tuốt vào trong một vùng mơ hồ khác, bội phần khó hiểu hơn:

"Cháu nhớ ra rồi, truyện ngắn Nắm Gạo Giữa Đường cháu gửi đăng báo Mây Xa năm ngoái... Nhưng... nhưng làm sao lại thế được?... Vì truyện ấy hoàn toàn do sự tưởng tượng của cháu. Đó là tiểu thuyết, hư cấu thôi mà."

"Hư cấu... thế nào? Hư cấu là gì? Rõ ràng từng chi tiết một, cô đã kể rành mạch trong truyện cơ mà. Từ ngày ấy, lắm lúc nghĩ lại tôi cứ giận là đã nghi bậy cho cô, vội vàng bỏ đi không kịp hỏi kỹ tên tuổi để sau này có gặp thì còn nhận được nhau. Cô thật là người tốt. Nếu dạo đó tôi không được nắm gạo của cô thì chắc không lết về tỉnh nổi đâu.

"Cháu... không hiểu. Nhưng nếu đó là chuyện thật... thì sao cụ lại ở đây. Trong truyện của cháu, hai người con trai của ông già đã chết, ông không còn người thân thích làm thế nào qua được đất Mỹ?"

"Tôi... không biết. Tôi chỉ nhớ chuyện ấy xảy ra ở ven bờ sông thôi. Cô bảo cả nước đi ăn mày mà... Cô mặc cái áo bà ba trắng, cái quần ú đen..."

*

* *

Trần Vy Uyên hỏi thăm người nữ điều dưỡng giữ hồ sơ bệnh lý của ông già Nguyễn Hữu Độ. Qua bà ta, Uyên biết người ta đã nhặt được ông, ngất xỉu trên một vỉa hè một ngày mùa đông lạnh buốt. Có một người đàn ông sau đó, thỉnh thoảng đến thăm ông già, nhận là người quen biết nhưng không phải con cháu họ hàng. Ông ta là người đã mua báo Mây Xa hàng năm cho ông già đọc. Hồ sơ bệnh lý cũng có ghi trường hợp tâm thần của ông cụ, giống như nhiều người già lão khác, quên biệt một số điều trong quá khứ xa, quên tuốt một số điều ở hiện tại gần, nhưng nhớ rất rõ một quãng đời nào đó đã qua.

Uyên thường bâng khuâng tự hỏi, phải chăng ông già Nguyễn Hữu Độ đã yêu thích truyện ngắn của Trần Vy Uyên đến độ nhập tâm mà tưởng đó là cảnh thật? Hay người giống người, cảnh giống cảnh, như muôn ngàn nỗi khổ, vạn mối thương tâm tương tự nhau đã xảy ra trong năm mươi năm đại họa triền miên của dân nước Việt? Hay hư cấu truyện kia mới là đời thật, mà cảnh Trần Vy Uyên tập sự viết văn gặp ông già lẩn thẩn nơi xứ lạnh quê người mới đúng là một giấc mơ thôi?

TRẦN DIỆU HẰNG

CÓ LẼ CHẲNG BAO GIỜ

HẢI VÂN

Trước khi rẽ trái, hắn ngừng xe.

"À há! lần này thì Nhàn bắt gặp anh đi đón con mẹ đó rồi nhé. Hết đường chối cãi."

Như Nhàn thò đầu ra khỏi cửa kính, cách hắn chừng một sải tay, mắt sắc hơn dao. Hắn lạnh cả người.

"Chối với không chối cái gì. Cản đường người ta mà còn hạch sách. Có ai trên xe không?"

"Anh đi đón con mẹ đó mà. Bây giờ thì hết nói không xác nhận với không phủ nhận. Nhàn đã thấy tận mắt. Nó đang chải tóc chờ anh ở kia kìa."

"Đâu? Có đẹp không?"

"Kia kìa!"

"Để tôi đi đón nhé! Cám ơn!"

Hắn nhấn xe lên, bẻ tay lái."

"Thấy mà ghê! Muốn ăn thịt người ta không bằng! Liều ơi là liều! Dám ngừng xe ở ngay giữa ngã ba."

"Làm gì bây giờ?"

"Cứ đón!"

Nhìn hai bên đường, không thấy Như Thu, hắn vào ngõ, vòng trở lại. Lại Như Nhàn.

Nhàn bỏ xe, chạy vội vào xe hắn.

"Thế này thì chết rồi!"

"Làm cái gì vậy?"

"Đưa Nhàn về!"

"Cô có xe của cô. Đừng kiếm chuyện. Tôi đi đón người khác. Tôi không đón cô. Kẹt đường rồi kìa."

"Đưa Nhàn về!"

"Kẹt đường rồi!"

Càng giục, Như Nhàn càng ỳ ra. Bên xe Nhàn, người bạn cùng sở, lúc đầu ngồi quan sát; đến khi cả hàng xe phía sau bấm còi, đành phải chạy ra, vào chỗ người lái. Hắn cũng không đủ trơ trẽn tranh cãi với Như Nhàn, cho xe chuyển bánh.

Tới đầu đường, hắn vọng lại:

"Đi đón người ta đi!"

"Đâu?"

"Kia kìa!"

Như Thu đã tới khu phố trước mặt.

Hắn đần ra.

"Nó kia kìa! Đón nó đi!"

"Thì đón!"

"Đúng là con mẹ phù thủy. Người của người ta mà dám cướp."

Tới ngang Như Thu, hắn ngừng xe. Nhàn nhoài người qua, tay trái tì lên ghế xe, trông chẳng khác gì quàng vai hắn:

"Thu! Thu! Lên xe không?"

Như Thu quay lại, nửa bực, nửa ngượng:

"Thôi! Cám ơn! Có người đón rồi!"

Nhàn nói với theo mấy lần nữa.

Hắn bối rối, vòng ra đường khác.

"Bây giờ cô đi đâu?"

"Đi đón chị anh!"

"Thôi! Tôi không dám. Thấy cô, tôi đã ớn rồi. Để bà ấy thấy nữa, tôi không có chỗ độn thổ. Để tôi đưa cô đi lấy xe. Người gì mà lì lợm...!

Hắn đang hăng, Như Nhàn chộp một cái:

"Thiến cho đỡ lăng nhăng!"

Hắn hét lên:

"Làm gì vậy? Điên hả?"

*

* *

"Như Thu yêu quý!"

"Dạ! Thu đây."

"Có khỏe không?"

"Không anh! Thu buồn quá anh à!"

"Chuyện gì vậy?"

"Anh làm Thu mắc cở quá! Anh để người ta gọi Thu ơi ới ở giữa đường phố."

"Làm sao cản được?"

"Chuyện cỏn con như vậy mà anh không lo nổi thì làm sao Thu tin tưởng anh được!"

"Vậy hả?"

"Nếu Thu không nghĩ tới anh thì Thu đã lên xe rồi."

"Sao không lên? Lúc ấy anh còn muốn Thu lên nữa là đằng khác."

"Sợ anh khó xử. Thu đã định lại xe anh. Bắt *bả* xuống ghế sau. Mời người ta thì phải ra ghế sau ngồi. Rồi Thu bắt đưa Thu về tận nhà."

"Sao không làm vậy? Anh còn thích nữa."

"Sợ anh khó xử. Nếu Thu là anh, đâu có chuyện đó xẩy ra."

"Làm sao được. *Địch* bỏ xe giữa đường, chạy vào xe mình. Nói thế nào cũng không ra. Đường thì kẹt cứng, đành phải lái đi vậy."

"Anh phải bắt *bả* ra. Anh phải dứt khoát. *Tôi đón người khác. Tôi không đón bà. Bà không được ngồi xe tôi.*"

"Anh có nói. Bà ấy cứ ỳ ra."

"Thế là anh yếu rồi. Nếu Thu là anh, *bà* muốn ngồi xe, kệ *bả*. Tới chỗ Thu, anh đậu xe lại, băng qua đường đi bộ với Thu. Thử xem *bả* làm gì."

"Đường sẽ kẹt cứng."

"*Bả* phải lái xe đi"

"Nếu bà ấy để xe đó thì sao? Mình sẽ phải chịu trách nhiệm."

"Đâu dám. *Bả* đâu dám bỏ xe anh ở đó. Chẳng lẽ đi bộ sao?"

"Anh đâu nghĩ ra. Nếu bà ấy đi bộ thật thì sao?"

"Không dám đâu. *Bả* không dám để xe anh bị câu đâu."

"Thiệt không?"

"Thiệt chứ! Nếu *bả* dám làm vậy, thì *bả* theo anh làm gì? Người ta thương muốn chết người ta mới quen. Thu không giận *bả* mà Thu giận anh. Anh để *bả* gọi Thu ơi ới ở giữa đường. Mắc cở quá là mắc cở!"

"Lâu không gặp anh. Sao buồn quá vậy? Hai bà ghen nhau hả?"

"Sao biết?"

"Làm sao mà không biết. Muốn cả hai bà một lúc thì người ta phải ghen nhau."

"Đâu có muốn cả hai. Buồn quá thì phải có bạn."

"Một bên là đàn ông, một bên là đàn bà, làm sao mà là bạn được."

"Được chứ sao không được."

"Được hay không thì biết đó. Cứ để họ ghen nhau cho anh chết. Đâu có phải người nào cũng như Như Cúc. Muốn đèo bòng thì phải cao tay. Anh còn non lắm, không làm như vậy được đâu. Hôm qua một người đến tận bãi đậu xe. Thích nhé!"

"Sao giỏi quá vậy?"

"Cái gì mà Như Cúc không biết?"

"Ai nói?"

"Cần gì phải ai nói. Hôm trước người ta bắt gặp đi đón. Hôm sau mình ra sớm thì người ta phải rình để chặn."

"Ai nói vậy?"

"Việc gì phải hỏi. Mệt chưa?"

"Mệt quá rồi."

"Cho chết! *Tham thì thâm.*"

"Chưa được gì đã phờ phạc."

"Còn chối. Nếu chưa được gì thì người ta không có cớ để đòi chủ quyền. Mình có tí tửng với người ta, người ta mới dám làm lộng. Xét lại đi. Nếu biết mình không đủ bản lĩnh thì đừng đùa với lửa. Không phải chỉ bị phỏng không đâu. Có ngày còn bị cháy rụi nữa là khác."

"Thật hả?"

"Thật với không thật gì nữa. Mới mấy ngày mà đã vậy thì chưa hết đâu. Còn khổ nữa."

"Như Cúc cố vấn cho *Đức ngài* đi!"

"Còn *Đức Ngài* gì nữa. Hết cao quý rồi. Tiếng tăm đã bị hai con mụ đàn bà làm cho nhơ nhớp rồi. Nếu không tham lam, yên phận ở bên Như Cúc, đâu có khổ như vậy!"

"Muộn rồi!"

"Cho chết!"

"Như Cúc không thương *Đức ngài* sao?"

"Thương cái gì? Bỏ người ta mà còn bắt người ta thương nữa?"

"Thế thì Như Cúc cũng như người khác rồi."

"Đúng. Như Cúc cũng như người khác. Cũng cô đơn; cũng biết buồn; cũng biết ghen; nhưng Như Cúc không làm phiền ai. Không đón đường, không hò hét, không ăn vạ. Anh xem có người nào được như Như Cúc không?"

*

* *

Đêm đã khuya.

Hắn vẫn mải mê. Chỉ có kỉ niệm xưa là đẹp. Từ những lá thư nét mực đã mờ, đến những ngày mới sang Mĩ, vợ và con ở nhà, viết kể lể từng giờ từng phút, dặn dò cách ăn, cách uống, cách nghỉ ngơi, cách học hành. "Đừng cẩn thận quá, đừng giữ gìn quá, mụ người đi." "Sống cần cởi mở; phải có bạn có bè..." "Em không ghen đâu." "Khi nào em và con sang, mình trở lại như cũ."

"Bé xinh ạ! Em ngoan quá!"

"Bây giờ em ở đâu?"

"Bố! Sao bố chưa ngủ? Bố có chuyện lo nghĩ hả bố?"

"Không. Bố xem lại thư cũ. Ngủ đi!"

"Bao giờ bố xem lại thư cũ cũng là có chuyện. Ngủ đi bố! Nghĩ làm gì! Mai bố phải dậy sớm đó. Bố ngủ con mới ngủ được."

"Ừ. Bố tắt đèn đây.

"Bé xinh ạ! Nếu có em, anh không khổ thế này!"

Chăn lạnh.

Bên ngoài, tuyết rơi lất phất.

Hắn khùa tay tìm mảnh giấy và mẩu bút chì ở chiếc bàn nhỏ bên giường, viết trong bóng tối:

Có lẽ chẳng bao giờ em biết!

Vì mất em, tình anh cũng chết.

Cả cuộc đời chỉ thấy buồn tênh!"

HẢI VÂN

TRÁI TIM TRÍ NHỚ VÀ GIÒNG SÔNG

NGUYÊN SA

Trong tim có chỗ đá già
Tính từng trăm tuổi cũng thừa vài trăm
Ta đi ngang kiếm chỗ nằm
Mưa rơi nặng hạt đúng tầm sân sau
Sông Hồng, tuổi nhỏ, ngút đầu
Dường như động mạch đục ngầu phù sa
Em về có tắm chỗ ta
Sao trong tâm thất sóng qua ngập ngừng.

HUYẾT HOA

MAI THẢO

Huyết hoa

Bóng dổ dài thênh chiều ngắn lại
Đời ngắn theo cùng bóng trải xa
Tới khi bóng mất trong hình mất
Là chỗ ta nằm đá huyết hoa

Tôi

Tôi vẫn ghét tôi từ mái mái
Lại cũng yêu tôi tới bạc đầu
Cái yêu cái ghét như thù địch
Cùng già khú đế ở bên nhau

Mỗi ngày

Vầng trán trôi dài tới thái dương
Gò má chia miền múi ở giữa
Mỗi ngày mỗi tháng thấy chúng trong gương
Chán đến không buồn rửa mặt nữa

Nhắc lại

Phơi phới nhất là khi tối đen
Càng đen càng tối càng phơi phới
Chói lọi nhất là khi tối đen
Càng tối càng đen càng chói lọi

Món đất

Đất tưởng còn xa trời vẫn gần
Chợt đất đá gần trời xa dần
Khăn bàn trải sẵn cùng thân thế
Đợi chiếc khay trời món đất ăn

VÀI CHUYỆN VẶT MÙA XUÂN

NGUYỄN HOÀNG NAM

bát phố

chỉ tết trên một con đường
quanh tôi dại khái thường thường đông đông
tôi tham quan đủ một vòng
mùa xuân có thật trong lòng những ai?

thì xe vẫn kẹt mọi ngày
thì thường khi vẫn mặt mày phấn son

nghe nhạc

âm thanh phết những lớp sơn
những lời hát ấy dầy hơn trước nhiều
nàng xuân hở ngực nhăn nheo
trên quày băng nhạc mái thiu hẩm cười

đôi tai tuổi trẻ mím môi
hu hu ha hả những tôi về nguồn

xem tuồng

áo dài mẹ bắt em tròng
nói cười cha bắt á đông làu thuần
viếng thăm người lớn xa gần
mẹ cha có dịp vui xuân khoe hoài

một mình tôi đứng vỗ tay
áo em thêu một cành mai quê nhà

nằm nhà

tết tây rồi đến tết ta
vài ba cánh thiệp gọi là nhắc nhau
trong nhà chẳng thấy tết nào
có tờ lịch mới hình đào hồng kông

nghỉ làm nghỉ học mất công
nằm tiu nghỉu nối khó xong một ngày

NGỌN CỎ TRONG MÙA XUÂN

NGUYỄN THIẾU NHẪN

Người đàn bà quẹo xe vào K. Mart. Bãi đậu trống trơn. Tuyết bên ngoài trắng xóa. Người đàn ông nhớ tới quyển sách đọc hôm nào. Một nhà văn Mỹ ví von: "*Lịch sử nước Mỹ như cái bãi đậu xe!*" và cười khan. Người đàn bà hỏi: "Nghĩ gì mà cười một mình vậy?" Người đàn ông lắc đầu. Người đàn bà tắt máy xe: "Bộ đang nghĩ chuyện bậy bạ, hả?" Người đàn ông lật đật nói: "Hổng có đâu." Và để người đàn bà khỏi thắc mắc người đàn ông nói lại câu ví von của nhà văn Mỹ. Hai người mở cửa xe đi vào tiệm. Người đàn bà dậm dậm chân. Người đàn ông mở cửa. Người đàn bà phủi phủi tuyết bám trên tay áo, bước vào cửa, nói:

"Lạnh teo luôn."

Người đàn ông bước sau, hỏi: "Teo cái gì?"

Người đàn bà hấp háy đôi mắt, mỉm cười tinh quái:

"Trời đất này còn có cái gì mà hổng... teo."

Người đàn bà bước nhanh về gian hàng bán quần áo lót của phụ nữ, kêu lên:

"Nó đang *seo*. Anh lựa mua một mớ gửi về cho bà xã. Người đàn bà vừa nói vừa xốc mớ quần lót đủ màu lên. Vừa tháo găng tay, người đàn bà nhìn qua gian hàng kế bên:

"Áo ngực nó cũng *seo* nữa, 50 *xen* một cái. Bà xả anh *xai* mấy, nếu cỡ em thì *xai* 34.

Người đàn ông nhìn người đàn bà thân thể gói tròn trong cái áo *coat* nỉ đen, nói:

"Tôi đâu có biết cô ấy *xai* mấy. Tôi lại càng không biết là cô *xai* mấy."

Người dàn bà kín đáo nhìn người đàn ông (vẫn với ánh mắt tinh quái):

"Vợ chồng ăn ở với nhau cả hai mặt con mà anh cũng hổng biết bà xả mặc áo ngực *xai* mấy? Bộ hổng có lần nào mua tặng cho bả hả?"

Người đàn ông nhìn người đàn bà, có vẻ ngạc nhiên. Và chợt nhớ là chưa bao giờ biết về ba cái "cỡ" quần áo lót của người vợ. Chàng nhớ hồi đó khi phải đi mua sắm ba cái "phụ tùng" này, người vợ thường để chàng ngồi ở quán Kim Sơn, nhấm nháp ly băm ba, nhìn người đi qua đi lại lên xuống cười nói. Thường người vợ đi thật lâu. Có lần sốt ruột đi tìm thì gặp người vợ vừa bước ra cửa đông chợ Bến Thành, người vợ hỏi: "Nếu không gặp em ở đây rồi anh vào chợ tìm em?". Chàng nói, chứ sao. Nàng bẻn lẻn: "Kỳ chết. Đàn ông ai vô mấy chỗ đó làm gì."

Từ đó, người vợ không bao giờ nhờ chồng chở đi khi cần mua mấy cái thứ này.

Người đàn ông kể lại chuyện này cho người đàn bà nghe, nàng kêu lên, có vẻ ngạc nhiên:

"Vậy sao? Nàng xốc mấy cái quần lót, nói: "Rồi biết cỡ nào mà mua. Thôi em cứ lựa một

mớ cở em gửi về cho bả. Mặc vừa thì mặc, mặc hổng vừa thì bán. Bên này coi đồ bỏ vậy chớ về tới bển tiền không."

Nàng lựa cẩn thận những cái quần lót màu hồng nhạt, màu hoàng yến có những vân vi bỏ vào một giỏ nhựa. Lựa đâu khoảng một chục cái, chợt người đàn bà hỏi: "Thường là bả thích màu gì?" Không đợi người đàn ông trả lời, đã cười cười, nói tiếp: "Dám nói cũng hổng nhớ lắm à." Người đàn ông nói: "Cái này thì tôi nhớ. Cô ấy cũng thích mấy cái màu như cô vừa lựa." Người đàn bà quay mặt chỗ khác, cười (vẫn cái cười tinh quái). Người đàn ông cầm chiếc áo nịt ngực màu đỏ chót không thấy có dây nhợ móc miết gì, đưa lên nhìn. Người đàn bà giựt lại, bỏ vào đống áo, nói" Cái này để mặc với áo hở lưng. Ở bển bây giờ bả đâu có mặc ba cái này. Chắc cũng không còn ai mặc. Mua uổng, hổng mặc mà cũng hổng bán được."

Ra khỏi tiệm, lúc chui vào xe, mở máy, mở *heat*, người đàn bà nói:

"Về, lúc đóng thùng gửi về Việt Nam, anh nhớ gở bỏ ba cái giá. Ở nhà mà biết ông xả đi mua đồ *xeo* gửi về chắc bả "bể" lắm."

Nàng vừa nói vừa cười cười nhìn người đàn ông. Người đàn ông có vẻ cảm động:

"Nếu không nhờ cô tôi đâu có biết ba cái vụ này."

Người đàn bà lui xe, trả số, nhấn ga. Chiếc xe màu trắng lao tới:

"Anh hổng gặp em thì gặp người khác, thiếu gì. Với người mới tới ai mà hổng giúp."

Người đàn bà trên môi vẫn giữ nụ cười tinh quái, vừa nói vừa nhìn người đàn ông. Tự nhiên người đàn ông thấy người đàn bà dễ thương lạ lùng.

Lúc về đến nhà, người đàn bà vẫn nổ máy xe, nói:

"Thôi anh về, mai mốt có cần gì cứ phone cho em. Bao nhiêu đồ mua mấy bữa nay chắc đủ đóng vào cái thùng giấy mà em đem cho anh.Băng keo để em đem qua cho, đừng có đi mua ở ngoài mắc, uổng tiền."

Người đàn ông tay cầm túi đựng mớ quần áo lót, ngần ngừ một lúc, bổng khều khều tay người đàn bà, nói:

"Cho hôn một cái nghe!"

Người đàn bà tắt máy xe, kêu lên:

"Ô, cái anh này. Chở đi mua sắm đồ đạc gửi về cho vợ, đã không nói tiếng cám ơn còn đòi... hun hít. Kỳ chưa?"

Người đàn ông tiu nghỉu đưa tay mở cửa xe, định bước ra. Người đàn bà nắm tay kéo lại, nói:

"Thôi, muốn hun thì hun!"

Người đàn bà cười cười, giao hẹn:

"Hun má thôi, không được hun môi, nghe."

Người đàn ông vẫn cầm túi quần áo lót , xoay người, kê mũi hôn lên má người đàn bà đang chìa ra. Xong, định bước ra xe, người đàn bà kéo lại, chìa má bên kia, cười tinh quái:

"Lỡ rồi, hun luôn bên nây cho đồng đều, kẻo nó xệ một bên, mất đẹp gái.

Người đàn ông hơi ngạc nhiên, kế lật đật làm theo lời người đàn bà. Lần nàỳ chàng hôn lâu hơn. Chàng hít thật sâu mùi da thịt đàn bà. Hình như mũi chàng có đụng cái nốt ruồi lưỡng quyền của nàng. Chàng cũng có thấy nàng lim dim mắt.

*
* *

Như vậy mà họ quen nhau đã nửa năm. Người đàn ông không giống như những người đàn ông đã đi qua đời nàng. Sau lần đòi hôn trên xe, chàng có điện thoại đến nhà nhờ nàng đến chỉ cách đóng, gói và gửi quà về cho vợ. Ít lâu sau chàng gọi báo tin là người vợ đã nhận được thùng quà và viết thư qua cho biết là "mấy cái quần áo lót mặc vừa lắm." Chàng gọi lại cám ơn và... xin lỗi về cái vụ xin hôn lần trước. Hôm đó mấy đứa con đi học vắng, nàng nằm dài trên giường, quấn mình trong chăn, cười ngất: Hun người ta đã đời rồi giờ mới xin lỗi là làm sao. Mà có phải anh hun ẩu đâu mà xin lỗi. Hun có xin phép khỏi lỗi phải gì cả.

Đầu giây bên kia giọng nói của chàng ngần ngừ:

"Mà tôi thấy mình có lỗi quá. Khi không nhờ cô giúp lại đi làm cái chuyện... kỳ quái. Tôi vừa có lỗi với cô mà lại có lỗi với... vợ tôi. Không biết sao bữa đó tôi thấy cô... dễ thương quá. Và tôi thì tôi nhớ vợ tôi quá."

Nàng cười ngặt nghẽo:

"Trời đất! Thôi đi ông, thấy dễ thương vậy chớ *thương... hổng dễ* đâu. Mà bây giờ em qua cho hun thì hun nữa không?"

Giọng người đàn ông có vẻ thành thực:

"Không đâu, hôn lần nữa dám thương cô thiệt lắm."

"Thì cứ thương chớ có sao đâu."

"Không được đâu, tôi thương ai tôi lâu quên lắm."

Người đàn ông chào nàng rồi cúp điện thoại đã lâu mà nàng vẫn ngẩn ngơ.

Cách đây bảy năm khi nghe tin người chồng chết trong trại cải tạo, nàng tưởng như mình có thể chết được. Nhưng rồi nghĩ tới năm đứa con, nàng đã dẹp nổi buồn đau mất mát, chạy ngược chạy xuôi buôn tảo bán tần nuôi con. Thôi thì đủ thứ mánh mung, thượng vàng hạ cám. Ở đâu nàng cũng chỉ đụng toàn những thợ săn thịt người. Những thằng cán bộ Việt Cộng cao cấp, những thằng công an, những thằng gian thương mà thời nào cũng có. Với một mục đích duy nhất kiếm nhiều tiền để đưa những đứa con thoát khỏi vùng đất ngục tù, nàng đã nhắm mắt buông xuôi mặc cho số phận đẩy đưa. Nàng chỉ gặp toàn những thằng đàn ông gặp nàng là hau háu nhìn nàng như muốn ăn tươi nuốt sống. Nàng bất cần. Mục đích duy nhất là đưa những đứa con ra nước ngoài và gầy dựng tương lai cho chúng.

Sau cùng nàng đã nhận lời làm vợ bé lão chủ tàu người Hoa đã giúp đỡ cho mẹ con nàng vượt biển. Tới đảo, lão và gia đình định cư ở Canada. Nàng và năm đứa con được định cư ở Mỹ vì người chồng đã chết là sĩ quan của chế độ cộng hòa.

Cho tới giờ, lão người Hoa, vốn có cơ sở thương mại rất lớn ở Canada, vẫn liên lạc với nàng. Mỗi năm vào mùa hè lão vẫn nói dối với vợ đi giao dịch làm ăn để tới với nàng. Hai tuần lễ ở khách sạn là đủ mười bốn ngày lão mặc tình dày vò nàng. Suốt đêm chẳng có đêm nào ngủ nghê gì được với lão. Sáng ... vừa ở phòng tắm bước ra là lão đã đè nàng. Hùng hục. Rồi nằm thở như trâu kéo cày quá buổi. Chả biết lão ăn uống cái giống gì mà sung sức quá chừng. Nàng chiều chuộng lão vì số tiền hậu hĩnh mà lão sẽ kín đáo bỏ vào ví nàng trước khi lên phi cơ về Canada. Chiếc xe mới toanh nàng đang lái. Những quần áo sang trọng của những đứa con. Những gói quà, tiền bạc liên tiếp gửi về bà mẹ già và những anh chị em ở Việt Nam. Tất cả đó là cái giá mà nàng phải trả với lão. Vì mục đích nàng quyết tâm thực hiện. Đứa con gái lớn đang theo học dược ở một Đại học. Nàng dự tính sang năm sẽ cho nó kết hôn với người thanh niên đang theo học trường thần học để trở thành mục sư. Đứa con trai kế đang theo học năm thứ nhất ở trường cộng đồng về ngành điện, năm tới cũng sẽ ra trường.

Và nàng, nàng đang theo học nghề in ở đại học cộng đồng với thằng con thứ hai. Nàng dự trù khi tốt nghiệp sẽ đi làm. Nàng sẽ tìm cách dứt dần ra với lão người Hoa.

Nói cho đúng thì nàng cũng cặp xách tùm lum chớ chẳng phải chỉ riêng lão chủ tàu. Những thằng đàn ông háo sắc mang tiền đến cung phụng dại gì mà không lấy. Thuốc ngừa thai rẻ rề nàng đâu có lo chuyện chữa đẻ. Có điều đêm đêm một mình trong căn phòng tường vôi trắng toát, trên chiếc giường êm ái, nàng lại thấy mình cô đơn hơn bao giờ hết. Hồi mới qua, cũng có một người đàn ông theo đuổi nàng. Anh ta nói với nàng là anh ta chưa vợ. Anh ta lại có việc làm tốt, lương cao. Anh ta bỏ tiền ra để mua chuộc cảm tình với các con nàng. Nàng cũng có ý định "bước thêm bước nữa" với anh ta. Đùng một cái nàng khám phá ra vợ con anh ta đùm đề sắp qua Mỹ theo chương trình đoàn tụ. Anh ta thề chết sống với nàng khi vợ con anh ta qua đây anh ta sẽ ly dị để sống với nàng. Nàng đã nói với anh ta: "Anh nên lo việc đón rước và làm tròn bổn phận làm chồng, làm cha với vợ và các con anh đi. Họ là những người cần anh hơn tôi. Chuyện giữa tôi và anh từ trước tới giờ coi như chấm dứt vì anh đã một lần nói dối với tôi."

Vậy mà khi qua đây, vợ và những đứa con của anh ta lại lấy ân làm oán, đi rêu rao nàng là "con mẹ giựt chồng người." Nàng chỉ cay đắng chịu đựng, không lời đính chính.

Từ đó, với những người đàn ông theo đuổi nàng -- những thợ săn thịt người -- nàng luôn luôn coi như chuyện qua đường.

Cho đến lúc gặp người đàn ông "xin hôn một cái, nghe" thực lòng mà nói nàng rất ngạc nhiên. Lúc đầu nàng cũng chỉ muốn đùa cho vui. Nhưng khi anh ta chỉ hôn lên má -- như nàng đã giao hẹn. Và sau đó còn gọi đến xin lỗi càng làm nàng suy nghĩ.

*

* *

Lại sắp sửa Tết. Qua đây đã năm năm. Năm nào gần Tết là nàng cũng phải chạy đôn, chạy đáo. Lớp nào quà cáp, tiền bạc gửi về Việt Nam. Hết bà chị tới ông anh, người nào chắc cũng tưởng nàng đang làm chủ một trái núi vàng ở Mỹ. Nói cho cùng trách những người ở bên nhà cũng không đúng. Có nằm trong chăn mới biết chăn có rận! Họ có ở Mỹ đâu mà họ biết cái *tàn nhẫn, thiếu tình người* của xứ Mỹ. Ai cũng mơ ước tới thiên đàng nhưng đụng thiên đàng rồi mới té ngửa. Muốn nhà cao cửa rộng xe hơi mốt miết thì cố nai lưng ra mà trả nợ. Tháng tháng nào hóa đơn tiền nhà, tiền xe, tiền điện, nước, điện thoại... thôi thì đủ thứ bà dằn. Có lần nhìn anh chàng người Mỹ, ở cái hãng in mà nàng đang thực tập, ngồi khóc ngon lành vì bị *lây-ốp* nàng mới thấy thấm thía. Lý do anh ta khóc vì anh ta mới mua cái nhà, thất nghiệp không có tiền trả, nhà sẽ bị lấy lại. Lại phải tiếp tục kiếp ở nhà mướn.

Còn nhiều chuyện mà nàng không muốn nghĩ tới.

Tết rồi còn phải tổ chức lễ tân niên ở hội thánh Tin Lành mà theo nàng dự định trong tương lai người con rể của nàng sẽ về làm mục sư ở đây. Rồi quà cáp, biếu xén người này, người nọ. Rồi còn đi dự tất niên ở nhà thờ Công giáo. Đi dự mấy cái *pác-ti*, nhảy nhót thâu đêm suốt sáng.

Lo hay không chuyện phải tới rồi nó cũng tới. Suốt cả ngày hôm nay, đến chỗ này tặng hộp mứt, chỗ kia gói trà, chỗ nọ đòn bánh tét. (Năm nào nàng cũng mua lá chuối về gói bánh tét để tặng những người trong hội thánh). Về đến nhà đã tám giờ tối, mệt muốn rã người. Nàng thay quần áo, leo lên giường định chợp mắt một lúc, chợt đứa con nói:

"Có chú nào lạ lạ gửi má gói quà với cái thiệp chúc Tết."

Nàng nhìn qua cái thiệp thấy có đề tên người đàn ông, mới chợt nhớ là chưa đem quà cho ông ta. Nàng ngồi dậy mang giày, khoác cái áo *coat*, lấy gói quà mà nàng đã để sẵn trên đầu tủ lạnh, trong đó nàng đã cẩn thận để một đòn bánh tét, một hủ kim chi tự tay nàng làm. Lúc ra tới xe nàng mới chợt nhớ quên lấy cho người đàn ông một ít thịt kho để anh

ta ăn với bánh tét, vì có thể chỉ có hai cha con chắc anh ta sẽ lười nấu nướng.

Tuyết lại rơi lúc nàng bước vào căn phòng của người đàn ông. Nàng đưa tay gõ cửa. Có tiếng nói:

"Cửa mở, cứ tự nhiên."

Nàng đẩy cửa bước vào. Căn phòng mờ mờ trong bóng tối. Người đàn ông đứng dậy, bật công tắc đèn:

"Không nghĩ người đến là cô."

Nàng để bịch giấy lên bàn ăn, nói:

"Đem anh đòn bánh tét và hủ kim chi để ăn... Tết."

Nàng ngồi xuống chiếc ghế dựa, nhìn dĩa tôm khô củ kiệu đã vơi một nửa, dưới bàn la liệt lon bia:

"Anh nhậu một mình hay với ai mà nhiều dữ vậy?

Người đàn ông khoa khoa tay:

"Với người bạn trước cùng đi tù hiện đang ở apartment số bốn. Anh ta mới vừa đi thì cô tới. Tôi cứ tưởng là anh ta trở lại.

Anh ta thở dài, nói:

"Chiều cuối năm buồn quá, không biết làm gì. Uống rượu lại càng buồn. Đúng là: *Lận đận bên trời chung một lứa*

Say càng chua xót, tỉnh càng thương! (*)

Tự dưng anh ta nói, giọng có vẻ phấn khởi:

"Hay là cô uống bia với tôi?"

Không đợi nàng trả lời, anh ta xuống bếp xách lên một thùng bia, mở thùng lấy đưa nàng một lon và anh ta một lon. Anh ta lại lấy thêm một đôi đủa đưa cho nàng. Ngồi xuống ghế sô pha, anh ta gắp một chiếc củ kiệu:

"Nhậu đúng điệu la ve củ kiệu. Vậy mà còn hổng chịu."

Nàng nhìn xuống mấy dãy lon bia, chợt nhớ là mình đang mặc quần áo ngủ, nàng khép cái vạt áo *coat* lại, nói:

"Định chạy qua đưa anh đòn bánh với hủ kim chi rồi về. Ai mà nhè gặp anh uống rượu. Thôi để em đem kim chi lên anh nhậu coi có... bắt không."

Lúc lấy dĩa gắp kim chi ra nàng chợt nhớ đến những ngày tháng mới qua khi người đàn ông nói dối là không có vợ con đang theo đuổi nàng tưởng đâu "phục rượu" được nàng, không ngờ cuối cùng anh ta tha hồ mà ói mửa và nằm dài trên ghế sô pha ngủ tới sáng.

Lúc nàng đem dĩa kim chi lên, người đàn ông gắp một đũa, nhai, uống một ngụm bia, hồi lâu nói:

"Cứ như kim chi Đại Hàn."

Anh ta lại lấy lon bia khác, khui và uống. Anh ta gật gù:

"Thôi không dám ép cô uống bia. Chút còn lái xe về. Tại uống một mình buồn quá. Vả lại ai mời đàn bà con gái uống bia, mặc dù nhìn cô tự dưng tôi nghĩ tôi uống bia không lại cô."

Nàng nhìn anh ta:

"Anh nghe ai mà biết là em uống bia nhiều?"

Người đàn ông lắc đầu:

"Ở đây cả hai năm rồi, tôi đâu có giao thiệp với ai mà biết về cô. Tôi chỉ đoán vậy thôi. Tại vì nếu đàn bà mà chịu uống thì đàn ông uống không lại. Đó chỉ là kinh nghiệm của tôi thôi."

Rồi anh ta kể cho nàng nghe hồi còn nhỏ ở làng anh ta ở có người đàn bà, mỗi ngày ra cái quán cốc ven đường mua cở hai phần ba ly rượu trắng, rà gốc cây tầm ruột, bứt mấy ngọn lá non, bỏ vô miệng nhai nhai, kế ực một cái hết ly rượu, rồi tỉnh bơ bỏ đi về nhà. Anh ta cũng kể tiếp cho nàng nghe hồi còn ở trung học, theo đám bạn bè du đảng. Lần đó mời được một cô gái rất đẹp đi chơi. Cả bọn bỏ tiền mua rượu, mua thịt tính phục rượu cô gái. Kết cuộc, lúc tỉnh dậy, thằng nào thằng nấy đầu đau như búa bổ, cô gái đâu mất tiêu. Trên bàn còn để lại tấm giấy: "*Cám ơn mấy anh về bữa tiệc hôm nay. Hẹn ngày tái ngộ.*"

Nàng như bị hấp dẫn theo câu chuyện của người đàn ông, mở uống hết lon bia lúc nào không biết, chồm qua lấy lon bia khác, khui uống tiếp.

Gương mặt người đàn ông như tối sầm lại, có vẻ buồn bã:

"Ngày vui nào rồi cũng qua mua. Nhiều khi muốn sống lại hồi còn nhỏ mà nào có được. Đâu có ai tắm được giòng nước hai lần trong ngày. Cũng giống như lúc đi vượt biển thì mong tới đảo, lúc tới đảo mong được nhận đi định cư, lúc qua Bataan mong được qua Mỹ. Bây giờ đã tới... thiên đàng, đâu còn biết đi đâu. Nhớ hồi còn ở tù ở Lào Cai, khi bị bắt đi chặt cây, đốt rừng trên núi Hoàng Liên Sơn, tôi mong muốn làm sao được trở lại với đời, được gặp mặt người vợ đã bao năm xa vắng. Về tới nơi, đời sống không như mình tưởng. Đâu có người tù nào không muốn yên phận sống với vợ con. Vậy mà cái guồng máy cộng sản nó cuốn hút, nó xoáy, nó hất văng ra ngoài, ngay cả chính người của chế độ, nói gì đến những người ngoài chế độ, như tôi. Tôi thấy thân phận của những nhân vật của những quyển truyện như Giờ Thứ Hai Mươi Lăm với anh chàng Moris, Tầng Đầu Địa Ngục với Niestchine nó chẳng nhằm nhò gì với tù cải tạo của Việt Nam. Hai mươi bốn giờ trong ngày của anh tù cộng sản Liên Sô còn có súp, có thịt, có thuốc lá, có áo ấm... Tù cải tạo của Việt Cộng có gì ngoài hai bữa bo bo, bắp xay, sắn tươi, sắn khúc, sắn đuôi... và những thứ cùng loại, độn với mười lăm phần trăm gạo? Chúng tôi đã phải bắt tất cả những con vật động đậy và... nướng ăn. Được thả ra, lại vào một nhà tù lớn hơn..."

Người đàn ông uống một hơi hết lon bia, lấy lon khác, gắp một đủa kim chi, nói:

"Sao cô không ăn gì cả?"

Nàng lấy đủa gắp một đủa kim chi, ăn và uống hết lon bia, để xuống, nói:

"Tại nảy giờ nghe anh nói hay quá."

Người đàn ông đưa lon bia khác cho nàng, nói:

"Cô biết: ra khỏi trại tù tôi đã làm đủ thứ nghề: đi xe đạp

ôm, xe ba gác, vá sửa xe đạp, nuôi heo, nuôi gà. Thôi thì không thiếu một thứ nghề gì. Kế bị bắt lại. Cứ mỗi lần bị bắt, người ta lại bảo là *lệnh trên*, người ta lại bảo tôi là *thành phần nguy hiểm cho chế độ...*" Đâu có ai muốn bỏ vợ con, nhà cửa, bà con thân thuộc, bạn bè, mồ mả ông cha mà ra đi. Vậy mà cũng phải đi. Bởi vì không thể sống cùng những người Việt Cộng."

Nàng lại lấy tiếp hai lon bia khác. Người đàn ông đốt điếu thuốc, hút một hơi, rồi lại dụi tắt điếu thuốc, ôm lấy mặt:

"Bây giờ qua đây tôi như một thằng *tàn tật:* tàn tật trong ngôn ngữ, trong tâm hồn."

Anh ta nhắm mắt, rồi lại mở mắt, uống một ngụm bia, tiếp:

"Có thể là tôi quá khích, tôi hổng giống ai, tôi hổng thích nghi, tôi hổng hội nhập được với cái xã hội mới. Đáng lẻ tôi cứ đi cày, kiếm tiền mua nhà, mua xe, sắm sửa đầy đủ những tiện nghi vật chất. Theo đuổi những người đàn bà góa chồng ở trại tị nạn mới qua. Kêu những *gái gọi* về để giải quyết sinh lý. Cuối tuần mướn phim bộ Hồng Kông về coi cho qua ngày đoạn tháng. Tôi lại khác, tôi cũng giống như ông nhà văn tự gọi ông ta là *người đi trên mây*. Tôi cứ muốn mọi chuyện nó như mình nghĩ. Tôi cứ nghĩ ai cũng như mình. Tôi muốn trở về nước mà tôi lại không tin mấy ông lảnh tụ. Tôi mất niềm tin vì tôi thấy là Thượng Đế ở cao quá! Tôi tin Chúa mà tôi thấy ông mục sư bắt đàn bà cởi truồng nằm ngồi đủ các kiểu cách để ông thỏa mãn cái bệnh hoạn sinh lý của ổng tôi nản quá. Rốt cuộc, tôi lại tự làm khổ tôi. Tôi thấy cô dễ thương, tôi xin hôn cô rồi tôi thấy mình có lỗi với vợ, có lỗi với cô. Sao tôi lại tự làm khổ mình vậy?"

Bỗng nhiên người đàn ông ôm mặt, khóc nức nở. Người đàn bà hoảng quá, cởi bỏ áo *coat*, qua ngồi kế người đàn ông ve vuốt, vỗ về:

"Đừng khóc anh, đừng khóc anh."

Người đàn ông gục mặt vào ngực người đàn bà, tiếp tục nức nở.Người đàn bà nghe ngực mình rung lên theo tiếng nấc của người đàn ông. Một lúc sau khi những giọt nước mắt nóng của người đàn ông chảy ướt trũng ngực nàng, nàng mới nhớ là nàng không có mặc áo nịt ngực.Nàng đan những ngón tay vào tóc anh ta, vỗ về. Những giọt nước mắt nóng cứ tuôn chảy thấm ướt trũng ngực làm nàng nổi gai ốc. Nàng như đang sống lại cái cảm giác rạo rực, nửa thích thú nửa âu lo, như lần đầu tiên năm mười bảy tuổi chồng nàng quờ quạng những ngón tay trên ngực nàng trong đêm tân hôn.

Một lúc sau người đàn ông đã nín khóc, rời khỏi ngực nàng, kín đáo lau những giọt nước mắt còn đọng trên má, nói:

"Xin lỗi cô nghe, tự dưng buổi chiều cuối năm tôi lại nổi khùng."

Nàng mở rộng vòng ôm lấy chàng. Chàng còn kịp thấy ngực nàng phập phòng dưới làn áo ngủ mỏng manh ướt nước mắt của chàng trước khi áp môi mình lên môi nàng. Chàng hôn nàng như muốn nuốt chửng lấy nàng. Mùi bia, mùi tôm khô củ kiệu, mùi kim chi, mùi da thịt như trộn lẫn vào nhau. Trong cơn mê sảng người đàn ông hình như còn nghe cả mùi son đã nhạt trên môi người đàn bà.

* *

Người đàn ông tỉnh giấc. Chiếc áo *coat* rơi xuống sàn nhà. Chàng lật đật lấy quần áo mặc vào. Người đàn bà đang nấu nướng gì đó ở bếp, nghe tiếng động, quay lại, nhoẻn miệng cười:

"Em đang hâm lại các thức ăn. Có hai cha con cũng bày đặt kho thịt, hầm canh khổ qua. Bộ hồi ở Việt Nam làm mọi vợ lắm sao mà coi bộ nấu nướng khéo quá vậy?"

Người đàn ông ôm mớ quần áo trên ngực đáp với giọng vẫn còn ngái ngủ:

"Đâu có biết làm gì, bày ra làm cho nó hết thì giờ."

Lúc người đàn ông ở nhà tắm lò dò bước ra thấy người đàn bà đã dọn các thức ăn lên bàn. (Nàng đã khệ nệ đem cái T.V. để xuống sàn nhà. Nàng đã lấy cái lọ hoa đổ nước để dùng làm chỗ cắm nhang). Nàng đốt ba cây nhang, đưa người đàn ông, nói:

"Anh vái cúng ông bà, rồi mình thức đợi... giao thừa. Em đã điện thoại cho nhỏ con gái lớn dặn nó cúng ông bà rồi."

Người đàn ông xá xá, cắm ba cây nhang. Chàng chợt thấy lòng mình rung động cái cảm giác hồi nhỏ bước vào ngôi thánh đường vắng lặng nhìn lên tượng Chúa bị đóng đinh trên thập ác, nhìn lên những vòm cửa kính cong cong. Cái cảm giác cũng giống như lúc bước chân trần lên nền gạch đỏ mát lạnh trong một ngôi chùa, nhìn Đức Phật ngự trên tòa sen đưa cặp mắt từ bi nhìn xuống đám chúng sinh đang bập bềnh trong bể trầm luân...

*
* *

Tối ba mươi có hai người nằm ôm nhau đợi giao thừa. Hai người đều có cùng một ước vọng: *đem con qua biển Đông và gầy dựng tương lai!* Mỗi người đều có những khó khăn riêng tư. Họ nói cho nhau nghe những dự tính về tương lai. Rốt cuộc, hai người nhận ra là họ *cô đơn* quá ở cái xứ đất tiền, đất bạc này. Họ như hai kẻ chết đuối bám lấy nhau.

Người đàn ông như phún xuất thạch của một ngọn núi lửa đã tắt chợt hoạt động lại.

Người đàn bà như những ngọn cỏ mùa đông xơ xác phơi mình đón đợi những giọt mưa xuân.

San Jose tháng sinh nhật 1989
NGUYỄN THIẾU NHẪN

TÌNH BẬU MUỐN THÔI

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

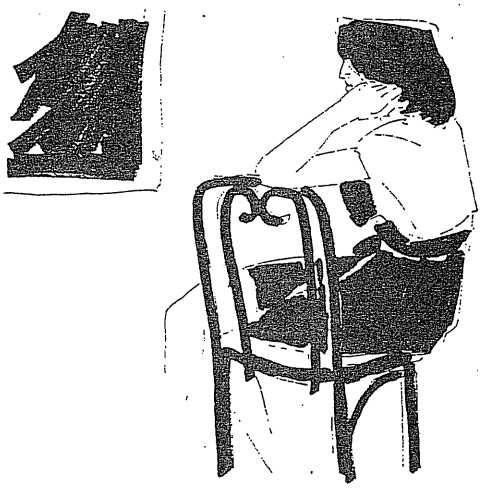

Ví dầu tình bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra
(Ca dao)

Mưa lạnh. Tôi mua một gói pistachio bỏ vào túi áo cắn cúc cắc cho vui một đoạn đường về. Từ sở làm đến bến xe buýt cách một đoạn đường xe cộ phố xá, vậy mà hai tay vào trong túi thỉnh thoảng mới thò ra nhón một hột cho vào miệng nhai nhóp nhép, bước thong dong lòng lâng lâng thanh thản để tôi thả hồn tưởng tượng rằng ta đang đi lạc giữa một rừng sồi hay rừng thông thơm ngát và miệng thì đang nhai hạt giẽ rang. Sao lại hạt giẽ rang? Sao lại rừng thông? Cả quá khứ một thời man dại xõa tóc đuổi bắt nhau trên những ngọn đồi, những ngọn đồi êm cỏ mượt xa ngút mắt ngày thơ trong những ngày nắng gió êm đềm và những ngày mưa bão rừng thông vặn mình phẫn nộ gào thét ầm ĩ xua đuổi những cơn gió rít quanh mình. Xe buýt đến gần, tôi bỗng nhiên đổi ý. Phải rồi, đêm giao thừa lạnh giá sao ta lại không làm một điều gì "bất bình thường" vui vẻ, may ra thay đổi được cõi đời vốn lạ lùng và nhàm chán này, được không?

Lên chuyến xe chở đến nhà Vĩnh, tôi thắc thỏm dòm chừng trạm xuống, nếu mà nó đi vượt quá thì khổ nặng. Chìa khóa phòng Vĩnh nằm một chùm chung với chìa khóa nhà tôi cũng như chìa khóa phòng tôi được nằm chung một chùm với chìa khóa của Vĩnh cho ấm. Nói thì có vẻ lãng mạn vậy theo ý tôi nhưng nói theo kiểu của Vĩnh thì nghiêm trọng hơn nhiều:

"Cho tụi chìa khóa ở chung với nhau như một lời giao kết gắn bó giữa em với anh."

Khi tôi dẫy nẫy từ chối không chịu trao đổi.

Vĩnh dụ dỗ lẫn dọa yêu, chàng bao giờ cũng thế:

"... Khi nào em đi ra mà lỡ bỏ quên lại chìa khóa trong phòng, khi nào mà anh đánh mất chìa khóa thì mình... cứu nhau, có sao đâu!

Và tôi lại ngoan ngoãn nghe theo như bao nhiêu hàng trăm ngàn lần khác từ những việc vặt vảnh nhất cho đến những chuyện kha khá lớn hơn. Lòng bỗng dưng bất ngờ đau nhói: chàng đã lẫn vào đời ta nhiều đến thế sao: từ thân thể này, từ tâm ý này, mọi sự đều có hơi hướm của người từ bao giờ vậy?

Nhẩm tính, hôm nay là tháng thứ sáu từ ngày quen nhau mà tình tôi với chàng ôi xiết bao thâm trầm âu yếm. Và chiếc chìa khóa kỳ diệu chiều nay giúp tôi "*xăn tay mở khóa động đào,*" tôi lại đỏ bừng mặt vì một ý nghĩ không chính đáng chợt thoáng ngang đầu, nhưng mà thôi, phải bình tĩnh xem lại số phòng của chàng cho chắc ăn trước khi tra chìa khóa vào ổ. Ôi đời có biết bao những ngẫu nhiên thâm trầm đưa ta đến hay đẩy ta đi, xô nhau vào hệ lụy hay rứt ruột tầm ra khỏi đám tơ non! Lòng thổn thức, tôi nhìn quanh lần đầu căn phòng người mình yêu đang ở, giang sơn này có từng hơi thở, từng sợi tóc rụng, hạt bụi nào vướng chân đi còn rớt lại, cái chăn xanh xô lệch trên giường, chiếc gối hoa hờ hững vướng nửa trên nửa dưới mép giường, kệ sách bề bộn, chắc tối hôm qua Vĩnh thức khuya làm việc sáng dậy sớm không kịp thu dọn lại. Tôi nhìn quanh mỉm

cười: mình đang định liều một chuyến, vậy thì còn sợ gì mà không làm đi? Nhanh nhẹn tháo vát, tôi gấp chăn kéo gối gọn gàng, xếp lại ngay ngắn mấy chồng sách, nếu có chàng ở đấy thế nào tôi cũng gắt gỏng một cách rất nội trợ:

Anh bừa bãi quá, chăn màn quần áo sách vở cứ vứt lung tung. Phải tập thứ tự cho quen, sau này... ở chung em không chịu nổi!"

Tôi chưa là vợ chàng, nên có đâu những săn sóc âu yếm nhỏ nhặt lo lắng cho nhau? Nói làm sao được những lời gắt gỏng âu yếm như ai? Nhưng làm một mình, thu dọn lăng xăng, cáu kỉnh gắt thầm một mình và như lần đầu khám phá ra những điều rất thân mật của một người rất thân yêu có cái thích thú dịu nhẹ thần tiên.

Táy máy, tôi đến ngồi nghịch trước máy đánh chữ của Vĩnh, tay lơ đãng gõ lách tách vừa nhìn đồng hồ đoán giờ Vĩnh về. Còn nửa tiếng nữa, nhanh thật! Và còn đúng bốn tiếng nữa là đến đúng giao thừa rồi!

"Giao thừa!" đột nhiên vang lên như tiếng đại hồng chung ngân nga tan đi trong mùi thuốc pháo, năm mới thơm như mùi áo mới lướt đi nhẹ nhàng thăm hỏi từng nhà. Những cánh cửa mở rộng, dù là cánh cửa nhỏ nhất trong gian nhà thấp nhất, những đóa hoa dù là đóa hoa nhạt màu nhất, hoa vạn thọ, hoa hồng, hoa cẩm chướng, hoa glaieul đồng loạt nở bừng rộ lên trên khắp các bàn thờ.

Lát nữa đóa hoa cúc trắng tôi vừa nâng niu chọn ở bến xe sẽ cũng nở bừng trong cái tách uống cà phê bằng sứ trắng của chàng. Lắng nghe, có lẽ tiếng hoa nở sẽ chạm vào đáy tách và tiếng nước sẽ reo vui khe khẻ trong phòng...

"*Em đến thăm anh đêm ba mươi Tết,*" lời hát lãng đãng vang lên trong trí nhưng tôi quên mất điệu nhạc, tôi nhẩm hoài nhưng chịu chẳng biết hát làm sao! Cây hạnh phúc đang trồng, như Vĩnh vẫn thường nói, em vun tưới nó bằng thứ nước nào để cây xanh tốt, một nụ cười của em cho anh, một sớm mai xanh lời em nói nghe như chim hót, cái ngửa mặt và nét môi yên lặng chờ hôn, bàn tay tin cậy nắm chặt và lời hứa một cuộc đời làm vợ thủy chung của em..

Vĩnh, anh sẽ ngạc nhiên và sung sướng như cây hạnh phúc đôi ta bỗng vụt xanh tốt cao lớn hẳn lên như trăm nghìn đóa hoa sẽ nở rộ trên cành khi chiều tối nay, anh sẽ bắt gặp được em ở đây, lần đầu ngay trong phòng của anh! Và sẽ cười, sẽ đỏ mặt sẽ lúng túng rồi sẽ siết ghì trao nhau nụ hôn đầu năm. Nước thủy triều đang dâng, sóng nhẹ mênh mang ve vuốt vỗ vào bờ, bãi cát mềm nâng bàn chân mịn, có phải tôi đang trôi trên một biển đời bát ngát hạnh phúc rất bao la mà rất đơn sơ:

Hạnh phúc rất đơn sơ
Nhịp đời đi chậm rãi
Mái nhà im nắng trưa
Ong hút chùm hoa cải

Vĩnh, hãy cho em sự đơn sơ, tình yêu giản dị, đừng quyến rũ cũng đừng đe dọa, em phải làm gì cho anh đủ tin? Có những lần chàng ghen tuông nhảm nhí và giận dỗi:

"Sao em hay nói đùa với đàn ông, cho dù là những câu nói đùa vô hại nhất, bọn đàn ông nó cũng sẽ hiểu là những lời mời gọi."

Tôi nhắm mắt bịt tai thảng thốt:

"Anh nói gì mà nghe ghê thế? Em mời gọi?"

Và không dằn được, tôi nổi nóng lên bất ngờ:

"Anh bắt được em mời gọi ai, hồi nào, anh chỉ ra coi!"

"Anh mà bắt được thì anh giết cả hai đứa!"

Kìa, và chuyện bé đã được xé ra to đến như vậy sao? Nhưng để mà coi, cuối cùng lần nào cũng vậy, tôi phải khóc chịu thua và phải nhận là dường như mình đã có ý "mời gọi" đàn ông!

Hạnh phúc, Đau khổ dường như hai điều phải gắn bó với nhau keo sơn. Có phải tôi đang đắm chìm trong khổ đau và ngụp lặn trong hạnh phúc với người?

Cái gì? Chuông điện thoại bỗng reo vang. Tôi nhỏm dậy rồi vội ngồi phắt xuống nín thở. May quá, tôi kịp tỉnh để nhận ra đây là nhà của Vĩnh, tôi không thể nhận điện thoại được. Đèn trên máy trả lời nhấp nháy đỏ, như những lần tôi gọi mà không có Vĩnh ở nhà, tiếng máy chạy và tôi mơ hồ nghe cái điệu nhạc mà mình đã thuộc lòng của Vivaldi "L'autúmo" xen trong những câu nói của chàng cáo lỗi vì không có nhà, xin để số phone chàng sẽ gọi lại. Tới mùa hè, Vĩnh bảo Vĩnh sẽ cho chơi bài "Áo lụa Hà Đông": *Nắng Sàigòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông,*" Vĩnh chép bài thơ này vào tấm thiệp khi lần đầu chàng mua tặng tôi chiếc áo lụa màu ngà. ... Vậy rồi, táy máy của bàn tay nào có liên hệ gì với ý nghĩ, trong trang sách nào của Vĩnh tôi đang lật lật bỗng rơi ra một tấm hóa đơn đặt may áo dài. Bên góc, một chéo vải lụa vàng bầm chồng lên chéo gấm đỏ có hoa cúc trắng lấm tấm. Hóa đơn đề tên chàng: Phan Huỳnh Vĩnh. Trương Vĩnh Ký? Phan Huỳnh Điểu? Tôi đọc lang thang ra những tên khác nhưng không đích thực là tên của chính chàng. Và những chiếc áo này thì không phải là đặt may cho tôi vì xưa nay màu đỏ là màu tối kỵ của tôi.

Món quà thật bất ngờ đêm giao thừa? Tôi cố dằn lòng hồi hộp đọc kỹ ngày nhận hàng, ngày giao hàng. Biên lai cũ, cách đây đã hơn một tháng. Sau này, nhớ lại tôi thấy phục tôi lúc đó: mình đã rất bình thường khi mặt mày nhợt nhạt, tay run lẩy bẩy và hình như cả hàm răng cũng lập cập đánh khớp vào nhau. Tôi vụt đứng lên như trong cơn đồng thiếp, mở máy thu băng điện

thoại của Vĩnh và nín thở lắng nghe. Quả nhiên có giọng nói đàn bà (hay con gái?) nói thỏ thẻ trong máy:

"Anh hẹn đến đón giao thừa với em lúc một giờ, giờ hạp tuổi nhất của em như anh nói, nhưng mà em nhớ anh quá, sốt ruột quá nên phải gọi nhắc. Em đã chuẩn bị sẵn sàng cả, anh nhớ đến đúng giờ nghe anh!"

Tôi đặt bàn tay lạnh lên thỏi sắt lạnh, tắt máy biến ra khỏi phòng chàng như một con mụ phù thủy xấu xí trốn đi khi có bóng dáng nàng tiên yêu kiều xuất hiện, nước mắt đầy như cơn lũ lôi chiếc thuyền nhỏ tống ra khơi! Hơi lạnh bên ngoài ập tràn vào mặt làm tôi run lập cập và bỗng tỉnh hẳn ra với nỗi đau khổ hiển hiện sờ mó được của mình. Trong chiếc taxi ấm áp, tôi hoàn hồn cố đoán: giọng nói kia là của một bà (hay một cô) còn trẻ, tôi không quen, giọng nói dịu dàng chừng mực đứng đắn, không phải thứ giọng chớt nhả chài mồi.

Trong chúng ta, ai là người đang bị lường gạt?

Cuối cùng thì cô ta (bà ta?) cũng lôi ra được số điện thoại của tôi vào một tối mùng hai Tết (lạ nhỉ, một năm dường như chỉ xài lịch Việt có ba ngày mà sao ai nấy đều nhớ kỹ). Tối mùng hai Tết, có lẽ bởi vì tôi là một tên vô danh tiểu tốt không đáng cho người ta nói đến, tối mùng hai Tết, có lẽ vì sổ tay giữ số phone của chàng bị lục soát tơi bời, có lẽ vì chàng đã phải nói những lời chối tội yếu ớt như một tên trộm tuy không bị bắt quả tang nhưng đã sơ hở để lộ những dấu vết đáng ngờ. Nhưng còn tôi, nếu tôi quả là người bắt trộm, nếu tôi thật là nhà thám tử thì hồ sơ gian lận kia liệu đã đủ để buộc tội chưa, liệu có điều gì đáng phải nghi ngờ nữa không?

Nhưng tôi sợ, tôi lo, tôi run, tôi giận tôi rồi sẽ bị Vĩnh nạt nộ, răn đe:

"Em đã làm một điều bất lịch sự chưa từng thấy! Tại sao lại tự ý đến nhà anh, *bước qua xác chết của anh* (như kiểu Vĩnh thường nói thao thao bất tuyệt), bất kể anh có vui hay không, em lục soát giấy tờ, mở máy nghe lén, em hành động lịch sự có giáo dục ở chỗ nào, anh quả tình không hiểu!"

Cú đánh phủ đầu kèm với cái nhăn mặt như kinh tởm của chàng bao giờ cũng có hiệu lực tối đa, bao giờ cũng khêu dậy lòng tự trọng quá đáng trong tôi, bao giờ cũng làm tôi choáng váng và để rồi cuối cùng lại y hệt như muôn ngàn lần khác, tôi lại đưa đầu hứng chịu tất cả lỗi lầm và năn nỉ xin được xin lỗi.

Giọng nói của ai xa xôi mà liều lĩnh táo bạo và dứt khoát:

"Anh Vĩnh với em ăn ở như vợ chồng với nhau, cứ mỗi cuối tuần thì anh ấy lại đến ngủ lại ở nhà em. Còn thì mỗi sáng, sáng nào anh cũng đầy đủ bổn phận đưa em đi làm."

Xương sống tôi như cứng đi vì lạnh nhưng vẫn cố gắng bình thản ít nhất là trong giọng nói, ít nhất là như một câu chuyện tầm phào trao đổi bình thường:

"Thường mỗi sáng cô đi làm vào lúc mấy giờ?"

Địch thủ khinh địch hay không cần đề phòng:

"Tám giờ rưỡi thì anh có mặt ở nhà em, chín giờ em mới vào làm. Vả lại, chỗ em làm cũng dễ dãi, muốn vào giờ nào cũng được." (Giọng nói xiết bao dịu dàng, tự tín.)

Tim tôi rụng xuống như thể một trái cây đà rệu rã, phải rơi thẳm xuống và chốc lát sẽ tan rữa biến thành hơi. Mỗi sáng, Vĩnh đón tôi vào lúc tám giờ, tám giờ hai mươi, chàng đưa tôi đến sở, thời khóa biểu của Vĩnh chia chung sao mà khít khao chặt chẽ cần mẫn quá!

Rồi thì... một đằng họ khoe khoang, tự đắc, dằn mặt, dạy đời, một đằng tôi mặc cảm, sợ hãi, chối dài, chạy quanh:

"Em hỏi anh số phone của chị mà anh không chịu cho. Em nói: nếu anh với chị có bà con họ hàng với nhau thì việc gì anh phải dấu, bà con của anh thì cũng là bà con của em, chớ sao!"

Giọng đã chuyển sang gài bẫy, khiêu khích, chủ quan, khinh miệt, khác hẳn với giọng ngập ngừng, ấp úng của tôi:

"À, mình với anh ấy có họ hàng thật, thật ra vai mình là vai chị nhưng tại anh lớn tuổi hơn nên mình nể, gọi bằng anh rồi quen miệng vậy thôi."

Một tiếng cười khẻ trong trẻo chắc phải là tiếng cười thốt ra từ một cái miệng não nùng:

"Nói chuyện được với chị, em mừng lắm! Chị biết không, em thương anh quá sức là thương nên chẳng cần giữ gìn chút gì hết. Có điều phải chờ cho hết năm nay anh mãn tang má anh xong tụi này mới làm đám cưới được!"

Sao tôi không trả đòn, và chả lẽ cứ mãi đưa lưng cho họ đấm? Nhưng đòn gì đâu, tôi lại chỉ đánh cái kiểu du kích gài mìn rồi bỏ chạy nên vừa nói vừa buồn rầu nghĩ đến bộ chìa khóa phòng họ giao và tấm ảnh nhỏ tội nghiệp của mình nằm trơ vo trên bàn viết của Vĩnh:

"Ít khi thấy anh Vĩnh đưa cô đi chơi?"

"Cũng có đi xi-nê và đi ăn tiệm nhưng anh nói ăn cơm nhà em nấu thì đầm ấm hơn, có không khí gia đình hơn!"

Tôi đang đi trên một chiếc cầu đã gẫy, tôi sẽ đi qua và còn có lý do gì để trở về dẫu cho chẳng biết rằng mình rồi sẽ đi về đâu:

Tôi đã đi rồi tôi đến đâu
Không về. Nhất định chẳng về đâu
Trời ơi sao đất vô cùng lạnh
Dưới một dòng sông gãy nhịp cầu

Hòa,
Em còn đó hay đã biến mất khỏi cuộc đời anh rồi?
Sao em tự ý nghe, tự ý tin và tự ý quyết định mà không cho anh biết? Những chuyện em biết, những điều em thấy, em nghe chỉ từ một phía, rồi tự

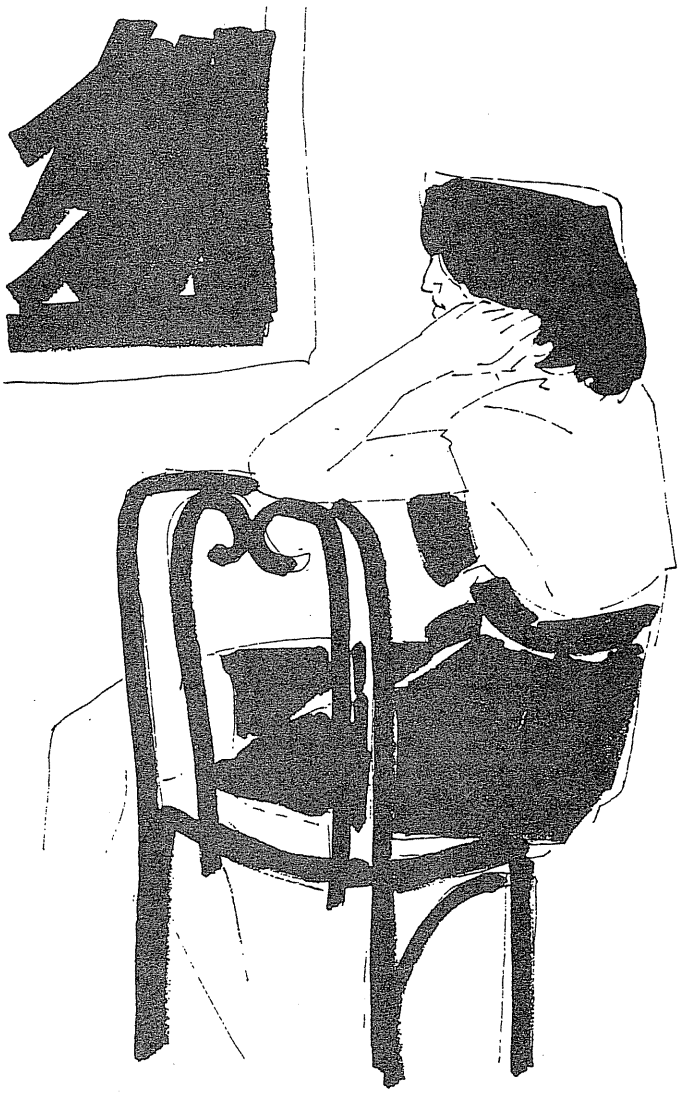

mình tuyên án mà không cho anh có lấy được một lời cãi cọ. Anh đáng khinh đến như vậy sao Hòa?

Đến nỗi một tiếng nói cũng không còn được ai nghe!

Em nghĩ lại đi, xem em có đối xử công bình với anh không?

Anh.

Trốn đi! Chỉ có một cách duy nhất là phải trốn đi. Vì nếu không, với miệng lưỡi chàng, chàng sẽ có trăm ngàn lý do để trả lời cho cái áo: cái may cho mẹ, cái cho chị, cho em, nhà chàng đâu đến nỗi đã hết sạch đàn bà!

Trốn đi! Nếu không sẽ phải nghe chàng bịa: tại cái con bé học trò cũ nó chỉ muốn tinh nghịch phá đám, nó theo anh bao lâu nay mà anh cứ tránh mặt, nay nó ghen với em nên nó điên nó đùa độc ác.

Và bởi vì nếu trở về, tôi lại nước mắt vòng quanh cúi mặt xin lỗi anh như một đứa học trò nhỏ khoanh tay cúi đầu trước mặt một vị thầy nghiêm nghị đã cho điểm lầm, đã bắt lỗi sai nhưng vì thầy là thầy, thầy sẽ mắng át đi, cha mẹ tôi cũng sẽ mắng át đi cho đỡ ngượng mặt thầy.

Nhưng hỡi ôi, dù tôi có bỏ đi, đi thật xa, tôi đi đâu trên trái đất phù du này để trốn thoát khỏi tôi?

Vì tôi đi... nhưng trái tim ở lại.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Thơ trích: Huy Cận, Nguyên Sa, Trân Sa.

ĐÓA HÔN GIỮA LÁ

TRÂN SA

Hai người đang xem hoa. Từ một chiếc lá thuôn xanh đã nở ra đài hoa trắng nhụy vàng thanh thoát, trang trọng. Căn phòng dịu hương. Trà xanh rót từ ấm đất nâu xuống lòng tách men sứ. Âm thanh tây ban cầm vẳng nhẹ từ chiếc máy nhỏ góc phòng, huyền ảo như sóng biển thời hoang sử tinh khôi.

Một người ngồi xếp bằng, lưng tựa vào tường. Một người nằm nghiêng sát bên, khuỷu tay chống lên chiếc gối nhỏ. Vài sợi tóc đen vướng qua nếp vải màu cà phê sữa.

"Lần trước mình gặp nhau là lần tôi đến xem tranh lụa của bạn. Thích nhất là bức tranh bạn đặt tên *Lá Cây*..."

"Ừ. *Lá Cây*. Sau đó bạn về nhưng lại quên đem theo."

"Biết tại sao quên không? Xem tranh, uống trà, nghe nhạc, cũng tây ban cầm thế này... Sau đó bạn nói thích đi dạo một vòng. Bạn thay đồ, mặc áo màu nâu nhạt... Tụi mình đi dạo ở khu vườn đại học, ngang qua những lùm cây ướt ánh trăng..."

"Bạn có trí nhớ kỳ lạ... Chiếc áo ấy tôi vẫn còn giữ đây... Hôm ấy bạn mặc áo màu gì?"

Người ngồi xếp bằng cười khẽ.

"Làm sao tôi nhớ mình đã mặc áo màu gì?"

"Rồi tụi mình mỏi chân, ghé vào thư viện rất vắng người. Tôi nhớ rồi. Thư viện chỉ có hai người đang ngồi rất yên lặng, đầu cúi xuống những trang sách. Không ai ngẩng lên suốt thời gian mình ở đó. Tụi mình thì đi đứng rón rén qua những kệ sách. Những ngón tay mình lật lật từng trang sách nào đó mà tôi đã quên đi. Mình có vào đó để đọc sách đâu."

"Tôi nghĩ mình chỉ muốn ở bên cạnh nhau. Khi ở cạnh nhau thì không thể bỏ thì giờ để đọc sách. Buổi tối qua rất nhanh. Mình chia tay ở một ngã tư. Giữa hai người không biết ai tiễn ai."

"Tại sao chúng ta không ở bên cạnh nhau vĩnh viễn được nhỉ?"

"Đừng hỏi như vậy nữa nhé. Bạn cũng đã dặn tôi đừng đặt vấn đề ấy nữa kia mà. Tôi không trả lời thẳng câu hỏi ấy. Đây là một câu trả lời khác: Nếu chúng ta luôn luôn ở bên nhau, chưa chắc chúng ta đã yêu nhau bằng thế này."

"Bạn có yêu tôi hơn ngày hôm qua không? Có yêu tôi hơn ngày mai không?"

"Tôi yêu bạn hơn ngày hôm qua và yêu bạn thua ngày mai. Này, đừng có hỏi *thật không?* đó nghe..."

Người nằm nghiêng mỉm cười:

"Hồi nhỏ tụi mình hay nói *thật không? Thề đi!*... Buồn cười quá hở?"

*
* *

Chú H. chết một cách đột ngột khi tôi khoảng bảy tám tuổi gì đó. Buổi sáng ấy tôi thức giấc vì tiếng la hét và tiếng chân khua chạy hốt hoảng. Chị T. thầm thì vào tai tôi "Dậy đi... chú H chết rồi!" Khi hai chị em đi ra sân, những người hàng xóm cũng đang rảo chạy về phía nhà chú. Tụi tôi đứng lấp ló nhìn vào. Nhà chú H. thật đông người và họ đang bàn tán xôn xao. Mẹ tôi bước ra nạt nhỏ.

"Hai đứa qua đây làm chi? Về nhà mau!"

Tôi hỏi.

"Tại sao chú H. chết hả mẹ? Con muốn vào nhìn chú."

"Con còn nhỏ, không nên vào."

Lúc đó tôi thấy gương mặt

của Mẹ vừa nghiêm trọng vừa bí ẩn. Suốt những ngày sau đó tôi theo gạn hỏi Ba Mẹ vì sao chú tôi chết. Nhưng hai người không trả lời rõ ràng.

"Chú H. bịnh rồi chết. Thôi con đi học bài đi. Con còn nhỏ biết làm gì."

Tôi thắc mắc mãi về chuyện chú H. đã chết. Trước đó tôi không hề thấy chú bệnh hoạn gì ngoài việc thỉnh thoảng cảm cúm lặt vặt như bất cứ ai khác. Chú vẫn đạp xe đi làm từ sáng đến chiều. Về nhà chú vẫn xách nước, bửa củi phụ giúp cô A, vợ chú. Cứ vài ba bữa, tôi xách vở chạy qua xin chú chép dùm cho một bài hát. Hồi đó tôi nghĩ chữ viết của chú H. đẹp nhất đời. Tôi mê nét chữ của chú. Những trò chơi ô làng, rồng rắn, đánh vòng cao su... không quyến rũ bằng được ngồi nghoẹo cổ say sưa nhìn chú H. chấm ngòi viết lá tre vào bình mực tím nắn nót đề tựa bằng chữ viết hoa rồi sang giòng chép từng câu hát. Khi cao hứng, chú H. vừa đàn vừa hát cho tôi nghe. Chú hát toàn nhạc rất buồn. Cũng như chú ít khi cười.

Chú H. là người em độc nhất của Ba tôi. Chú H. chết có lẽ làm Ba tôi đau đớn vô cùng. Ba không bao giờ nói ra những khổ sở trong lòng, nhưng khi nhìn nét mặt, dáng người của Ba, tôi biết Ba tôi đau lòng lắm.

Mọi người trong gia đình tôi ngầm hiểu là không nên nhắc về cái chết của chú H. nữa.

Vậy mà hai mươi lăm năm sau tôi vẫn còn hình dung ra được nét chữ thẳng và cứng cỏi của chú H. Trên trang vở trắng kẻ ô vuông, màu mực tím vẫn còn tươi đậm trong căn nhà gỗ nhỏ khi nắng chiều đang nhạt dần ở bên ngoài. Lúc này tôi đã biết ra, chú H. đã tự sát bằng cách cắt mạch máu trên cườm tay.

*
* *

Vài năm sau, chị T. bắt đầu tập làm người lớn. Thỉnh thoảng chị kẻ mắt xanh, đánh phấn hồng khi ra ngoài. Thái độ của nhiều người giúp chị T. biết rằng chị có nhan sắc. Không biết có phải vì thế mà chị T. mê đi chụp ảnh. Ảnh của chị đứng ngồi đủ kiểu dán đầy một cuốn album. Tôi yêu nhất là tấm ảnh chị T. đang nghiêng nón cười khoe hai lúm đồng tiền và một chiếc răng khểnh, mặc dù hồi đó tôi không hiểu tại sao chị tôi lại phí tiền cho những tấm ảnh ghi lại chỉ mỗi khuôn mặt dáng người của mình trong cùng một thời gian. Trong cuốn album của chị T., vẫn còn tấm ảnh của chị chụp chung với người bạn gái thân nhất, chị N. Hai cô gái đứng chụm đầu vào nhau tươi cười, phía sau lưng là một hòn đảo nhỏ giữa trời biển mơ hồ tiếp giáp.

Nhà chị N. ở sau cái hẻm nhỏ sát cạnh nhà chúng tôi. Chị tôi đứng ở đầu hẻm bắt loa tay gọi, chị N. đã dắt xe đạp ra vào cả hai cùng đi học với nhau mỗi ngày như thế. Tối tối, chị T. qua nhà chị N để cùng làm bài tập, có khi dắt tôi sang chơi. Mồ côi cha mẹ từ lúc còn rất nhỏ, chị N. sống với ông bà ngoại và rất được yêu chìu. Tôi vẫn nhớ giọng nói nũng nịu của chị N., hình ảnh quắc thước khoan hòa của ông bà ngoại chị N. Sân trước sân sau nhà họ trồng đầy cây kiểng và ông ngoại chị N. mặc bộ đồ ba ba lụa màu ngà đứng tỉa lá uốn cành. Ở đó có một không khí vừa trang nhã vừa bình an mà tôi không thường thấy nơi những căn nhà khác.

Một buổi trưa chị T. về nhà rất trễ. Tôi đang ăn cơm với mẹ thì chị T. từ ngoài chạy vụt vào, tóc tai rũ rượi, mặt mũi xanh tái bơ phờ. Chị quăng sách vở xuống bàn, giọng nói lạc hẳn đi.

"Mẹ ơi, N. bị đụng xe chắc chết rồi."

Mẹ tôi kinh hoảng.

"Tại sao lại đụng xe? N. đâu rồi?"

Chị T. vừa kể vừa khóc.

"Tụi con đi học về. Con đạp xe phía trong, N. đạp xe phía ngoài. Một chiếc xe nhà binh từ sau chạy trờ tới, ông lính ngồi trong xe thò tay ra giật nón của N. xe của N. ngã vào xe của họ, N. bị vỡ đầu... Người ta chở N. vào nhà thương rồi..."

Mẹ tôi chưa kịp hỏi gì thêm, chị T. đã tất tả chạy đi.

"Con chưa báo tin cho ông bà ngoại N. Bây giờ con phải qua cho họ biết."

Mãi đến chiều tối chị T. mới trở về nhà. Mẹ tôi dọn cơm nhưng chị không ăn nổi. Chị khóc đến sưng mắt.

"Mẹ à... Con ở nhà xác với N. suốt cả buổi chiều. Con lau xác cho N. với rượu cồn. Tội nghiệp N., nó đang có kinh đó mẹ. Ngày mốt là sinh nhật mười bảy tuổi của N."

"Ông lính giật nón N. cũng có tới nhà xác. Ông ta nói ông ta chỉ dỡn chơi vì người bạn ngồi bên cạnh cá một chầu bia nếu ông ta giật được cái nón. Ông ta năn nỉ ông bà ngoại N. đừng làm khó dễ vì ông ta có vợ và hai đứa con..."

Đám tang của chị N. rất đơn sơ. Cả nhà tôi cùng tiễn chị N. ra nghĩa trang. Trong khi mọi người làm lễ, tôi đứng ngơ ngác nhìn quanh. Đó là lần đầu tiên tôi dự một đám tang. Khi chú H. chết, tôi bị giữ trong nhà cho tới khi tang lễ xong xuôi. Tôi nhìn tấm vải dù căng che nắng cho chiếc bàn để di ảnh chị N. và đèn nhang hoa quả. Tôi nhìn ảnh chị N. đang cười thật hiền hòa, ngây thơ. Tôi nhìn ông bà ngoại chị N. lảo đảo, đứng không vững nữa và ông khóc đến khan tiếng rồi. Tôi nhìn bà ngoại chị N. đang ôm cứng lấy quan tài của chị kêu gào. Tôi không thấy người lính giật nón đến. Có lẽ ông ta sợ.

Rồi tôi bỏ đi lang thang một mình trong nghĩa trang. Tôi đứng lại nhìn những tấm bia mộ khắc tên tuổi và ngày qua đời của người chết. Tôi hỏi trong đầu chết là sao. Tôi cảm thấy vô cùng hoang mang. Tôi hãi sợ cái chết và sự đau khổ

của người ở lại. Trong truyện kể người ta tả linh hồn giống như những đốm lửa xanh bay vờn trong không gian vào đêm tối. Tôi tự nói với mình làm gì có chuyện đó. Nhưng tôi cũng thấy rờn rợn, buồn buồn và trở lại nơi Ba Mẹ và chị T. đang đứng. Mẹ tôi hỏi.

"Con đi quanh mộ người ta làm chi vậy?"

Tôi không muốn trả lời. Tôi biết mẹ tôi không vui lắm khi biết rằng tôi suy nghĩ quá sớm và quá lung tung về những điều vượt quá khả năng suy nghĩ của lứa tuổi tôi. Năm đó tôi mười một tuổi.

Tang lễ đã xong. Hai ba đêm kế tiếp, tôi ngồi ở bàn học lắng nghe tiếng khóc kể thảm thiết của ông ngoại chị N. từ sau nhà vọng đến. Ông kêu khóc rất lâu, cho tới khi kiệt sức im nguôi. Bà ngoại chị N. không khóc được nữa hay là đang cố an ủi ông, tôi không biết. Tôi chỉ thấy tiếng khóc của ông nghe thê thảm, đau đớn, ghê rợn hơn bất kỳ tiếng khóc nào tôi đã nghe. Khi mẹ tôi đã tắt đèn, tôi đã vào giường nằm im trong chăn, bóng tối và sự yên lặng trùm khắp, tôi vẫn còn nghe văng vẳng mơ hồ trong đầu tiếng người đàn ông già nua gọi cháu.

"N. ơi... N. ơi... Sao con bỏ đi sớm như vậy... N. ơi..."

*

* *

Chị T. đi lấy chồng khi được mười chín tuổi. Anh V. là giáo sư dạy toán của chị, lớn hơn chị đúng hai con giáp. Lúc đó chị T. khăng khăng không nghe lời ngăn cản của Ba tôi. Mẹ tôi thì đồng ý với cuộc tình duyên của hai người.

"V. lớn tuổi chững chạc, học thức, tính tình hiền lành, điềm đạm. Như vậy mới trị được con T."

Ba tôi lắc đầu.

"Tuổi tác quá chênh lệch. T. mới mười chín tuổi còn bồng bột nông nổi. Quyết định chưa chín chắn đâu. Chỉ sợ sau này nó sẽ đổi ý. Khi đó thì khổ cho cả hai."

Tôi thấy ba tôi khóc cả thảy là bốn lần. (Mẹ tôi thì khóc nhiều quá, tôi không đếm xuể). Lần thứ nhất là khi nhận được thư báo tin bà nội mất một cách rất cô độc. Bà tu trong một ngôi chùa vắng vẻ trên núi, ở một vùng mất an ninh. Khi người ta khám phá ra xác bà tôi, kiến đang bu đầy hai hốc mắt đã thối rữa của bà. Ba tôi đọc thư, nước mắt ứa hai giòng lặng lẽ. Đọc thư xong, ba tôi thu xếp đi thăm mộ bà. Khi trở về, ông không kể cho chúng tôi nghe một điều gì cả. Ba tôi là người gánh đau buồn một mình, không bao giờ muốn người khác phải chia xẻ, lụy phiền theo. Lần thứ hai tôi thấy ông khóc, cũng lặng lẽ như vậy, là buổi chiều sau khi chú H. đã được chôn cất. Lần thứ ba, ông ứa nước mắt trong ngày cưới của chị T. tôi. Nhưng ông dụi mắt gượng cười ngay sau đó. Khi tôi báo tin cho ba tôi biết ngày mai tôi sẽ xuống ghe để vượt biên cùng với vài người bạn, ba tôi ngồi lặng người một đỗi lâu. Rồi ông trả lời chậm rãi, ngắn gọn.

"Ờ. Con đi đi.. Tốt cho con."

Ba tôi không nói gì nữa. Ông đứng lên, quay lưng đi một cách mệt mỏi. Tôi kịp nhìn thấy một giọt nước mắt đang lăn xuống gò má gầy khô khan của ba tôi.

Mười hai năm xa nhà, tôi không biết ba tôi có khóc thêm lần nào nữa. Khi vợ chồng chị T. và hai đứa cháu ngoại ra đi sau tôi bảy năm, biết ba tôi buồn đến thế nào. Ba mẹ tội chỉ có hai đứa con. Tất cả đã thành chim bay đi. Tôi làm giấy bảo lãnh cho Ba mẹ tôi, Ba viết thư trả lời "Ba mẹ đã già rồi. Qua đó cũng chỉ làm lụy con cái mà thôi."

Lời nói của Ba tôi về cuộc hôn nhân của chị T. đã thành sự thật. Ba mươi mấy tuổi và hai đứa con, chị T. vẫn còn đẹp lộng lẫy. Khi chị T. đi cùng với anh V. ra đường, người mới quen không biết, gọi chị T. là chị và anh V. là bác. Tóc anh V. đã bạc quá nữa, da anh đã nhăn nhiều, và anh phải mang răng giả. Tuy là giáo sư và chỉ biệt phái vào quân đội vài năm, anh V. cũng đã bị bắt học tập cải tạo hết năm năm. Cộng thêm một năm rưỡi ở trại tỵ nạn và những khó khăn ở đất nước mới trong thời gian đầu, anh V. xuống dốc quá nhanh. Cả thể chất lẫn tinh thần anh tàn tạ, héo hắt, trong khi chị T. vẫn như một bông hoa phơi phới xuân thì. Anh V. làm công cho một hãng chế tạo phụ tùng xe hơi, ca đêm, từ mười giờ tối đến bảy giờ sáng. Chị T. làm việc ở một ngân hàng từ sáng đến chiều. Cả hai không gặp nhau thường xuyên nữa và những ngày cuối tuần thường chỉ để gây gỗ nhau. Anh V. kết án chị tôi đổi dạ đem lòng thương yêu người khác. Chị tôi buộc anh tính tình không còn như xưa, đã cáu gắt khó khăn độc đoán tàn nhẫn chẳng thể nào chịu đựng nổi. Thật ra tôi biết chị T. không còn yêu anh V. nữa kể từ khi chị không còn ở lứa tuổi mười chín đôi mươi. Giấc mơ yêu đương đã mất trong đời sống thực tế vợ chồng. Thần tượng đã trở thành một con người bình thường như bao nhiêu người khác. Chị T. không còn nhìn anh V. bằng đôi mắt ngưỡng mộ của cô sinh viên năm thứ nhất nhìn người thầy thông thái uy nghiêm trên bục giảng. Cuộc đổi đời của đất nước càng ngày càng kéo anh V. xuống xa khỏi vị trí của anh ngày xưa. Thời gian càng ngày càng làm lớn thêm khoảng cách tuổi tác của đôi vợ chồng. Anh V. đã chuẩn bị về hưu, dưỡng già, trong khi chị T. vẫn còn nhiều ước mơ tuổi trẻ.

Cả hai người đều khổ sở. Có thể anh V. đau khổ hơn chị tôi lúc họ đưa nhau ra tòa để ly dị, bởi vì anh đã mất hết tất cả những gì anh cần nhất vào lúc cuối đời.

Một năm sau, tôi theo chị T. vào bịnh viện để thăm anh V.

Bệnh viện khám phá ra anh bị ung thư gan bắt buộc phải giải phẩu cấp tốc. Tôi đứng với chị T. ở cửa phòng bệnh chờ anh. Lúc hai người y tá đẩy băng nằm của anh V. đến gần, anh chợt nhổm dậy, kêu lớn: "T. ơi, T.!" Chúng tôi quay lại, thấy người anh đẫm máu tươi thấm loang qua lần vải xanh. Mặt chị T. tái đi, mắt chị mở trừng bất động trong mấy giây, đầy sự kinh hoàng.

Anh V. qua đời ba tuần sau đó. Chị T. bị thường xuyên ám ảnh bởi tiếng kêu của anh V. Chị thường thức giấc vào nửa đêm với ảo giác anh V. đang gọi tên chị. Có khi chị nói thấy anh V. đang đứng bên ngoài cửa sổ nhìn vào, quay lại nhìn lần nữa thì không có ai hết. Rồi chị kêu lên: "Khi anh ấy còn sống tôi cũng khổ, anh ấy chết rồi tôi cũng khổ, vậy là sao hở Trời?"

*

* *

Căn phòng chìm trong yên lặng. Đóa hoa trắng đã nở trọn vẹn từng cánh mỏng căng mịn, từng nhụy vàng vươn thẳng. Hương bay đầy không gian. Một người châm lại bình trà, thêm vào tách. Một người đốt thuốc, nhả thành từng ngụm khói tròn và mỏng bay lên.

"Kỳ trước hoa nở, tôi tập tễnh làm thơ... Bạn có cười tôi không?"

"Gần đây tôi cũng bắt đầu vẽ tranh. Khi vẽ, tôi có cảm giác như đang gần với bạn hơn. Đọc thơ của bạn cho tôi nghe đi!"

"Tôi chỉ đọc hai câu thôi nghe:

Thoát từ sinh tử, có không
Phút giây vĩnh cửu trong vòng phù du *"

Người kia uống một hớp trà, duỗi chân nằm xuống bên cạnh bạn.

"Bạn muốn biết tôi mới vẽ xong một bức tranh như thế nào không? Tôi vừa vẽ một bức về Lá Cây. Đó là một sự hòa nhập và bổ sung cho bức tranh Lá Cây của bạn mà tôi đã rất yêu quí. Đó là một bức vẽ bằng sơn dầu. Có lẽ cái tươi tắn, sống động, mạnh mẽ của sơn dầu thích hợp với ý tính của tôi hơn. Tôi vẽ bức tranh ấy sau một đêm mưa như muốn ngập lụt cả trời đất. Đêm ấy những luồng sét đánh tê liệt cả hệ thống điện của thành phố tôi đang ở. Cả thành phố chìm trong bóng tối và cơn mưa xối xả vẫn không làm dịu được cái oi bức kỳ lạ của suốt những ngày hôm trước còn để lại. Tôi bứt rứt, sầu khổ suốt hôm đó không hiểu trọn nguyên do. Có thể một phần vì cái chết của anh V. trước đó không lâu. Nó lôi kéo theo tất cả những cảm thức về sinh ly tử biệt, ân oán của bao nhiêu đời người về đè nặng lên tôi. Tôi nghĩ về tất cả những cái chết, của chú H., chị N., anh V., của những người bạn trẻ, già những người hàng xóm, những người thân và không thân, những người quen biết và không quen biết... Tôi nghĩ về chiến tranh, về quê hương, về Ba mẹ tôi, về chị tôi, về tình yêu của chúng ta, và về chính đời sống lưu lạc của tôi ở nơi đây. Tất cả những ý nghĩ đó làm thành một cơn sốt và người tôi như nổi điên lên. Một cơn điên thầm lặng, cùng quẫn, u ám. Tôi cởi hết quần áo nằm thẳng chân, xuôi tay trên giường, ngoẹo đầu nhìn thân thể mình lờ mờ trong bóng tối, nhìn những đường nét có màu nâu gần như là màu đất. Tôi nghĩ: khi thân thể này đã *nhập* với màu đất cũng là khi ta đã về với vũ trụ và thực sự xa cách biến mất khỏi trần thế.

Tôi cảm thấy đau xót vô cùng. Cái khổ của con người là ý thức được về chính mình và mối quan hệ hết sức giới hạn giữa chính mình và nhân loại; là sống không hài lòng với sự sống, và sống trong ám ảnh về cái chết. Cái chết quá thực. Tôi đã nhìn thấy và tôi cũng sẽ trải qua một lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng, duy nhất. Trong một thoáng, tôi bỗng ao ước cái chết của tôi đến nhanh hơn. Như thể chấp hành cho xong một bản án không thể kháng cự. Nhưng điều ấy phải do tôi chủ động, sắp đặt lựa chọn cách thức và thời gian. Phải nhẹ nhàng, êm ái, lặng lẽ, không đau đớn và không có quá nhiều nước mắt.

Bạn có nhận ra điều gì từ tâm lý ấy? Tôi đã hãi sợ. Bạn ơi, đêm ấy tôi thực sự hãi sợ cái chết và sự chia biệt tới mức tôi muốn đầu hàng nó ngay khi nó chưa hề gọi rõ tên tôi. Niềm hãi sợ này đã bắt đầu trong tiềm thức tôi, không phải chỉ mới đây, mà đã lâu lắm rồi từ khi tôi mới mười một tuổi và lần đầu tiên có ý thức về sự chết và ly biệt một cách rõ ràng.

Đêm ấy tôi nhớ bạn không tưởng nổi. Tôi gọi tên bạn nhiều lần, hoàn toàn với tình yêu chứ không với sự khát khao thân xác. Tình yêu chỉ có biểu lộ, chia xẻ, hòa nhập chứ không hề đơn thuần là ham muốn. Ít ra là tình yêu của tôi dành cho bạn. Tôi chắc rằng bạn cũng nghĩ như thế. Chúng ta đã thỏa thuận với nhau rằng Tình Yêu của chúng ta là một Bức Tranh. Tranh khi nào cũng đẹp hơn thực trong khối óc sáng tạo và thành khẩn của người họa sĩ có lòng. Tranh không bao giờ thay đổi. Người trong tranh không bao giờ già nua. Tình yêu của chúng ta là vĩnh cửu.

Ý nghĩ ấy an ủi tôi và tôi ngủ đi với nụ cười của khuôn mặt và trái tim của bạn.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm. Nằm gối đầu trên tay nhìn lên vòm cây bên kia khung cửa gương bám mờ mờ hơi nước. Bầu trời xám đục làm nền. Những cành cây vỏ bạc được viền nổi bằng màu nâu đen ở những nơi khuất nắng. (Từ lúc nào tôi đã nhìn mọi vật bằng đôi mắt họa sĩ của bạn?). Lá vàng úa bám hờ trên cây. Cách đấy vài tuần, lá vẫn xanh đầy. Mỗi ngày lá mỗi vàng đi, mỗi ngày lá mỗi rụng rơi. Những buổi sáng đi làm, ngước nhìn những chiếc lá còn sót lại, cúi xuống nhìn thảm lá vàng chết, tôi so sánh với đời người rồi

MƯỜI HAI CÂU LỤC BÁT

NGUYỄN MẠNH TRINH

Vai nghiêng mưa giọt thưa thưa
Dài thiên thu ngõ đón đưa lá tàu
Ngã tư thấp ánh diện vàng
Cột đèn khuya đứng bàng hoàng giọng ru

Mùa xuân sao gió đầu thu
Mốt mai em cũng đền bù thề trăng
Này tà lụa khép ân cần
Có con bướm lượn phân vân bóng hình

Đất trời dành nỗi lặng thinh
Bước quanh quất bước một mình bơn chơi.
Em thương tóc lệch đường ngôi
Xin anh tay lược rẽ xuôi giấc hồng.

NGUYỄN MẠNH TRINH
Cuối năm 1989

cũng thế và buồn vô kể. Tôi nhớ những câu thơ bạn chép gửi cho tôi.

"The leaves are falling, falling as if from far up
as if orchards were dying high in space
Each leaf falls as if it were motioning "no"
And tonight the heavy earth is falling
away from the other stars in the loneliness." **

Rồi đột nhiên cảm giác của tôi lại khác hẳn. Cảm giác mừng rỡ sung sướng như vừa thức dậy từ một giấc mơ lộn xộn, mù mịt, rối rắm. Như vừa bệnh dậy và thấy mọi sự đều tươi đẹp hẳn. Tôi vừa nhìn những cành cây xơ xác lá vàng úa, vừa nghĩ ra và vừa kêu to cho chính tôi nghe: Ồ, lá có bao giờ chết đâu! Những chiếc lá *này* đang vàng, đang rụng, nhưng quanh đời vẫn có những chiếc lá khác đang xanh! Lá không bao giờ mất đi trong vũ trụ này. Một ngàn năm trước, một ngàn năm sau... thì lá vẫn hiện hữu. Lá có bao giờ chết đâu! Vàng úa, rụng rơi chỉ là một sự tạm dừng để chờ đợi, chuẩn bị cho một tươi xanh, nẩy mầm khác, theo định luật không thể chuyển đổi của vũ trụ bao la.

Và màu lá thì khi nào cũng là màu-xanh-lá-cây. Làm gì có màu-vàng-lá-cây. Màu xanh vĩnh viễn. Như màu xanh da trời và màu xanh nước biển.

Như thế làm gì có sự chết? Làm gì có sự chấm dứt? Nếu bạn nghĩ xa hơn, nói rằng lá là cây, cây khởi lá, cây chết thì lá chết? Không, tôi sẽ nói rằng, cây là đất, đất khởi cây. Cây chết, đất sẽ mọc lên cây khác. Đất trời có bao giờ chết!

Sáng hôm ấy tôi vẽ được bức tranh "Lá Cây." Nếu bức tranh Lá Cây của bạn là món quà đáp tặng thiên nhiên, thì bức tranh Lá Cây của tôi là quà đáp tặng nhân gian."

* *

Hai người dịu dàng nhìn nhau. Người vừa đã lắng nghe đưa đầu ngón tay vuốt nhẹ, dọc theo hai hàng lông mày, riềm mi, sóng mũi và viền môi đang mỉm cười của bạn.

"Bạn có nhớ cái câu của Nhà Tiên Tri mà thuở nhỏ tụi mình rất mê: *Hãy rót đầy chén nhau nhưng đừng bao giờ uống chung một chén?*"

"Nhớ chứ."

"Bạn nghĩ gì bây giờ?"

Tiếng cười vang khẽ lên.

"Đừng uống chung một chén nhưng làm sao không thể uống chung một bình? Nhà Tiên Tri bị mắc kẹt ở chỗ đó rồi!"

"Gỡ kẹt cho ông ta đi."

"Hãy rót đầy chén và uống chung với nhau, hỡi những lứa đôi tình nhân với tình yêu chân thành, đừng sợ chén vơi, bởi rượu đời không bao giờ cạn..."

Họ hôn nhau khi hoa vẫn còn đang nở và không sợ nhìn thấy hoa tàn. Rồi họ ngủ êm ái trong vòng tay nhau, biết chắc rằng sáng mai khi thức dậy, lá vẫn còn xanh cho những lần hoa nở khác.

TRẦN SA
11-89

* Ý thơ của P. Mai
* * "Autumn," R. M. Rilke

PHỞ HÁCH

HÀ THÚC SINH

Ba người đàn ông đều là những khuôn mặt quen biết ở địa phương cùng bước vào hiệu phở. Như bao giờ, cứ đứng vào chỗ "xin đợi để được xếp chỗ ngồi" là anh chàng gầy nhom, có dáng gù gù với đôi mắt nghiêm chỉnh của một nhà đạo đức lại nhìn lên tấm bảng sơn vàng chữ đen gắn trên vách chính đối diện cửa ra vào, cằn nhằn.

"Láo, thằng cha chủ bố láo!"

Người bạn có dáng công kềnh, mặt sần sùi, đen đủi, có đôi mắt như hiền hậu lắm nhưng nụ cười thì rất là cầu tài, khẽ cự bạn.

"Sao lần nào cậu cũng chiếu tướng tấm bảng ấy làm gì. Mình vào ăn phở chứ ăn cái bảng ấy đâu. Không thể dựa vào luật lệ tôn giáo để kết tội ném đá một tiệm phở."

Anh bạn thứ ba có dáng bệ vệ của một nhân vật thích đứng trước cộng đồng. Anh không tán đồng với ý kiến của anh bạn nhà văn vừa dứt lời. Anh nói.

"Bọn nhà văn các anh chỉ khoái trò thỏa hiệp. Đó là một dấu hiệu suy thoái tinh thần. Đừng quên trong bất cứ cuộc đấu tranh nào, đẩy được tôn giáo đi trước cầm bằng ta đã thắng 50 phần trăm. Cứ để kẻ công chính cao rao lời đạo đức của họ, không thiệt hại gì."

Thấy mình rơi vào tình trạng thiểu số, anh nhà văn im. Anh có dáng "chính khách" giục anh - "có đôi mắt của nhà đạo đức."

"Mắt moa lúc này hơi yếu, toa đọc xem lão có thêm thắt chữ gì nữa chăng?"

Anh "đạo đức tôn giáo" lẩm bẩm.

"Vẫn thế," anh nhìn lên tấm bảng đọc với vẻ nhẫn nhục.

PHỞ HÁCH
Phở là gì?

- Là một tôn giáo, một đạo, gọi là đạo phở.
- Là một liều thuốc bổ nuôi dưỡng văn hóa dân tộc.

Phở Hách trân trọng mời.
(Mở cửa 9 giờ sáng, nhất định đóng 4 giờ chiều)

Một tiếng bát vỡ đánh xoảng từ trong vọng ra giữa sự dửng dưng của đám thực khách. Anh nhà văn than thầm.

"Thế là bán rẻ một cái bát."

Anh "chính khách" cười bí hiểm.

"Thấm thía gì cho một kẻ đã có bạc triệu: Moa đang tính mời lão một ghế danh dự trong hội của moa..."

Anh "đạo đức tôn giáo" bất giác rên lên.

"Cụ lại tính mời một cái lão bán phở huênh hoang, thô lậu, đồng tiền là trên hết ấy vào tổ chức của chúng ta nữa sao?"

*
* *

Chẳng rõ có bùa mê thuốc lú gì, hay ba đời nhà lão đã chia nhau đi khắp nước hành nghề phở, rồi cứ như các cao thủ thượng thừa sau bao năm hành hiệp giang hồ, thu được mọi bí kíp phở trong chốn võ lâm, trước khi viên tịch, đều chọn mà trút hết võ công chưởng lực vào người lão, khiến đi tới đâu lão vẫn duy trì được hai đặc điểm: Đông khách nhất và thái độ phục vụ cũng hách nhất.

Điều ấy, giá có ai tò mò cũng vô phương tìm biết. Người ta chỉ biết sau ngày Hoa Sơn luận kiếm, hoàng phái rủi thua xích phái cuốn cờ chạy tứ tán, tạo thành cơn lốc, có sức ly tâm lớn, văng ra bốn phương trời từ thượng vàng đến hạ cám trong số có lão, một công dân lương thiện, một "nghệ sỹ" không đa tài nhưng thiện nghệ với cái tên nổi tiếng cả một vùng Công Lý xưa: Phở Hách!

Dĩ nhiên sang Mỹ, lão Hách -- vâng, Hách cũng chính là tên cúng cơm của lão -- không thể chơi một xe phở, chiếm một góc phố vĩnh viễn như ở quê nhà để sáng trưa chiều tối ngụp lặn trong khói phở thơm lừng, vừa đẩy những đường dao thiện nghệ vào khúc thịt bò mềm mại, vừa nhai vài câu Kiều lẩy cho nổi bật thêm phần

cá tính; hoặc có lúc rất tự tin, chõ mồm góp vài nhận định thời cuộc với đám "tín đồ," thường toàn giới cà vạt cổ cồn mà quyền lực xã hội của họ chỉ ho một cái, đời lão đã có thể mềm ra như sợi bánh phở.

Điều kiện mở hiệu ăn nơi xứ văn minh này quả có rất nhiều điểm xâm phạm nghiêm trọng đến quy luật, đến văn phạm phở. Phòng máy lạnh được trần thiết sang trọng, bàn ghế đều và đẹp như lính duyệt binh, thảm trải từ trong ra ngoài như dinh quốc khách là những thứ vô duyên, thừa thãi nhất trên đời đối với phở. Chúng dổm như ăn thịt chó chấm với Maggi; hoặc ví von hơn chút nữa giống như giữa chỗ khói lửa mịt mù, mớ đang đánh nhau chí chóe trên tiền tuyến, mớ sửa soạn đường máu tiếp tế từ hậu phương, có một mớ ông bà "làm dáng trí tuệ" xông lê tuyên truyền việc lập... thiền viện. Tục và "phản động" không chịu được!

Vâng, điều kiện mở tiệm ăn nơi xứ này, trong mười bốn năm qua, đã đánh tàn rụi ý chí trở lại phục vụ khẩu vị con người Việt Nam của nhiều bậc tổ sư chính phái phở bị cơn lốc thời cuộc cuốn sang bên này.

Riêng lão Hách thì khác. Năm năm đầu lão ngậm miệng lăn lưng vào làm mọi việc để tích lũy tư bản. Nếu một vị tướng nhất định không chịu sống yên làm nghề hạ tiện xứ người, quyết bỏ tất cả về lập chiến khu cho đúng với tầm vóc và mộng lớn của ông ta, thì lão Hách cũng nuôi cái ý chí tương tự. Là sao một người như lão lại có thể chui mãi dưới sàn tàu, quanh năm hàn xì để miệng mũi ăn toàn cứt sắt? Hoặc ngày tám tiếng dúi mũi vào đống hồ sơ, giải quyết mấy chuyện nhằm nhí trong những văn phòng bảo hiểm lừa lọc hay trong một văn phòng cán sự xã hội cùn mằn? Không được: Nếu thằng cha nhà văn trời đày hắn phải vắt óc cho đến chết, cung cấp món ăn ngon bổ cho tim óc con người, thì lão cũng mang nồi dằn vặt y trang trong mộng tưởng, rằng ngày kia lão sẽ trở lại chốn giang hồ, động dao động thớt để phục vụ những người đồng hương khốn khổ, đang ngày đêm bị bọn hắc đạo đầu độc bằng những thùng nước dùng đầy bột ngọt rẻ tiền.

Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên. Sau năm năm được số vốn tạm đủ để sang lại tiệm Pizza sắp chết đói của một anh Ý già nơi góc đường Sunrise và Sunset, lão Hách động viên cả nhà vào công tác tu sửa.

Không mang trong người căn bệnh bi quan của các bạn đồng nghiệp, lão nghiên cứu rất kỹ để biến mọi khuyết điểm thành ưu điểm cho hiệu phở tương lai của mình. Mọi chi tiết trong việc bố trí một hiệu phở đều dựa trên những quy luật cả. Bạn tưởng đôi ba cánh ruồi vo ve là điều đáng trách? Nhầm: Vui tai và mang nhiều đặc trưng dân tộc ra phết đấy. Nó hợp lý chán vạn lần hơn việc nhồi vào tai khách những loại nhạc rền rĩ của một Sàigòn vô phúc tiền 75; hoặc nhạc phim bộ kiểu Máu Nhuộm Bãi Thượng Hải, nhạc *new wave* của một cộng đồng tị nạn thiếu đức hậu 75. Còn nhiều tiểu tiết khác cần phải khai thác kỹ. Kìa loại tăm: Bạn chớ tưởng trong hiệu phở tăm nào cũng dùng được. Phải là tăm tre! Mà sao thế? Thưa vì trong lúc ngồi đợi, rất có thể một vị thực khách sẽ lấy cái tăm xỉa chơi cho đỡ buồn; nếu bạn trang bị cho hiệu loại tăm gỗ thông vuốt nhọn hai đầu là có khi thua đấy. Loại này dòn dễ gẫy. Vô phúc ông khách lại là người khó tính, bị gẫy một mẩu tăm trong chân răng, sau một lúc loay hoay mãi không lấy ra được, ai cấm ông chửi thề một tiếng, đứng chồm lên bước khỏi hiệu kịp khi bạn khệ nệ bưng bát phở đến phục vụ. Bạn làm sao đây? Người ta giận không ăn bắt bò người ta được à? Chưa hết, còn trăm thứ bà lang Trọc khác nữa. A, bạn đã đọc tùy bút Phở của Nguyễn Tuân? Tuyệt đấy chứ! Nhưng tôi bảo thật với bạn có nhiều thứ tẩn mẩn trong nghề phở mà ngay "tay chơi" họ Nguyễn cũng chẳng biết bằng lão Hách, thí dụ cái vịt nước mắm.

Theo lão Hách, nước mắm trong hiệu phở nhất định phải dùng bằng vịt thủy tinh hai mỏ. Đây là loại vịt truyền thống. Tối kỵ dùng loại rắc rắc. Vì sao thế? Vì trong cái không khí ngột ngạt mùi phở, mắt phải ngó quanh xem có ai quen, ngẩng ngẩng cái đầu dùng con mắt trái liếc ké hàng tít báo hấp dẫn của thằng cha ngồi bàn kế cận, tay ơ hờ cầm lên vịt nước mắm, tai lơ đãng nghe dòng nước thơm "vị mồ hôi công chúa Tiên Dung" chảy tồ tồ xuống bát phở bốc khói. Chợt như hốt hoảng nhớ ra điều gì, khách dựng phắt vịt nước mắm lên, hai mắt quay về lục lọi trong bát phở. Tâm tư xao xuyến. Tim lỗi đến mấy nhịp đập. Sâu trong thâm tâm khách dâng lên niềm hối hận như vừa vi phạm một điều cấm kỵ trong đạo phở: Sự nghiêm chỉnh! Khách thốt lên một tiếng than thầm bi ai: Chết rồi! Chỉ thế rồi khách chú mục vào tô phở như nhà khảo cổ tìm tòi một vết nứt trên chiếc trống đồng Ngọc Lũ. Dùng đũa nhẹ đảo ngược phần bánh phở. Tay run run cầm thìa múc tí nước dùng dí trên đầu lưỡi. Khói nước dùng tăng thêm độ nặng vài giọt mồ hôi âu lo trên trán khiến chúng vỡ ra, chảy nhòa vì ba đường nhăn bỗng nhiên biến đi, để lại một vầng trán thảnh thơi vô tư lự. Khách mỉm nhẹ một nụ cười: May quá, phúc bẩy mươi đời!

Chỉ một tiếng reo giản dị như thế nhưng dưới con mắt tinh quái của lão Hách, lão biết chắc vị thực khách của mình dưới sự thành kính bước vào đạo phở.

Không có vịt nước mắm hai mỏ, đố cách gì tạo nổi cho thực khách có được giây phút kỳ thú thế ấy. Nó tương tự như một

anh yêu vợ, nằm mơ mất vợ và khi choàng vậy vẫn thấy có vợ...

Đối với lão Hách bí quyết phục vụ các tín đồ của lão còn nhiều. Nào là chuyện tương ớt phải dùng liễn để khách kiểm soát được lượng muốn dùng, đem đổ nó vào mấy cái ống bóp là sai bét. Nhiều lúc khách chỉ thích nước dùng có tí màu thẹn thùng trên má con gái; cầm ống tương ớt lên bóp cái phẹch, cả một vòi ớt dài như con giun đỏ lòm rúc vào bát phở. Ngoái một cái, chửi thầm một tiếng. Hào khí của khách biến mất năm mươi phần trăm khi bát phở đã trở màu đỏ như bát riêu cua.

Rồi còn nào tiêu, rau mùi, húng, chanh, ớt lát... Nói tóm, mọi thứ đều là vấn đề cần phải được quan tâm, cân nhắc và thực hiện ở mức toàn hảo cả.

Hộ pháp cho đạo phở khổ lắm mà mấy ai biết rõ trên đời. Chư vị quân tử, thuyền quyên được mấy người tri kỷ? Bốn mươi năm trong nghề lão thừa kinh nghiệm về sự thưởng thức hời hợt đến vô ân của người đời. Nhưng làm sao lão có thể cho họ biết rằng trong mớ rau mùi kia không một lá úa, trong mớ húng kia toàn những lá đương thì? Sự tẩn mẩn công khó ấy gần như đã cướp hết quá bán những giấc ngủ ngon say của cuộc đời lão. Nhưng lão vẫn giữ được niềm kiêu hãnh đắng cay. Ăn hay không ăn, cả đời lão chưa năn nỉ ai cả. Nhưng đã vào ăn, lão muốn các tín đồ phải nghiêm chỉnh ở một mức độ tương kính; bằng không, biện pháp chế tài của lão đành phải đem ra áp dụng: Cho ăn bằng mức độ của những thành công lực: Cuộc đời mà, cái gì lại không có một *Barème de punition!?* Đó là một quy luật và lão tự thấy mình không sung túc lắm Phật tính trong người.

Còn nhớ hồi mới khai trương, một vị khách nằng nặc đòi già sống. Lão đã nhỏ nhẹ đến ba lần rằng thưa ông, bổn hiệu với lối cổ truyền không cung cấp giá sống cho việc dùng phở...

Lời nhỏ nhẹ không được đáp ứng. Ông khách với tấm thân to lớn ngồi phịch xuống ghế. Giọng ông oang oang như lệnh vỡ. Ông đảo cặp mắt lồi tấy đỏ như mới trải qua trận xập xám thâu đêm, nhìn vào những thực khách chung quanh, giơ một cánh tay lông lá có bàn tay mập ú lên không, rao giảng.

"Ăn phở phải có giá sống. Phải có một dĩa bành ki như dzậy nè. Bóp, bóp, bóp..." Ông ta vừa nói vừa bóp nghiến bàn tay trên không từng chập từng chập, rồi tiếp. "Bóp như dzậy từng nắm, từng nắm cho đến hết dĩa giá và trộn vào tô phở..."

Lần ấy lão Hách đã cố nuốt cơn điên vào bụng như người ta nuốt một miếng da bò sống. Lão cố bình tĩnh đến gần ông khách, nhỏ nhẹ chỉ ra cửa.

"Ông thứ lỗi cho," Lão nói. "thực lòng nhà cháu muốn giới thiệu với ông quán Đào Viên mì gia bên kia đường. Họ có món hủ tíu rất khá với hàng núi giá sống!"

Nói xong lão tủm tỉm quay trở lại với dao với thớt, với câu Kiều lẩy ư ử trong miệng trước nỗi kinh ngạc đến uất người của một tín đồ không rành lễ đạo.

Thế mà phở Hách vẫn đông như thường. Phường "chuyên trị phở" đã lắm kẻ gièm pha, lại có cả những kẻ giả dạng thường dân, mon men vào hiệu để nghiên cứu đối phương. Khi ra về họ cố đưa ra một phán đoán sao cho công bằng, rằng phở mình phở lão giỏi lắm một chín một mười cớ sao mà lão đông khách dường ấy?

Thực mà nói, sự phán đoán gọi là công bằng của những vua phở trong vùng vẫn đầy tính chủ quan, ấy là không muốn nói ngoan cố. Cái gì một chín một mười khả bắt khả vượt, chứ phở thì vô phương, khác nào anh gạo Đỏ so với anh gạo Tám! Nó là định phận, có thánh mà hoán chuyển! Đã vậy, lão Hách còn chơi thêm một đòn tâm lý tối hậu. Đòn này sờ sờ trước mắt mà chưa thấy anh "chuyên trị phở" nào khác ở Mỹ nhìn ra mới là lạ, ấy là: Phải bằng mọi giá cho khách nhìn thấy quầy phở với thùng nước bốc khói, với chủ nhân bình thản, chừng chạc điều dao khiển thớt, với thịt tái chín treo lủng lẳng, với những bó hành hoa xanh tươi... cho dù ở phía sau một khung cửa kính. Nói tóm, phải cho khách sống lại cảm giác đang được ngồi trong một tiệm phở "thật," không phải một tiệm phở mà mọi thứ đã được làm sẵn dâu từ tuần trước, tháng trước theo như cái đạo ẩm thực hết sức phổ thông và sa đọa ở nước này. Phải cho khách đói thắt ruột trước hàng đống bát úp dài trước quầy, giống một phần thân thể hớ hênh nằm ngửa của những cô em mà hẳn phải còn lâu lắm, mình mới được chủ nhân cho bê ra một nường để mà tận hưởng...

Lão Hách từng khẳng định yếu tố này đánh tan những khuyết điểm máy lạnh, thảm trải, bàn ghế bóng lộn nơi đây. Vẻ, theo lão ví von, hiệu phở sẽ vô duyên như một người đẹp trên dưới suôn đuột nếu không có quầy phở!

*

* *

Đừng tưởng cứ phải làm cách mạng giải phóng, hoặc tìm đồng chí lập đảng, tìm chân tay lập chính phủ người ta mới cần tới đôi mắt "biết nhìn người."

Thành thật mà nói đứng bán phở như lão Hách cũng cần đôi mắt "biết nhìn người" như vậy. Nhiều khi đôi mắt của một chủ hiệu phở còn phải biến thành thiên lý nhãn khi cần: Đứng một chỗ mà vẫn phải nhìn ra hết những chiêu pháp lén lút của bọn hắc ma giở quẻ chơi mình.

Tới đây chắc bạn bỉu môi cười: "Mẹ, làm đếch gì mà ghê thế!?" Nếu quả vậy e bạn có khi vội vã chăng? Với vợ con và anh

em trong nhà, lão Hách từng dặn dò kỹ lưỡng.

"Nhớ, sống trên đời hơn người đã là một cái tội. Ngồi yên không có kẻ thù. Nhưng đã vẽ chuyện làm thì phải cẩn thận, vì đó là lúc ta khởi sự có thù trong giặc ngoài. Một anh chủ báo lá cải hẹp bụng có thể đổ mắm tôm vào thanh thế ta chỉ vì ta từ chối một cái quảng cáo. Một thằng du đảng nghiện ngập có máu liều, nhẩy ngay vào hiệu dí chó lửa vào lưng ta giữa lúc đông khách. Một bạn đồng nghiệp chơi một hộp bột thuốc tiêu chảy Phénopthaléin vào thùng nước dùng sơ-cua của ta khi gã trên đường bước xuống nhà cầu... Mọi việc đều cần nhìn thấy trước để kịp hóa giải, kể cả việc phán đoán chuẩn xác để không oọc-giơ khi từ chối một khoản tiền đóng góp cho một tổ chức lạc quyên..."

Còn nhiều, theo lão Hách còn nhiều điều lắt nhắt mà một chủ hiệu phở, dù bận đến không kịp thở, vẫn phải giương mắt lên mà nhìn cho xa, cho rộng để tránh thảm họa lỗ nhỏ đắm thuyền.

Nhưng, dù sao việc "nhìn người" cấp thiết vẫn là đám tín đồ thường ngày của lão.

Ba thằng *new wave* tóc xanh tóc đỏ, ăn mặc như quỷ sứ yêu tinh vừa bước vào ngồi bàn 12 coi thế chứ không nguy hiểm. Thứ mặt búng ra sì-ke mà đòi ăn diện thường không dám hỗn giữa ban ngày, giỏi lắm ban đêm rình rập trong xó *parking* tối tăm, chờ dịp dí súng gỗ lột tí tiềm lẻ của một bà già tàn tật không may. Hạng đó đổ nước vo gạo vào bánh phở thiu cho ăn vẫn thấy ngon.

Cái nhà cô *teacher aid* bên trường Jackson mặc váy xám, đi dép gai chống tê thấp, tóc để kiểu công chúa Dianna ngồi nơi bàn số 4 gần ngay cửa kính trước quầy là người khó tính. Ngày đông, tìm được chỗ ngồi cho khách đã khó nhưng cô nàng vẫn lãnh đạm lắc đầu nếu chỗ ấy xét ra không vừa ý. Dù sao tính khó của cô được lão Hách tha. Đàn bà con gái ăn coi nồi, ngồi coi hướng là điều đáng khuyến khích.

Cái ông bắp thịt không to nhưng đôi kính râm thì to, ngồi yên như tượng dưới bức tranh lợn gà kia còn ai ngoài gã Tám Tàng? Gã là một tay anh chị bự, sổ tay FBI không đủ giấy để ghi các bản báo cáo nhưng vô phương vồ được gã thu thuế quả tang. Tám Tàng có thể xấu với cái xã hội bát nháo nhưng chơi được với phở Hách. Bạn đừng vội ngộ nhận chữ "chơi được" ở đây như là thu thuế nhiều ít. Dân giang hồ thứ thiệt nhiều tay điệu ra phết. Tám Tàng là một tín đồ chính thống của đạo phở, cúng dường thì có chứ chưa bao giờ gã cho em út thu thuế phở Hách. Có thể nói không mấy người bỏ típ bảnh như Tám Tàng. Ăn tô phở uống ly cà phê sữa đá sáu tiền, gã ném trên bàn mười tiền và nghiêm chỉnh nói với cô gái chạy bàn "Giữ lấy tiền lẻ, em gái hậu phương!" Típ đến thế thì thực Mỹ Nhật Tây Tàu chạy hết. Đổi lại, bát phở cho Tám Tàng thì phải toàn hảo; điều ấy được hiểu là chủ hiệu phải khuấy đủ năm vòng môi trước khi múc nước đổ vào bát. Đem bát phở ra mà có những loang mỡ béo vẽ địa đồ trên mặt nước dùng là điều gã rất phiền lòng. Lão Hách hách đúng, không hách xì xằng; cho nên lão chẳng tiếc công mà hầu tiếp ông bạn này cẩn trọng hơn nhiều người khác. Thường khi ăn xong, ra về, gã hay thò đầu vào gian đặt quầy phở nhếch môi khen một câu thông lệ "càng ngày càng tiến!", rồi như sợ dư chữ, gã khẽ nhún vai bước thẳng ra ngoài.

Kìa, đang bước vào là cặp vợ chồng chủ hiệu ăn Con Chim Xanh dưới khu Nam. Tên chồng gầy như que tăm, thân thể bơi trong bộ com-lê quá khổ, trông thảm như con hạc xẹ cánh đứng chịu mưa; riêng bà vợ lại béo như cái lu, phủ bên ngoài một bộ đồ màu mè quá đáng. Buồn cười nhất là ngay chính hiệu ăn của họ có nấu phở, thế mà không trưa chủ nhật nào họ không dẫn nhau đến đây là một chầu. Lão Hách chưa bắt chuyện với cặp vợ chồng này lần nào, thậm chí chưa biết cả tên thật. Nhưng thế hóa hay. Nghề nấu ăn, nghề ca sỹ, nghề mở phòng mạch hay nghề báo có khác gì nhau. Quen lại đâm khó giấu những hòn đá lúc nào cũng có sẵn trong túi. Với cặp vợ chồng này, bát phở chỉ cần đánh đến sáu phần công lực đã đủ thắng lớn. Không phải họ không biết ăn, nhưng chính vì việc họ làm đã giết chết nhiều phần vị và khứu giác của họ: Mở hiệu với những món ăn táp nham, mục đích chỉ nhắm moi tiền mấy ông bà Mỹ sính món Việt!

Thực khách còn khối loại người trong cộng đồng Việt Nam nơi đây. Chỉ riêng một xế trưa chủ nhật như ngày hôm nay, có muốn lão Hách cũng không đủ thì giờ kể hết tiểu sử từng người. Lão chỉ có thể nói vắn gọn trong đám tín đồ dã tụ vào hiệu lão hiện đang chia làm hai phe rõ rệt. Một phe đã chiếm được chỗ ngồi, đang xì xụp húp nước phở hoặc ngậm tăm hoặc xem báo, hoặc tán gẫu chờ tới lượt được phục vụ. Phe kia là đám người lổn ngổn đứng nơi cửa ra vào với những đôi mắt lơ láo, nôn nả, rình rập y như những kẻ đang tham dự một cuộc chiến kiểu chiếm đất giành dân.

Bất giác lão Hách nhăn mặt, rồi lại thản nhiên trở lại với nụ cười thần bí nở trên môi.

Đó là chuyện "công tác mắt" của lão Hách trong nghề bán phở. Nhưng nghề này nào chỉ đòi hỏi có thế! Mồm miệng, chân tay, mắt mũi đều có công tác riêng tuốt tuột; nhất là lỗ tai cũng có một trọng trách đáng kể. Ngoài việc phải nghe khách gọi, cự, mắng, khen... là chuyện dĩ nhiên; đôi lỗ tai lão còn phải nghe cả những việc chẳng ăn nhập gì với việc bán buôn của mình.

Người ta bảo chỉ cần hai cô em với một con cái thôi đã đủ họp thành một cái chợ; hoặc chỉ cần ba ông anh với một bát phở đã đủ lập thành một hội đoàn, hai tổ chức và ba võ đài. Khám phá trên được chứng nghiệm nơi phở Hách. Mỗi ngày, từ sáng tới chiều, trong hiệu phở có 12 bàn, mỗi bàn 4 chỗ ngồi, đổ đồng 10 đợt khách thì lỗ tai lão Hách đã được nghe đến 480 đề tài giang hồ đem vào đây mà xầm xì, bàn luận, tranh cãi và thậm chí có lúc thượng cẳng chân, hạ cẳng tay với nhau để giành chân lý về mình.

Đứng sau quầy lão nghe những gì?

Bàn 3 có ba người đẹp. Đây là bàn tam ca Ba Con Rái Cá. Chả rõ họ có ký giao kèo với tổ chức vui chơi Sea World để quảng cáo cho Rái Cá hay không, hay cả ba đều đồng ý lấy ưu điểm vóc dáng cô lớn nhất đặt tên cho ban? Ba cô này quen thân với hiệu phở lắm. Họ vui nhộn và trẻ trung. Cô lớn nhất bỗng ngóc cao đầu, lơ láo về phía quầy phở, trông ngô nghê y như con Rái Cá mong ngóng anh huấn luyện viên ném cho một mẩu cá. Một lát cái đầu thụt về chỗ cũ, lắc vài cái ngao ngán, chu miệng ra dấu với các bạn sửa soạn bắt bè một lời ca. Những bàn chung quanh xôn xao ngó lại khi cả ba đồng loạt cất lên một chữ duy nhất bằng ba giọng: Đói, đòi, đoi...

Có giọng anh con trai chả hiểu từ bàn nào chõ vào, ghẹo bâng quơ.

"Đoi hả, đoi chỗ nào chỉ coi!"

Ba cô như không thèm trả lời phường tép riu, chỉ rúc đầu vào nhau bàn chuyện đi *show* cuối tuần của họ.

"Nước béo hành trần đây chứ!"

Tiếng réo từ chiếc bàn gần cửa nhắm vào, gây nhiễu âm lớn cho công tác lỗ tai của lão Hách. Cô em chạy bàn nghe réo vội dừng cặp chân tất bật, ngoái và ngửa cổ đáp vọng lên trần nhà như con chim ngứa cổ.

"Nước béo hành trần một bát có ngay!"

Tiếng réo đáp vô tình có giá trị như phát súng lệnh cho một cuộc nổi dậy èo uột cấp địa phương. Đôi ba tiếng cồm-lên về cái đói của khách cùng sự chậm chạp phục vụ chủ nổ lẹt đẹt nơi vài ba ông lão lụ khụ, ngồi nơi bàn 6 chính giữa nhà. Gì chứ dẹp cuộc cách mạng cỡ đó là phần vụ của các cô cậy chạy bàn. Lão Hách bình chân như vại.

Bàn 1 có hai đôi thanh niên thiếu nữ ngồi vào. Họ ăn mặc gọn gàng, ra dáng có tính đoàn tịch chi đó vì những bộ đồng phục màu xanh dương. Họ lại có cả một cây *guitar* nhét dưới gầm bàn. Lão Hách chưa kịp phân loại thì phạch, một thanh niên đập tờ báo đang đọc xuống mặt bàn, chửi đổng.

"Tiên nhân chúng nó, về nhiều quá!"

Cô gái đối diện có mái tóc dài và chiếc răng khểnh thật duyên hỏi với vẻ ngơ ngác.

"Về đâu cơ ạ?"

Cô bên cạnh huých bạn một cái, mắng khẽ.

"Cái Vân này lúc nào nó cũng sống trên mây. Việt Nam chứ đâu."

Anh thanh niên thứ hai gạt đi.

"Mình sắp dùng phở, lại phở Hách; xin tạm gác cái chuyện tởm ấy lại để dùng cho ngon..."

Chữ được chữ không nhưng Lão Hách đã nghe thấy câu "lại là phở Hách." Lão nẩy một nụ cười y như nụ cười của Cai Xanh trong Ném Bút Chì, lúc gã gửi lại cái hộp thuốc lào trên dán nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù cho lũ chủ quán dọc con đường Điền Hộ, nhưng chẳng có ma nào dám nhận. Nếu Cai Xanh kết thúc cái cả cười của gã bằng câu hợm hĩnh "mấy chú em bán quán ở vùng này cũng đã biết rõ đến ta ư?", thì lão Hách lại ngừng tay dao, gõ chiếc thìa vào một cái ly ba tiếng cạch cạch cạch. Đây là ám hiệu triệu hồi khẩn cấp một cô em chạy bàn. Đúng thế, chỉ sau tiếng gõ vài giây một cô bé chạy vào. Không đợi cô bé hỏi han, lão Hách tay xắt đều như máy trên miếng nạm dòn, hất mặt ra ngoài, miệng bảo.

"Ưu tiên bốn tô đặc biệt cho bàn số 1!"

Dù thừa biết đây là một sự đảo lộn trật tự bất thường của ông chủ, cô bé vẫn chỉ ngoan ngoãn một chữ "vâng" và đứng yên đợi.

Lão Hách vừa làm bốn bát phở vừa vui vui trong bụng: "Một câu nói hay cả bầy được thưởng."

Cô chạy bàn bưng nhanh khay phở ra ngoài và dù chỉ liếc qua "nội dung bốn bát phở," cô đoán ngay được hai cô hai cậu nơi bàn số 1 phải là bà con ruột thịt của ông chủ hiệu.

Không thèm theo dõi tiếp diễn tiến nơi bàn số 1, lão Hách ngừng tay, nhìn vào thùng nước dùng đã cạn đến lòi những lớp xẩu phía dưới và sôi sùng sục. Lão ngoái ra sau kéo lên một cái sô nhỏ và đổ ồng ộc vào thùng lớn, xong thò tay dưới quầy vặn nút điều chỉnh ngọn lửa ga. Cầm lại con dao, vừa cạo mạnh lớp mùn trên mặt thớt, lão vừa đảo mắt ra ngoài một vòng. Óc lão đếm thật nhanh đám tín đồ còn lại, đầu gật gù buông một chữ khó hiểu: "Cân!"

Bàn 2, một đôi vợ chồng ăn mặc bảnh bao như dân *broker*, sau màn chụm đầu thầm thì chợt buông nhau ra, ngó quanh với khí thế như muốn tiếp tục cuộc nổi dậy ở bàn số 6 ban nãy. Bốn ánh mắt hằn học của họ bất ngờ đồng chiếu vào lão Hách. Hố rồi! Một cô em chạy bàn vừa bưng tới trước mặt họ hai bát phở "tái nạm gầu gân hành trần nước béo" y như họ đã đặt hàng hơn mười lăm phút trước đó.

Thêm một âm mưu nổi dậy bị dập tắt trong hiệu phở Hách!

"Số 5 số 7 tính tiền!"

Từ quầy tiền, tiếng gầm của bà Hách nhắm vào mấy cô cậu chạy bàn như núi trùi dưới

đáy biển. Họ luống cuống như trong hẻm chật, đi đông gặp kít. Thấy lũ em út còn tản mạn chưa thi hành lệnh, giọng chì triết của bà Hách tiếp tục gầm núi đổ.

"Ăn cơm ăn gạo chứ đâu có ai ăn sắt ăn chì!"

Cứ như bà chủ có phép truyền âm nhập mật, thực khách gần như chẳng ai biết gì chuyện chủ mắng thợ, chỉ thấy một lũ trai gái sau cơn luống cuống, hè nhau rống lên.

" 5, 7 tính tiền!"

" 5, 7 tính tiền có ngay!"

" 5, 7 có *bill* đây rồi!"

Một cậu chạy bàn vác hai chiếc đĩa nhựa nhỏ đựng giấy tính tiền chạy đến bàn số 5 trước. Ông khách vừa móc bóp phơi, vừa nhìn anh thanh niên, giọng ngạc nhiên hẳn.

"Ủa Tấn, mày ra trường rồi mà?"

Anh thanh niên cũng vừa nhận ra người quen, anh hơi ưỡn lưng lên, đáp với giọng muốn cho cả bàn bên cạnh nghe thấy.

"Dạ chú Năm, chú mạnh giỏi? Cháu ra kỹ sư năm rồi, có điều lóng rày xưởng điện tử đua nhau sập tiệm. Mà cháu thì... trời ơi." Anh ta khoa hai tay lên trời và cầm chiếc đĩa thứ hai chạy tấp tới bàn số 7.

Chiếc đồng hồ quả lắc hiệu Quartz khá lớn do chính lão Hách mua, nhưng nhờ vận động, từ ngày khai trương nó vẫn được đề bên dưới một hàng chữ "Phòng Thương Mại Cộng Đồng Thân Tặng" vừa từ tốn buông mấy tiếng điểm ba giờ trưa.

Theo kinh nghiệm, chủ nhật hàng tuần, kể từ giờ phút này phần lớn tiệm ăn khách khởi sự xuống. Điều này cũng dễ hiểu. Đời sống Mỹ quần quật cả tuần. Người ta chỉ chính thức được "hưởng thụ" (trong này có cả khoản giặt giũ, lau nhà, diệt gián, rửa xe và làm trăm thứ việc lỉnh kỉnh khác của gia đình) từ tối thứ sáu đến trưa chủ nhật. Nếu là người Công giáo thì sự vui chơi, kể cả việc đi thăm lão Hách, dã chấm dứt đâu từ chín giờ sáng. Mới lo con cái đi học giáo lý, mới lo cơm trưa, mới lo đi lễ lúc ba giờ chiều là coi như xong ngày chủ nhật. Với những người theo các tôn giáo khác mà ngày chủ nhật không phải là ngày thần linh ưa thích, giỏi lắm họ cũng chỉ có hứng hưởng thụ đến giờ này là hết. Đa số muốn quay về, sắp xếp, nghỉ ngơi cho một tuần lễ cày cuốc kế tiếp.

Riêng ở phở Hách bảo là khách xuống có hơi quá. Đỡ chen nhau đứng hơn. Vả sự đỡ chen nhau thực ra cũng do chính ý kiến lão Hách. Lão đã không thẳng thắn công bố nhất định đóng cửa 4 giờ chiều đấy sao? Nhưng dù chen hay đỡ chen, tai lão vẫn tiếp tục bị nhồi nhét đủ thứ chuyện và đủ thứ âm thanh: Tiếng húp nước phở, tiếng thúc phở, tiếng năn nỉ thực khách của một cô em chạy bàn, tiếng nước sôi; chuyện kháng chiến, chuyện ra báo mới, chuyện thất nghiệp, chuyện hai cô ca sỹ bàn cách liên minh hạ cô ca sỹ thứ ba, chuyện mười ông bà bám chân một nhà lập pháp Mỹ về Việt Nam, chuyện bang giao, chuyện một nhà văn đặt vấn đề có còn nên chống cộng quyết liệt hay không, chuyện tiếu lâm...

Lão Hách với tay lấy bó hành hoa đặt trên thớt. Tay trái lão giữ chặt bó hành, tay phải ấn mạnh một đường dao; hơn mười củ hành với tóc tai râu ria rơi long lóc như cuộc xử trảm tập thể thời cải cách ruộng đất.

Lão lờ đờ đôi mắt và cố lắng nghe thêm những câu đối thoại của ba ông khách quen, sau nửa tiếng đứng đợi vừa ngồi xuống bàn số 7.

Khách lúc này đã thật sự thưa. Lỗ tai lão đã thảnh thơi đến tám phần mười, và như vậy, lão dần dần nghe rõ những mẩu đối thoại đó: Toàn những vấn đề lớn!

Một cặp khách nữa rời khỏi hiệu. Lão hỉnh mũi và vội nhìn vào thùng nước dùng. Lão lại bỏ dao và chạy hẳn vào bên trong. Một giây sau lão chạy ra với thêm một phần sô nước nhỏ. Lão đổ vào thùng nước dùng dường như đã có tí mùi khét. Một tiếng xèo phát ra nghe như người ta đổ nước lạnh vào một chảo nóng để rửa.

Anh "đạo đức" hết kiên nhẫn, gắt vọng vào trong.

"Ông chủ, hơn nửa tiếng rồi, có cho ăn không thì bảo để chúng tôi còn đi."

Lão Hách nhanh tay xắt thêm mấy lát tái, mắt ngó nhanh những bàn ghế trống người, don dả.

"Thật là nhà cháu có lỗi với các bác. Rối mù cả đâm thân làm sơ, sơ làm thân." Lão hơi cao giọng. "Xin có ngay để hầu các bác đây!"

Anh "nhà văn" nhỏ nhẹ triết lý.

"Cứ từ từ ông chủ. Người ta sống há chỉ có bánh mì?" Anh hơi xoay sang nhà "đạo đức," bỡn. "Thưa có phải đó là lời chúa không, thầy sáu?"

Anh "chính khách" cười lớn với mọi người.

"Tôi chẳng cần biết bánh mì hay bánh tây, chỉ muốn làm thân với ông và phở của ông thôi đấy, ông Hách ạ..."

Ông "nhà văn" nói mát.

"Đúng là khi một nhà chính trị cần gây quỹ..."

"*Glasnost* tí ông..."

Một tiếng xoảng từ phía bàn 2 hay 12 chi đó vọng tới và mọi người ngoái lại. Ra là một cậu bé nghịch ngợm đánh đổ cốc nước. Ông bố có vẻ cáu, chửi toáng lên.

"Tiên sư thằng mất dạy. Đã bảo loay hoay thế nào cũng đổ..."

Có tiếng phụ nữ chen vào.

"Thôi anh, trong quán sao lại chửi con?" Rồi bà ta quay sang đứa bé nói như đỡ đòn." Sang đây, sang ngồi bên này. Đổ nữa về bố mày giết chết!"

Sự lộn xộn lắng xuống thật nhanh. Lỗ tai lão Hách chỉ còn nghe thấy tiếng ruồi vo ve và tiếng húp nước phở của ba ông

khách sau cùng. Lão tháo tấm tạp dề móc trên chiếc đinh, ra dấu cho một cậu chạy bàn tới cửa lật ngược tấm bảng nhỏ đề chữ "Sorry, we're closed" ra ngoài. Rồi lão từ tốn bước ra khỏi cái lồng kính, ngồi xuống chiếc ghế gần đấy.

"Các bác dùng được đấy chứ ạ?"

Không ai trả lời. Và dường như lão cũng không muốn ai trả lời. Lão ngồi yên ngắm ba ông khách khá quen mặt và quen nết này. Không dưng lão khẽ lắc đầu. Quanh lão, quanh cuộc đời lão, suốt từ khôn lớn đến nay đã nhìn thấy bao típ người như thế. Đây là những người có thể hiểu biết mọi chuyện trên đời. Họ nhận xét được, thẩm định được đủ chuyện văn chương, tôn giáo, triết học, chính trị... nhưng không bao giờ thẩm định được phở. Tự dưng lão phát một nụ cười vu vơ lên trần nhà. Lão nhớ có thể từ quen biết ba ông khách này, chẳng hiểu sao không vì lý do này thì lý do khác, lão chưa từng có cơ hội phục vụ họ một bát phở với đủ 12 thành công lực. Và chiều nay, dường như họ chỉ được phục vụ đâu với hai ba phần công lực vớt vát. Nhưng tội nghiệp thay, họ đang gục đầu tận hưởng sự thấp kém ấy mà không bao giờ biết được nó chính là phản ảnh cái thấp kém của chính họ.

Bất giác lão thấy khá áy náy trong lòng. Lão muốn lựa lời nói một câu để lương tâm thảnh thơi, để hóa giải đi mặc cảm mình đã xử hơi tệ với một giai cấp chưa đáng xử tệ nhưng không kịp nữa, vợ lão đã dọn cơm ra: Một liễn cơm, một đĩa đậu phụ rán, một bát tương Cự Đà "cụ Chí" và một đĩa cải luộc. Giữa khi lão đang theo dõi đôi bàn tay trắng, mập, mềm với cái nhẫn cưới lẩn vào trong thịt xới cơm ra bát thì bỗng nhiên có một tiếng hỏi. Lão ngước lên. Ra là anh chàng bệ vệ đang ngó đăm vào mâm cơm đạm bạc của vợ chồng lão, miệng như phả ra mùi mỡ bò.

"Này ông chủ, sẵn phở sao không làm bậy luôn một tô, lại nấu cơm?"

Lão Hách lắng tai nghe sâu trong bếp. Lão tin đến chín mươi chín phần trăm có cô cậu nào vừa làm mẻ một cái bát. Rồi lão nhún vai, nhìn khách.

"Từ nào vẫn thế, các bác ạ. Bỏ nước đi mười bốn năm qua chúng tôi nào đã được một bữa phở!"

"...?"

"Đành tí cơm mà sống qua ngày." Không cho khách chen vào, lão thở dài và tiếp ngay." Các bác cứ xem sang đây quả có thừa mứa nhưng bánh thì thế kia, thịt thà thế kia, rau rác thế kia, nhất là người, là cảnh thế kia làm sao có được bát phở, hưởng được bát phở cho đúng cái đạo phở?"

Lão ơ hờ tiếp lấy bát cơm từ tay vợ, chép miệng.

"Cói nhúng tay vào làm mỗi ngày chẳng qua để đỡ nhớ nhà đấy thôi, các bác ạ."

HÀ THÚC SINH

Trích "Thiếu Úy Chiến và Rừng Hoa Cúc Vàng," tập truyện sắp xuất bản

TÌNH YÊU

KHÁNH TRƯỜNG

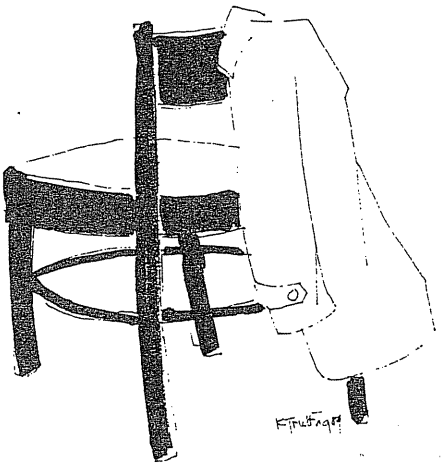

Cho đến năm hai mươi bốn tuổi, tôi vẫn không thể tin rằng tình yêu giữa trai gái có thể xảy ra mà không cần sự tham dự của thân xác. Nói một cách văn vẻ (pha thêm chút cải lương), thì "tình yêu tinh thần" dứt khoát chỉ là trò mơ mộng vớ vẩn của các anh chị văn thi sĩ mà thôi. Nếu có kẻ nào buộc tôi phải chứng minh "lập trường" trên là đúng lập tức tôi sẽ đem ngay chính bản thân làm một thí dụ điển hình.

Năm mười sáu tuổi, tôi được dạy bài học vỡ lòng "tình yêu!"

Vào thời đó chỗ quê tôi chưa có trường trung học đệ nhị cấp, xong đệ tứ, muốn tiếp tục con đường khoa bảng, phải khăn gói ra tỉnh. Vốn xuất thân từ thành phần nông dân cốt cán, bao nhiêu đời chân lấm tay bùn, một chữ bẻ làm đôi cũng không có mà làm thuốc, nên cha tôi suốt đời chỉ nuôi một ước mơ duy nhất: Trong số tám anh chị em tôi, phải có đứa ăn học đến nơi đến chốn, hầu làm rạng rỡ tổ tông! Tôi là con út, và vì là út nên được ưu tiên nhận lãnh "trọng trách" nầy! Vô hình chung tôi phải gánh lên vai những... chín niềm khát vọng: Cha mẹ tôi cọng với bảy ông anh bà chị!

Do chỗ quen biết giới thiệu, lên tỉnh tôi ở trọ nhà một ông cảnh sát, ông nầy làm việc ngoài cầu Hiền Lương, mỗi tháng chỉ về thăm vợ một lần. Đường từ Đà Nẵng ra Bến Hải không xa xôi gì, nhưng quốc lộ Một từ thời Pháp thuộc đến bấy giờ chưa một lần tu bổ, nhiều đoạn lở lói chỉ còn trơ sỏi đá, ngổn ngang ổ gà. Đèo Hải Vân cũng chưa được mở rộng thành hai chiều, đến chân đèo, hành khách cả hai bên buộc phải chờ trung bình từ hai đến bốn giờ mới được qua đèo! Đã thế phương tiện di chuyển lại cổ lỗ, những chiếc xe 'hàng bung cửa bật mui, máy móc cọc cạch, chạy ì à ì ạch như một bà già yếu gân lỏng cốt! Và có thể ăn vạ giữa đồng không mông quạnh bất cứ lúc nào. Với tình trạng đó, mỗi tháng về thăm nhà một lần, tôi nghĩ, đã là một cố gắng vượt bực của ông cảnh sát!

Ngôi nhà nằm trong một khu vườn không rộng lắm, chung quanh bao bọc bởi một hàng rào dâm bụt cao ngút đầu, rậm lá, vì thế có vẻ cách ly với chòm xóm. Nhà có hai phòng ngủ. Một phòng của vợ chồng ông cảnh sát, phòng còn lại cho tôi thuê. Bà vợ tuổi khoảng hai mươi tám, mập mạp, da dẻ trắng phau mũm mĩm như con gái đương thì, mắt một mí sắc lẻm, chân mày lưỡi mác rậm đen. Hai vợ chồng chưa có con, nên khi tôi vào trọ, bà vợ rất vui, ông chồng cũng hân hoan không kém. Mỗi lần sắp sửa lên đường ra "biên ải," ông cảnh sát bao giờ cũng vỗ vai tôi, dặn dò chí cốt: "Chú thay anh giúp đỡ chị khi cần. Nhà có con trai đàn ông, anh cũng yên tâm đôi phần!" Chẳng hiểu có phải lời dặn dò chí cốt nầy là một trong những nguyên nhân gây nên bao nhiêu sự vụ động trời hay không?

Ngoài thì giờ đến trường, suốt ngày tôi loanh quanh trong phòng. Tính tôi nhút nhát, không quen tiếp xúc giao tế, vả, có ra ngoài cũng chả biết nói chuyện với ai. Bà vợ ông cảnh sát thì lúc nào cũng đắm chìm vào những cuốn tiểu thuyết tình cảm ướt át hay

trinh thám gián điệp kiểu Z.28. Bà ta gần như không rời chiếc võng mắc ngang hai cây cột ngoài chái hiên, ngoại trừ những lúc phải ra ngoài chợ búa, trả và thuê sách mới, nấu nướng hai bữa ăn, hay khi ánh mặt trời đã xuống, không còn đủ ánh sáng cho bà tiếp tục theo dõi những bước thăng trầm của các nhân vật trong truyện.

Một buổi chiều, từ trường về, tôi xăm xăm mở cổng bước vào sân. Khi đi ngang qua chỗ bà chủ nhà nằm, tôi hơi khựng lại, và có cảm giác hai tai đỏ ửng, nóng bừng. Trên chiếc võng đong đưa nhè nhẹ, bà cảnh sát nằm ngửa, một chân chỏi xuống đất, một chân duỗi dài theo chiều cong của chiếc võng. Bà cảnh sát mở to đôi mắt, nhìn đờ đẫn về phía cuối khu vườn, đôi mắt như đắm chìm vào một cõi nào khác. Trên bụng, cuốn tiểu thuyết lật úp phô tấm bìa lòe loẹt màu sắc, cuốn truyện nầy, qua cái nhãn vừa đọc thoáng, tôi có nghe đồn thuộc loại đẫm ướt dục tình. Nghe tiếng động, bà ta giật mình ngước nhìn. Thấy tôi, bà mỉm cười, hỏi:

"Em học về?"

"Dạ."

"Mấy giờ rồi nhỉ?"

"Dạ, em bãi học năm giờ, về đến đây chắc cũng gần sáu giờ rồi."

"Trời độ nầy lâu tối quá há. Em coi, nắng còn gắt ghê nơi."

Chợt đôi mắt rất nhanh liếc về phía tôi, khi bắt gặp vẻ lúng túng của tôi, bà lại mỉm cười. Làm như vô tình, tôi đoán thế, bà ta co chân cao hơn.

"Nóng nực quá!"

Tôi chóng mặt ú ớ:

"Dạ... nóng thiệt..."

Dù thật tình, trời đã chiều, chái hiên lại rợp bóng mát, gió hiu hiu vờn trên da mặt...

Khi tôi dợm bước định vào nhà, thì bà ta gọi ngược lại:

Tôi giật nẩy:

"Lại đây chị biểu."

Giọng bà ta có vẻ không được bình thường. Không phải, đó là tiếng mèo gào đực trên mái nhà vào những đêm khuya tôi thường nghe.

Tôi luống cuống bước đến cạnh chiếc võng. Trong ngực, trái tim xem chừng muốn biến thành con ngựa bất kham, lồng lộn những nhịp đập bấn loạn.

"Lại đây!"

Tôi nhích thêm một bước.

Bà cảnh sát chợt nhỏm dậy thật nhanh, và thật bất ngờ, dang rộng hai cánh tay vồ lấy tôi, ôm siết.

Tôi lảo đảo ngã sấp lên bà ta.

Như thế, bài học "tình ái" đầu tiên tôi được khai tâm ngay chỗ chiếc võng, dưới mái hiên, giữa ban ngày ban mặt, do một người đàn bà hơn tôi đúng một con giáp... xuân xanh!

Từ hôm đó, tôi và bà chủ nhà chìm đắm trong hoan lạc. Sức lực trai trẻ bên cạnh sinh lực ngồn ngộn của một người đàn bà khỏe mạnh, nhàn cư, lại xa chồng. Thật không có một kết hợp nào... toàn bích hơn! Chúng tôi quấn quít, vồ vập lấy nhau không rời, quên ăn bỏ ngủ, ở bất cứ nơi nào có thể được.

Nhưng sự thái quá nào cũng đều mang đến những hậu quả tai hại!"

Đến ngày nghỉ hè, tôi về quê, cả gia đình đều ngạc nhiên thấy tôi chỉ còn da bọc xương, xanh mướt, đờ đẫn như xác thằng chồng trôi sông! Tội nghiệp hai đấng sinh thành và đám anh chị của tôi, họ cứ tưởng cậu quý tử lo học hành, lại xa nhà không ai chăm sóc cái ăn cái uống đầy đủ mới ra nông nỗi! Tôi thì nào có dám hé răng, cứ nương theo sự ức đoán của mọi người mà ừ hử, dù rằng thâm tâm vô cùng áy náy. Chín niềm mơ ước đổ dồn vào tôi coi mòi sớm muộn gì cũng sẽ trở thành chín niềm... thất vọng. Quả thế, một năm ở tỉnh, việc học hành của tôi chẳng chút khả quan, từ một anh học trò quê mùa ngơ ngáo, rất nhanh, tôi trở thành một tay lão luyện trong lãnh vực gối chăn. Luật bù trừ của tạo hóa bao giờ cũng... tròn trịa: Kinh nghiệm vật chất phong phú bao nhiêu thì chữ nghĩa đèn sách càng... khánh kiệt bấy nhiêu! Cái đầu tôi sắp biến thành đất sét!

Rồi kỳ hè cũng qua.

Đêm trước ngày lên đường, tôi không sao chợp mắt, cứ nghĩ đến cái giây phút được gặp lại cố nhân là khắp người tôi lại nổi gai ngứa ngáy. Tôi nằm đợi trời sáng với ngổn ngang bao nhiêu hình ảnh mê tơi. Gà vừa gáy rạng đông, tôi đã vùng dậy sửa soạn lên đường.

Không may cho tôi, chẳng hiểu ông cảnh sát thấy việc hàng tháng đi, về quá cực nhọc, hay tại bà cảnh sát sau ngày xa tôi, đêm nằm vắt tay lên trán, nghĩ đến bốn chữ "tiết hạnh khả phong," thấy lương tâm cấu nhéo đau điếng, bèn tỉnh ngộ "tung cánh chim tìm về tổ ấm," nhất định rời xa chốn bùn nhơ, để cho nền luân lý đạo đức bốn nghìn năm con rồng cháu tiên bớt phần đìu hiu lau lách! Cả hai vợ chồng đã dắt díu nhau cùng ra "biên trấn," không thèm để lại một câu giã từ! Căn nhà cho người khác thuê.

Tôi thất vọng tưởng muốn bệnh!

Nhưng dần dà rồi cũng nguôi ngoai, tôi bắt đầu tập sống đàng hoàng trở lại. Dù sao, chín niềm mơ ước ở quê nhà vẫn còn là ánh lửa sáng của lương tri. Khi tịnh tâm ngồi suy nghĩ thiệt hơn, tôi nhận thấy cách giải quyết của bà cảnh sát xét ra tuy có... tàn nhẫn vô nhân đạo nhưng cũng hợp đạo trời!

Cuộc sống tôi từ đó kể có khá hơn. Chỉ có một điều, ấn tượng bà cảnh sát đã tạo ra về quan hệ giữa trai gái quá sâu đậm, cho nên dù sau nầy tôi cố thêm vài mối tình khác, nhưng khổ thay, quan niệm của tôi về tình yêu vẫn xoay quanh chuyện gối chăn. Đến với bất cứ người nữ nào, tôi nhấm giò nhấm cẳng cái đã. Có hấp dẫn không? Có

lẳng lơ không? Có dễ dàng tiến tới chuyện đó không? Nói chung, những mối tình của tôi -- nếu có thể gọi đó là mối tình -- sau đó, đều hoàn toàn dựa trên cơ sở xác thịt. Tôi thật không thể hiểu nổi bọn bạn bè cùng lứa, tại sao chúng có thể lãng mạn... cải lương đến độ ngô nghê buồn cười. Hẹn hò, đưa đón, thư đi tin lại, tặng thơ tặng nhạc, chép lưu bút lẩm ca lẩm cẩm... Trời ạ! Thế thì ăn được cái giải gì? Cứ trông chúng nó cuống lên trong ba chuyện lỉnh kỉnh lăng nhăng nầy mấ phát... sốt ruột!

*

* *

Khi đơn vị tôi vào được thành phố thì cao điểm của trận chiến đã tương đối lắng dịu, dấu vết những trận thư hùng ác liệt vẫn còn nóng hổi khắp nơi. Những con đường ngập ngụa rác, cây cành đổ gãy, những bức tường sụp long lở vôi vữa, những cột kèo cháy đen trơ vơ giữa đám gạch ngói nát vụn... Thành phố thiêm thiếp như chết. Ngoài đường lộ, thỉnh thoảng một chiếc G.M.C. phóng qua, tiếng động cơ gào rú hung hãn. Trên không, những chiếc trực thăng lòng vòng săn mồi, lâu lâu lại một tràng đại liên nổ dòn dã, những viên đạn lửa rơi nghiêng xuống đất kéo thành những sợi lửa dài ngoằng. Không một bóng người, không một dấu hiệu nào chứng tỏ, nơi đây, chỉ mươi ngày trước, là một khu phố tấp nập người buôn kẻ bán, xe cộ ngược xuôi từ tinh mơ đến nửa khuya. Dân chúng đã bồng bế nhau chạy ra ngoại ô, hay vượt qua đèo Hải Vân, tràn vào Đà Nẵng. Thành phố hoàn toàn bỏ ngỏ, mặc tình cho bọn lính tráng tung hoành. Địch cũng đã rút đi từ hai ngày trước, chỉ còn một ít lực lượng nhỏ, lẻ tẻ đâu đó, mất liên lạc với đơn vị chính, còn chống cự yếu ớt, dễ dàng bị hạ.

Chúng tôi được lệnh án binh bất động, chờ đơn vị bộ binh cơ hữu đến để bàn giao nhiệm vụ tái lập sinh hoạt bình thường cho thành phố.

Phân bố xong nhiệm vụ cho hai tiểu đội dưới quyền, tôi dẫn ban chỉ huy trung đội vào một căn nhà gạch kiểu cổ, nằm sâu trong con hẻm nhỏ. Căn nhà đã sập một bên mái, cây cột lớn lên nước nâu sẫm ngã chỏng chơ trên miếng sân xi măng, chính cây cột ngã đã làm cho chái hiên lệch hẳn về một bên, đè bung hai cánh cửa bằng gỗ lớn, mở toang hoác lối vào nhà. Tôi bước qua ngưỡng cửa. Bên trong đồ đạc ngổn ngang, gạch ngói từ nóc đổ xuống vung vải khắp cùng. An, thằng tà lọt của tôi, nói:

"Mình qua căn kế ông thầy. Em nghi ngôi nhà sắp sập, không khéo thầy trò mình bị chôn sống trong nầy thì lãng xẹt.

Thu gỡ chiếc máy truyền tin ra khỏi vai, đặt xuống góc nhà:

"Đ. mẹ, miệng mồm như củ c., chỉ trù ẻo không à!"

"Bộ tao nói không đúng sao. Đ. m., mầy cứ nhìn cái nhà mà xem. Chỉ một cái ẩy vai đủ tiêu tán đường."

Tôi giảng hòa:

"Thôi, không ồn ào nữa. Coi vậy chứ không dễ gì sập đâu. Thằng An kiếm cái gì ăn đi. Tao đói muốn run rồi đây."

An tìm đâu được cây chổi, hắn lùa hết đám vôi gạch trên mặt phản gỗ kê giữa nhà xuống đất, rồi dùng đôi tất dơ lau lại cẩn thận. Xong, hắn nói:

"Chỗ nầy ngủ coi bộ *êm* nghe ông thầy."

Tôi ngồi xuống, cởi đôi bốt đờ sô ra khỏi chân. Gần ba ngày bị giam cầm, giờ hai chân được "giải phóng," tôi cảm thấy nhẹ hẳn người. Vừa ngã lưng xuống mặt phản, tôi bỗng nghe ri rỉ từ góc nhà, chỗ mái ngói đổ sập, tiếng rên của ai đó, hay của một sinh vật nào đó, phát ra. Tôi bật người dậy, vớ vội cây súng:

"Bọn bay, chỗ kia có người! Coi chừng!"

An và Thu cũng chụp vội vũ khí. Tôi ra lệnh:

"Thằng An đến coi xem."

An thận trọng tiến lại chỗ phát ra tiếng rên, mũi súng lăm lăm, ngón tay trỏ trên lẩy cò. Hắn khom người nhìn, rồi nói lớn:

"Ông thầy ơi, một người bị tường đè."

Tôi đến cạnh An. Dưới đống gạch ngổn ngang, nửa thân thể của một thiếu nữ ló ra. Chiếc áo màu trắng loang lổ máu, trộn lẫn vôi vữa, nhớp nháp, mái tóc dài bê bết bụi, khuôn mặt thiếu nữ tái xanh, hai mắt nhắm nghiền, tiếng rên phát ra ri rỉ, yếu ớt từ đôi môi nứt nẻ.

"Thằng Thu báo cáo với *đích thân* và xin ngay y tá xuống đây." Tôi ra lệnh.

Mười phút sau, thiếu nữ được moi ra từ đống gạch vụn.

Bây giờ tôi mới có dịp nhìn kỹ. Thiếu nữ trạc trên dưới hai mươi, khuôn mặt dù đã hốc hác tái xám, nhưng dựa vào cấu trúc của sóng mũi cao, chiếc miệng cân đối, chiếc cằm tròn, đầy... tôi đoán có lẽ nhan sắc trên trung bình. Thiếu nữ tuy chưa rơi vào trạng thái hôn mê hẳn, nhưng chắc chắn không còn cảm nhận được gì. Tình trạng nầy, nếu chúng tôi không phát hiện kịp, chỉ một đêm nữa thôi, có thể thiếu nữ sẽ chào thua cuộc đời!

Nhờ tờ khai gia đình hôm sau An tìm thấy trong hộc tủ, tôi biết gia đình nầy gồm sáu người. Hai vợ chồng gia chủ, đã lớn tuổi, bốn người con. Hai trai, một đứa mười sáu, một đứa mười lăm. Hai gái, một người mười chín, một đứa mười ba. Tôi đoán, người mười chín, tên Trầm, Nguyễn Thị Giáng Trầm, là cô gái kia.

Trước khi rời khỏi thành phố, tiếp tục cuộc hành quân, tôi cẩn thận ghi địa chỉ ngôi nhà. Định bụng có dịp sẽ gởi thư hỏi thăm tin tức thiếu nữ và tình trạng của nàng. Tôi nghĩ, với ống chân dập nát đã mưng mủ đó, thiếu nữ sẽ "trở về trên đôi nạng gỗ" là cái chắc!

Nhưng cuộc sống của một thằng lính thuộc đơn vị tổng

trừ bị như tôi, ngoài tháng ngày lặn lội hết rừng nầy qua núi nọ, khi về đến hậu cứ là sa đà ngay vào những cuộc rong chơi bạt mạng... Cứ thế, không còn thì giờ đâu để ngoái nhìn lại dĩ vãng, nên cái địa chỉ của thiếu nữ ngày nào tuy thỉnh thoảng tôi có nhìn thấy trong sổ tay, rốt cuộc cũng chỉ là một địa chỉ như hàng chục địa chỉ khác, của ai đó, không đủ hấp lực khiến tôi ngồi xuống, viết ra đôi ba dòng thăm hỏi.

Hai năm sau, mặt trận Hạ Lào xơi tái của tôi mất nửa lá phổi, tôi giải ngũ, trở về quê rồi thi vào Cao đẳng Mỹ thuật, và đậu.

Đã một lần tôi đốt cháy niềm mơ ước của gia đình, hậu quả do "mối tình đầu" gây ra. Trầy trật lắm mới lấy được cái tú tài bán, biết không cách chi học thêm, tôi đăng lính. Cha tôi rầu rĩ bỏ ăn bỏ ngủ, mẹ tôi khóc hết nước mắt, các anh chị tôi thở vắn than dài. Thằng con út, cái khát vọng làm rạng rỡ tổ tông, cầm bằng đi đứt! Bây giờ, nghe tôi trở lại đường học hành, tất cả đều mừng, đến khi biết tôi chọn hội họa làm hướng tiến thân, ôi chao, cả nhà lại rơi vào nỗi thất vọng ê chề. Trên cõi đời nầy, có hàng trăm hàng nghìn ngành nghề nên danh nên phận, sao không chọn, chọn chi cái nghề tàn mạt rách nát! Một lần nữa, đứa con hư hỏng lại đi chệch đường. Thôi cũng đành chịu. Giòng họ nhà ta không có mả khoa bảng. Cha tôi thở dài đắng cay!

Tôi ra Huế, thành phố cổ kính bao nhiêu lần chịu đựng tai ương chiến cuộc. Thành phố có người thiếu nữ bị chôn vùi dưới lớp gạch ngói. Thành phố tôi sẽ trú ngụ ít nhất bốn năm nếu việc học hành suông sẻ.

Sau khi ổn định nơi ăn chốn ở, và rảnh rang chờ nhập khóa, tôi tìm lại ngôi nhà ngày trước.

Con hẻm không thay đổi nhiều. Những mái tôn mới thay cho những mái ngói đổ sập, lòng hẻm rộng hơn, có lẽ do được dọn dẹp sạch sẽ. Cuối hẻm, ngôi nhà vẫn còn đó, chái hiên ngã lệch đã được chống lên, bằng cây cột nâu bóng này nào đổ giữa sân, phần mái ngói chỗ thiếu nữ bị vùi được thay thế bằng mấy tấm tôn mới. Ngôi nhà chưa sửa sang gì nhiều, nó như một dấu ấn rõ nét nhất cho một thời điểm nhiễu nhương đã qua.

Tôi băng qua miếng sân xi măng, tiến lên bực thềm. Đang ngơ ngác chưa biết phải hỏi ai thì từ góc vườn, một người đàn bà đứng tuổi chậm chạp tiến về phía tôi, người đàn bà cặp hông một chiếc rổ đựng đầy rau dền đỏ:

"Cậu tìm ai rựa."

Giọng Huế nặng, đục.

"Thưa bác, cháu muốn hỏi thăm cô Trầm."

"Con Trầm hỉ. Cậu bạn hắn hỉ?"

Tôi định giải thích lý do tới đây, nhưng nghĩ sẽ quá dài dòng nên gật đầu liều:

"Dạ. Con là bạn của cô ấy."

Người đàn bà ngập ngừng muốn hỏi thêm nhưng có lẽ nhìn mặt mày tôi... cô hồn quá nên thôi. Bà hướng mặt về phía bếp, gọi lớn:

"Trầm ơi. Có người kiếm mi tề."

Có tiếng lộc cộc từ cửa hông ngôi nhà, rồi thiếu nữ hiện ra. Đúng như dự đoán ngày nào: Thiếu nữ cụt mất một chân!

Trầm tiến về phía tôi, thân thể mỏng như một tờ giấy chao đảo trên đôi nạng gỗ. Hai năm đã trôi qua, dù ngày trước tôi chỉ nhìn thoáng Trầm trong tư thế mê man, hốc hác vì thương tích, nhưng bây giờ tôi vẫn nhận ra ngay. Trầm không đẹp như tôi nghĩ. Đó là một nhan sắc trung bình, chỉ có đôi mắt! Đôi mắt sâu hun hút, phảng phất một cái gì thật khó giải thích, một cái gì nó làm cho người đối diện cảm thấy xốn xang bất an, một cái gì không hẳn là sự buồn bã, nó lớn hơn sự buồn bã nhưng chưa trở thành niềm tuyệt vọng. Tôi không thể tìm ra từ nào thích hợp để diễn tả về đôi mắt nầy.

Trầm đến trước mặt tôi:

"Xin lỗi..."

"Tôi... tôi là... À, chuyện có hơi dài dòng, xin phép cô cho tôi được vào nhà. Không phiền cô chứ?"

"Dạ thưa... Không có chi. Mời ông."

Kể từ hôm đó, tôi dần dần trở thành người thân của gia đình Trầm, gần như cuối tuần nào tôi cũng đến với Trầm. Qua tiếp xúc, qua trò chuyện, tôi nhận thấy bên trong tấm thân mỏng mảnh gầy yếu kia là một nghị lực phi thường, một tâm hồn ăm ắp chất thơ. Trầm đọc sách nhiều, suy nghĩ thấu đáo mọi chuyện, yêu thiên nhiên, yêu tiếng chim hót sớm mai, yêu giọt sương lóng lánh đầu ngày, yêu tiếng rao hàng vời vợi trên sông những đêm khuya khoắt, yêu tiếng chuông thu không mỗi chiều lồng lộng... Nhưng đồng thời cũng ý thức rất rõ ràng vị trí của mình trong dòng biến động, tôi là ai, tôi đang thế nào, tôi phải sống ra sao... Trầm phân chia rành rọt hai phần đối kháng không khoan nhượng vốn là hai nhân tố tạo nên sự đa dạng phong phú của cuộc đời: chất thơ mộng và thực tế sần sùi của cuộc sống. Do đó, Trầm thản nhiên chấp nhận tất cả mọi bất hạnh, không một lời than oán. Nàng là mẫu người điển hình nhất đã thu tóm trọn vẹn bản sắc tưởng chừng như mâu thuẫn của phong thổ nơi nàng sinh ra: sông núi hữu tình, lăng tẩm đền đài u mặc, lòng người sâu lắng, nhưng bên dưới bề mặt êm ả đó, bao giờ cũng sục sôi bao nhiêu khát vọng thực tế bỏng cháy.

Và cũng chính qua người con gái nầy, quan niệm của tôi về tình yêu bắt đầu thay đổi. Nói một cách rõ ràng hơn, tôi đã bị Trầm chinh phục lúc nào không hay. Ban đầu, là tình thương đối với một thiếu nữ bất hạnh, dần dà, là niềm ngưỡng mộ đối với một tâm hồn phong phú, bao dung, và

can đảm. Cho đến một lúc trong tôi đầy ắp hình ảnh Trầm. Không phải thứ hình ảnh ngổn ngộn thịt da hừng hực của bà cảnh sát, của những "mối tình" sau đó, mà là cái hình ảnh rất thánh thiện, rất trong trắng, cái hình ảnh không một chút vẩn đục phàm phu. Tôi hiểu, tôi yêu Trầm. Tôi còn hiểu thêm, Trầm cũng thế, cũng yêu tôi. Nhưng cả hai đều cố dấu nhẹm điều này. Trầm, dĩ nhiên hiểu rõ thân phận mình, chỗ đứng mình, sự khác biệt giữa ước mơ và thực tế gai góc. Còn tôi, thằng đàn ông đã 'lăn lóc rạc rày trong chốn tình trường, đã mặt chai mày nám... có sao tôi vẫn không dám thổ lộ lòng mình?

Tôi chưa kịp tìm ra căn nguyên của lý do thì biến cố tháng ba một chín bảy lăm như con nước lũ, tràn vào thành phố. Một lần nữa, cố đô lại hứng chịu thêm bao nhiêu tai ương mới.

Buổi tối, trước khi chạy vào Đà Nẵng, tôi ghé nhà Trầm. Nàng đón tôi với vẻ mặt chịu đựng cam phận. Khi tôi nói thành phố sắp bị chiếm, hãy theo tôi trốn thoát. Nàng buồn bã lắc đầu:

"Anh đi đi. Nơi ni không phải chỗ chôn nhau cắt rốn của anh, anh đi là phải, còn Trầm, bứt Trầm ra khỏi chỗ ni, Trầm biết sống ra răng? Hơn nữa Trầm còn ba mạ già. Đâu thể chỉ lo cho bản thân mình mà thôi."

"Thì Trầm khuyên hai bác cùng đi."

"Không khi mô. Chỗ ni còn mồ mả tổ tiên. Ba mạ đã già, có chết cũng chỉ chịu chết chỗ ni. Trầm biết chắc như rứa."

Nghe nói người ta sẽ chia đôi đất nước từ đèo Hải Vân. Chẳng lẽ chúng ta không còn gặp được nhau?"

"Cũng đành thôi. Trầm... Trầm.. cũng buồn lắm..."

Tôi cầm tay Trầm. Bàn tay xương, xanh mướt, run run trong tay tôi. Tôi cố nén xúc động. Có nên thổ lộ lòng mình không? Tôi tự hỏi. Trong hoàn cảnh nầy, điều đó xem ra chẳng còn cần thiết nữa, chỉ gây thêm cho nhau những đau buồn. Tôi mong tình hình không đến nỗi quá tồi tệ, để may ra chúng tôi còn có cơ hội gặp lại nhau.

Nhưng cơ hội mong ước đó không bao giờ đến.

Cuối tháng ba, Đà Nẵng thất thủ, rồi Qui Nhơn, Nha Trang... Và ba mươi tháng Tư, Sài Gòn... Tôi cuống cuồng vượt thoát trước bước chân thô bạo của quân đội Bắc Việt, để cuối cùng, lênh đênh lưu lạc xứ người.

Định mệnh đã dần dà đẩy tôi về một hướng không định trước.

Qua Mỹ, tôi lấy vợ, có con. Mười bốn năm thoáng chốc đã qua. Giờ đây mái tóc xanh ngày nào bắt đầu lấm tấm nhiều sợi bạc. Tuổi trẻ, những năm chinh chiến, mối tình đầu vẩn đục, đôi mắt u ẩn của Trầm, những nổi trôi trên xứ người... Tất cả đã tuồn tuột trôi đi, trôi đi... Nhiều lúc tôi có cảm tưởng mình như một giọt nước nhỏ, sắp tan nhòa trong đại dương bao la của cuộc sống. Hình ảnh Trầm trong ngôi nhà cổ với mái hiên đổ sập, với những tấm tôn chắp vá thế chỗ màu ngói âm dương nâu sẫm, tiếng nạng gỗ gõ lộc cộc khoan nhặt trên nền đất... cũng theo tháng năm nhạt nhòa hư huyễn.

Nhưng hình ảnh đó bỗng nhiên trở lại với tôi thật bất ngờ!

Cách đây không lâu, tình cờ gặp được một người bạn cũ cùng học ở Cao Đẳng Mỹ Thuật vừa từ đảo qua. Trong câu chuyện, người bạn chợt nhắc đến Trầm, và hỏi tôi có còn nhớ nàng? Cả một đoạn đời dĩ vãng trong khoảnh khắc ùn ùn dấy lên. Tôi mời người bạn về nhà. Đêm đó, ngầy ngật giữa men rượu, tôi đã lặng yên lắng nghe người bạn kể lể về cuộc sống của anh, trong suốt mười năm lao đao cơ cực. Những trại tù ma thiêng nước độc, những khốn đốn áo cơm, những ly tan mất mát... cuối cùng, người bạn cho tôi biết cái điều tôi cần biết nhất, về Trầm: Ba mạ Trầm đã chết. Một đứa em trai đi nghĩa vụ quân sự mù mịt tin tức, hai đứa khác có vợ, có chồng. Riêng Trầm, vẫn ở thế, trong ngôi nhà cũ, ngôi nhà chưa có cơ hội sửa sang lại, và chắc sẽ không bao giờ được sửa sang lại. Nàng sinh sống bằng nghề... bán thuốc lá lẻ. Người bạn kể, nhiều đêm đạp xích lô về khuya, ngang qua đầu con hẻm dẫn vào nhà nàng, anh thấy phía sau chiếc tủ kính nhỏ đặt trên cái bàn gỗ tạp với đủ loại nhãn thuốc dán đầy mặt kính, là hình ảnh Trầm ngồi ủ rũ bất động, dưới ánh sáng leo lét của ngọn đèn bánh ú đặt trên mặt bàn.

Sau đó tôi đã nhiều lần viết thư cho Trầm nhưng vẫn không có hồi âm. Có thể tên đường và địa chỉ đã thay đổi, cũng có thể Trầm nhận được thư nhưng không trả lời. Tôi biết cái mặc cảm nàng đã và đang mang. Tâm tính nàng cho đến ngày nay, tôi nghĩ, hẳn vẫn như xưa: cam phận và chịu đựng một cách can đảm bền bỉ!

Bây giờ thỉnh thoảng ngồi trong xe chờ đợi vợ tôi đài các bước ra từ một shopping, nàng sáng rỡ như một mặt trời, tôi không khỏi bùi ngùi nhớ Trầm, nhớ cái hình ảnh người bạn đã vẽ ra, mồn một: phía sau tủ thuốc lá, giữa đêm hôm khuya khoắc, Trầm ngồi ủ rủ bất động, ánh sáng của ngọn đèn dầu đọng vũng trên khuôn mặt nàng, khuôn mặt khuất chìm trong bóng tối, thứ bóng tối dày đặc đang phủ chụp trên quê hương, một quê hương cũng tật nguyền thảm thiết như chính bản thân nàng.

KHÁNH TRƯỜNG
1988

ĐỐ CHÚT

NGUYỄN TẤT NHIÊN

trong nỗi nhớ
anh thương từng chớp mắt
né nhìn nhau kẻo tim bị phơi bày
(né là giấu làm chi vô ích
hay giấu làm duyên?
ừ nhỉ, cúng nên thay!)

trong nỗi nhớ
anh thơm từng hơi thở
là ngồi gần thêm nữa chỉ dụng thôi!
anh muốn đố em tìm đâu khắp đất
thứ mỹ phẩm nào bằng hương con gái tự nhiên, ôi!
trong nỗi nhớ
có bàn tay nắm ẩu
mà kể ra cúng... không ẩu lắm đâu!
anh muốn đố em lần khẻ tay thứ nhất
là hết hồn hay chiếu lệ với tình yêu?

ĐI MUA QUẢ CẦU THẾ GIỚI

BẮC PHONG

Thế giới
Chạm trên
Mặt quả cầu
Xoay
Một vòng
Đi dủ năm châu
Hình thể quê nhà
Nhỏ một mảnh
Mịt mù nhân ảnh
Đáy hồn sâu
Tay ôm trái đất
Vẻ lửng thửng
Chạnh nỗi tha hương
Thoáng lao dao
Đêm mộng
Đất gom
Và thu biển
Nhưng lại quên vùi
Nỗi khổ đau

ĐỐN NGỘ

HOÀNG XUÂN SƠN

Háy xua ra đồng trống
Trước sau lòng bè bạn
Cật ruột tình anh em
Con trăng mùa nước nghẹn
Giữa lòng từ đại dương

Háy bùng lên non cao
Tâm thường và phấn nộ
Đào thật sâu xuống mồ
Thuở chưa phai vàng, dá

Háy tìm trong giấc mơ
Cõi yên bình mái mái
Và thế thân mơ hồ
Trăm năm dài mấy dối

Ngày không buồn không vui
Háy tâm hồn xốc nổi
Hỉ xả với đất trời

Háy trực diện nỗi buồn
Như một lần đốn ngộ

NẮNG
NHỮNG MÙA XUÂN CŨ

PHẠM VIỆT CƯỜNG

anh bám mãi vào ký ức
chiếc phao cuối cùng
và sự chìm đắm mê hoảng

chính sau những chấn song này
nơi mà sự tàn tạ là trạng thái duy nhất
của sự sống
những tà áo trẻ thơ màu sắc
lồng lộng cùng trời mây hoa cỏ
trong những hố mắt tối đen

vây quanh anh nghìn khuôn mặt
tiếng cười tiếng nói xa xôi
vẫn một mình lẻ loi
cả mùa xuân đi vào đôi tai anh
lặng lẽ

anh bám mãi vào trong những điều đã mất
rướn mình trên sợi giây tưởng tượng
vĩnh viễn lưng chừng
hố sâu không đáy

giấc mộng không ngày đêm
sững im
như có thể sờ mó được
nắng những mùa xuân cũ
rực chói
như ánh sáng tỏa ra
từ một kho tàng xưa cổ.

TRÍCH DẪN
CHÍNH MÌNH

CHÂN PHƯƠNG

chỉ còn sợi tóc bạc của sa mạc
hành trang mùa hè xưa
len lỏi giữa những âm giai cát lấp
ba nghìn bờ bãi xếp hàng thẳng tắp
cơn say dài trắng giấc mộng hải âu
kết thúc các vụ đắm tàu
người đàn bà hóa thạch mọc thêm
hai cánh tay mềm
vô dụng

NHÂN CHỨNG

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Thầy ký giả Huy Sơn vừa đạp xe lộc cộc trên con đường đất khô cứng lồi lõm, vừa lẩm bẩm chửi rủa:

"Tổ bà nó, bộ mình tới số cùng đinh mạt vận hay sao mà bị đày về đây điều tra cái chuyện dị hợm nầy. Đ.m. có cái cục đá mà như là Phật Bà giáng trần không bằng."

Và thầy nhớ lại cái tin động trời của đặc phái viên miệt Tiền giang đánh dây thép gởi lên tuần trước: *Ở làng P. có cục đá bự, mười người ôm không hết, từ trên trời rớt xuống. Hình và bản tin sẽ gởi hỏa tốc lên sau.*" Cả tòa soạn, ai cũng xôn xao. Vài bữa sau, ông chủ nhiệm nhận được phong thơ dầy cộm đề tên mình. Ông xé ra coi qua loa rồi chuyển cho ông chủ bút, không quên ghim theo tờ giấy đề mấy chữ: "Tin sốt dẻo, cho chạy gấp chiều nay." Mọi người chực chờ bóng ông vừa khuất sau tấm bình phong lấm lem mực in, kèm theo tiếng xe vết-pa nổ "bịch, bịch," là vội vàng chạy lại bu quanh bàn ông chủ bút. Ông ta cầm mấy tấm hình, ngó sơ qua rồi đưa cho mọi người coi. Hình chụp một cục đá xám xì xám xỉn nằm chình ình giữa đồng không mông quạnh. Nếu thấp thoáng xa xa không có hàng dừa nghiêng nghiêng và vài nóc nhà lá, người ta có thể nghĩ là tấm hình chụp phong cảnh miền tây nước Mỹ. Có người chắc lưỡi trầm trồ:

"Trời, ngộ quá hén! Tự nhiên từ trên trời rớt xuống một cục đá tổ chảng."

Người khác xen vô:

"May là không rớt nhằm nhà dân hay chỗ thị tứ..."

"Ờ, ờ, rớt kiểu đó có nước chết chùm cả đám."

Thầy ký giả Huy Sơn buột miệng:

"Tui thấy chuyện đá từ trên trời rớt xuống cũng bình thường thôi..."

Một người cãi:

"Bình thường ở chỗ nào? Năm thì mười họa mới xảy ra, chớ có phải hằng ngày, hằng tháng đâu mà bình thường."

Thầy ký giả cười nhẹ, ôn tồn giải thích:

"Tại anh chưa nghe tui nói hết ý. Bình thường là như vầy, đá ngoài vũ trụ mà người ta gọi là vẫn thạch, vẫn lọt vô tầng khí quyển rồi rơi xuống mặt địa cầu hoài đó chớ, tại mình không biết đó thôi. Biển chiếm khoảng hai phần ba mặt địa cầu; nước Mỹ, nước Gia Nã Đại, nước Nga lớn gấp mấy chục lần nước mình, lẽ dĩ nhiên vẫn thạch rơi trúng biển và mấy quốc gia đó dễ hơn là trúng cái vùng đất Việt Nam tí teo của tụi mình. Vậy mà cục vẫn thạch nầy lại nhè miệt lục tỉnh mà giáng, đó mới là chuyện lạ đời, hiếm có."

Một người lên tiếng hỏi:

"Mà tại sao đá ngoài vũ trụ rớt vô trái đất mình nhiều dữ vậy anh Huy Sơn?"

Thầy ký giả gãi đầu, moi óc nhớ lại mớ kiến thức trung học của mình:

"Ờ... ngoài không gian không thiếu gì hành tinh và đá vụn gây ra bởi các phản ứng hóa học phát tiếng nổ, chớ đâu phải chỉ có các hành tinh trong thái dương hệ mà mình biết. Những mảnh đá bể, lớn có nhỏ có, bay lang thang hoài hủy ngoài vũ trụ mênh mông. Rồi hoàn toàn ngẫu nhiên, có vài mảnh chọc thủng quỹ đạo địa cầu, bị hấp lực của trái đất hút xuống.

Chúng rơi mau lắm, cọ xát với vật chất của bầu khí quyển nên phát nhiệt, lóe sáng như một cục lửa. Người có học gọi đó là hiện tượng sao băng. Còn giới bình dân, người ở thôn quê thì kêu là *bà giáng*. Thấy bà giáng mà không bắt ấn, niệm chú thì bị bà bắt sinh bệnh dễ như chơi."

Mọi người cười ồ.

Tờ báo loan tin "đá rớt" hôm đó bán chạy như tôm tươi. Ông chủ nhiệm thấy đề tài ăn khách, cần đào sâu thêm nên bàn với ông chủ bút, phái một người xuống đó coi hư thực ra sao rồi viết bài điều tra, phỏng vấn các nhân chứng để câu độc giả. Ông chủ bút thấy ký giả Huy Sơn coi bộ rành rẽ chuyện sao băng, sao chổi, nên đề nghị ngay thầy. Ban đầu, thầy ký giả không chịu đi, viện cớ tòa soạn đã có đặc phái viên lục tỉnh rồi thì kêu người ta viết bài gởi lên, cho thầy đỡ mất công xuống dưới đó. Nhưng ông chủ nhiệm không tin tưởng cái anh chàng đặc phái viên mấy. Ông chủ bút còn chêm vô, cái thằng gì mà dốt đặc cán mai, viết bản tin đầy lỗi chính tả, làm tui sửa thấy mụ nội. Thấy coi bộ từ chối không được, thầy ký giả Huy Sơn đành gật đầu ưng thuận, kèo nài xin thêm tiền cà phê thuốc lá, và còn ra điều kiện, kêu tòa soạn đánh dây thép xuống dưới đó nhờ anh chàng đặc phái viên bỏ công kiếm giùm mấy nhân chứng cho đỡ mất thì giờ.

Rồi, như đã hẹn sẵn, chiều hôm đó đặc phái viên Long Hồ ra đón thầy ký giả Huy Sơn tại bến xe đò. Hai người kêu xe lôi về nhà. Ký giả Huy Sơn gợi chuyện:

"Ngoài chuyện làm báo, anh còn làm nghề gì khác không?"

"Có chớ anh, tui lo mấy việc ấn tống kinh Phật, quay *ronéo* bài vở cho các trường học ở đây và các loại ấn loát linh tinh. Tiền bạc không được bao nhiêu, nhưng đủ sống."

"Còn việc ông chủ nhiệm nhờ anh truy giùm coi có ai thấy tận mắt chuyện đá rớt không, tới đâu rồi?"

Đặc phái viên Long Hồ nói như kể công:

"Nhận được cái điện tín, tui bắt tay làm liền. Tui cho quay *ronéo* vài trăm tờ giấy tìm người mắt thấy tai nghe vụ đá rớt hôm đó, rồi nhân ngày nhóm chợ ở làng P., tui mướn tụi nhỏ phân phát tận tay bà con. Tui còn sợ nhiều người không biết đọc, nên sai mấy thằng nhỏ vừa phát vừa hô lớn: Nhà báo tìm người thấy đá rớt để phỏng vấn, trả công hậu. Vậy mà..."

Người đàn ông chợt ngưng ngang. Ký giả Huy Sơn hỏi thúc:

"Mà cái gì?"

Đặc phái viên Long Hồ thở dài:

"Vậy mà cho tới giờ nầy, chỉ có một người liên lạc với tui mà thôi."

Ký giả Huy Sơn sáng mắt lên:

"Tui còn sợ là không có ai nữa đó. Anh biết mà, dân quê mình còn nặng đầu óc hủ lậu, mê tín dị đoan, sợ đụng chạm tới vong linh người khuất mày khuất mặt, đâu ai dám khai là mình thấy bà xẹt, đá rớt trên báo chí. Mà anh hẹn với người đó ngày giờ ra sao vậy?"

"Trưa mai, sau giờ thọ trai."

Ký giả Huy Sơn ngạc nhiên kêu lên:

"Ủa, bộ người đó là ông thầy chùa à?"

"Đúng vậy. Ông ta là sư cụ trụ trì chùa Tịnh Độ ở làng P. nầy."

Thầy ký giả chau mày, lẩm bẩm:

"Ngộ hén, ngộ hén!"

Về tới nhà, sau khi tắm rửa, cơm nước xong xuôi, đặc phái viên Long Hồ chỉ vẽ đường đi nước bước cho ký giả Huy Sơn tới gặp sư cụ. Anh cho thầy ký giả mượn chiếc xe đạp cũ mèm làm phương tiện di chuyển, còn dặn dò thêm:

"Con ngựa sắt của tui đó nghen anh! Nhớ khóa lại cẩn thận trước khi đi đâu. Ờ, nếu sợi dây sên sút ra thì anh mở cái hộp thiếc gắn dưới yên xe, lấy nùi giẻ ra mà ráp lại cho khỏi dơ tay."

Hai người ngồi ở mái hiên bên hông nhà, ngó ra con rạch mênh mông bóng tối. Anh Long Hồ khêu ngọn đèn dầu thêm sáng, sai vợ đốt khoanh nhang xua muỗi đặt dưới gầm bàn, rồi tự tay pha bình trà ướp bông sứ của nhà pha chế ra đãi khách. Đêm ở chốn nầy xuống thiệt mau. Mới đó mà hai thân dừa cong oằn xuống dòng rạch, bụi chuối già cỗi tả tơi, cây ô môi lưa thưa vài chùm bông hường sẫm chỉ còn là những chiếc bóng đen kẹt nhô lên từ lùm bụi um tùm, in lên nền trời xanh thẫm. Những ngôi sao chớp tắt ở trên cao. Quay tìm vầng trăng, ký giả Huy Sơn thấy nó treo lơ lửng giữa đỉnh trời, nhỏ bằng cái dĩa con, tỏa một vòng ánh sáng mờ nhạt vây quanh như bốc khói. Côn trùng cũng bắt đầu kêu inh ỏi. Thầy ký giả Huy Sơn vừa nhóp nhép chuối khô với trà bông sứ, vừa lơ là nghe đặc phái viên Long Hồ thao thao bất tuyệt chuyện săn tin và phát hành báo chí ở miệt lục tỉnh. Tới một lúc, giọng anh chợt mất hút, hòa cùng tiếng côn trùng rỉ rả chung quanh. Ký giả Huy Sơn không còn chú tâm lắng nghe được nữa, đầu óc bắt đầu nghĩ ngợi vòng vo. Anh nhớ nhà, nhớ đèn điện phố thị, nhớ khung cảnh náo nhiệt của Sàigòn Chợ lớn về đêm. Chợt, giữa cảnh tượng sống động ồn ào đó, hiện lên một cục đá khổng lồ nằm chắn lối. Chướng ngại vật của cuộc đời, thầy ký giả lẩm bẩm, đúng là chướng ngại của cuộc đời, không còn sai trật chỗ nào nữa. Khi không từ trên trời rớt xuống một tảng đá nằm chình ình giữa đồng trống, bắt "người ta" cực khổ mò xuống tận nơi đèo heo hút gió nầy, còn làm cho "người ta" phải suy gẫm về cái minh mông của vũ trụ và căn nguyên của con người.

Thầy ký giả Huy Sơn hỏi một

câu không ăn nhập vô đâu:

"Anh nghĩ gì về khối vẫn thạch từ trên trời rớt xuống?"

Anh đặc phái viên ngơ ngác:

"Cái gì? Khối vẫn thạch nào? Ơ... ờ, anh muốn nói tới tảng đá rớt nằm ngoài ruộng đó hả? Hừm... tui nghĩ theo Tây học anh à! Lúc nghe tin ấy, tui lật đật đạp xe tới coi, chụp hình rồi viết bài gởi lên tòa báo như anh biết đó. Tui còn giở sách khoa học ra đọc nữa. Theo tui, đó chỉ là chuyện tình cờ, hoàn toàn tình cờ như mình đang đi dưới tàn cây rậm rạp, bị chim ỉa một cục trúng đầu vậy mà."

Ký giả Huy Sơn bật cười ha hả. Tiếng cười loang rộng, dội lớn trong dòng hồi tưởng, khiến thầy ký giả đang gò lưng đạp xe trên con lộ đất chang chang nắng ban trưa, cũng phải mở miệng cười thành tiếng. Thầy cảm thấy khoan khoái ngang xương, lòng bừng lên nỗi nôn nóng muốn biết sư cụ thấy và có ý kiến gì về sự kiện hãn hữu này. Vài lỗ chân trâu nằm chắn ngang lòng đường ốm. Ký giả Huy Sơn bẻ tay lách qua, không biết vụng về làm sao mà thầy cảm thấy hai bàn chưn đạp đột ngột lỏng le. Chiếc xe già nua khựng lại. Thầy cúi xuống dòm, thấy sợi dây sên sút khỏi dĩa răng cưa, cạ vô ống quần ka-ki màu xám tro, quệt một đường đen thui.

Thầy ký giả thắng xe lại, nhảy xuống, làu bàu trong miệng:

"Đúng là đồ lô-can, mới chạy có chút xíu mà đã sứt cùi văng néo rồi!"

Mồ hôi rịn ra ở chưn tóc. Thầy thở dài, dắt xe tới hàng so đũa ven đường phía trước tìm bóng mát. Vừa dựng xe vô thân cây, từ bên khu vườn rậm lá, có tiếng chó sủa vang rân. Ký giả Huy Sơn giựt mình, ngửng lên thấy bên kia mương, một con chó vàng ngỏng đuôi, vểnh tai, há miệng sủa gâu gâu.

Ký giả Huy Sơn vừa dợm chưn, dẫn xe vọt lẹ thì nghe tiếng con gái gọi lớn:

"Mè! Mè! Có im không?"

Con chó vẫn lì lợm sủa tiếp. Thầy ký giả bực mình, cúi lượm cục đất khô, quăng trúng bụng con chó. Con vật kêu cái "ẳng" rồi co giò chạy mất.

"Nó ưa sủa bậy, chớ chưa cắn ai bao giờ, sao thầy chọi nó làm chi, tội nghiệp!"

Giọng người con gái ban nãy, bây giờ chỉ cách thầy một rãnh nước hẹp. Ký giả Huy Sơn lúng túng:

"Xin lỗi cô, tui chỉ sợ nó nhảy qua mương bất tử nên liệng ẩu, quên tuốt câu "chó sủa, chó không cắn!"

Thấy khuôn mặt đỏ bừng, lấm tấm mồ hôi của người đàn ông lạ trong chiếc áo bốn túi cùng màu, cùng loại vải với chiếc quần dính dầu nhớt xe đạp dơ hầy, người con gái lộ vẻ thương hại, hỏi:

"Xe đạp của thầy hư sao đó?"

"Sút dây sên cô à"

Người con gái nhỏ nhẹ cất tiếng:

"Nếu thầy không ngại, mời thầy vô nhà ngồi nghỉ mệt, sửa xe rồi đi tiếp."

Ký giả Huy Sơn nheo mắt ngó con đường tắm mình trong cái nắng đúng ngọ, liên tưởng bâng quơ tới cảnh già lam ẩm thấp đầy bóng tối cổ kính. Một vừng mây êm ả lan tới tỏa bóng mát trong lòng thầy, cảm giác nhẹ bâng vui vẻ như đồng cỏ khô vừa hứng lấy những giọt mưa đầu mùa. Thầy lễ phép đáp:

"Dạ, nếu không làm phiền cô."

Cô gái mau mắn:

"Thầy đi độ một trăm thước, hết hàng so đũa, sẽ thấy lối quẹo vô nhà bên tay phải."

Theo lời cô gái, ký giả Huy Sơn dắt xe vô một vườn nhà có cây mít cổ thụ ở bên trái, cây sào tre bắt dọc ngang từ cây nầy qua cây kia. Để ý dòm, sẽ thấy từng đàn kiến vàng xếp hàng bò qua bò lại. Bóng cây trải mát lên mặt đất đầy xác lá, lơ thơ cỏ mọc. Tàn mít xòe những bàn tay rậm lá, che trên lối đất lót hai hàng gạch tàu.

Thầy ký giả thấy con chó có cái tên Mè kỳ cục bị cột vô gốc ổi cạnh sàn nước kê hai cái lu lớn, vẫn cố dằng sợi dây xích, hai chưn chồm tới trước, hung hăng sủa. Trên nền nhà đắp cao, cẩn gạch nung, một người đàn bà luống tuổi bước ra vồn vã:

"Chào thầy. Thầy cứ dựng xe ở đâu đó, rồi mời thầy vô nhà uống nước."

Ký giả Huy Sơn ngạc nhiên, thắc mắc thầm về sự vồn vã của người lạ, sực nhớ tới bản tính hiếu khách của người dân miệt vườn, nên thầy rút khăn tay chặm vài giọt mồ hôi đọng trên mặt, mỉm cười đáp:

"Dạ, cám ơn lòng tốt của bác và cô..."

Thầy ngập ngừng. Người đàn bà lẹ miệng:

"À, con Út. Nó cũng vừa cho

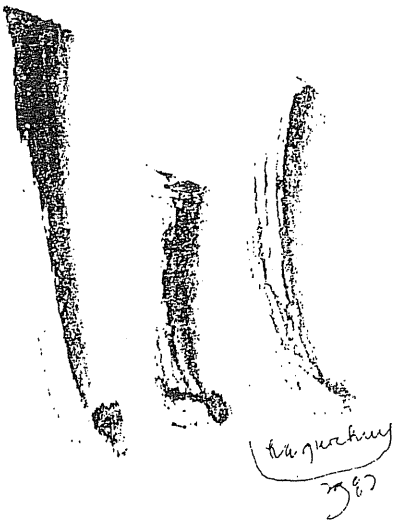

tui hay là có mời thầy về nhà, nói là chiếc xe đạp của thầy hư sao đó."

Ký giả Huy Sơn bước lên bậc cấp, nối gót người đàn bà đi vô phòng khách. Bằng cặp mắt nghề nghiệp soi mói, thầy ký giả biết ngay đây là một gia đình thượng lưu. Nhà có hai gian, mái lợp ngói âm dương, tường vôi, sàn lót gạch. Trên nóc, dưới chân tường, rêu bám lổ chổ, khiến mặt tiền ngôi nhà có vẻ cổ xưa. Trước cửa có dựng hai con voi sứ tráng men màu mè hực hỡ, chưng hai chậu bùm sụm uốn thành hình con lân. Trong nhà, bên phải là bộ ngựa, ván dày cả tấc. Một cái bàn cao cẳng, bày cái giỏ mây mà mấy bà già trầu ưa dùng đựng trầu cau và một khay trà. Bộ bàn ghế khảm xà cừ đặt giữa nhà. Bên trái, tủ kiếng bày ly tách pha cà phê viền vàng, viền bạc và chén dĩa cổ ngoạn kê trên đế gỗ. Cạnh đó, một cái độc bình cắm thân cây giơ cành trơ trụi khô khốc, giống như cái gạc của một con hươu già. Cạnh cửa sổ lá sách mở bung, rọi sáng chậu cây kiểng lùn có chòm rễ nhô lên, như những ngón tay ốm cố quơ quào bấu lấy khoảnh đất khiêm nhường trong chậu hẹp. Phía sau cái bàn rộng, một tấm bình phong cẩn xà cừ phong cảnh Vạn Lý trường thành với mây giăng, núi đồi chập chùng và một cội liễu rũ lá la đà làm phông, có hai con chim xù lông ngủ trên cành. Khuất đằng sau, ký giả Huy Sơn thoáng thấy ánh đèn dầu hắt ra lợt lạt, thứ ánh sáng thường thấy nơi bàn thờ Phật hay thờ ông bà.

Nhưng chỗ nào, thầy cũng nhận ra bộ mặt sang trọng gượng gạo quê mùa cổ lỗ. Tấm kiếng lót cửa tủ búp-phê đã đục mờ. Dưới mái nhà, quanh mấy cây sà ngang, thấy giăng vài cái mạng nhện và bồ hóng bám đầy. Lại gần, thầy ký giả thấy lớp vỏ xa cừ cẩn bộ bàn ghế và tấm bình phong đã long tróc nhiều nơi. Luồng nắng rọi qua khung cửa vương đầy bụi. Thứ bụi nầy vẫn được các ông viết văn, làm thơ gọi là "bụi thời gian" đó mà! Ký giả Huy Sơn nghĩ bụng, rồi ngồi xuống ghế theo lời mời của gia chủ. Đoạn, bà day vô trong kêu:

"Út à, bưng nước ra mời thầy ký giả đi con!"

Ký giả Huy Sơn giựt mình hỏi:

"Ủa, sao bác biết cháu là ký giả?"

Người đàn bà cười xòa:

"Ở cái làng P. nhỏ xíu như cái chợ chồm hổm nầy, có người lạ tới hôm trước là hôm sau cả làng đều biết. Nhứt là có nhà báo từ Sàigòn xuống để điều tra chuyện cục đá trời cho, thì càng đặc biệt hơn nữa."

"Vậy là..."

"Đúng đó thầy! Biết là trưa nay thầy sẽ tới chùa Tịnh Độ, nên tui sai con Út đứng đón thầy ngoài vườn chuối đó chớ."

"Hèn chi!..."

"Cũng ngộ, trời xui đất khiến sao mà chiếc xe đạp của thầy hư ở chỗ nào không hư, nhè ngay trước miếng đất nhà tui mà sút dây sên."

"Kỳ cục quá hén!"

Lúc đó, từ sau bức bình phong, cô Út bưng khay trà bước ra, đặt lên bàn. Gương mặt cô không còn nét dạn dĩ nữa, mà ửng hồng mắc cỡ, khiến thầy ký giả Huy Sơn tưởng như mình đang đi coi mắt người vợ tương lai.

Cô gái rót trà ra chén hột mít, lỏn lẻn nói: "Mời thầy," rồi bưng cái khay trống đi ra nhà sau. Hương trà sen bốc thơm ngát. Một cảm xúc không tên, rất thi vị, nhè nhẹ lan tới.

Má cô Út nhân dịp ấy mở giỏ trầu, têm vôi, gọt cau, bỏ vô cối con, ngồi ngoáy thơi thả. Thầy ký giả nâng chén trà lên, thổi nhẹ. Vài đợt khói mỏng tan biến trong không gian tĩnh mịch. Đột ngột thầy thoáng thấy một chiếc bóng màu xám hiện ra dưới đáy chén tráng men, màu cẩm thạch non. Ban đầu, thầy tưởng đó là khuôn mặt mình. Dòm kỹ mới thấy nó giống như một vầng trăng trong veo màu xám trắng, lồi lõm lổ chổ những miệng núi lửa. Thầy nhắm mắt hớp một ngụm trà. Vừng trăng khuyết một mảnh. Ký giả Huy Sơn nhủ thầm, uống hết chén trà, mình sẽ nuốt trọn mặt trăng vô bụng, nhốt kín một phần vũ trụ trong dạ dầy. Trăng bị bóp nát nhừ, tan nhuyễn trong dịch vị. Một phần thấm vào máu, nhập với cơ thể mình làm một. Phần khác sẽ trôi xuống ruột non ruột già, và...

"Thầy nhà báo à!"

Ký giả Huy Sơn quay sang người đàn bà, miệng "dạ, dạ."

"Để khỏi làm mất thì giờ của thầy, xin phép thầy cho tui bắt đầu vô chuyện. Thiệt ra, tui sai con Út đón thầy về nhà, để tui có dịp kể thầy nghe về cái đêm đá rớt..."

Người đàn bà ngưng lại, mở hộp thiếc, rứt một nhúm thuốc rê vo tròn, gắn lên mép. Rồi bà ta rút một chưn lên ván, đặt cánh tay trên đầu gối, nói mà cục thuốc vẫn không rớt khỏi miệng:

"Tui có cái tật mất ngủ. Vô buồng ngả lưng chừng vài tiếng là tui thức dậy, trằn trọc cho tới sáng. Tối đó cũng vậy, mở mắt ra lúc trời vẫn còn tối hù. Nằm một chút, tui mắc tiểu, mới cầm cây đèn dầu đi ra nhà sau. Con Mè quấn theo chưn tui, quẩy đuôi mừng. Nó chạy theo tui ra tới bến sông. Tui máng cây đèn dầu trước cửa nhà cầu. Khi bước ra thì tui thấy ngọn đèn tắt ngúm, lắc lắc thì biết là vẫn còn dầu. Chắc tại tui quên vặn tim đèn, chớ cây đèn có ống che, gió nào thổi tắt được. Rồi thầy biết sao hông? Con chó chợt chạy lại nằm sát rạt dưới chưn tui, miệng kêu ắc ắc chĩa về hướng ruộng. Tui quay phắt lại thì... trời thần đất địa ơi, một cái gì bự lắm, chiếu hào quang màu xanh, từ trên trời rớt xuống thiệt lẹ. Tui rụng rời tay chưn, làm rớt cây đèn xuống đất. Tay tui bắt ấn, miệng niệm *Nam mô A di đà Phật* lung tung xà bần.Tui nghe rõ ràng một tiếng

bịch từ xa vang lại, y như có ai cầm cái dùi khổng lồ nện xuống mặt đất vậy. Đất dưới chưn tui rung rinh. Tui co giò chạy một mạch vô nhà, hồn vía lên mây hết trơn hết trọi."

Người đàn bà ngưng tiếng, giơ tay đẩy cục thuốc từ mép môi nầy qua mép môi kia. Ký giả Huy Sơn đã rút quyển sổ, lấy viết ghi chép lia lịa.

Thầy hỏi:

"Ngay khi bác thấy vật lạ từ trên trời rơi xuống, bác nghĩ đó là cái gì?"

"Ờ... thì... bà giáng, bà xẹt, bà hiện chớ còn gì nữa! Ở miệt ruộng nầy, đêm nào tốt trời, sao mọc đầy nghẹt; nếu rảnh tay rảnh chưn, ra ngắm một hồi, tui cam đoan với thầy là mình sẽ thấy bà xẹt liền. Người nào lẹ miệng, lên tiếng khấn vái, sẽ được toại nguyện."

"Lần này bác có cầu trời chuyện gì không?"

"Chèn ơi, hổng có kịp thầy ơi. Mà nói thiệt thầy nghe, bà hiện mẻ nầy gần quá, khít rịt trước mặt làm tui hoảng, đâu còn hồn vía nào mà khấn với vái."

"Rồi sau đó bác có ra coi tận mắt cái chuyện bà xẹt không?"

"Có chớ thầy! Ngộ thiệt, bà xẹt.thành một cục đá nằm giữa ruộng. Vậy mà tụi trẻ con rắn mắt, leo trèo giỡn hớt mà không sợ bà quở, tui không dám rồi đa!"

"Sự kiện nầy có làm bác thay đổi ý kiến về mấy chuyện mê tín bà xẹt, bà giáng không?"

"Thầy nghĩ sao mà cho đó là chuyện mê tín dị đoan? Tui không biết mấy người học cao hiểu rộng tới đâu, chớ tui cho là mọi chuyện trên cõi trần nầy đều có ý nghĩa hết trọi. Nè, thầy đừng có tưởng là cái cột nhà, cây chuối, cục sạn nằm giữa lộ là những vật vô tri vô giác nghe! Tui tin là *tụi nó* còn có linh hồn, thì đừng nói gì tới tảng đá *bà xổ* một đống ngoài ruộng! Mà hễ có linh hồn, thì phải có chướng nghiệp khứ lai. Đã có chướng nghiệp khứ lai thì phải có nhân có quả, có thiện có ác, có xấu có tốt.

Thầy không thấy mấy cục sạn, cục thì tròn vo nổi vân đẹp đẽ, cục thì méo xẹo xấu ỉnh đó sao? Cái cột nhà *ác* thì cuộc đời nó sẽ ngắn ngủi, dễ bị mối mọt đục thủng, chừng vài chục năm thì sụp. Còn cây chuối *dữ* sẽ bị sâu ăn lủng ruột, èo uột, không sanh trái và bị bứng lúc nào không hay."

Thầy ký giả Huy Sơn vừa lẹ tay chép, vừa nghĩ bụng, đáng lẽ mấy chuyện chướng nghiệp, nhân quả nầy phải để cho sư cụ chùa Tịnh Độ phát biểu, có lẽ hay ho và đúng đắn hơn. Dù vậy, thầy cũng gục gặc đầu ra vẻ hiểu ý.

Liếc nhìn đồng hồ, thấy đã quá giờ hẹn với nhà sư, ký giả Huy Sơn vội vàng cất tiếng:

"Dạ, xin lỗi bác..."

Người đàn bà tươi cười:

"Thầy còn phải tới chùa nữa phải không?"

Thầy ký giả còn đang chưng hửng, không hiểu tại sao bà già nầy chuyện gì cũng biết, thì người đàn bà đã lên tiếng:

"Chuyện sư cụ mời thầy tới chùa, người ta đồn rùm beng, ai mà không biết!"

Ký giả Huy Sơn uống cạn tách trà nguội ngắt, đứng dậy nắm tay lại, xá chào người đàn bà.

"Chiếc xe đạp sút dây sên của thầy, con Út đã nhờ người ráp lại rồi, thầy đừng bận tâm. Nếu thầy sợ nó dở chứng lần nữa thì cứ để xe ở đây mà đi bộ, còn chừng nửa cây số thôi chớ mấy!"

Rồi giọng bà nhỏ lại rụt rè:

"Tui đề nghị với thầy chuyện nầy nghen!"

"Dạ, bác cứ nói."

"Nghe nói là thầy sẽ trả công... Ậy, thầy đừng hiểu lầm là tôi đòi tiền. Không phải vậy! Có điều, nếu được thầy để dành món tiền đó cúng dường tam bảo giùm tui."

Ký giả Huy Sơn gật đầu chào lần nữa:

"Cháu sẽ nhớ lời bác dặn. Bác cho cháu gởi lời chào cô Út. Bận tới, có dịp về đây, cháu sẽ tạt ngang thăm gia đình bác."

Rồi thầy cúi xuống xắn một bên ống quần lên, quay nhìn lần cuối ngôi nhà êm mát dịu dàng trong khu vườn đầy cây lá và chim chóc. Người đàn bà mà thầy quên hỏi quý danh, còn đứng tần ngần ở hàng ba. Bà ta bận quần sa-teng đen bóng như da cá trê, áo bà ba lụa bông màu xám tro. Ký giả Huy Sơn có cảm tưởng, bộ quần áo và dáng dấp nhỏ thó của người đàn bà đang nhòe nhoẹt trong cái bóng mát của tàn mít từ từ sẫm lại. Chợt trong trí thầy, một ý tưởng lạ lùng vừa lan tới: có lẽ nào những chuyện vừa xảy ra chỉ là một giấc chiêm bao ý nhị? Như cái căn cơ của đời sống. Như những nhơn duyên tưởng tình cờ, mà thật ra đã được bàn tay tạo hóa xếp đặt từ trước. Bụi nhân lồng nầy phải mọc ở đây. Cây cầu khỉ kia phải được bắt ngang con lạch nọ. Cục đất đó, tới một khắc điểm đã được định sẵn, sẽ bị những bước chưn trâu dẫm nát.

Cuối chân trời, một đụn mây xám vừa hiện. Rồi bay theo luồng gió cuốn, trong một thoáng, khoảnh trời trên đầu thầy ký giả Huy Sơn đã vần vũ mây đen. Bầu trời giơ bàn tay thâm xì úp lên mặt đất. Thầy ký giả cong lưng đạp. Gió quất roi lên mặt sông nhăn nhúm. Ruộng lau sậy bên kia bờ ngả nghiêng theo chiều gió vô hướng. Lá reo lên như niềm vui trẻ con nôn nao trước cơn mưa đầu mùa. Vài chiếc lá bay chới với trong không trung. Ký giả Huy Sơn bỏ lại sau lưng hai ba dáng người bước đi hấp tấp. Khi thầy thấy hiện ra ở bên trái tấm bảng ghi mấy chữ "Tịnh Độ Tự" sơn đỏ, thì những giọt mưa đầu tiên cũng vừa rớt lộp độp trên chòm lá chung quanh. Thầy ký giả quẹo lẹ vô lối đất có rặng tre hai bên,tàn giao nhau thành mái che. Gió xô những thân tre nghiến vô nhau kẽo kẹt.

Dù đã lẹ tay lẹ chưn, vậy mà khi bước vô hiên chùa, đầu tóc, quần áo ký giả Huy Sơn cũng

thấm ướt gần hết. Cũng may, lúc trời chuyển mưa, thầy đã nhanh trí bỏ giấy viết vô túi ny-lông đựng máy chụp hình rồi. Thầy vuốt lại mái tóc. Còn đang lúng túng trong bộ quần áo dính sát người chèm nhẹp, thì một ông cụ từ bên trong bước ra, hai tay chắp lại:

"Mô Phật. Thiện nam có phải là ký giả Huy Sơn ở Sài gòn xuống thăm Tịnh Độ Tự?"

Ký giả Huy Sơn cũng chắp tay cung kính:

"Bạch thầy, dạ phải."

"Vậy mời ông ký giả vô chùa."

Ký giả Huy Sơn bước theo sư cụ. Ông bận bộ quần áo vải nâu, đầu đội cái nón len cũng màu nâu, không che hết những chưn tóc vừa nhú trắng như cước, chưn mang guốc thấp. Có lẽ sợ gây ra tiếng động mạnh trên thềm chùa lót gạch tàu, nên ký giả Huy Sơn thấy ông đi như lướt chậm trên đất.

"Xin lỗi ông ký giả, tui mời ông tới để bàn chuyện nhơn tình thế sự, nên ông vui lòng ra sau phương trượng."

Phương trượng là một chái nhỏ sau chùa, mái lá chầm, ba bề vách ván, cất dựa vô bức tường vôi trắng đã ố vàng của ngôi chánh điện. Bên trong, một chiếc giường tre trải chiếu, bốn góc dựng bốn cọc gỗ căng chiếc mùng vá đùm vá đụp. Đầu giường, một cái bàn con, đặt bên trên cây đèn trứng vịt vặn thấp ngọn leo lét. Sát vách tường là hai chiếc ghế đẩu gỗ nứt kê cạnh cái bàn cao hơn, đã bày sẵn một hộp trà, cái ấm con và hai cái chung bằng đất nung.

"Mời ông ký giả ngồi chơi, chờ tui bưng ông táo vô đây cho ông sưởi tay sưởi chưn, không thôi trúng lạnh đa! Nhân tiện, tui nấu nước pha Tịnh Độ trà đãi ông ký giả một phen. Đó là sản phẩm đặc biệt của chùa nhà..."

Giọng nói của sư cụ trầm chậm, có tiếng vang, loe ra những vòng âm ba tưởng tượng trong không gian xào xạc tiếng mưa rơi gió thốc. Tiếng nói nhỏ dần theo chưn sư cụ rời khỏi phương trượng, nhưng không mất, rồi từ từ lớn rõ lúc ông khiêng vô cái hỏa lò thoi thóp lửa đỏ kẹp giữa hai cái mo cau. Ánh lửa nhuộm hồng khuôn mặt da mồi gấp nếp, lởm chởm râu mép và râu cằm. Nhà sư chỉ còn cặp mắt sáng long lanh như hai hột ngọc đen tuyền.

"... Tui mua trà của mấy chiếc ghe thương hồ, đem về trộn chung với lá húng, lá bạc hà, đọt nhãn lồng thái chỉ phơi khô. Tui còn tự tay se nhang cúng Phật, làm tương chao, mì căn, tàu hủ để dùng và đem ra chợ bán nhơn ngày rằm, mồng một. Mà ông đừng có kêu tui là sư cụ, sư ông mà mắc tội. Hồi nào tới giờ, tui chỉ là người giữ chùa, lau chùi tượng Phật, dộng chuông hai lần trong ngày, lo miếng ăn thức uống cho sư ông trụ trì mười lăm năm trước. Sau khi ông viên tịch, không còn ai hết, buộc lòng tui phải đứng ra cáng đáng mọi chuyện. Riết rồi ai cũng kêu tui là sư cụ hết trọi. Nếu như chùa giàu... Mà thôi, đâu có ai tìm đường cong mà đi, phải không ông ký giả? Ngày xưa, đã có lần tui rắp tâm thọ sa-di đó chớ, nhưng học mấy bài kệ còn chưa thuộc thì nói chi tới chú Lăng Nghiêm. Tui còn nhớ, hồi nằm, mỗi lần đọc tới đoạn "Nam mô bà già bà đế" là tui phì cười, hổng hiểu gì ráo! Nói ra, chắc Phật buồn tui lắm, nhưng mà họ viết mấy bài chú không phải bằng tiếng nước mình mà bằng tiếng Phạn..."

Nước trong ấm nhôm bắt đầu reo. Thầy ký giả Huy Sơn nói xen vô:

"Dạ, họ đổi âm từ tiếng Phạn ra tiếng Việt Nam mình cho dễ đọc, chớ không có chuyển nghĩa nên khó hiểu."

Đôi mắt nhà sư rực lên một vừng sáng kỳ lạ:

"Ấy, vậy mà hồi xưa sư ông hiểu hết đó ông ký giả à! Vậy mới tài!"

Rồi ông mở hộp thiếc, bốc một nhúm trà Tịnh Độ bỏ vô ấm. Cái miệng ấm nhỏ xíu, bỏ trái chanh không lọt, bàn tay sư cụ lại run rẩy, vậy mà ông rót không rớt một giọt nước ra bàn.

Tay áo ký giả Huy Sơn đã được hong khô. Thầy lặng lẽ lôi quyển sổ và cây viết đặt lên bàn. Nhà sư khêu sáng ngọn đèn trứng vịt. Bên ngoài trời đã xám xịt, mưa vẫn còn nặng hột. Cánh cửa sổ khép kín, ngăn mưa tạt.

Nhà sư vừa rót trà ra chung, vừa thong thả cất giọng:

"Như mọi bữa, sau buổi công phu bốn giờ rưỡi sáng, tui lại đi hóng mát dọc theo mé ruộng. Trời còn tối thui hà, nhưng mà có trăng sao. Tui còn nhớ rành rọt, có cánh sao mai sáng rỡ mọc trước mặt mình. Khi tui dừng chưn lại ngắm, thì bỗng vùng trời phía trước như có áng mây che. Trăng sao phụp tắt. Trời đất gì mà đen như than hầm. Và, lẹ như tên bắn vậy ông ký giả à, trên không trung rớt xuống một cái gì y như trái dừa bị khổng lồ. Tui quíu tay quíu chưn, vội vàng nằm bẹp xuống đất. Tim tui đập như trống đình. Miệng tui tự nhiên bật ra một tràng: Nam mô A di đà Phật, nam mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát, nam mô Đại Thế chí Bồ tát, nam mô Địa Tạng vương Bồ tát, Nam Mô Thanh tịnh Đại hải chúng Bồ tát... đoạn kinh tán Phật mà tui chưa hề thuộc nằm lòng, toàn tụng niệm với cuốn kinh mở ra trước mặt không hà! Nằm một hồi, đợi bốn bề êm ả trở lại, tui mới lồm cồm đứng dậy. Mèn ơi, dưới thửa ruộng thầy cai tổng Quới, có cục đá ở đâu rớt nằm một đống, bự tảng thần luôn. Tui chắp tay niệm nam mô thêm vài cái, rồi chạy về chùa, giống một hồi chuông sớm. Cả ngày hôm đó, người tui lững đững lãng đãng, hồn một nơi, xác một nẻo. Tới buổi công phu chiều, tui mới hoàn hồn trở lại."

"Dạ, lúc cục đá rớt xuống, nó có chiếu hào quang hay chớp chớp không thầy?"

"Không, cục đá chớ bộ con đom đóm sao mà chớp chớp! Không, nó đen thui như được sơn bằng mực tàu vậy."

"Lúc nó chạm đất, thầy có nghe đất rung chuyển không?"

"Có chớ. Nó rớt một cái *phịch* làm cây cỏ rung rinh, côn trùng im tiếng hết trơn. Ngộ lắm nghen! Ngay sau đó, mọi việc đều êm vắng lạ thường, như khởi thỉ của sự sống vậy!"

"Cảm tưởng của thầy lúc đó ra sao?"

"Tận thế. Tui tưởng tận thế tới nơi rồi, chỉ còn biết nằm chờ chết. Tui nhớ lại những việc mình làm trong quá khứ. Mà lạ lắm nghe ông ký giả, đầu đuôi sự việc kéo dài chừng vài giây chớ mấy, vậy mà cả quãng đời của tui hiện ra lồng lộng trước mắt. Tui tự hỏi, con người từ đâu tới? Dưới đất nẻ chui lên hay trên mây xanh té xuống? Còn tui nữa?"

Ký giả Huy Sơn nghe giọng nói của nhà sư trầm buồn như điệu hát Nam ai:

"Theo lời kể của sư ông, sáu mươi bốn năm về trước, vào một đêm mưa to gió lớn, một tiếng sét long trời lở đất đánh thức ngài dậy, cũng trong phương trượng nầy, trên cái giường tre ọp ẹp nầy. Lẫn trong tiếng mưa tuôn, tiếng gió gào, là tiếng trẻ sơ sanh ré khóc oe oe. Sư ông cầm đèn rọi tìm thì thấy trước cửa chùa một hài nhi quấn trong mấy lượt vài ú, để nằm trong cái mo cau. Ngài đâu biết làm gì khác hơn là bồng đứa nhỏ vô chùa, cho ăn cho uống, nuôi dưỡng nên người. Thằng nhỏ đó, vừa lọt lòng mẹ, đã biết ăn chay. Nó được nuôi bằng nước cơm, sữa đậu nành, bột mì tinh khuấy lỏng. Ba tuổi, nó đã biết dâng hương cúng Phật. Năm tuổi, nó đã biết ngồi kiết già mỗi buổi công phu sớm tối. Nhưng lời kinh tiếng kệ làm sao hay ho bằng một trận đá dế, một cánh diều hay buổi tắm sông cùng mấy đứa trẻ chăn trâu. Cái Phật tính trong nó nằm ở đâu hổng biết, chớ mấy bài chú, bài kệ, bài tán, bài tụng là nó không ưa rồi đa! Tối tối nó nằm ngủ chèo queo trên bộ ngựa dành cho khách lỡ đường kê bên hông chánh điện. Mới mười hai tuổi mà khi nghe tiếng chuột chút chít giành nhau mấy hột cơm rớt trên bàn thờ Phật, nó đã biết thao thức, một nỗi thao thức rất khó cắt nghĩa bằng lời. Nó nhỏ hẹp như sự sống đui mù câm điếc của trái bần treo tòn teng ngoài bến sông, ngửa lớp vỏ vô minh hứng ánh trăng soi. Nó lặng lẽ như lũ mọt giấy gặm dần gặm mòn những trang kinh Phật, mà không hiểu gì ráo trọi. Nó khát khao như bầy gián hôi rình chỉ chờ dịp cắn nát những cọng nhang, những cây đèn cầy quên bỏ vô hộp. Thằng bé mồ côi ấy lớn lên trong cảnh chùa Tịnh Độ, học hoài mà không thuộc bài kinh nào. Mười sáu tuổi, thân thể bắt đầu nẩy nở. Râu lông mọc ra. Tiếng nói bể, nghe ồm ồm như vịt đực. Một nỗi thèm khát lạ kỳ kéo tới. Nửa khuya, thức giấc vì tiếng chuột chút chít, mỗi sáng ngủ dậy nấu nước, châm dầu, sửa soạn thời công phu sớm, thằng nhỏ đã bàng hoàng nhận ra cái mà sư ông vẫn kêu là *lục dục thất tình*. Đôi khi, sự cám dỗ của xác thịt thường tình to lớn quá, xui nó hành sự điều tội lỗi. Nhưng không hiểu sao, có một vật cản vô hình ngăn nó lại, nắm chặt bàn tay nó như xiềng xích một tội nhơn. Hay đó là cái tiền duyên của nó với đạo pháp? Thằng nhỏ không cha không mẹ, u mê ám chướng đó là tui đây, chính là tui chớ không ai khác!!!"

Rồi nhà sư húng hắng ho khan.Ấm nước thứ nhì sôi sùng sục từ lúc nào, không ai để ý. Quần áo ký giả Huy Sơn đã khô ráo. Mưa vẫn còn nặng hột ngoài kia. Hoàng hôn rắc bóng tối câm lặng.

Nhà sư châm thêm nước vô bình trà, buông tiếng cười nhẹ:

"Ông ký giả rinh bài viết nầy về, gọt dũa lại cho văn hoa tiểu thuyết, đem đăng báo chắc có nhiều người đọc."

"Có nhiều điều, thầy không sợ người ta gièm siểm sao?"

"Nếu sợ, tui đã không mời ông tới đây. Sáu mươi bốn năm trời, tui ôm mối tâm sự canh cánh bên lòng, hôm nay mới có dịp thố lộ cùng ông ký giả. Đó là sự thật của cuộc đời tui, có Phật trời chứng giám."

Như để minh chứng tấm lòng thành, một lần chớp lóe lên, tiếp theo là tiếng sấm nổ chát chúa. Ký giả Huy Sơn nói bâng quơ:

"Mưa dai dữ a!"

"Ở, mưa đầu mùa gì mà lâu dữ thần vậy cà!"

Chợt, như một bóng ma, từ ngoài cửa lao vô một thằng nhỏ tóc tai người ngợm ướt nhẹp như chuột lột. Nó lắp bắp cặp môi thâm xì vì lạnh:

"Sư cụ... sư cụ ơi.. chạy ra mà coi cục đó...!"

Ký giả Huy Sơn và nhà sư còn đang trơ mắt ngạc nhiên, nó đã tiếp lời:

"... Cục đá nó lún xuống sình!"

Ký giả Huy Sơn la lên:

"Trời đất!"

Nhà sư quơ lấy cái nón lá máng trên vách, chẳng nói chẳng rằng, băng ra ngoài mưa, theo chưn thằng bé chạy trước. Ký giả Huy Sơn không biết làm sao, đành hấp tấp cởi quần áo, bận quần xà lỏn rượt theo hai dáng người đã tan trong màn mưa. Cơn mưa nhiệt đới tuôn xối xả như một dòng thác. Trước mặt thầy ký giả là màn nước mờ mịt che mời ngoại vật. Sau lưng thầy, cảnh già lam biến mất trong làn mưa dầy đặc. Ký giả Huy Sơn đứng ngơ ngác trong mưa. Lần nầy, thầy nghĩ rằng mọi việc vừa qua đúng là một giấc chiêm bao. Không chừng, khi mưa tạnh, lúc tỉnh dậy mới hay là tảng đá đã chìm sâu dưới lòng đất tự lúc nào.

NGÔ NGUYÊN DŨNG
(Missisauga, 21-9-1989)

GẶP GỠ BÁC SĨ ZHIVAGO

PHẠM XUÂN ĐÀI

Vào một ngày mùa thu năm 1988 tôi tình cờ gặp lại Bác sĩ Zhivago trên một quầy sách ở Saigon (1). Việc tôi có mặt ở Saigon vào thời gian ấy tôi cũng không ngờ; tôi bị buộc phải xa thành phố này từ mười ba năm trước, thời gian lâu quá đến nỗi tôi đã tưởng trở về là chuyện vô vọng; nhưng việc Bác sĩ Zhivago xuất hiện tại đây giờ này càng bất ngờ hơn nữa, vì cuộc lưu đày của chàng có nhiều khả năng vĩnh viễn hơn cả của tôi. Chúng tôi đều đã là cư dân của Sàigòn mấy chục năm về trước, lúc tôi còn đầu xanh tuổi trẻ, và chàng, bị đuổi khỏi tổ quốc của chàng là nước Nga, đến cư ngụ tại đây. Thật ra phải kể chàng là kiều dân, nhưng với tôi chàng là cộng dân của cả hành tinh này, ở đâu có con người chàng đều là anh em, đâu cũng có thể là nhà của chàng. Là anh em của con người vì chàng nhân hậu, vì tư tưởng của chàng bênh vực con người đến cùng và chống sự nô lệ con người đến cùng. Đối với tôi từ ngày đầu chàng đã là người bạn vong niên, là đàn anh, là bậc thầy. Nhưng trên quả đất này đã có những người coi chàng và bạn bè chàng là thù địch, do đó chúng tôi đã có cùng chung số phận khi những người ấy về đây, cách đây mười mấy năm.

Dĩ nhiên từ quầy sách tôi phải mời chàng về nhà. Cuộc trùng phùng thú vị quá, đêm đó tôi ôn lại cuộc đời chàng, sống lại với tư tưởng của chàng mà bây giờ tôi càng thấy thấm thía hơn. Khuya lắm, mải mê với cuộc hội ngộ tôi quên mất thực tại, tâm trí đi dần vào một cõi mông lung... Tôi bỗng thấy mình đối diện với Bác sĩ Zhivago bằng xương bằng thịt, không giống mấy với hình ảnh trong phim mà Omar Sharif đóng vai chàng, có điều tôi biết ngay đó là Zhivago. Trông người thật của chàng nhân hậu và điềm đạm hơn trong phim. Lòng tôi không hề thắc mắc chàng từ đâu đến đây, tôi chỉ mừng rỡ tiếp chàng như một cố nhân.

"Chào Bác sĩ Zhivago. Thật tôi không ngờ còn có ngày gặp lại Bác sĩ tại Saigon này. Gặp Bác sĩ tôi thấy như cuộc đời bừng sáng lại, như đêm tối đã dần lui, như con người đã thấu hiểu nhau hơn...

Zhivago mỉm nụ cười hiền hậu và từng trải, dơ tay ra ngăn tôi:

"Hãy bình tĩnh lại, anh bạn trẻ ạ; ồ nhưng anh đâu có còn trẻ nữa, tóc đã điểm bạc rồi kia kìa. Thời gian nhanh quá. Tôi đã sống cuộc đời tôi và tôi đã chết cách đây hơn nửa thế kỷ; đối với tôi thời gian không còn tác dụng nữa, nhưng xã hội con người thì với thời gian qua, mọi sự trôi đi và không ngừng đổi thay. Anh vừa nói có cảm tưởng đêm tối đang dần lui, ấy

cũng là một trong các biến chuyển và tự đổi mới của sự vật.

"Nhưng anh đừng khách sáo gọi tôi là bác sĩ nữa. Hãy xưng hô anh em. Chớ nề u hiển... Cũng người đồng hội đồng thuyền cả mà."

"Xin đa tạ bác sĩ, xin đa tạ anh. Anh là người tài hoa, thông minh, tư tưởng anh cao cả và nhân bản. Cuộc đời anh phong phú, lận đận và đau khổ, nhưng qua mấy thế hệ đã là cảm hứng cho biết bao người để biết rõ hơn giá trị của con người giữa đe dọa của bạo lực, biết rõ hơn thế nào là một nền chính trị phi nhân và, cổ điển hơn cả, biết thế nào là tình yêu... Anh lớn lao quá, còn tôi tài hèn, phận mỏng, không thể nào dám sánh với anh, tuy nhiên trong thiên cổ mấy ai đồng hội đồng thuyền mà chẳng có mối cảm thông nhau, được một niềm thông cảm của anh đã là điều quý giá."

Zhivago trở nên trầm ngâm như nhớ lại quá khứ. Chàng thong thả ngồi xuống chiếc ghế đối diện với tôi, đôi mắt xa xăm.

"Cơn gió bụi, thuở nổi cơn gió bụi... Điểm chung của anh với tôi là đó. Cơn gió bụi thì bạo tàn mà anh và tôi đều muốn giữ lại những giá trị mà mình biết chắc là quí giá, không muốn cho cơn lốc phá đi. Anh đã phải trả giá, phải không, tôi cũng thế, thời của tôi, tôi cũng phải trả giá. Đừng hỏi giá như thế là đắt hay rẻ, anh chỉ so kè đắt với rẻ khi anh nghĩ đến bản thân, nhưng nếu anh nghĩ đến những giá trị mà anh định bảo vệ thì tất cả vượt cao hơn ý niệm giá cả rồi. Thước đo duy nhất mà mình tự biết lấy là sự trung thực của mình.

"Vả lại những đau khổ tủi nhục mà anh đã phải trải qua không phải là vô ích đâu. Trong trời đất chẳng có sự việc gì là không có tác dụng gây ra kết quả mới. Những gì các anh đã phải chịu há lại chẳng đóng góp một phần nhất định nào đó vào việc người dân xứ anh ngày nay được tự do hơn một chút, nhân phẩm được coi trọng hơn một chút? Và anh xem, cuộc đời đau khổ và trôi nổi của chính tôi cuối cùng cũng đem lại một cái gì đó cho con người, đặc biệt là dân xứ tôi, chứ đâu phải hoàn toàn đi vào hư vô?"

"Cơn gió bụi anh vừa nói là cuộc cách mạng vô sản tại nước của anh và cũng cuộc cách mạng ấy tại nước tôi cộng thêm ngọn cờ giải phóng dân tộc. Một cuộc chiến tranh kéo dài mấy mươi năm tại nước tôi giữa phe cách mạng và phe chống cuộc cách mạng ấy. Nay thì mọi việc đã xong, phe kia đã thắng. Dĩ nhiên họ cai trị đất nước theo chủ nghĩa Mác mà họ cho là một hệ thống tư tưởng khoa học nhất trong lịch sử của con người."

Zhivago nhướng cao lông mày và mỉm cười độ lượng:

"Chủ nghĩa Mác là khoa học ư?... Chủ nghĩa Mác làm chủ bản thân nó còn quá kém chưa đến mức trở thành một khoa học. Các nhà khoa học còn ôn hòa hơn. Chủ nghĩa Mác và tính khách quan ư? Tôi chưa thấy có trào lưu nào lại tự biệt lập mình và xa rời các sự kiện thực tế như chủ nghĩa Mác. Mỗi người chỉ lo kiểm tra bản thân mình qua kinh nghiệm, còn những người nắm quyền hành thì tìm mọi cách tránh né sự thật, vì cái câu chuyện hão huyền là cá nhân họ không bao giờ phạm sai lầm. Tôi không thích những người thờ ơ với chân lý."

Tôi thoáng rùng mình. Sự sâu sắc của chàng thật ghê gớm. Chỉ trong mấy câu chàng đã khái quát tính cách cốt yếu của chủ nghĩa Cộng Sản và những người lãnh đạo của nó -- ở mọi nơi -- một cách chính xác thiên tài. Tôi nóng muốn nghe các nhận xét khác của chàng.

"Nhưng người Cộng Sản đã tỏ ra có một niềm tin sắt đá với lý tưởng của họ, và với tất cả mọi phương tiện, trình bày niềm tin ấy như một chân lý của thời đại..."

Zhivago ngăn tôi lại:

"Tôi là thầy thuốc, và tôi cũng viết lách nữa. Nhưng có những thời kỳ mà tôi chẳng làm gì được cả. *Vậy cái gì đang cản trở tôi làm phận sự, chữa bệnh và viết? Tôi nghĩ, không phải là những thiếu thốn, những sự lang thang trôi giạt, không phải là sự bấp bênh cùng là những thay đổi thường xuyên, mà là tình thần của câu nói huênh hoang đang rất phổ biến, đang ngự trị thời này, ấy là câu nói kiểu: bình minh của tương lai, xây dựng thế giới mới, đuốc sáng của nhân loại. Thoạt nghe ta có cảm tưởng: phong phú thay, trí tưởng tượng rộng lớn thay! Nhưng thực ra thì ta thấy nó huênh hoang vì nó thiếu tài năng.*

Chỉ cái bình thường mới là kỳ tích khi được bàn tay của thiên tài chạm đến. Puskin là bài học hay nhất, về mặt đó. Thế mới là ca tụng lao động trung thực, ca tụng nghĩa vụ và các tập quán thường ngày chứ!"

Tôi như chợt bừng tỉnh. "Nhưng thực ra thì ta thấy nó huênh hoang vì nó thiếu tài năng," đây là câu phán của thầy thuốc sau khi chẩn bịnh chứ không phải một nhận xét chính trị. Cách mạng dùng nhiều khẩu hiệu đến nỗi người ta có cảm tưởng điều họ nói là sức mạnh thực sự. Nhưng ông bạn vong niên của tôi không bị lừa (như tôi có thể có lúc đã bị) vì ông thông minh quá, cái nhìn của ông không bị lóa mắt vì các hiện tượng bên ngoài mà thấu suốt tâm can người ta."

"Thưa anh, anh quả là một bác sĩ giỏi. Anh hãy nhìn một tí về tình trạng nước tôi. Sau chiến tranh mọi nơi cuống cuồng với các công trình xây dựng mà các khẩu hiệu luôn nhắc là "bừng bừng khí thế cách mạng." Nước tôi là một nước khá giàu tài nguyên, dân chúng cũng thông minh, cần cù và lương thiện, thế nhưng sau mười mấy năm *xây dựng*, cả nước băng hoại: kinh tế xuống

dốc thê thảm, người nghèo đầy rẫy mà những kẻ có đặc quyền đặc lợi thì cũng lắm, con người bị lưu manh hóa trong một cơ chế làm ăn chụp giựt và dối trá. Ai lại hy vọng duy nhất của người dân một nước là cứ muốn bỏ nước ra đi..."

"Mỗi nước một hoàn cảnh, nước anh có những vấn đề đặc biệt. Nhưng nó có mẫu số chung với nước tôi, là chủ nghĩa xã hội, do đó hai nước có những nét giống nhau rất căn bản về cấp lãnh đạo. *Sau một thời gian như vừa qua, đã đến lúc phải đi tới một cái gì đó. Đằng này, té ra đối với những người cổ vũ cuộc cách mạng, những sự thay đổi và đảo lộn tứ tung là một sự tự nhiên thân thiết độc nhất, đến nỗi họ chẳng thiết gì hết, ngoài việc hãy giao cho họ một cái gì đó cỡ như địa cầu này. Việc xây dựng các thế giới, các thời kỳ quá độ là mục đích tự thân của họ. Họ chưa học được cái gì khác, họ chẳng biết làm gì hết. Thế anh có biết tại sao có cái cảnh chuẩn bị tất bật, bất tận ấy không? Vì thiếu vắng những năng lực có sẵn nhất định, vì bất tài. Con người sinh ra để sống, hiện tượng đời sống, tặng phẩm đời sống hoàn toàn không phải là chuyện đùa! Vậy thì tại sao lại đem thay thế cuộc sống bằng trò múa rối con nít của những giả tưởng non nớt...?*"

"Quả thật đã có thời -- mà cũng có thể ngay cả bây giờ nữa, tuy là gượng gạo ngoài miệng thôi -- họ nói chuyện toàn tầm cỡ địa cầu. Với cái mục tiêu xa xôi và trừu tượng như vậy họ tha hồ vo tròn bóp méo cuộc sống của dân chúng. Trước hết về kinh tế là phải tập thể hóa, họ coi tư hữu là một cái tội. Chắc anh cũng đồng ý, tước đi quyền tư hữu là loại bỏ nguồn cảm hứng đích thực của cuộc sống con người. Cảm thức tự do, ý thức về giá trị bản thân, nguồn sáng tạo, sự ham muốn tiến bộ chỉ được bắt nguồn từ quyền tư hữu. Trong sản xuất tập thể con người làm như cái máy, hứng thú thành thật trong lòng họ đã tắt. Sự tước đoạt này gây ra nhiều băng hoại ghê gớm nơi tâm hồn người, như là tâm lý thản nhiên ăn cắp và phá hoại của cải công cộng mà tôi cho là căn bệnh nan y lan rộng nguy hiểm nhất nơi con người miền Bắc nước tôi và dĩ nhiên vi trùng của nó cũng đã vào Nam: người ta cất dây dẫn điện, nhận chìm tàu, đốt kho hàng, đốt cơ quan, phá hỏng xe cộ, nhà máy... không có cái gì mà người ta không làm được miễn là có lợi về phần mình. Đúng là hình ảnh và tâm trạng của "người vô sản chẳng còn gì để mất ngoài xiềng xích của mình."

"Những người Cộng Sản còn muốn nhiều hơn nữa kia. Nói chung là họ muốn tạo hẳn một thế giới khác, và phê phán triệt để những giá trị của loài người không phải là họ. Họ không nhận có những giá trị chung của con người mà chỉ có những giá trị của từng giai cấp. Đạo đức, thẩm mỹ và cả sự thật đều được chia hai: của tư sản và của vô sản, của tư sản nhất thiết xấu và phản động, của vô sản nhất thiết tốt và tiến bộ. Họ giữ độc quyền hoàn toàn sự tiến bộ của trái đất này. Cũng qua lăng kính đó họ đánh giá lịch sử, có những triều đại nhất thiết tốt và những triều đại nhất thiết xấu, ví dụ ở Việt Nam, Tây sơn thì hoàn toàn tốt, triều Nguyễn thì hoàn toàn xấu. Ý niệm dân chủ cũng thế, mặc dù đó là sản phẩm con người đấu tranh trong trí tuệ và trong thực tế nhiều đời mới có được, nhưng đến họ thì dân chủ của họ phải là một triệu lần hơn dân chủ tư sản. Và họ tuyên bố không chút ngượng ngùng rằng chủ nghĩa của họ là khoa học và khách quan nhất. Chúng ta, anh và tôi, thấy những chuyện ấy rất lố bịch nhưng quả họ đã cố xây dựng một thế giới như thế với tất cả thủ đoạn và bạo lực của họ. Họ quyết cải tạo đời sống, đem lại một sự hoàn thiện toàn bộ."

Tôi nói một thôi dài bày tỏ cùng kẻ "đồng khí tương cầu" những gì chất chứa trong lòng đã lâu. Zhivago nghe chăm chú nhưng không tỏ vẻ ngạc nhiên. Chàng đã hiểu các điều ấy rất rõ. Tuy nhiên khi nghe đến câu cuối thì chàng như mất bình tĩnh:

"*Trước hết, những tư tưởng về sự hoàn thiện toàn bộ, theo như quan niệm từ sau Cách Mạng Tháng Mười đến nay, không khích lệ được tôi. Thứ đến, tất cả những chuyện đó còn lâu mới được thực hiện, và mới chỉ là những lời nói suông về chuyện đó mà người ta đã phải trả bằng hàng biển máu, khiến tôi thấy có lẽ mục tiêu không biện minh được cho phương tiện. Cuối cùng và cũng là điểm chủ yếu, khi tôi nghe nhắc đến việc cải tạo đời sống thì tôi không còn làm chủ bản thân được nữa và đâm ra thất vọng.*

"*Cải tạo đời sống! Những người lập luận kiểu đó có thể là những người rất từng trải, nhưng lại chưa lần nào biết rõ cuộc sống, chưa cảm nhận được tinh thần của nó, linh hồn của nó. Đối với họ, cuộc sống chỉ là một cục nguyên thô, chưa được bàn tay họ đẽo gọt cho đẹp đẽ, cần phải được họ chế biến. Song đời sống chẳng bao giờ là nguyên liệu hay vật liệu cả. Cuộc sống, anh nên nhớ, luôn luôn tự đổi mới bản thân nó, luôn luôn và mãi mãi chế biến căn nguyên, luôn luôn và mãi mãi tự cải tạo và tái hiện bản thân nó, tự nó cao hơn mọi thứ lý luận ngu muội của chúng tôi và của các anh.*"

Zhivago nhìn thẳng vào mắt tôi, như muốn tìm xem tôi có cảm nhận được lời chàng nói không. Tôi nghĩ là tôi hiểu. Đời sống là động, "luôn luôn tự đổi mới bản thân nó" mà những người Cộng Sản lại coi là tĩnh, "đối với họ cuộc sống chỉ là một cục nguyên thô." Tai họa là ở đấy: họ ra sức đẽo gọt một cái gì tựa như dòng nước chảy, là

cái không thể đẽo gọt được, tức là đời sống. Nhưng con người cụ thể lãnh đủ tất cả những nhát búa nhát rìu ấy. Chủ nghĩa Mác đã quá đơn giản hóa con người. Khi lên án những tệ hại của chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ mười chín chẳng hạn, họ đã cơ bản qui lỗi cho sự tư hữu, và trong toa thuốc diệt bất công cho loài người, họ diệt luôn quyền tư hữu. Nhưng làm thế thì chẳng khác nào tái lập chế độ nô lệ: con người bị tước đoạt xong để nhập vào tập thể thấy mình trần trụi về tinh thần và thể xác.

Tôi nói:

"Trong xứ này đã qua biết bao đợt cải tạo rồi, như cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo thương nghiệp, cải tạo giáo dục, văn nghệ, đánh tư sản v.v... nhưng xem ra cái nào cũng dở dang và người dân ngẩn ngơ không biết tại sao lại thế. Thì ra là do đời sống là cái không cải tạo được, hiểu cải tạo theo nghĩa là đẽo gọt thô bạo, cái lối người ta vẫn làm với gỗ đá.

"Họ cải tạo tư tưởng cho trí thức miền Nam bằng những khóa học tập lý luận Mác-xít. Đối với những người vốn quen suy luận độc lập, tự do thì cái lối học tập lý luận này rất buồn cười và rất cay đắng. Nhất nhất khi thảo luận cũng như khi viết, anh không được chen suy luận cá nhân và kiến thức của anh vào, anh chỉ được đồng ý với những điều người ta dạy anh và tìm cách trình bày càng sát nguyên bản càng tốt. Tất cả xã hội, từ trên xuống dưới, chỉ có sao chép, sao chép và sao chép. Không có gì nhục nhã cho con người hơn. Chỉ còn là một đàn cừu đi theo con đầu đàn. Tất cả sáng tạo đều thui chột. Thế mà người ta vẫn nhắc đi nhắc lại rằng chủ nghĩa xã hội là cơ hội tốt đẹp nhất cho sự sáng tạo nảy nở, và định nghĩa lại lòng yêu nước: yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội.

"Đã đến lúc chính người Cộng Sản nhìn thấy sự lố bịch của họ, như anh nói, đã *đem thay thế cuộc sống bằng trò múa rối con nít của những giả tưởng non nớt.* Ở đây họ đặt tên bịnh của họ là duy ý chí. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Theo họ, duy ý chí là chỉ làm theo ý muốn nhất thời mà không theo qui luật -- họ rất thích nói đến quy luật. Nói thì có vẻ rất khoa học, nhưng họ sẽ không bao giờ nắm được qui luật nào cả vì tư tưởng họ đã hóa thạch trong khi con người và xã hội thì linh hoạt thiên biến vạn hóa. Họ không chịu rời kinh điển, hiện nay vẫn cho rằng lý thuyết của họ luôn luôn đúng, chỉ có thực hành là sai, lãnh đạo luôn luôn đúng, chỉ có cấp thừa hành là sai, chủ nghĩa xã hội luôn luôn đúng, chỉ có mô hình áp dụng là sai."

Zhivago cười:

"Tôi sợ đây cũng là một trường hợp duy ý chí nữa. Và bắt đầu dùng đến ngụy biện. Người ta không chứng minh, ít nhất bằng lý luận, là chủ nghĩa xã hội vẫn đúng ở chỗ nào trong khi nhận rằng nó đã sai trong thực tế. Nói là mô hình sai, vậy thế nào là mô hình đúng? Họ không trả lời câu này. Từ trước đến nay đã thử nhiều kiểu: từ Lê Nin qua Staline, Mao Trạch Đông, đến Đông Âu, Việt Nam, Cuba, cả Khờ me đỏ của Pôn Pốt... từng ấy cái con đẻ của chủ nghĩa Mác, cái nào đúng, cái nào sai? Người ta đã dùng bạo lực để thử đủ kiểu trong hơn 70 năm qua. *Tôi cho rằng sẽ không thể dùng bạo lực mà giành được kết quả tốt đẹp. Phải dùng điều thiện lôi cuốn người ta tới cái thiện.*"

"Dù sao thì người Cộng Sản cũng đã nhìn ra nhiều sai lầm của chính họ. Đã có nhiều sửa đổi các nơi. Ở nước tôi cũng thế, thành thật mà nói đời sống đã dễ thở hơn nhiều. Một bằng chứng là sự có mặt của anh tại Sàigòn hôm nay. Không có đổi mới thật sự thì ai người ta cấp chiếu khán cho anh vào đây?"

Chuyện mưa nắng

TÔI

Có người (1) sắp loại, trong tương quan đồng loại, câu gồm sáu tiếng quan trọng nhất, là "Tôi nhận tôi đã lầm lỗi." Câu gồm năm tiếng quan trọng kế tiếp "Bạn làm được việc lắm." Câu gồm bốn tiếng quan trọng tiếp theo "Ý bạn ra sao?". Câu gồm ba tiếng quan trọng mức kế "Xin làm ơn." Câu quan trọng gồm hai tiếng "Cám ơn." Và câu một tiếng kém quan trọng nhất, là "Tôi."

Thực ra "tôi," "của tôi" trong cú pháp Tây phương không có nghĩa là ngôi thứ nhất luôn luôn lên hàng đầu. Những điều lên hàng đầu, nếu là cái ngoài mình, cái không là của mình... thường lại có hiệu quả hơn.

Đoàn Kết, hầu như đã được hiểu là đoàn kết "với tôi" và Đấu Tranh, thường đã phải hiểu là đấu tranh "kiểu của tôi."

Thảm nào!

TAM TRƯƠNG

(1) David Weiss, báo The Suburban, Canada.

Thư bạn đọc

Chúng tôi có đọc qua Tạp chí Thế Kỷ 21 và sẽ thảo luận với Hội để mua.

Chúng tôi cũng được biết thi sĩ Chân Phương được Giải thưởng của American Poetry Association và của The Poetry Center. Nếu không có gì trở ngại, xin Ông vui lòng cho chúng tôi địa chỉ của bạn Chân Phương cũng như địa chỉ hai tổ chức nói trên.

Chúng tôi là nhà văn Xuân Tước, hiện viết cho Nguyệt san Trái Tim Đức Mẹ (tạp chí Công giáo) và Tiểu Thuyết Nguyệt san tại Hoa Kỳ. Hiện chúng tôi có một số truyện ngắn muốn được xuất bản, không biết NGƯỜI VIỆT PUBLISHING COMPANY có nhận xuất bản không? Nếu được, chúng tôi xin gửi bản thảo.

Trân trọng kính.

HENRY TUOC V. PHAM,

Kính gửi ông Henry TUOC V. PHAM,
Chủ tịch Hội Trao Đổi Văn Hóa Việt-Mỹ
tại Colorado
986 S. Ventura Way Aurora, Colorado 80017

Thưa ông,

Rất cảm ơn Ông đã quan tâm theo dõi, mua, đọc và giới thiệu nhật báo Người Việt và tạp chí Thế Kỷ 21. Dưới đây là các địa chỉ mà ông hỏi. Mong ông như ý.

** American Poetry Association*
250 A Potrero Street. P.O. Box 1803
Santa Cruz, California 95061-1803
Telephone: (408)429-1122.

** The Poetry Center*
120 Village Square, Suite 100
Orinda, California 94563
Telephone: (415) 254-6639

** Chân Phương (Khánh Phương)*
26 Inman St #GC
Cambridge, MA 02139

Tựa các Hợp Tuyển để đặt mua:

1. American Poetry Anthology
Volume IX, Number 3.

2. Best New Poets of 1989

Hai quyển này do American Poetry Association ấn hành.

3. Many voices/ Mairy Lands International Poetry Anthology
do The Poetry Center ấn hành.

Độc giả có thể liên lạc với hai tổ chức theo địa chỉ trên để đặt mua. Sách có lẽ đến tháng Hai 1990 mới hoàn tất.

Trân trọng.

Zhivago lại cười (chàng bao giờ cũng nhìn thấu tận ruột gan):

"Đúng thế. Nhưng đừng quên nước anh có một lối nói đùa rất hay: *vậy mà không phải vậy.*" Trong khẳng định đã nằm sẵn sự phủ định. Không phải là đã hết giáo điều, vì người ta từ chối đối thoại trên bình diện chủ nghĩa xem nó hay dở thế nào, còn hay không còn hợp thời. Vẫn còn vùng cấm kỵ, nó phảng phất gần tôn giáo hơn là qui luật khoa học. *Một người không có tự do bao giờ cũng lý tưởng hóa sự nô lệ của mình.* Người ta nô lệ giáo điều, nô lệ chính quá khứ của mình và cả địa vị hiện tại của mình. Tinh thần tự do không cần bám víu cứng nhắc vào một cái gì mà cần đối thoại liên tục với các ý kiến khác, đó là điều kiện để tiến bộ. Khi còn nô lệ một cái gì đó, dù là nô lệ được lý tưởng hóa, anh sẽ mãi mãi bị lạc hậu."

Nói xong những lời này hình ảnh Zhivago ngồi trước mặt tôi bỗng từ từ lùi ra xa và mờ đi dần dần. Vì cuộc gặp gỡ này hi hữu quá nên thấy chàng bỏ đi lòng tôi dấy lên một nỗi tiếc nuối rất dữ dội. Tôi còn muốn nói chuyện với chàng nhiều nữa và hỏi một ít điều về đời tư của chàng, như số phận thật sự của cô Lara, về vợ và hai con chàng ở Paris. Tôi đứng bật dậy chạy nhanh tới giữ chàng lại, và giật mình thức giấc.

Tôi vừa nằm mơ thấy Zhivago. Nói cách khác Zhivago vừa báo mộng cho tôi. Như Đạm Tiên báo mộng cho nàng Kiều vậy. Nhưng đây không phải giấc mộng ở sông Tiền Đường, để báo sự bắt đầu và sự chấm dứt một quãng đời lưu lạc. Chỉ là một cuộc nói chuyện của người đồng hội đồng thuyền, trong đó Zhivago đã nhắc nhở tôi nhiều điều, và tôi cũng có dịp tâm sự đôi chút. Chàng chẳng tiên đoán gì cho bản thân tôi vốn mười mấy năm qua lưu lạc chẳng kém gì nàng Kiều, chàng chỉ tạo dịp cho tôi được đối thoại để qua đó tập cho tôi một lối nhìn -- cái nhìn của chàng, vừa tài hoa với trực giác nghệ sĩ, vừa chính xác của nhà khoa học. Với tôi thế là rất quí, cuộc đối thoại đằng đẵng của tôi đã chấm dứt. Như Zhivago vừa nói, độc thoại cũng có thể là một hình thái nô lệ, chỉ có khi đối thoại được người ta mới cảm thấy thực sự tự do.

SG 15-11-1989

PHẠM XUÂN ĐÀI

(1) Cuốn "Boris Pasternak, Con Người và Tác Phẩm" do Nhà Xuất Bản Thành Phố Hồ Chí Minh phát hành năm 1988, trong đó có tiểu thuyết "Bác sĩ Zhivago" do Lê Khánh Trường dịch. Các đoạn chữ nghiêng (gạch dưới) trong bài này từ đây về sau là lời của Zhivago trích từ tiểu thuyết này.

PHỐ HÀNG DẦU

Hồi ký

PHẠM DUY

Nhà tôi ở Phố Hàng Dầu
Số nhà 54, đứng đầu... du côn!
Thằng Cẩn

Sau khi sinh tôi ra, gia đình tôi dọn từ phố Hàng Mã Mây (Rue Des Pavillons Noirs -- phố Cờ Đen, lại một cái tên có liên hệ tới gia đình tôi) xuống phố Hàng Dầu (rue Felloneau), một con phố có chưa tới 30 căn nhà thấp bé nằm ôm lấy nhau.

Bên phải phố Hàng Dầu là phố Bờ Hồ nằm đối diện với một khu đất trên đó có Đền Bà Kiệu và rạp chiếu bóng Pathé. Hồ Gươm không xa nhà tôi mấy. Đứng trước cửa nhà, tôi có thể nhìn thấy mặt hồ lúc nào cũng lặng lẽ và xanh đục. Và thấy xe điện leng keng lọc cọc đi ngang.

Trong 17 năm sống với thủ đô, tôi có tới 14 năm sống chung quanh hồ Gươm cho nên Hà Nội đối với tôi chỉ là Đền Ngọc Sơn, Cầu Thê Húc, Tháp Rùa, đền Bà Kiệu và khu vườn nhỏ bên bờ hồ là nơi tôi hay ra để leo lên cây đa hay để lúi húi hái hoa bắt dế. Trong ba năm còn lại, tôi theo gia đình lên ở bên cạnh Hồ Trúc Bạch trước khi rời xa Hà Nội đi sinh sống ở Moncay, Hưng Yên, Kiến An, Bắc Giang. Thỉnh thoảng ghé về thăm mẹ, tôi không có đủ thời gian để yêu được tất cả Hà Nội 36 phố phường.

Các nhạc sĩ như Trần Văn Nhơn, Hoàng Dương (em họ của Thái Hằng, vợ tôi), Nguyễn Đình Thi...khi thương hay khi nhớ Hà Nội thì đều có những bài hát nói tới đầy đủ các khu các phố. Văn Cao có bài *Thăng Long Hành Khúc* xưng tụng đủ cả *Nhị Hà, Tháp Gươm, Văn Miếu, Cột Cờ, Tràng Thi...* Tôi chỉ có một mối tình dành riêng cho hồ Hoàn Kiếm mà thôi. Qua bài *Gươm Tráng Sĩ.*

Đã có nhiều nhà văn cho mọi người thấy cái thơ mộng của hồ Gươm. Nguyễn Đình Toàn nhìn nó như trái tim của Hà Nội rồi còn nghe được *tiếng guốc thiếu nữ reo vang trên những lối đi quanh hồ...* Ông còn ví hồ này, vào mùa thu, giống như con mắt buồn bã của người tình. Tôi cũng thấy như vậy. Nhưng vì quanh năm sống với hồ này nên tôi còn thấy nó trong những hoàn cảnh ít nên thơ hơn, khi ra coi những xác người treo cổ trên cây đa bên bờ hồ hay trầm mình xuống nước, vì thất tình hay vì lý do buồn bã hơn là sự túng quẫn.

Nói tới Hồ Gươm, người ta còn nói tới mùi nhang thơm trong đền Ngọc Sơn hay nói tới môi hôn ngọt của cặp tình nhân trên cầu Thê Húc. Tôi được sống lâu với chiếc cầu và ngôi đền này nên còn nhìn thấy cả đám ăn mày ngồi la liệt trên lối ra vào với lũ ruồi bu đầy trên những đôi mắt toét đỏ lòm. Và cảnh nhà nho cuối cùng mặc áo bông rách, ngồi viết những chữ Phúc Lộc Thọ hay những câu đối trên giấy đỏ... chỉ làm tôi bùi ngùi hơn là bồi hồi.

Hồ Gươm với tôi là giọt lệ, không phải lệ ngọc ngà mà là lệ buồn thương. Rồi những khi sương chiều mùa lạnh tỏa xuống mặt hồ thì cảnh âm u ở đây làm tôi tưởng như đang được sống trong một truyện ma của Bồ Tùng Linh. Tôi vừa sợ, vừa thèm gặp con ma hồ Gươm thường hay ra đây dụ dỗ người ta tự tử...

Đối diện với Hồ Gươm là rạp chiếu bóng Pathé. Phía sau rạp

có bãi đất rộng nơi đây thỉnh thoảng có người Tầu tới dựng lều làm trò múa rối. Những màn múa rối này tinh vi hơn múa rối Việt Nam tôi được coi ở Hội Chùa Thầy. Chỉ mất có mấy đồng trinh mà tôi được biết nhiều màn ca kịch rất linh động của truyện Tầu trước khi biết chữ để đọc tiểu thuyết. Tại đây còn có ông Hai Tây hay tới làm trò đóng đinh lỗ mũi và trò quỷ thuật. Ông Hai Tây còn thổi kèm bằng mu bàn tay và bằng ống đu đủ. Có thêm những người Tầu bán thuốc Sơn Đông và đánh võ. Họ dán thuốc cao vào những vết dao mà họ chém trên ngực để cho chúng tôi thấy công hiệu của thuốc cao. Nếu là ngày hội 14 Juillet (lễ Quốc Khánh của Pháp) thì tại đây có các cuộc vui như leo cột mỡ, đập nồi, bịt mắt bắt vịt. Nhất là có những đám hát xẩm. Tất cả những biến cố nghệ thuật và những trò chơi bình dân này đã gây nên giấc mộng giang hồ và cái thú biểu diễn nơi cậu bé họ Phạm. Rồi đã có lần tôi bỏ nhà đi theo một anh làm trò quỷ thuật sau khi bị mê hoặc thêm bởi cuốn tiểu thuyết *Vô Gia Đình* (Sans Famille) của nhà văn Pháp Hector Malot.

Hector Malot đưa ra nhân vật tiểu thuyết là một ca sĩ nổi danh một thời rồi chẳng may bị mất giọng. Muốn giữ mãi hình ảnh tuyệt vời của mình trong lòng người, anh thay tên đổi họ và sống cuộc đời lang thang trong một gánh xiếc nhỏ. Cuối cùng anh chết vì đói rét trong khi tên tuổi anh vẫn còn vang lừng khắp Âu Châu.

Bên trái phố Hàng Dầu là phố Hàng Tre thông ra bờ đê sông Hồng. Vào mùa nước cạn vì chưa biết bơi -- tuy đã cho chuồn chuồn cắn rốn nhiều lần -- tôi hay chạy chơi trên bãi cát rộng, nhưng vào mùa nước lớn, dù trong đêm tối, tôi cũng ra bờ đê để coi mọi người trong khu phố phấp phỏng ngồi canh mực nước lên, chuẩn bị đề phòng nạn lụt. Dòng sông Cái (nghĩa là sông Mẹ?) bình thường êm ả nay bỗng trở thành bà mẹ hung dữ khiến tôi sợ lắm! Đứng nhìn dòng nước phóng đi như điên cuồng, tôi thấy con sông lúc thường đỏ thắm vui tươi, trong mùa lụt, sông Hồng giận dữ và đỏ ngầu như máu đục.

Phía sau phố tôi là phố Hàng Bè, nơi vú già hay dắt tôi đi chợ và phố Hàng Thùng, nơi có lớp mẫu giáo để tôi đi vào chữ nghĩa khi tôi lên sáu. Phố nào cũng ngắn với dãy nhà tí hon. Riêng ở phố Hàng Bè có thêm ngôi nhà ba tầng -- gọi là nhà Tây -- của Bác Sĩ Lê Văn Chỉnh, người gốc miền Nam, có người con trai nhỏ tuổi không hiểu vì sao mà tự tử (bằng súng lục) khi mới lên mười. Cái chết của người bạn nhỏ và của những người tự vẫn ở Hồ Gươm ám ảnh tôi rất lâu.

Người mở lòng cho tôi trong lớp mẫu giáo ở phố Hàng Thùng là một thầy giáo mặc áo the thâm, đầu đội khăn đống, với bộ râu nằm ngang trên cái miệng răng đen, trông thầy giống như một bức tranh hí họa. Lớp học ở trong cái phố chuyên môn làm thùng gánh nước bằng sắt tây, cậu bé hỉ mũi chưa sạch là tôi thường ê a đọc bài với nhịp điệu văng vẳng của tiếng đập thùng nghe giống như tiếng trống của nhạc jazz vậy.

Đầu phố Hàng Dầu và xế nhà tôi là một cửa hàng tạp hóa với những món hàng rất sơ sài. Bà chủ cũng góa chồng như mẹ tôi nhưng không có con nên bà yêu tôi lắm, thường cho ăn ô mai không lấy tiền. Bên cạnh cửa hàng của bà là nhà làm nước đá, có nước nóng để tôi được tắm táp trong những ngày đông giá. Khu phố chưa có ống dẫn nước, vú già phải đi gánh nước về, ít khi có chuyện đun nước để tôi lắm.

Gọi là phố Hàng Dầu nhưng tôi chỉ thấy có một cửa hàng bán dầu ở xế cửa. Vào thời tôi mới sinh ra, Hà Nội không còn dùng dầu lạc để đốt đèn nữa vì đã có đèn điện và có loại đèn Hoa Kỳ dùng dầu lửa (pétrole) tiện lợi và sạch sẽ hơn dầu lạc. Hoa Kỳ láu cá lắm, biếu không cho người Việt Nam hàng vạn cái đèn để khi có đèn rồi thì phải mua dầu của họ.

Cạnh nhà tôi là nhà ông Ký Hải, ông lang nổi tiếng. Các cháu bé của ông là những bạn thân thiết nhất của tôi trong ngày thơ ấu. Trong thời gian tôi ở phố Hàng Dầu, tôi không thấy hàng xóm cũ dọn đi hay láng giềng mới dọn tới. Chỉ gia đình tôi sẽ dời bỏ con phố này khi anh Khiêm ở Pháp về.

Nhà của chúng tôi ở giữa phố và cũng thấp bé như những nhà chung quanh nhưng lại rộng nhà Bác Hai ở phố Hàng Đường hay nhà cậu Trưởng ở phố Hàng Gai là nơi mọi người chen chúc tới ăn giỗ.

Trong nhà có xây sáu cái giường quây chung quanh một cái sân nhỏ lộ thiên nằm ở giữa nhà. Tôi thường nằm trên giường để nhìn nước mưa buồn buồn chảy xuống những chậu hoa đặt ở trên sân. Hoặc ra sân để tắm mưa.

Dưới gầm của những chiếc giường bao quanh cái sân đó, có chôn những cái vại bằng sành rất lớn để đựng dầu. Mua lại căn nhà là một cửa hàng bán dầu nhưng bố mẹ tôi không sinh sống bằng nghề dầu.

Những vại dầu trống không này chỉ là một thứ đồ chơi của tôi khi còn bé. Chơi đi trốn với anh chị hay với bạn bè, tôi thường hay nhẩy vào một trong những vại dầu cao hơn đầu tôi này. Vì trong nhà có tới 12 cái vại cho nên bắt được tôi rất khó, tôi đã phải nằm trong đó rất lâu để tưởng tượng mình là Ali Baba của truyện thần thoại Ả Rập.

Nơi quan trọng thứ nhất của nhà tôi là bàn thờ tổ tiên, chiếm đóng một phần sáu của diện tích căn nhà. Vào ngày Tết Nguyên Đán, bàn thờ đã được mẹ tôi làm cho rất lộng

Phố Hàng Dầu

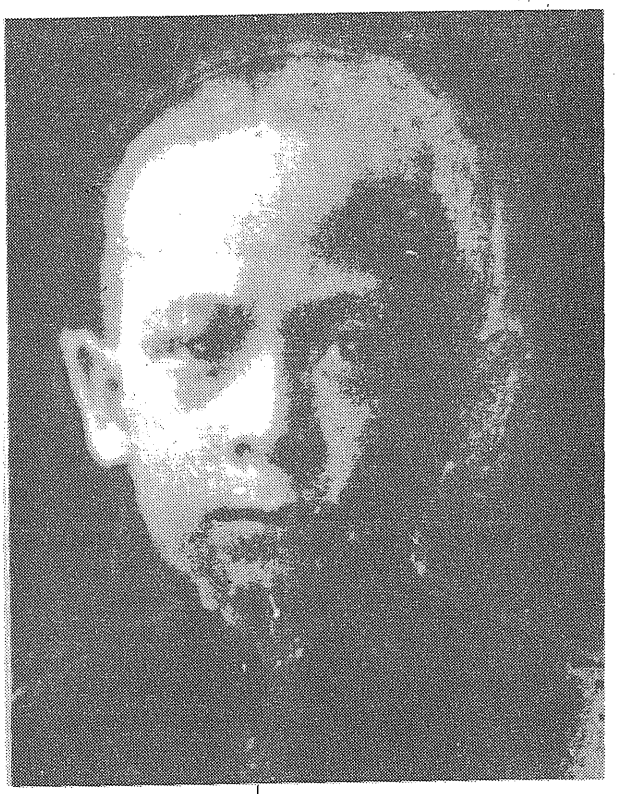

Phạm Duy
10 tuổi
Phố Hàng Dầu

lấy từ ngày ông Táo về trời sẽ được duy trì cho tới sau ngày 21 tháng Giêng, nghĩa là sau hai cái giỗ của bà nội tôi và của bố tôi, rồi bàn thờ mới được buông mành che đi. Tôi được ăn Tết lâu hơn các trẻ con khác ở trong phố.

Nơi quan trọng thứ hai là cái giường gỗ lim nơi mẹ con tôi ngủ, kê sát cái tủ dài (gọi là tủ chè) có tranh mỹ nữ đánh đàn nạm bằng xà cừ (vỏ hến) rất đẹp. Ở chân giường, trước mặt cái sân nhỏ, là hai cái ghế gụ để khách tới chơi sẽ ngồi vào đó trong khi chủ nhân xếp chân bằng tròn trên giường. tiếp chuyện. Nếu có đánh chắn hay đánh tổ tôm thì canh bạc cũng xẩy ra ở chỗ này. Cuộc chơi bao giờ cũng kéo dài tới đêm khuya, tôi đi ngủ sớm thì phải nằm ngủ bên cạnh những canh bài đỏ đen, tai nghe thoang thoáng những tiếng reo được thua trong cơn mộng mị.

Nơi không được coi là quan trọng ở trong căn nhà này là cái chồ! Cái địa điểm phải được gọi là phòng vệ sinh này bé bằng cái hộp, béo to như tôi bây giờ thì không thể nào chui vào ngồi xổm trong đó một cách dễ dàng được nữa. Cái thùng đựng phân sẽ có người của ông nhà thầu Năm Diệm đem thùng khác tới đổi. Đổi thùng thường làm vào nửa đêm về sáng. Lúc đó, khi nghe tiếng phu đổi thùng gõ cửa ầm ầm trong đêm thanh vắng là thằng bé này giật mình thon thót. Chắc rằng tiếng gõ cửa bắt người ban đêm cũng chỉ hãi hùng đến thế mà thôi!

Hoài niệm thời thơ ấu của mình, ai cũng có kỷ vật, nhân vật hay một chuyện nào đó để bâng khuâng nhớ. Cái tôi nhớ nhất là cái đồng hồ cổ lỗ sĩ đặt trên mặt tủ, ngay nơi tôi nằm. Đối với tôi, nó là chứng tích rõ ràng nhất của thời gian. Mỗi một tích tắc hay một hồi chuông của nó ghi lại một li ti hay một khoảng ngắn của thời tôi còn thơ. So với những đồ vật khác ở trong nhà, chỉ có nó là có sự sống!

Bà con hàng xóm trong khu phố tôi là những người dân hiền lành sống cuộc đời ẩn dật nhưng cũng có một nhân vật dị thường khiến tôi để ý. Tên anh là Hùng, nhưng ai cũng gọi là Khùng. Hằng ngày, anh bắc ghế đẩu ra ngồi ở ngã tư, thấy ai đi qua cũng chào. Chào bằng đủ mọi thứ tiếng. Mọi người đều cho anh là hóa dại. Trẻ con thường quây chung quanh anh để chọc ghẹo. Riêng tôi, lúc nào cũng ngẩn ngơ đứng nhìn con người "kính chào không mỏi mệt" này. Cho tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ gương mặt hiền hòa của một người lịch sự nhất phố Hàng Dầu.

Hà Nội có những buổi trời mưa thật to, mưa nặng nề như mưa đá vậy. Có thêm những tia chớp lớn. Những hạt mưa cục đập xuống mặt đường chưa trải nhựa, làm thành những bong bóng to. Ngồi trên bực cửa nhìn qua nhà trước mặt, thằng bé nhỏ tuổi này biết nhớ nhung da diết một con bé tên là Nguyệt. Nó thấy được cái buồn của một câu ca dao để rồi sẽ đưa vào một bản trường ca:

Đêm qua chớp bể mưa nguồn
Hỏi người bên đó có buồn hay không?

PHẠM DUY

MƯỜI LĂM NĂM VĂN HỌC CỘNG SẢN VN (1975-1990)

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Tháng Tư 1975, chế độ Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ. Đảng cộng sản nắm chính quyền trong cả nước.

Chính sách có tính chất "chuyên chính vô sản" đầu tiên được áp dụng tại miền Nam là nhắm vào văn hóa, văn học miền Nam trước năm 1975.

Trước khi chủ trương bắt các sĩ quan và các công chức trung, cao cấp thuộc chính quyền cũ đi học tập cải tạo, trước khi tung ra chiến dịch đánh tư sản mại bản tại các thành phố lớn miền Nam, cộng sản, ngay từ tháng Ba và tháng Tư 1975, chiếm được địa phương nào, đã tức khắc ra lệnh cho dân chúng phải tiêu hủy toàn bộ dấu vết của nền văn học nghệ thuật miền Nam. Trong lúc vẫn tiếp tục duy trì nền kinh tế gồm năm thành phần thì cộng sản chỉ chấp nhận một thành phần văn học duy nhất: thành phần văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, chịu sự thống trị tuyệt đối của Đảng.

Mà thật ra, không phải đợi đến tháng Tư 1975, ngay trước đó nữa, từ những năm đầu tiên của thập niên 60, ở miền Bắc, cộng sản đã có ý đồ hủy diệt văn học miền Nam bằng hai biện pháp: một là chụp mũ nền văn học miền Nam là "văn học thực dận mới" để qua đó, xóa bỏ vị trí uy nghi của nó trong tiến hình văn học dân tộc; hai là, ngụy tạo ra cái gọi là "văn học giải phóng miền Nam Việt Nam" với những người cầm bút ở miền Bắc được lén lút đưa dần vào miền Nam, ẩn náu trong rừng núi, bưng biền, tự xưng là nói lên những tiếng nói tâm huyết nhất của đồng bào miền Nam.

Phụ họa với hai biện pháp trên, báo chí miền Bắc không ngớt vu khống, xuyên tạc văn học miền Nam. Theo Phan Cự Đệ và Hà Minh Đức, trong quyển *Nhà văn Việt Nam*, tập 1 (Hà Nội, 1979) từ năm 1954 đến 1975, không kể các bài phát trên sóng của đài Tiếng Nói Việt Nam, chỉ tính riêng trên các tạp chí và tuần báo lớn tại Hà Nội như Học Tập, Thống Nhất, Nghiên Cứu Nghệ Thuật, Văn Nghệ, Tạp Chí Văn Học... đã có tới 286 bài viết thực hiện âm mưu này (tr. 305).

Sau năm 1975, chiếm được miền Nam, mức độ chống phá văn học miền Nam của cộng sản càng gia tăng với một quy mô rộng khắp và với một mức độ vô cùng dữ dội. Không có cuộc Đại hội Đảng nào, cộng sản lại không nêu việc xóa bỏ văn học nghệ thuật miền Nam lên thành một nhiệm vụ chính trị khẩn cấp. Báo cáo tại kỳ họp Quốc Hội khóa 5, Lê Duẩn chỉ thị: "*Sau ngày giải phóng, nhân dân ta đã làm rất nhiều việc nhằm quét sạch những dấu vết và di hại của thứ văn hóa ấy. Công việc này cần được tiếp tục một cách kiên trì, tích cực và triệt để.*"

Để chống lại ảnh hưởng lớn lao của nền văn học miền Nam trước đây, cộng sản sử dụng cùng lúc hai biện pháp chính: tuyên truyền và khủng bố.

Chưa có ai thống kê thử số lượng những bài báo nhằm bôi nhọ văn học miền Nam từ năm 1975 đến nay là bao nhiêu. Chắc chắn là không ít hơn con số 286 bài viết mà Phan Cự Đệ và Hà Minh Đức đã nêu ra trong thời kỳ 1954-1975. Có những tờ báo và những tạp chí dành hẳn một số đặc biệt về chủ đề phê phán văn học miền Nam như Đại Đoàn Kết số ra ngày 21-7-1977, Nghiên cứu Nghệ thuật số 3-1977, Tạp chí Văn Học số 4-1977... Rồi còn sách nữa. Sách của một người và sách của nhiều người. Sách chửi bới một cách không không hồ đồ và sách giả vờ nghiên cứu một cách khệnh khạng, trịch thượng. Thuộc loại này, đến nay, có cả thảy chín "tác phẩm" đã được xuất bản: một *Văn hóa văn nghệ miền Nam dưới chế độ Mỹ Ngụy* (2 tập) của các tác giả: Phong Hiền, Thạch Phương, Trần Hữu Tá, Hoa Lục Bình (1977); hai, *Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư văn hóa thực dân mới* của Hà Xuân Trường (1979); ba, *Những tên biệt kích của chủ nghĩa thực dân mới trên mặt trận văn hóa, tư tưởng* của các tác giả: Trần Văn Giàu, Nguyễn Huy Khánh, Vũ Hạnh, Thạch Phương, Trần Hữu Tá, Phong Hiền, Phan Đắc Lập, Bùi Công Hùng (1980); bốn, *Cuộc xâm lăng về*

văn hóa và tư tưởng của đế quốc Mỹ tại miền Nam Việt Nam của Lữ Phương (1981); năm, *Nọc độc văn học thực dân mới* của Trần Trọng Đăng Đàn (?); sáu, *Nọc độc văn hóa nô dịch* của Chính Nghĩa (?); bảy, *Những tên biệt kích cầm bút* của nhà xuất bản Công an Hà Nội (1986); tám, *Nhìn lại tư tưởng văn nghệ thời Mỹ ngụy của* Lê Đình Ky (1987) và chín, *Văn học thực dân mới Mỹ ở miền Nam những năm 1954-1975* (tập 1) của Trần Trọng Đăng Đàn (1988).

Trong hầu hết những bài báo và những quyển sách kể trên, cộng sản đều sử dụng một thủ đoạn bất lương quen thuộc: vu khống. Vu khống những tác giả chống cộng là CIA. Vu khống những người chuyên viết các chuyện tình cảm nhẹ nhàng là "trụy lạc." Vu khống cả những người chỉ biết mải mê làm văn chương thuần túy là "tâm lý chiến." Với cộng sản, tất cả những gì nằm ngoài quỹ đạo thống trị của cộng sản đều là "phản động" và đáng bị lên án. Luận điệu sau đây rất tiêu biểu: "*... các loại sách truyền bá chủ thuyết hiện sinh, hư vô chủ nghĩa, kích động dục tình, tuy bề ngoài không phát ngôn quan điểm chính thức của Mỹ và chính quyền Sàigòn, nhưng thực chất thuộc hệ tư tưởng của chủ nghĩa thực dân mới, phục vụ cho âm mưu chính trị và tư tưởng phản động của Mỹ và tay sai*" (Saigon Giải Phóng 15--1987). Quá say sưa với trò vu khống và chửi đổng, có lúc giới cầm bút cộng sản đánh nhầm vào cả người anh em của mình ở hải ngoại: "*Khen Đinh Hùng, một cây bút chống cộng và tâm lý chiến ở Sàigòn, Đặng Tiến đã viết trên Văn (1-10-1967) như sau: "Tôi muốn dừng lại bên cạnh một cành hoa nhỏ, loại hoa nở muộn lạc loài:* Thơ Đinh Hùng... *Đinh Hùng vốn là một hành tinh lẻ loi" (Văn học, cuộc sống, nhà văn, công trình lý luận tập thể của Viện Văn Học Hà Nội, nxb Văn Học, 1978, tr. 503).* Không có gì hồ đồ hơn. Khen thơ Đinh Hùng mà bị buộc tội là "tâm lý chiến." Ngay cả một biên tập viên đắc lực nhất của tờ báo Đoàn Kết tại Paris vẫn bị coi là "chống cộng." Lạ. Lạ đến quái gở.

Song song với các hoạt động tuyên truyền mà bản chất là vu khống và xuyên tạc, cộng sản còn huy động công an và thanh niên xung phong đi lùng sục tịch thu sách báo cũ, bắt bớ những người lưu hành sách báo cũ. Tháng Tám 1975, Bộ Thông tin Văn hóa của Cộng Hòa miền Nam Việt Nam ra thông tri số 218 về việc cấm lưu hành các "loại sách phản động về chính trị và loại sách dâm ô." Tháng Ba 1976, cũng cái Bộ Thông tin Văn hóa ấy lại ra tiếp thông tri số 15 nhắc lại lệnh cấm trên. Riêng tại Sàigon, tháng Năm 1977, Sở Văn hóa Thông tin ra thông tri yêu cầu dân chúng hoặc phải thiêu hủy hoặc phải giao nộp toàn bộ các ấn phẩm văn hóa của chế độ cũ. Mỗi bản thông tri trên đều được đính kèm một danh sách dài ngoằng những tác phẩm bị kết tội là "phản động" và "dâm ô." Cả bản thông tri lẫn bản danh mục đều được đăng tải rộng rãi trên báo chí trong nước. Riêng bản danh mục thì sau này được bổ sung và tập hợp thành một quyển sách khổ lớn, dày cộm, nhan đề là "*Danh mục những sách cấm lưu hành*" được bày bán khắp các hiệu sách trong nước.

Sau mỗi bản thông tri trên, hầu như là một quy luật, cộng sản lại mở chiến dịch truy quét văn hóa phẩm một cách rần rộ. Công an bủa giăng đầy các đường phố để chận bắt những người lén lút mua bán sách báo cũ. Công an xông vào tận nhà dân chúng, lục lọi khắp nơi để tìm kiếm và tịch thu sách báo cũ. Cho đến nay, cộng sản đã mở ít nhất năm chiến dịch truy quét lớn như thế vào các thời điểm: cuối năm 1975, đầu năm 1976, giữa năm 1977, giữa năm 1981 và giữa năm 1985

Việc tàng trữ và lưu hành các sách báo cũ bị xem là một "trọng tội" trước pháp luật nhà nước. Trong *Bộ luật hình sự* do cộng sản công bố, đăng trên báo Nhân Dân từ ngày 12 đến ngày 17-7-1985, điều 82 dưới danh xưng "*Tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa,*" thuộc mục A, chương 1, phần "Các tội phạm" ghi rõ:

"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm"

a) Tuyên truyền xuyên tạc chế độ xã hội chủ nghĩa.

b) Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân.

c) Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm."

Cũng trong "*Phần các tội phạm,*" điều 99 dưới danh xưng "*Tội truyền bá văn hóa đồi trụy,*" *mục B, chương 1, ghi rõ:*

"*1. Người nào làm ra, sao chép, lưu hành, buôn bán, tàng trữ nhằm phổ biến sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc những phẩm vật khác có tính chất đồi trụy cũng như có hành vi khác truyền bá văn hóa đồi trụy thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm:

a) Có tổ chức

b) Vật phạm pháp có số lượng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng

c) Tái phạm nguy hiểm."

Không phải chỉ đe dọa suông. Trong những năm 1980, 1981 cộng sản đã truy tố trước tòa án nhiều người buôn bán sách báo cũ, trong đó, gây xôn xao dư luận nhất là vụ án Vinh Sử và Bùi Đình Hà bị kết tội 20 năm tù giam tại Sàigòn.

Tịch thu sách báo cũ. Bắt bớ những người lưu hành sách báo cũ. Chưa hết. Từ năm 1975 đến nay, cộng sản còn tung ra nhiều chiến dịch khủng bố tàn khốc nhắm vào những văn nghệ sĩ cũ của miền Nam. Cơ man những người bị bắt, bị đày ải trong các nhà tù, các trại cải tạo. Năm 1978, sau nhiều năm tháng điều tra, tạp chí Quê Mẹ tại Paris đã công bố bản danh sách 163 văn nghệ sĩ miền Nam bị cộng sản giam giữ trong các trại cải tạo. Báo Express số ra ngày 12-8-1978 đã đăng tải đầy đủ tên tuổi 130 văn nghệ sĩ trong số 163 văn nghệ sĩ nạn nhân của chính sách trả thù của cộng sản. Ngày 30-4-1980, trong một cuộc họp báo tại Paris, tạp chí Quê Mẹ lại cung cấp thêm danh sách 40 văn nghệ sĩ mới bị bắt hoặc bị bắt trong năm 1980.

Song song với nỗ lực hủy diệt nền văn học miền Nam, trả thù những người cầm bút miền Nam, cộng sản nỗ lực xây dựng và phát triển nền văn học riêng của họ, nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa thấm nhuần sâu sắc tính Đảng cộng sản. Quả thật, họ có nhiều thuận lợi. Chiến tranh chấm dứt, đất nước thống nhất, đội ngũ cầm bút đông đảo, vốn sống giàu có, phương tiện dồi dào. Họ bắt đầu mơ tưởng đến những tác phẩm lớn. Trong *Báo cáo chính trị* của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản do Lê Duẩn đọc tại Đại hội lần thứ tư năm 1976, có đoạn viết: "*Phấn đấu để có được những công trình và tác phẩm nghệ thuật có tầm vóc lớn, có trình độ khái quát cao về chiến công và kỳ tích của những người Việt Nam đánh thắng bọn đế quốc Pháp, Mỹ, làm nổi bật sức mạnh phi thường của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, nhằm cổ vũ, thúc đẩy công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mãi mãi nêu gương cho những thế hệ mai sau.*"

Đó cũng là ước mơ và là niềm hy vọng của mọi người cầm bút dưới chế độ cộng sản. Những hãi hùng và gian khổ của chiến tranh đã thuộc về quá khứ. Từ miền Bắc, từ những địa đạo, những mật khu trong rừng núi mịt mùng, họ lũ lượt kéo nhau vào các thành phố lớn miền Nam với tâm trạng ngây ngất tự hào của những người chiến thắng. Thôi, giã từ Trường Sơn, giã từ những ngày tháng cầm bút dưới mưa bom hoặc giữa hai trận càn. Từ đây, làm những cán bộ văn nghệ trong một đất nước hòa bình và thống nhất, được ở trong những căn nhà rộng rãi giàu sang chói ngợp ánh đèn điện, ngọn bút tha hồ bay múa thoăn thoắt trên những trang giấy trắng tinh. Có lẽ nhiều người nằm mơ thấy mình sẽ là tác giả bộ *Chiến Tranh và Hòa Bình* thứ hai của nhân loại.

Một số tựa sách xuất bản sau ngày 30-4-1975 đã thể hiện rõ sự tự hào và bay bổng ấy. Chế Lan Viên có tập thơ *Ngày Vĩ Đại* (1975), một tập tiểu luận *Bay theo đường dân tộc đang bay* (1977). Xuân Diệu cũng muốn bay như thế, cùng với Chế Lan Viên và các đồng chí của mình, với tập thơ *Hồn tôi đôi cánh* (1976). Phan Thị Thanh Nhàn có tập thơ *Chân dung người chiến thắng* (1977), Hoàng Trung Thông có tập thơ *Như đi trong mơ* (1977), Giang Nam có *Hạnh phúc từ nay* (1978), Nguyễn Xuân Sanh có *Đất nước và lời ca* (1978)... Những tựa sách, những tâm tình bát ngát niềm vui và mênh mông ước vọng.

Tạp chí Văn Học số 5-1976 đăng tải nhiều lời phát biểu đầy sôi nổi, đầy hăm hở của giới cầm bút cộng sản. Viễn Phương: "*Phải sáng tác, sáng tác về chiến trường Sàigòn, Gia Định, sáng tác về Củ Chi đất thép thành đồng. Sáng tác không phải vì mình mà sáng tác vì bao nhiêu người đã chết, vì bao nhiêu người còn sống, sáng tác vì thế hệ mai sau. Phải trả món nợ đối với lịch sử... Từng đề tài đi qua trong tôi, từng nhân vật đi qua trong tôi. Anh biệt động Saigon, anh du kích Củ Chi, bà mẹ xóm Chùa, cô em xóm Thuốc, bác nông dân An Phú, Hồ Bờ lay gọi tôi hàng đêm trong giấc mơ và trong những canh dài trằn trọc.*" Phan Tứ: "*Lâu nay, viết tiểu thuyết, tôi thường xắn ngang dòng đời thực lấy một khúc tương đối ngắn từ vài tháng đến một năm thôi. Nay tôi mong muốn làm sao viết được một tác phẩm phản ánh trực diện được những biến chuyển của một số nhân vật tiêu biểu thuộc nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, gốc gác miền Nam, nhưng hoạt động trên một địa bàn ngày càng mở rộng, trong thời gian từ Cách mạng tháng Tám đến khi đất nước hoàn toàn giải phóng.*"

Sự say sưa và hy vọng dạt dào của họ dường như cũng lây sang những người cầm bút cũ của Saigon. Trừ những người đã di tản, những người đã bị bắt, những người chống cộng sản quyết liệt, còn lại, một số không ít, với tâm trạng thảng thốt, phập phồng, bắt đầu mơ ước đến chuyện cầm bút trở lại dưới chế độ mới. Những khóa học chính trị dành riêng cho văn nghệ sĩ cũ được tổ chức từ tháng 6-1976 quy tụ khá đông đảo người tham dự. Từ Nha Trang, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng lặn lội về; từ Lộc Ninh, nhà văn Thụy Vũ hăm hở xuống (1). Không đi được, nhà văn Võ Hồng, từ Nha Trang, gửi tập bản thảo quyển truyện *Thiên đường ở trên cao* vừa sáng tác từ năm 1974, chưa kịp in, nhờ Vũ Hạnh giới thiệu với cán bộ văn nghệ "cách mạng" để được xuất bản. (2)

Thế nhưng, thời gian trôi qua, cái nhiệt tình buổi đầu ấy cứ lịm dần, lịm dần, rồi tắt hẳn. Cho đến năm 1985, không có người cầm bút cũ nào của Saigon gia nhập hoàn toàn vào sinh hoạt văn học của cộng sản. Chỉ có một ít người họa hoằn xuất hiện với một hai bài viết ngắn trên báo chí. Trên tạp chí

Văn Học tại Hà Nội, người ta ghi nhận được một bài viết ngắn bàn về tác giả bài thơ *Xuân nhật tức* của Lê Mạnh Thát; một bài viết ngắn công bố một dị bản mới tìm thấy của *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Vương Hồng Sển; một bài viết ngắn bàn về tác giả *Gia huấn ca* của Đoàn Khoách. Trên tuần báo Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh, có một bài viết về việc phiên âm thơ Nôm Nguyễn Trãi của Lê Hữu Mục; ba bốn truyện ngắn của Lệ Hằng; vài truyện ngắn của Từ Kế Tường với bút hiệu mới là Phan Tường Niệm. Trên báo Tuổi Trẻ, có mấy bài văn hài hước ngắn của Hoàng Ngọc Tuấn. Có thể kể thêm một số bài viết vốn là tham luận trong các cuộc hội nghị khoa học do cộng sản tổ chức: viết về Nguyễn Trãi, có Lê Mạnh Thát, Nguyễn Đăng Thục... viết về ngôn ngữ học, có Nguyễn Hiến Lê; viết về Đào Tấn, có Nguyễn Văn Xuân. Những bài tham luận này chỉ được in trong các tập Kỷ yếu, không công bố trên báo chí. (3)

Ngay cả những người từng làm việc một cách lén lút cho cộng sản tại Saigon trước năm 1975 như Vũ Hạnh và Sơn Nam, sau 75, cũng viết lách một cách cầm chừng, uể oải. Vũ Hạnh chỉ có một tập truyện viết cho thiếu nhi: *Chất ngọc*. Sơn Nam chỉ có một tập khảo luận mỏng: *Bến Nghé Xưa*.

Không phải chỉ có những người cầm bút miền Nam hờ hững. Những người cầm bút miền Bắc, sau một thời gian ngắn phấn khởi, nô nức, cũng khựng lại, loay hoay mãi trong sự bế tắc. Những thuận lợi về vật chất của họ lúc vào các thành phố lớn miền Nam rõ ràng không đủ để chắp cánh cho sáng tác. Trong bài *Tâm sự sáng tác* viết năm 1980 in trong tập *Bên lề những trang sách* do Tác phẩm mới xuất bản năm 1982, nhà văn Nguyễn Văn Bổng tự hỏi: "*Cách mạng thắng lợi vẻ vang, hai cuộc kháng chiến thần thánh, dân tộc anh hùng, Đảng vinh quang, quân đội rực rỡ chiến công... Tưởng cứ sờ đến đâu thì ra tác phẩm lớn đến đó. Trong kháng chiến gian nan là vậy, máu người viết từng thấm trên những trang giấy, vậy mà ta đã dựng lên được một nền văn học như Đảng ta đã đánh giá rất cao. Sao kháng chiến thành công, mọi điều kiện đều thuận lợi, lại chưa có tác phẩm lớn!*" (tr. 158).

Nguyễn Văn Bổng tự nhìn lại mình: "*Không kể về trước, từ ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, thống nhất từ Bắc đến Nam hơn bốn năm, tôi in hai tập bút ký, đăng báo ba bốn truyện ngắn và một số bài khác. Bạn bè cho rằng phần lớn cũng đọc được. Cá biệt có cái người ta thích khá nhiều, mà phê phán cũng rất nhiệt tình và nghiêm khắc. Tuy vậy, tôi thấy hình như mình chẳng viết được gì.*" (tr. 156).

Nguyễn Văn Bổng, dù sao, cũng còn may mắn hơn những người khác. Cùng thời gian đó, Anh Đức chỉ có một tập truyện mỏng: *Miền sóng vỗ* (1982), Phan Tứ chỉ có một tập hồi ký mỏng: *Trong mưa núi* (1985), Nguyễn Quang Sáng quay qua viết truyện thiếu nhi và truyện phim, Nguyên Ngọc hoàn toàn ngưng sáng tác.

Rõ ràng là có sự khủng hoảng lớn lao trong tâm hồn giới cầm bút cộng sản, đặc biệt những người trước đây được cử vào Nam, cùng chiến đấu với bộ đội, phải đổ máu trên cả trang viết để hình thành ra cái gọi là "văn học giải phóng miền Nam."

Sự khủng hoảng ấy, trước hết, là sự khủng hoảng trong niềm tin.

Chiếm miền Nam, đất nước thống nhất, dân chúng hai miền tự do gặp gỡ nhau, những lời tuyên truyền của nhà cầm quyền cộng sản trước đây về một thiên đường xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và một địa ngục ngập ngụa trong nghèo đói đau thương ở miền Nam bỗng trở thành những lời nói dối trá đến trơ trẽn, đến lố bịch. Câu chuyện đồng bào miền Bắc, sau ngày 30-4-75 vơ vét số tiền còm cõi của mình để mua một chục chén đất, một chục tập vở học trò... rồi lặn lội vào tìm kiếm thân nhân trong Nam sau bao nhiêu năm xa cách, nhưng đến lúc gặp nhau rồi, tận mắt chứng kiến cuộc sống sung túc, tiện nghi đầy đủ của người thân, họ lại thẹn thùng giấu biệt mọi quà cáp đã theo mình cả ngàn cây số đã được kể đi kể lại như một giai thoại, một thứ tiếu lâm thời đại. Vấn đề là: khi những người dân miền Bắc vào Nam phải thẹn thùng giấu biệt số quà cáp nghèo nàn, thảm hại của mình thì cái gì đã xảy ra trong tâm hồn họ? Có phải là một nỗi hoang mang về những gì họ đã từng nghe và từng tin trước đây? Dù chưa hoàn toàn tự giác, tuy nhiên, sự mâu thuẫn giữa hai hiện thực và tuyên truyền ấy cũng đã tạo ra những gợn sóng hoài nghi trong tâm hồn những người suốt mấy chục năm đặt hết niềm tin vào Đảng, vào chủ nghĩa xã hội.

Những gợn sóng ấy cứ càng lúc càng khua động mạnh mẽ khi, hết năm này qua năm khác, sự cùng quẫn trong đời sống của họ không những không giảm bớt mà còn có chiều hướng cứ tăng lên mãi. Sau chiến tranh, đất nước cứ kiệt quệ dần. Trận lụt năm 1978 kéo theo trận đói dữ dội ngay tại các tỉnh Hậu giang, nơi được coi là vựa lúa của miền Nam, của cả Việt Nam đã làm bùng nổ những hoài nghi, những bất mãn âm thầm trong dân chúng và giới văn nghệ sĩ.

Biểu hiện tiêu biểu nhất của sự hoài nghi và bất mãn ấy là thái độ thờ ơ của giới văn nghệ sĩ đối với những lời kêu gọi của Đảng khi chiến tranh với Pol Pot và với Trung quốc bùng nổ

vào những năm 78, 79. Số lượng thơ văn viết về đề tài này vô cùng ít ỏi. Mặc kệ lời Đảng gọi biến mỗi làng mỗi xã thành một Đống Đa, một Chi Lăng, biến mỗi bài thơ, mỗi áng văn thành một *Hịch tướng sĩ*, một *Bình Ngô đại cáo*, giới cầm bút vẫn cứ ơ hờ, vô tình. Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư... làm như không hề có tiếng súng ở biên giới. Lớp nhà thơ, nhà văn trẻ trưởng thành cuối thập niên 60, vốn quen với chiến trận, cũng hờ hững trong việc dùng ngòi bút đánh lại bá quyền Trung quốc. Hung hăn như Chế Lan Viên mà cũng chỉ có một bài thơ đả kích Đặng Tiểu Bình một cách ngập ngọng và ngượng ngùng. Đây là một hiện tượng rất lạ. Nhớ, trước năm 1975, ở miền Bắc, thơ văn đâu có uể oải, chậm chạp như vậy bao giờ. Nó sẽ "phản ánh kịp thời," sẽ "phục vụ kịp thời" từng trận đánh, từng chiến dịch. Giới thiệu tập *Thơ chống Mỹ cứu nước 1964-1967* của nhà xuất bản Văn Học năm 1967, Chế Lan Viên viết, sảng khoái: "*Khi giặc Mỹ mò ra miền Bắc ngày 5-8-1964 thì không những bộ đội dân quân, cao pháo có chiến công đầu -- mà thơ cũng lập công. Những bài thơ chống Mỹ đã có ngay -- không phải một vài năm sau, một vài tháng sau, mà ngay lúc ấy... Tố Hữu khi xảy ra chiến sự chưa bao lâu đã có mặt ngay ở tuyến lửa Quảng Bình, và từ đấy đem về những trang thơ nóng hổi mà lại ngọt ngào sâu lắng... Hầu hết các nhà thơ trước Cách mạng đều ở vị trí thường trực chiến đấu. Người ta thường xuyên gặp Thanh Tịnh trên báo Nhân Dân. Yến Lan được mến vì các bài thơ về chiến thắng Nam hay Bắc. Phạm Huy Thông, sau ba mươi năm im lặng, nay lại cất lời. Chỉ làm thơ không thôi, thấy chưa đủ, Lưu Trọng Lư viết kịch bằng thơ. Xuân Sanh hai chuyến đi hỏa tuyến và thí nghiệm thể thơ nhật ký khi viết về sinh hoạt chiến đấu miền biển. Các chủ đề của Anh Thơ là đều lấy từ cuộc sống chiến đấu và sản xuất ra...*" Sự sôi sục, nhạy bén, kịp thời ấy hoàn toàn không có trong cuộc chiến tranh giữa Việt Nam với Cam Bốt. Nếu cuộc chiến tranh chống Pháp để lại một số bài thơ hay của Hoàng Cầm, Quang Dũng, của Hữu Loan, của Hồng Nguyên, của Nguyễn Đình Thi... nếu cuộc chiến tranh chống miền Nam cũng để lại một số bài thơ hay, của Chế Lan Viên, của Phạm Tiến Duật, của Bằng Việt... thì, ngược lại, hai cuộc chiến tranh sau cùng này hoàn toàn không để lại một tác phẩm nào có âm hưởng trong tâm hồn người đọc, kể cả thơ lẫn văn.

Không những chỉ thờ ơ với lời kêu gọi của Đảng trong việc dùng thơ văn tiếp viện chiến trường, giới cầm bút còn xôn xao phát biểu những ý kiến ít nhiều chống lại quan điểm chính thống của Đảng.Phong trào chống đối này kéo dài từ năm 1978, bị đàn áp vào năm 80, 81 để rồi lại bùng nổ vào năm 87 và bị đàn áp vào cuối năm 88.

Người đi tiên phong là nhà văn Nguyễn Minh Châu. Với bài báo *Viết về chiến tranh* đăng trên tạp chí Văn Nghệ quân đội số tháng 11-1978, Nguyễn Minh Châu vạch trần tính chất ảo tưởng giả dối trong các tác phẩm gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa tại Việt nam. Ý kiến của Nguyễn Minh Châu, bảy tháng sau, sẽ được Hoàng Ngọc Hiến khai triển thêm, đào sâu thêm trong bài *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* đăng trên tuần báo Văn Nghệ số ra ngày 9-6-1979. Đồng ý với Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến cho rằng, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa tại Việt nam "*trong giai đoạn vừa qua mang khá đậm dấu ấn của cái cao cả.*" Hậu quả của sự khuynh loát của "cái cao cả" là, về phương diện mỹ học: cái phải tồn tại lấn át cái đang tồn tại; về phương diện tác phẩm: nội dung lấn át hình thức; về phương diện con người: lý trí lấn át tình cảm; về phương diện phương thức mô tả: lý tính lấn át cảm tính; về phương diện hình tượng: bản chất lấn át hiện tượng... Những sự thiên lệch trên dẫn đến hai hậu quả: thứ nhất là tính chất phi thực trong văn học: nó chỉ phản ánh cái phải có, phải tồn tại thay vì phản ánh cái đang có, đang tồn tại; thứ hai là tính chất "phải đạo" của người sáng tác: họ không viết theo những gì họ thấy, họ nghĩ, họ cảm xúc mà chỉ viết theo những công thức chung chung do cấp trên áp đặt.

Bài viết của Hoàng Ngọc Hiến đã gây xôn xao trong giới văn nghệ sĩ cả nước. Phần lớn ai cũng đồng tình với ông. Điều này khiến giới lãnh đạo cộng sản tức tối, lo lắng, phản công kịch liệt. Họ huy động một lực lượng khá đông, gồm Trần Độ, Hà Xuân Trường, Phan Cự Đệ, Kiều Vân, Tô Hoài, Chế Lan Viên... viết bài phê phán quan điểm của Hoàng Ngọc Hiến. Những bài viết này hầu hết chỉ lặp lại các luận điểm mòn sáo của Đảng chứ không có nền tảng nào vững chắc.

Phong trào chống đối còn lan rộng trong phạm vi sáng tác. Năm 1980, nhân kỷ niệm 600 năm ngày sinh Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Thi viết vở kịch *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*. Kịch bản, một mặt, đưa sang nhà xuất bản Văn Học để in, mặt khác, giao cho đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, con trai trưởng của Thế Lữ, dàn dựng trên sân khấu. Nội dung vở kịch, mượn khung cảnh thời thuộc Minh để, như giới văn nghệ sĩ Việt Nam bình luận, ám chỉ vào những tệ nạn xã hội hiện tại, sự tham quyền cố vị của một số lãnh đạo già nua hiện tại. Tại Hà Nội lúc này xuất hiện câu thơ:

Nguyễn Đình Thi với
Nguyễn Đình Nghi

Mượn lời Nguyễn Trãi nói gì hôm nay?

Phát hiện ra hậu ý của Nguyễn Đình Thi, đích thân Trường Chinh đã ký chỉ thị cấm diễn vở kịch trên. Kịch bản được nhà xuất bản Văn Học giao xuống nhà in, bị thu hồi.

Có lẽ tiên đoán sẽ có cuộc tranh chấp giữa hai phái thân Nga và thân Trung Cộng trong Ban chấp hành Trung ương Đảng và trong cuộc tranh chấp ấy, phe thân Trung cộng, đứng đầu là Trường Chinh, sẽ bị quật ngã, cho nên, Trần Bạch Đằng, dưới bút hiệu Trần Quang, viết bài *Nhân danh và Ám chỉ* đăng trên báo Tin Sáng vào ngày 27-7-1980 để đả kích lại những luận điệu phê phán dẫn đến việc cấm đoán vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*. Theo ý Trần Bạch Đằng, sự suy diễn nội dung vở kịch Nguyễn Trãi ở Đông Quan là hàm hồ. Và giả dụ, Nguyễn Đình Thi có dụng ý phê phán thói tham quyền cố vị, sự thối nát trong xã hội hiện tại thì điều đó cũng hoàn toàn chính đáng.

Nhà chính trị Trần Bạch Đằng, oái oăm thay, chỉ bình luận đúng về văn học mà lại tiên đoán sai về chính trị. Sự mâu thuẫn trong Ban chấp hành Trung ương Đảng đã không nổ ra. Trường Chinh không bị quật đổ. Chỉ có Trần Bạch Đằng, ngay sau khi số báo đăng bài *Nhân danh và Ám chỉ* vừa phát hành, đã mất chức Phó ban Dân vận thuộc Mặt Trận Tổ Quốc. Cho đến nay, mặc dù được Nguyễn Văn Linh, bạn thân của ông, tin cậy và sử dụng như một thứ cố vấn riêng, ông vẫn chưa được chính thức phục hồi chức tước.

Sự hoài nghi và bất mãn của giới văn nghệ sĩ và trí thức miền Nam, sau các khóa học chính trị vào mùa hè năm 1976 và đặc biệt, qua các đợt bắt bớ tàn bạo của cộng sản năm 1976 và các năm sau, đã âm ỉ sôi sục trong lòng từng người, nhưng sự hoài nghi và bất mãn ấy chỉ thực sự bùng nổ trong không khí hoài nghi và bất mãn chung của cả nước vào những năm 1979 và 1980.

Người phát ngôn công khai sự hoài nghi và bất mãn của giới văn nghệ sĩ, trí thức miền Nam là Nguyễn Trọng Văn. Tác giả quyển *Phạm Duy đã chết như thế nào* là người trước năm 75, rất có cảm tình với chủ nghĩa xã hội, cho nên, sau năm 75, được cộng sản lưu dụng tại Tổ nghiên cứu và tư liệu thuộc Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh (Văn Khoa cũ). Năm 1980, nhân kỷ niệm năm năm giải phóng miền Nam và 35 năm cách mạng tháng Tám, Trường Đại học Tổng hợp tổ chức hội nghị khoa học trong từng tổ, từng khoa. Tại Tổ nghiên cứu và tư liệu, Nguyễn Trọng Văn đọc bản tham luận nghiên cứu về tình hình trí thức miền Nam sau năm 75. Theo ông, trong năm năm ấy, tâm trạng của giới trí thức miền Nam diễn biến qua ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất ông gọi là giai đoạn của phạm trù "Là": giới trí thức coi cách mạng là mình, vì thế, lúc cách mạng vào, họ đã hân hoan chào đón. Nhưng chỉ một hai năm sau, phạm trù "Là" ấy biến mất, nhường chỗ cho giai đoạn thứ hai là giai đoạn của phạm trù "Bạn": giới trí thức dần dần nhận ra những khoảng cách giữa mình với cách mạng. Cả hai chỉ gặp nhau ở lý tưởng chung nhưng càng ngày càng xa nhau trong những quan điểm cụ thể. Những sai lầm trong chính sách xây dựng kinh tế, trong quy chế sử dụng người, trong phương thức quản lý xã hội của Đảng đã làm cho phạm trù "Bạn" biến thành phạm trù "Thù nghịch." Phạm trù "Thù nghịch" là đặc điểm của giai đoạn thứ ba, theo Nguyễn Trọng Văn, bắt đầu từ năm 1978 với hiện tượng giới trí thức miền Nam không những chỉ giữ khoảng cách vừa phải với cách mạng mà còn có ý hướng chống đối lại cách mạng. Cách chống đối tiêu cực và phổ biến nhất là vượt biển, bỏ nước ra đi.

Trong bài tham luận của mình, Nguyễn Trọng Văn kể, những người trí thức miền Nam còn ở lại đất nước tự xưng mình là "những tín đồ của chủ nghĩa 3 N." Chủ nghĩa 3 N là gì? Nguyễn Trọng Văn giải thích: đó là Ngu, Nghèo và Nhát.

Bài tham luận của Nguyễn Trọng Văn dù chỉ được đọc trong nội bộ Tổ nghiên cứu và tư liệu với biên chế chưa tới 20 người, đã gây sôi động trong cả Trường đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, sau đó, lọt đến tai Thành Ủy. Hai tuần sau, đích thân Trần Trọng Tân, trưởng ban tuyên huấn thành ủy thành phố Hồ Chí Minh xuống chủ trì một cuộc hội nghị mở rộng với sự tham dự của các cán bộ giảng dạy tại trường đại học Tổng hợp nhằm đả phá quan điểm của Nguyễn Trọng Văn mà họ cho là "xuyên tạc," "có dụng ý xấu." Hết người này đến người khác lên phê phán Nguyễn Trọng Văn.

Nguyễn Trọng Văn tự biện hộ bài tham luận của mình chỉ là một công trình xã hội học, do đó, thứ nhất, ông phải tôn trọng sự thật, cho dù đó là những sự thật tiêu cực trong xã hội; thứ hai, việc phản ảnh những sự thật tiêu cực ấy chỉ có tác dụng tốt: nó làm cho chính quyền cách mạng có cơ sở để điều chỉnh các chủ trương, các chính sách của mình.

Nguyễn Trọng Văn bị cảnh cáo nghiêm khắc. Từ đó về sau, mãi đến nay, ông lẩn vào trong đám đông, hoàn toàn im lặng. (2)

Phong trào chống đối của Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến... tuy bị dập tắt nhưng ảnh hưởng nó còn lại rất đậm đà trong sinh hoạt văn học nghệ thuật cộng sản. Trong bài *Nghĩ về cái mới trong tiểu thuyết của ta hiện nay* đăng

trên báo Nhân Dân ra số ra ngày 25-5-1988, Nguyễn Văn Bổng đánh giá khá chính xác khi cho những suy tư, những trăn trở, những bất mãn của giới văn nghệ sĩ vào cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80 đã thúc đẩy sự ra đời của chính sách cởi trói văn nghệ vào năm 87 và 88.

Trước khi nghị quyết số 05 của Bộ Chính Trị ra đời, những suy tư, những trăn trở, những bất mãn của Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyên Ngọc, Dương Thu Hương đã khiến cho giới cầm bút cộng sản đâm ra thấm thía hơn những ràng buộc nghiệt ngã chung quanh ngòi bút của mình, khiến họ bỗng có cái khát vọng vượt ra ngoài khuôn sáo, đi tìm sự mới mẻ. Chính cái khát vọng ấy làm cho văn học trong giai đoạn này có một diện mạo ít nhiều khác các giai đoạn trước. Khác, chủ yếu ở ba khía cạnh: hình tượng, âm hưởng và chủ đề.

Hầu hết các nhân vật trung tâm của tiểu thuyết và thơ trước 75 đều là những nhân vật lý tưởng. Sứ, Út Tịch, Cao Bá Tuyết, Nguyễn Văn Trỗi, Tnú, Trần Thị Lý... trong các tác phẩm của Anh Đức, Nguyễn Thi, Bùi Hiển, Trần Đình Vân, Nguyên Ngọc, Tố Hữu... đều là những con người phi thường, chỉ biết chiến thắng chứ không bao giờ thất bại, ngay cả khi họ bị giết chết thì cái chết của họ cũng được mô tả như là một chiến thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, làm sôi sục hơn nữa phong trào tranh đấu của cách mạng. Tính cách của họ thuần nhất, đơn giản, như một con đường thẳng, không bao giờ có những hoài nghi, những phân vân, những dằn vặt. Lý tưởng của họ chỉ được lựa chọn một lần. Dường như họ không có cuộc đời riêng với những thao thức riêng. Cuộc đời của họ gắn liền với những diễn tiến của cách mạng.

Thơ văn sau 75 thì khác. Trong *Lửa từ những ngôi nhà* của Nguyễn Minh Châu, *Mở rừng* của Lê Lựu, *Năm 1975 họ đã sống như thế* của Nguyễn Trí Huân, Họ cùng thời với những ai của Thái Bá Lợi, *Đất Trắng* của Nguyễn Trọng Oánh, *Đất Miền Đông* của Nam Hà, *Nắng đồng bằng* của Ch. Lai... cũng như trong thơ của Nguyễn Duy, của Thanh Thảo, của Xuân Quỳnh... nhân vật lý tưởng bị vắng bóng. Thay vào đó là những nhân vật tích cực. Nhân vật tích cực là những người đang ở trong quá trình tranh đấu để tự hoàn thiện mình, tự nâng cao mình. Họ luôn luôn đứng trước những nguy cơ bị sa ngã và có lúc thực sự bị sa ngã.

Thay nhân vật lý tưởng bằng nhân vật tích cực, âm hưởng của nền văn học giai đoạn sau 75 cũng khác trước. Trước, âm hưởng chủ đạo là hùng tráng, ca ngợi một chiều. Sau, âm hưởng hùng tráng, ca ngợi một chiều vẫn còn tồn tại, tuy nhiên, bên cạnh đó, xuất hiện một âm hưởng phụ mang đầy tính chất bi kịch. Các nhà văn, các nhà thơ bắt đầu đề cập đến những mất mát và những hy sinh, những hèn nhát và những sự phản bội; trong ý chí quyết đánh thắng kẻ thù, đã có những thương tâm, những day dứt; trong sự anh dũng của con người, có những khoảnh khắc ngả lòng, yếu đuối. Chiến trường không phải chỉ có cờ bay phấp phới. Chiến trường còn có máu. Và máu không phải chỉ chảy phía bên kia, phía của kẻ thù.

Cùng với sự thay đổi của hình tượng nhân vật, của âm hưởng tác phẩm là sự thay đổi trong chủ đề: trong văn học Cộng sản trước 75, chiến thắng là điều tất nhiên, tự nhiên; trong văn học cộng sản sau 75, chiến thắng được đánh đổi bằng xương máu của bao nhiêu người, của bao nhiêu thế hệ. Trong nỗi vinh quang của chiến thắng, người ta nhớ lại hằng hà những đau khổ đã trải qua.

Ba sự thay đổi trên còn thể hiện cả trong những tác phẩm, thơ cũng như văn, viết về đề tài hiện tại, đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong *Hạt mùa sau* của Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Đứng trước biển* và *Cù lao Tràm*, của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Giấy trắng* của Triệu Xuân, *Nhìn dưới ánh mặt trời* của Nguyễn Kiên, *Chân dung một quản đốc* của Nguyễn Hiểu Trường, *Bí thư cấp huyện* của Đào Vũ... người ta bắt gặp cơ man những nhân vật mới ngày hôm qua là những anh hùng trong chiến tranh, ngày hôm nay đã là một cán bộ bất tài, tham ô, vô đạo đức trong hòa bình.

Những sự thay đổi trên, dù sao, cũng chỉ nửa vời. Người ta vẫn cố tình né tránh những sự thật bi thảm trong chiến tranh cũng như trong nỗ lực phục hồi kinh tế. Chưa có ai nhận thức tính chất bi kịch của chiến tranh từ góc độ lịch sử, trong cái nghĩa, chiến tranh, tự nó, đã là một bi kịch, là một hiện tượng rất bình thường, là cái không nên xảy ra. Chưa có ai nhận thức tính chất bế tắc của chủ nghĩa xã hội trong việc xây dựng đất nước thời hậu chiến dẫn tới tình trạng càng ngày kinh tế càng suy sụp và kiệt quệ, dân chúng càng ngày càng khốn cùng, đau khổ.

Trước năm 1986, thơ văn cộng sản, tuy chuyển động ít nhiều, vẫn nằm trong một khuôn khổ vật chất của giáo điều, của công thức: mọi mâu thuẫn trong cuộc đời đều được nhà văn giải quyết êm thắm qua sự sáng suốt của Đảng!

Tính chất công thức và giáo điều ấy làm cho văn học giai đoạn 75-85 như một con suối cạn nước. Nhiều nhà văn, nhà thơ sung sức trước 75 bỗng hụt hẫng. Tài năng mới xuất hiện một cách họa hoằn. Chỉ có vài tên tuổi mới về văn xuôi: Nguyễn Mạnh Tuấn, Dương Thu Hương, Khuất Quang Thụy, Vũ Huy Anh... Chưa có

người nào có tầm vóc thực sự vạm vỡ. Nguyễn Mạnh Tuấn là nhà văn ăn khách nhưng là một người có thiên hướng về báo chí hơn về văn học. Tài năng cũng như nhân cách của Dương Thu Hương chỉ định hình sắc sảo từ năm 1987 với quyển tiểu thuyết *Bên kia bờ ảo vọng*. Về thơ, những tên tuổi mới càng hiếm hoi, nếu không nói là tuyệt đối không có ai nổi lên như một tài năng có thể gây xôn xao dư luận như sự xuất hiện của Phạm Tiến Duật, của Bằng Việt, của Lý Phương Liên... trước năm 75.

Trong bản báo cáo đọc tại Đại hội lần thứ ba của Hội nhà văn, sau đó, được đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 28-9-1983, Anh Đức ghi nhận tình trạng, sau 75, nhiều người cầm bút một đời gắn bó với cộng sản, bỗng đâm ra "*bối rối, thiếu lòng tin vào chính mình và đồng đội, phủ nhận sự từng trải cách mạng những năm qua, ảnh hưởng tới tính kiên định về lý tưởng, tới cách nghĩ và cách nhìn.*" Có phải chính vì tình trạng bối rối, mất niềm tin ấy mà văn học bị bế tắc?

Tiếc. Trong lịch sử văn học cộng sản tại Việt Nam, chưa có thời kỳ nào họ có nhiều thuận lợi để phát triển như thời kỳ sau 75. Đất nước thống nhất. Chiến tranh chấm dứt. Mọi người cầm bút đều phấn khởi, hăm hở, ôm ấp bao nhiêu mơ ước đẹp. Thế nhưng, cũng y như trong lãnh vực kinh tế, cộng sản đã không phát huy được những thuận lợi ấy. Sự độc đoán thô bạo, đầu óc khô cỗi trong giáo điều, trong công thức của họ đã bóp chết mọi nhiệt hứng và cùng với nó, mọi tài năng.

Phải đợi đến năm 1986, đặc biệt, đầu năm 1987, trong xu thế dân chủ hóa chung đang sôi nổi trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới, đảng cộng sản Việt Nam mới tuyên bố "đổi mới" chính sách, trong đó có chủ trương "cởi trói" cho văn học nghệ thuật.

Oái oăm thay, giới cầm bút đã khởi sự "đổi mới" văn học nghệ thuật bằng những lời... nguyền rủa. Bao nhiêu uất ức, bao nhiêu tức tối dồn nén mấy chục năm, nay được tự do, nổ bùng ra thành những lời phê phán cực kỳ gay gắt, cực kỳ dữ dội. Nhà văn Mai Ngữ, trong bài *Về một thời kỳ đã qua* đăng trên tạp chí Văn Nghệ quân đội số tháng 7-1988 gọi văn học cộng sản là "*nền văn học của thông tấn, của tuyên truyền.*" Nhà văn Nguyễn Minh Châu, trong bài *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* đăng trên báo Văn Nghệ số 49-50 ra ngày 5-12-1987, coi văn học cộng sản chỉ là một nền văn học minh họa, một nền văn học của sự hèn nhát và sự hèn hạ. Nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân trên tạp chí Sông Hương số 31 năm 1988 nhận định văn học cộng sản "*na ná tao đàn của văn nghệ quan phương*" thời trước. Nhà văn Dương Thu Hương, trong bài *Đôi điều suy nghĩ về nhân cách của người trí thức* gửi đăng trên báo Đất nước số 54, gọi bọn văn nghệ sĩ, phê bình gia trung kiên với cộng sản là "*những tên lính đánh thuê,*" "*những kẻ ngụy trá văn nghệ sĩ và trí thức, thực chất là lớp công chức thuộc địa.*" Nhà lý luận văn học Lê Ngọc Trà trong bài *Vấn đề con người trong văn học* đăng trên Saigon giải phóng ngày 2-7-1989 nhận xét văn học cộng sản chỉ quan tâm đến cái chung mà vắng bặt bóng dáng của con người. Nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh, trước mặt Nguyễn Văn Linh, trong cuộc họp tại Hà Nội ngày 6 và 7 tháng 10 năm 1987, sau đó được tường thuật trên báo Văn Nghệ số ra ngày 17-10-1987, nói thẳng: nền văn học cộng sản là một nền văn học ở đó "*lãnh đạo khinh bỉ sâu sắc văn nghệ sĩ, ở đó, "con người bị coi thường, bị khinh bỉ... tự nhiên thấy mình như cũng hèn kém, nhỏ lại...*"

Còn bao nhiêu lời phê phán nữa mà ở hải ngoại, do tình trạng thiếu thốn tài liệu, chúng ta không thể tập trung đầy đủ. Chỉ biết, theo Mai Quốc Liên, trong bài *Đôi điều bàn lại* đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 9 và ngày 11-9-1989, nhiều người đã công khai tuyên bố văn học cộng sản suốt mấy chục năm qua là "tiểu ngữ," "xú ngữ," là "văn học cung đình," "văn học xi-rô," "văn học hướng thượng," "văn học tụng ca..." Mai Quốc Liên không cho biết tên của người phát biểu.

Song song với việc phê phán bằng lý luận là việc sáng tác bằng cảm hứng phê phán. Nếu trước đây, nhiệm vụ của người cầm bút, qua tác phẩm của mình, chủ yếu là ca ngợi, là khẳng định vai trò lãnh đạo "tất yếu" của Đảng, sự chiến thắng "tất yếu" của cách mạng, thì từ năm 1986, nổi bật lên trong thơ cũng như trong văn, nguồn cảm hứng mới: phê phán những tệ nạn trong xã hội chủ nghĩa.

Phóng sự, một thể tài văn học bị khai tử dưới chế độ cộng sản suốt mấy chục năm nay, được tái sinh với những tác phẩm hừng hực lửa của Trần Huy Quang *(Lời khai của bị can,* Văn Nghệ số 37, ngày 12-9-87), của Phùng Gia Lộc *(Cái đêm hôm ấy... đêm gì,* Văn Nghệ số 4-5-6 tháng 8-1989), của Hoàng Hữu Các *(Tiếng đất,* Văn Nghệ ngày 11-6-1988), của Hà Văn Thùy *(Sự nghiệt ngã của nghề nghiệp,* Văn Nghệ số 35-36 ngày 20-8-1988, đăng lại trên Quê Mẹ số 94-95 tháng 9-10-1988), của Mai Ngữ *(Chuyện như đùa,* Văn Nghệ số 47-48 ngày 21-11-1987)...

Vất hết những hào quang giả tạo, các nhà văn xoáy ngòi bút vào những mặt trái xấu xa ghê tởm của chủ nghĩa xã hội: đó là một chế độ tàn bạo, chà đạp lên nông dân *(Tiếng đất, Cái đêm hôm ấy... đêm gì),* chà đạp lên công nhân *(Lời khai của bị can),* chà đạp lên giới trí thức, văn nghệ sĩ *(Sự nghiệt ngã của*

nghề nghiệp), những thành phần được coi là nền tảng để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một số người khác, như Dương Thu Hương trong quyển tiểu thuyết vừa *Những thiên đường mù* và Ninh Đức Định trong bút ký *Ôi, cam sao mà đắng!* đăng trên báo Văn Nghệ số 7 ngày 18-2-1989 quay trở lại quá khứ, vạch trần tội ác man rợ của cộng sản trong phong trào cải cách ruộng đất những năm giữa thập niên 50 ở miền Bắc.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới ngòi bút của họ, trở thành lịch sử của một tội ác.

Dù sao, những tác phẩm trên, dù dũng cảm và dù gây được những chấn động dữ dội trong lương tâm mọi người, chúng chỉ có ý nghĩa nhiều về phương diện báo chí và phương diện xã hội chứ chưa phải là những thành tựu lớn về phương diện văn học. Thành tựu lớn về văn học dưới chế độ Cộng sản được thể hiện chủ yếu qua các tác phẩm của Lê Lựu, của Dương Thu Hương, của Phạm Thị Hoài, của Nguyễn Huy Thiệp, trong đó, xuất sắc nhất là Nguyễn Huy Thiệp.

Trên báo Văn Nghệ tại Hà Nội những năm 1985, 1986, người ta đã bắt gặp cái tên Nguyễn Huy Thiệp ký dưới vài truyện ngắn. Tuy nhiên, những truyện ngắn ấy, chỉ bình thường. Câu chữ sạch sẽ, tư tưởng đúng lập trường. Chỉ từ truyện ngắn *Tướng về hưu* đăng trên Văn Nghệ số 24-25-26 ra ngày 20-6-1987, Nguyễn Huy Thiệp mới định hình một phong cách văn học độc đáo, làm sửng sốt người đọc, được công nhận là một tài năng nguy nga. Ngay cả những người đứng trên quan điểm bảo thủ để công kích ông cũng phải công nhận ông là một ngòi bút sắc sảo.

Nguyễn Huy Thiệp chỉ mới có một tác phẩm: *Tướng về hưu,* một tập truyện ngắn, do nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 1988, sau, nhà xuất bản Văn Hóa in lại, bổ sung một vài truyện ngắn mới dưới tên là *Những ngọn gió Huatát* vào năm 1989. Ngoài ra, tạp chí Sông Hương và nhà xuất bản Trẻ liên kết với nhau để xuất bản tập *Nguyễn Huy Thiệp, tác phẩm và dư luận* vài giữa năm 1989, trong đó, có sáu truyện ngắn mới nhất của Nguyễn Huy Thiệp và một số bài viết phê bình về Nguyễn Huy Thiệp. Tổng cộng, đến nay (tháng 10-1989), Nguyễn Huy Thiệp mới in được khoảng 15 truyện ngắn.

Phần lớn truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đều tập trung vào một chủ đề: phê phán sự tha hóa của con người dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Với một giọng văn trần trụi, lạnh lùng, cố ý tước bỏ hết những son phấn kiểu cách, Nguyễn Huy Thiệp tàn nhẫn phanh phui tất cả những sự đốn mạt, nhố nhăng, đê tiện của con người. Quan hệ đạo lý, quan hệ tình nghĩa hoàn toàn bị sụp đổ. Chỉ có tiền là trên hết. Vì tiền, vì lợi, Hạnh, trong truyện *Huyền thoại phố phường,* "*xắn tay áo rồi đưa tay mò dọc theo cái cống rãnh đầy bùn, lõng bõng nước bẩn, thậm chí còn cả cục phân người*" để tìm một chiếc nhẫn đánh rơi của bà Thiều; ông Bỗng, trong truyện *Tướng về hưu,* khi lo đám tang cho chị, tính toán: *Mất mẹ bộ xa lông. Ai lại đi đóng quan tài bằng gỗ đổi bao giờ! Bao giờ bốc mộ, cho chú bộ ván.*"

Cuộc đối thoại của anh em Đoài và Khảm trong truyện *Không có vua* nghe như một sự mặc cả ngoài chợ, ngoài quán:

"*Khảm bảo: Hai anh em mình mang tiếng có học mà Tết nhất đến một bộ quần áo hẳn hoi không có. Đoài bảo: Chỉ có con đường lấy vợ giàu thôi. Tối nay mày đưa tao đến con ông Ánh sáng ban ngày đấy nhé. Khảm bảo: Được thôi. Nếu anh tán được, thưởng em cái gì? Đoài bảo: Thưởng cái đồng hồ. Khảm bảo: Được rồi. Anh cho em mấy chữ làm bằng. Đoài hỏi: Mày không tin tao à? Khảm bảo: Không. Đoài ghi vào giấy: Ngủ được với Mỹ Trinh, thưởng một đồng hồ trị giá ba nghìn đồng. Lấy Mỹ Trinh thưởng năm phần trăm của hồi môn. Ngày... tháng... năm... Nguyễn Sĩ Đoài. Khảm cất tờ giấy vào túi rồi nói: Cám ơn.*"

Không có tình anh em. Không có tình yêu. Không có tình vợ chồng. Chỉ có những toan tính nhỏ nhen bần tiện về tiền bạc. Thảm vô cùng. Trong truyện của Nguyễn Huy Thiệp dường như chỉ lúc nhúc những con vật cò kè mưu lợi với nhau. Mai Ngữ, trong bài *Cái tâm và cái tài của người viết* đăng trên báo Quân Đội Nhân Dân số ra ngày 27-8-1988 nhận xét: "*Những trang viết của Nguyễn Huy Thiệp đã phản ánh một thực trạng của xã hội hiện nay, một xã hội mất ổn định, mất cân đối, một xã hội đang bị tha hóa về tinh thần và đạo đức, bị lộn nhào, mọi quan hệ về nhân sinh, về nhân phẩm con người. Cặn bã nằm dưới đáy dềnh lên khống chế lấn át cả bề nổi của cuộc đời, làm cho bể nước bị tràn ra ngoài, ô nhiễm tất cả!*"

Ba truyện ngắn làm ồn ào dư luận nhất của Nguyễn Huy Thiệp là truyện *Vàng lửa,* truyện *Kiếm sắc* và truyện *Phẩm tiết.* Ba truyện đều đụng chạm đến ba nhân vật lớn nhất trong lịch sử Việt Nam: Quang Trung, Nguyễn Du và Gia Long.

Quang Trung, trong truyện Phẩm tiết, chỉ là một kẻ yếu đuối về tình cảm "*nhà vua thấy Vinh Hoa, thốt nhiên rừng mình, hoa mắt, đánh rơi cốc rượu quý cầm tay,*" hơn nữa, còn là một người cục cằn: *Thằng Khải kia (...) Ta cho mày ăn cứt,* xem mày có chê lợm không. Nói rồi nhà vua cầm *phất trần quất* ngang miệng Khải, quát tả hữu nọc ra đánh nhét cứt vào *mồm, lột trường, đuổi* Khải về nhà."

Nguyễn Du, trong truyện *Vàng Lửa*, chỉ là người *mặt nhàu nát vì đau khổ... Ông hơn người khác ở nhân cách nhưng nhân cách ấy có giá trị gì khi cuộc đời thực ông sống xúi xó, túng kiết?, lòng tốt của ông là thứ lòng tốt nhỏ, không cứu được ai...*"

Ngược hẳn với quan điểm chính thống của Cộng sản, Nguyễn Huy Thiệp, trong truyện *Vàng Lửa*, qua lời nhân vật Phăng, khen ngợi vua Gia Long là một "*khối nguyên liệu vô giá, ông làm cho lịch sử sinh động hẳn lên. Đấy là lòng tốt lớn của nhà chính trị. Lòng tốt lớn của nhà chính trị không chỉ là làm việc thiện với một bộ phận đơn lẻ mà còn là sức đẩy của ông ta với khối cộng đồng... Không có một sức đẩy mạnh, cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mủn nát.*"

Dĩ nhiên, chủ tâm của Nguyễn Huy Thiệp không cốt hạ bệ Nguyễn Du và Quang Trung để thần thánh hóa Gia Long. Chủ tâm của ông có lẽ nhắm tới hai điều: thứ nhất là phá đổ tất cả mọi thần tượng. Quang Trung là một thần tượng. Nguyễn Du là một thần tượng. Mọi thần tượng đều giả dối. Lời của Gia Long: "*Vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục*" (Vàng Lửa). Thứ hai là chủ xúy cho một quan điểm đạo đức mới: đề cao những hành động chính trị có hiệu quả lớn đối với dân tộc. Trong *Vàng Lửa*, nhân vật Phăng phát biểu: "*Những hoạt động kinh tế cù lần chỉ đủ sức cho một dân tộc sống khắc khoải. Vấn đề ở chỗ phải đứng lên vươn mình thành một cường quốc. Làm điều đó, phải có gan chịu đựng sự va xiết trong quan hệ với cộng đồng nhân loại. Thói hủ nho và thủ dâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng, lành mạnh. Sẽ đến lúc nền chính trị thế giới giống như món nộm suồng sã, khái niệm thanh khiết ở đấy vô nghĩa.*"

Những người công kích Nguyễn Huy Thiệp tại Việt Nam chỉ tập trung vào luận điểm cho là Nguyễn Huy Thiệp xúc phạm đến những bậc anh hùng dân tộc. Những người bênh vực Nguyễn Huy Thiệp vin cớ là văn khác với sử: viết sử thì phải trung thực, phải chính xác; viết văn thì có thể bịa đặt, có thể hư cấu.

Cả những người chê lẫn người khen đều né tránh một điều: khi chủ trương phá đổ tất cả mọi thần tượng, dĩ nhiên Nguyễn Huy Thiệp không hề có ý chừa lại Hồ Chí Minh, cái kẻ, từ mấy chục năm nay, cộng sản ra sức chạm trổ thành một thần tượng.

So với quan niệm về nền "đạo đức lớn" của Nguyễn Huy Thiệp thì những mớ son phấn người ta trét lên hình ảnh Hồ Chí Minh như cần, kiệm, yêu dân, yêu bộ đội, giữa khuya thức dậy đi dém chăn cho du kích, mỗi bữa ăn dành lại nửa lon gạo cho đồng bào... chỉ là những sự lố bịch. Đó chỉ là những biểu hiện của "*thói hủ nho và thủ dâm chính trị.*"

Một Nguyễn Huy Thiệp trong lãnh vực thơ ca: Nguyễn Duy. Nguyễn Duy làm thơ khá sớm, từ trước năm 75, từng đoạt giải thưởng về thơ của báo Văn Nghệ tại Hà Nội vào năm 1973, tuy nhiên, chỉ sau năm 75, thơ ông mới thực sự khởi sắc và sau năm 80, mới thực sự hừng hực, dữ dội. Nhiều bài thơ của ông, như lời tiết lộ của Nguyễn Quang Sáng trong lời bạt tập *Mẹ và em* (1987), bị cấm phổ biến. Bài *Nhìn từ xa... Tổ quốc* đăng trên tạp chí Sông Hương số 37 ra tháng 4-5-1988 là tột đỉnh của sự bất mãn và phản kháng của Nguyễn Duy. Mai Quốc Liên, trên báo Nhân Dân ngày 1-9-1989 kết tội Nguyễn Duy, qua bài thơ này, "*thóa mạ Tổ quốc không tiếc lời, chửi bới hung hãn đến nỗi nói về chiến đấu chống Mỹ bằng những lời mỉa mai cay độc.*"

Thật ra, Nguyễn Duy không hề "thóa mạ Tổ quốc." Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những anh hùng, những lãnh tụ được Đảng đánh bóng, đặt lên bàn thờ:

Thần tượng giả xèo xèo phi hành mỡ
ợ lên thum thủm cả tim gan.

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những lời lẽ tự hào huênh hoang về tính chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội:

Thời hậu chiến ta vẫn người trong cuộc
xứ sở phì nhiêu sao thật lắm ăn mày?

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những mưu toan ngụy biện đòi đổi mới cơ chế, đòi đổi mới tư duy để né tránh một sự đổi mới cần thiết và bức bách nhất: đổi mới chế độ:

Chả lẽ bốc thang cỏ khô nhai lại
lạy ông-cơ-chế, lạy bà-tư-duy
xin đừng hót những lời chim chóc mãi

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ cái nền văn học "minh họa" của bọn "công chức thuộc địa" đầy dẫy ở Việt nam, dưới chế độ Cộng sản, nói theo chữ của Dương Thu Hương:

Ngày càng hiếm hoi câu thơ tuẫn tiết
ta là gì?
ta cần thiết cho ai?

Thóa mạ. Và hoài nghi. Hai câu thơ này của Nguyễn Duy như một lời tiên tri:

Đổi mới thật không hay giả vờ đổi mới?
máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?

Đảng Cộng sản đã trả lời câu hỏi của Nguyễn Duy, bằng cách cuối năm 1988, cách chức tổng biên tập báo Văn Nghệ của Nguyên Ngọc, cách chức tổng biên tập báo lao động của Xuân Cang, đóng cửa hai tờ báo Tổ Quốc và Độc Lập, bằng cách giải tán Ban Văn hóa Văn nghệ trung ương khi Trần Độ, trưởng ban Văn hóa Văn nghệ trung ương có vẻ ủng hộ những người đòi đổi mới, bằng cách chỉ cho đăng tải trên báo Nhân Dân, báo Quân đội nhân dân,

Tạp chí Cộng sản, từ đầu năm 89 đến nay, những bài viết phê phán, kết tội những người đòi đổi mới văn học, bằng cách, mới đây nhất, đóng cửa tạp chí Sông Hương và cách chức Vũ Kim Hạnh, tổng biên tập báo Tuổi Trẻ.

Cánh cửa đổi mới vừa mới he hé trong hai năm 87 và 88 đã bị đóng sầm lại.

Lổn nhổn trên báo chí, sách vở cộng sản hiện nay lại là những khẩu hiệu cũ mèn, bạc thếch ca ngợi đảng, ngợi ca lãnh tụ.

Hậu quả: nền văn học cộng sản vừa mới có chút không khí trong lành nở bừng ra một số hương sắc đã vội bị khép kín lại chỉ vừa đủ cho cỏ dại và nấm độc phát triển.

Một hậu quả khác nghiêm trọng hơn, đối với cộng sản: dân chúng từ khước thưởng thức tiếp những thứ văn chương minh họa mà đảng cố hà hơi cho tái sinh. Trong bài *Mấy nét về văn học hiện nay* đăng trên Tạp chí Cộng sản số 4-1989, Tô Hoài kể, quyển *Những gương mặt* của ông mới đây chỉ được in có 4000 quyển kèm theo lời phân trần của Vũ Tú Nam, giám đốc nhà xuất bản Tác phẩm mới: "*Liều in 4000, chứ phát hành chỉ lấy có một nghìn,*" nhà văn Nguyễn Văn Bổng bồi thêm: "*Ông là cây đa cây đề người ta nể mà in, chứ ma nào mua sách này bây giờ.*" Rồi nhà thơ Vũ Cao, giám đốc nhà xuất bản Hà Nội lại tiếp lời: "*Nhiều sách nghiên cứu về đề tài Hà Nội rất công phu mà ế chất đầy kho, đầy nhà phải bán cho nhà máy giấy nghiền ra để chế biến lại*" (tr. 36).

Từ khước mua sách báo minh họa cho chính sách, dân chúng đổ xô nhau tìm đọc sách cổ của Tàu, truyện của Hồ Biểu Chánh được một số nhà xuất bản địa phương in lại với số ấn bản có khi lên đến hàng mấy chục ngàn cuốn.

Và văn học miền Nam cũng được chia phần may mắn: sống trong không khí ngột ngạt của chế độ, sách báo chỉ rặt giọng tuyên truyền nhảm nhí, dân chúng lại tìm đọc những tác phẩm cũ, ngày xưa, trước năm 75, một thời vang bóng. Bao nhiêu chiến dịch truy quét, khủng bố của cộng sản đều vô hiệu. Đến năm 1987, theo Hà Kiều, trên báo Saigòn Giải phóng ngày 15-2-1987, sách của Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Duyên Anh, Nhã Ca... vẫn được bày bán ê hề trên các đường phố Saigon. Hà Kiều ghi nhận: "*Cứ mỗi độ chiều về, ở những điểm này, người bán kẻ mua tấp nập.*"

Năm 1989, một số nơi còn cả gan in lại sách của Bình Nguyên Lộc, sách của bà Tùng Long. Tất cả đều bán rất chạy. Báo Sàigòn Giải Phóng trong số ra ngày 24-5-1989 lên tiếng phê phán gắt gao, tuy nhiên, người đọc vẫn hăm hở tìm mua.

Cho nên, có thể nói,tại Việt Nam, từ năm 1975 đến nay, có đến ba nền văn học: một nền văn học công khai của cộng sản, một nền văn học bí mật của những người chống đối lại cộng sản và một nền văn học cũ, trước năm 75, không còn sinh sôi nẩy nở nữa nhưng cứ tiếp tục được lưu hành trong dân chúng, nói như Đinh Trần Phương Nam trên báo Đại Đoàn Kết số ra ngày 10-11-1982, là "*nó vẫn được chuyền tay nhau đọc công khai ở các sạp bán hàng chợ trời, ở các lề đường, trên tay cô bán hàng, nằm lẫn trong sách của các em học sinh, nằm trong mùng mền của nhiều cô bác chưa muốn thực sự đoạn tuyệt với lối sống cũ, với hệ tư tưởng và tình cảm cũ.*"

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Chú thích:

1) Theo Hồ Trường An trong bài "Giới cầm bút của phe bại trận" đăng trên Quê Mẹ, Paris, số 31-32-33 ra tháng Tư, Năm 1979.

2) Những chi tiết này người viết ghi nhận được lúc còn ở Việt Nam (1975-1985).

3) Từ năm 1987 lác đác một số người đã sáng tác lại và được xuất bản dưới chế độ cộng sản: Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, Trương Bá Cần, Nguyễn Văn Trung. Võ Hồng cũng có một số tác phẩm được in, nhưng toàn là những tác phẩm được viết trước 1975: "Trong vùng rêu im lặng," "Thiên đường ở trên cao," "Hoa bươm bướm..."

Người của thế kỷ 21 sống ra sao?

10 DỰ BÁO CHO ĐỜI SỐNG

Hội Tương Lai Thế Giới vẽ ra những thay đổi ở nhà, ngoài đường và trong sở

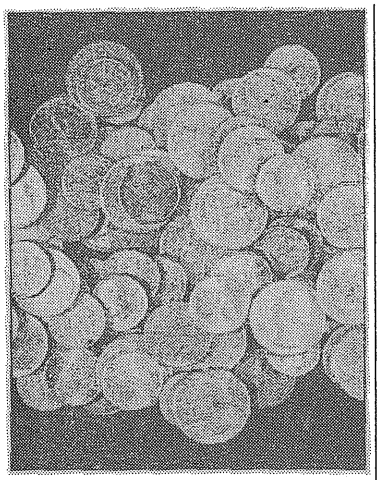

Tiền sẽ trở thành bất hợp pháp

Người ta có thể dự báo thời tiết cho ngày mai, tuần tới hoặc mùa sau. Người ta đã từng "bói" xem tương lai, hậu vận một đời người. Bây giờ, người ta có thể dự báo đời sống của nhân loại trong nhiều thập niên sắp tới.

Thực ra, đã có nhiều nhà "tương lai học" viết nhiều bộ sách dự đoán những khuynh hướng phát triển -- nhất là về kinh tế -- của thế kỷ 21.

Mới đây, tờ bán nguyệt san "Người Tương Lai" *(The Futurist)* đưa ra 10 dự báo cho đời sống (của xã hội kỹ nghệ và hậu kỹ nghệ) trong thập niên

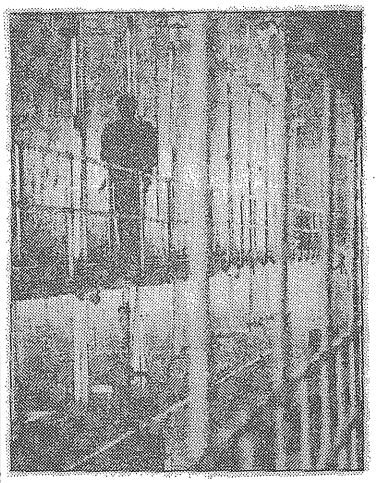

Nhà tù không còn cần thiết nữa

90 của thế kỷ 20, và kéo dài tới thập niên 50 của thế kỷ 21.

Sau đây là tóm lược 10 dự báo đó:

1. **Tiền mặt** sẽ biến mất, thậm chí còn có thể bị coi là bất hợp pháp, trong các dịch vụ giao thương. Vào năm 2050, sẽ chỉ còn lẻ tẻ một ít tiền giấy với những đơn vị nhỏ hơn $10 mà thôi. Giới hạn dùng tiền mặt, nhất là tiền giấy, có thể giúp ngăn ngừa tội ác một cách hữu hiệu. Bọn móc túi, cướp giật, tống tiền, "trấn lột" sẽ hết... đối tượng. Có thể "thẻ tín dụng" cũng không được xài nữa, thay vào đó là một... máy điện toán bỏ túi có *modem?*

2. Sẽ xuất hiện loại "**kiều dân điện tử**" **(electronic immigrants).** Từ 1982, Alvin Toffler đã viết trong "The Third Wave" về một "mái lều điện tử" ở ngoại ô thay thế cho một văn phòng ở *downtown* -- với mạng lưới máy điện toán: cứ ngồi ở nhà ("túp lều," nếu thích!) bấm máy điện toán, có *modem* chuyển bài vở, bản chiết tính, đồ án, chương trình, v.v., tới "sở." Cuối thập niên này, hình ảnh "túp lều điện tử" đã phổ biến ở nhiều nơi. Như báo *Người Việt* đã dùng điện toán và *modem* để chuyển cả một ấn bản tờ báo từ Nam Cali lên Bắc Cali để hai nơi ra báo cùng ngày với bài vở và tin tức giống nhau. Chuyện này báo Mỹ đã làm từ lâu, phẩm chất tuyệt hảo và quy mô toàn cầu rồi.

Loại "kiều dân điện tử" sẽ ra đời, ở nước này mà làm việc cho nước kia (hoặc cho nhiều nước cùng một lúc), mà chẳng có công an nào hỏi giấy "hộ chiếu," chẳng có ông INS (sở di trú và nhập tịch) nào xét... thẻ xanh, và chẳng có ông sở thuế nào thu được đồng xu thuế lương bổng của các "kiều dân" này.

3. **Người máy** (robot) có trí thông minh như con người sẽ trở thành phổ biến trong 50 năm tới. Những người máy thông minh nhân tạo, một mai, có thể đạt tới trình độ thông minh cao hơn con người nữa!

4. **Câu thúc thân thể** (bắt giam) trong các nhà tù sẽ trở thành... lỗi thời, vì các phạm nhân sẽ được gắn những khí cụ điện tử, hoặc "cấy" những hóa chất đặc biệt trong người, để các giám thị cải huấn theo dõi hành vi 24 giờ một ngày -- phạm nhân cứ việc ở nhà riêng.

5. **Đồ đạc** trong nhà sẽ được tự-động-hóa tối đa, có khi biết "nghe" lệnh của chủ nhân mà tắt, mở, lại gần, chui vào kho, v.v. Hiện ngành người máy (robotics) đã có những sáng chế về bàn, ghế điều khiển từ xa giúp những người già yếu bệnh tật ở nhà một mình được -- các cụ khỏi sợ bị con cháu đưa vào nhà dưỡng lão!

Quý vị tuổi trẻ, to khỏe mà mắc bệnh "lươi huyền" chắc cũng tận dụng loại đồ đạc tự-động-hóa này.

6. **Phản ứng nhà ươm cây** (greenhouse effect) -- lớp ô dôn ngăn sức nóng mặt trời bao quanh trái đất bị lủng hoặc bào mỏng, khiến nhiệt độ trung bình ở trái đất gia tăng. Dân số Canada sẽ tăng vượt dân số Hoa Kỳ, vì dân Mỹ sẽ di cư sang "vùng nắng ấm," bỏ lại xứ Mỹ "nóng như thiêu"!? Canada có điều kiện sinh môi tốt hơn nhiều.

7. **Thay mầm giống** (genes) sẽ trở thành phổ biến trong ngành y: những mầm giống xấu hoặc yếu sẽ bị phế thải, thay vào đó là những mầm giống tốt, khỏe. (Thay đủ thứ được, liệu con người có thực hiện được ước muốn "lột xác sống đời" chăng?)

8. **Xe tinh khôn** (smart cars) với hệ thống điện toán gắn đầy trong xe, sẽ có thể tự điều hướng việc di chuyển, tránh đụng chạm, tăng giảm tốc độ... Sẽ có cả những xe "không người lái" -- chương trình điện toán gài sẵn, chủ nhân chỉ chui vào xe, bấm nút xong là... nằm ngủ, hoặc đọc báo, nghe nhạc, coi tivi, hoặc nói chuyện bằng điện thoại hữu hình với bồ.

9. **Sống lâu** là điều dự tri dễ thấy nhất, vì đồ biểu thống kê cho thấy chiều hướng đó rõ ràng. Sẽ có những gia đình mà con cái ở lứa tuổi 70 săn sóc cha mẹ ở lứa tuổi 90. Nhà cửa sẽ phải vẽ kiểu lại, cũng như tốc độ lưu thông trên đường phải giảm, cho thích ứng với số các cụ bát thập, cửu thập này.

10. **Cây nhân tạo** sẽ được trồng trong các vườn nhà, với hoa đổi mầu, cành đổi trái, theo mùa hoặc theo hứng của chủ nhân. Sẽ có cả cây không cần tưới nước, phân bón, dọn cỏ... Mấy nhà "ái nhiên" (yêu thiên nhiên) chắc sẽ dọn vào một khu riêng nào đó!

Xuôi nam

xuôi nam, tôi thấy rừng tràm
thấy dừa lá ngọn, thấy cam trĩu cành
thấy rào dâm bụt tươi xanh
thấy bông trang nở đỏ quanh nhà người
thấy sân nắng rợp bóng xoài
thấy me thay lá rơi dài lối đi
thấy cò trắng đậu bụi tre
thấy ven bờ nước tím hoa lục bình...
thấy tôi đứng ngẩn ngơ nhìn
thấy tôi nhớ quá quê nghìn dặm xa
thấy tôi lạc chợ bao mùa
thấy tôi thèm một chỗ về, tôi ơi!

NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách báo trong tháng

LÊ TAM CA

Buổi Sáng Một Mình

Tập truyện ngắn của Bùi Bích Hà. Sách dày 198 trang, Người Việt xuất bản, giá bán $12., bìa do Vĩnh Quý, Nguyễn Đồng trình bày, có chân dung tác giả do Thái Bá phác họa, phụ bản của Nguyễn Thị Hợp.

Mười lăm truyện ngắn trong **Buổi Sáng Một Mình** là 15 câu chuyện xảy ra ở nhiều nơi khác nhau, trải dài từ Việt Nam tới Mỹ, và ở nhiều thời điểm khác nhau, trước và sau 75.

Bằng một bút pháp chải chuốt, nhưng chân thực, một văn phong thấm đượm không khí "Tự lực văn đoàn," truyện của Bùi Bích Hà là những phù điêu làm nổi bật lên những tâm trạng, những tình huống tế nhị. Chất liệu để đắp nên phù điêu có thể, đôi lúc, như cố tình sần sùi, thô bạo, nhưng nằm sâu bên trong vẫn ẩn giấu một lòng yêu người, yêu đời.

Bắt đầu viết từ lâu, rất lâu nhưng làm quen với độc giả thì chỉ mới vài ba năm lại đây, nhất là qua mục "Bạn gái nhỏ to" (trang Phụ nữ, báo *Người Việt),* dưới bút hiệu Thái Hà, nhà văn họ Bùi đã được độc giả mến mộ -- qua số lượng thư từ gửi về tán thưởng hoặc "vấn kế," chẳng thua gì Ann Landers hay Abby (theo tỉ lệ số báo, số độc giả).

Trong lời "TỰA" của cuốn **Buổi Sáng Một Mình,** nhà văn Vũ Huy Quang nhận xét về các nhân vật do Bùi Bích Hà tạo dựng như sau:

"Nhân vật truyện trong BUỔI SÁNG MỘT MÌNH, đa số là phụ nữ, tâm trạng rất đặc thù Việt Nam, *không lẫn được với tâm lý nhân vật phụ nữ nước nào khác, -- nghịch cảnh họ nhận chịu cũng vậy --: Trong những bất ưng, truân chuyên nhất ở truyện bà thuật, nhân vật của bà (người mẹ, người em, kẻ bất hạnh... nào đó) luôn luôn dưới ngòi bút B.B.H, người đọc cũng thấy, tự tâm hồn bà có cái nhìn vị tha, yêu thương và tha thứ. Ở* **Cô em họ,** *dù sống một cách băng hoại cùng cực; ở* **Chuyện của Hiên,** *một phụ nữ có quyết định tình cảm ít có... là những điển hình. Có lẽ, bà muốn độc giả chia sẻ rằng những Hiên, Thúy, cô giáo Nhan... dù thế nào đi nữa, nhân vật của bà vẫn đầy nhân bản, đáng được yêu thương hơn là đáng trách, không những thế, đôi khi còn cao thượng, đáng khâm phục, vì sự can đảm, âm thầm nhận chịu bất hạnh của họ* **(Vết chàm xám).**"

Mẹ, Quê Hương và Nước Mắt

Tập truyện ngắn và hồi ký, của VĨNH HẢO, 160 trang, bìa lọc màu với tranh Võ Đình, (không đề giá bán), tác giả xuất bản 1989.

Tập sách gồm sáu đoản thiên, dài có *(Gã Điên,* hơn 50 trang), ngắn có *(Tôi Đã Hôn Mẹ,)* 9 trang, của một tác giả trẻ -- theo lời giới thiệu của Phạm Công Thiện ở đầu sách thì "chưa đầy ba chục tuổi."

Nhận định về nội dung và bút pháp tập sách này, Phạm Công Thiện viết:

"Nói về sự tàn nhẫn khủng khiếp của con người đối với con người, xin đọc kỹ truyện "Quê Hương và Tình Mẹ;" một trong những truyện hay nhất cho trẻ thơ là truyện "Ai Cũng Có Mẹ;" truyện "Màu Máu Màu Cờ" làm sống lại lòng từ bi vô biên của Phổ Môn hóa hiện; truyện "Vẫn Bàn Tay Ấy" nói lên hình ảnh quen thuộc linh động của hầu hết những gia đình người Việt ở quê hương.

"Vĩnh Hảo không cần phải phân tích tâm lý chi li và không cần sử dụng kỹ thuật rườm rà của lối viết văn nặng nề lý thuyết trường phái; tác giả chỉ viết lên những cái bình thường, nói lại vài ba chân lý ngàn đời mà chúng ta đã quên mất từ khi đêm tối nặng nề đã vồ chụp những đêm trắng, từ khi chuột và người phải làm bạn với nhau và từ khi mỗi bà mẹ Việt Nam đều trở thành một Quán Thế Âm Bồ Tát..."

Xin cám ơn tác giả Vĩnh Hảo, và xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả, cuốn "Mẹ, Quê Hương và Nước Mắt."

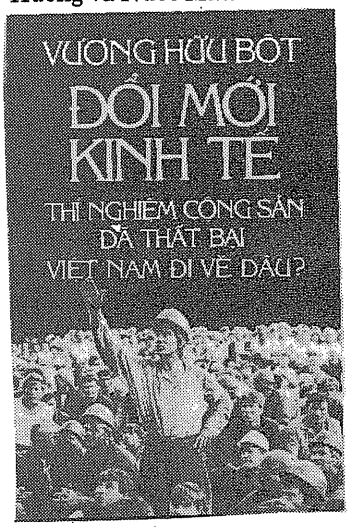

Đổi Mới Kinh Tế

Biên khảo của Vương Hữu Bột. Sách dày 320 trang, Người Việt xuất bản, giá bán $14., bìa do Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp trình bày, chỉ in hai

màu nhưng rất nổi.

Cuốn biên khảo này, thực ra, có cái tựa rất dài: **Đổi Mới Kinh Tế: Thí Nghiệm Cộng Sản Đã Thất Bại. Việt Nam Đi Về Đâu?**

Vương Hữu Bột vốn là một ký giả (viết cho các báo *Sống, Đời, Sóng Thần* ở Sàigòn trước 1975), hiện là một nhà tài chánh học. Ông cũng là chủ bút tạp chí *Thế Kỷ 21.*

Với hai bài mở đầu và *kết luận* do chính tác giả viết bằng giọng văn truyền cảm, cuốn sách có 12 chương phân tích một cách khoa học và cụ thể về tình hình đổi mới kinh tế (và chính trị) ở các nước cộng sản.

Khi khởi viết cuốn sách này, tháng 5-1989, Vương Hữu Bột, cũng như chúng ta và cả thế giới, không hoặc chưa thấy xuất hiện những biến cố long trời lở đất ở Ba Lan, Hung, Tiệp, Đông Đức. Nhưng tác giả họ Vương là một người dự tri chính xác -- hay, đúng hơn, ông là nhà nghiên cứu khoa học nhân văn có bản lĩnh -- nên tất cả những điều ông viết đã xảy ra trên thực tế.

Ông còn dí dỏm nói thêm ở cả phần mở đầu lẫn phần kết luận rằng "Ước chi cuốn sách này trở thành lỗi thời (trước khi bước vào thế kỷ 21)."

Điều ước của ông đã thành sự thực ở một phần trái đất: vùng Đông Âu. Nó vẫn còn là điều ước ở Việt Nam.

Gọi Bình Minh

Truyện dài của PHẠM QUỐC BẢO, 232 trang, bìa lọc màu với tranh của Choé, tám phụ bản của tám họa sĩ, Người Việt xuất bản, giá $12.

Đây là tác phẩm thứ chín của nhà văn họ Phạm, trong 20 năm viết văn và làm báo, kể từ tác phẩm đầu tiên "Chiến Tranh và Tuổi Trẻ Phương Tây" (dịch), in năm 1969 ở Saigon. Nếu chỉ kể giai đoạn ở hải ngoại, đây là cuốn thứ sáu, kể từ "Cùm Đỏ" in năm 1983 (tái bản 1985), cho thấy Phạm

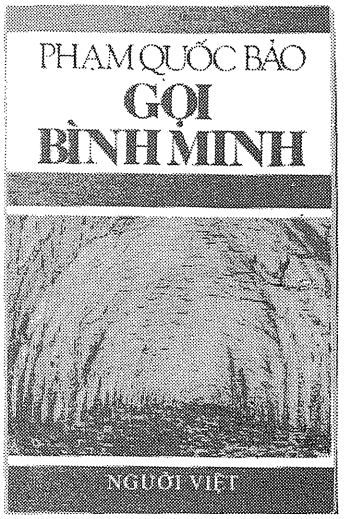

Quốc Bảo viết chậm nhưng đều. Từ 1983 đến 1989, ông cho ra mỗi năm một cuốn (trừ năm 1988, có lẽ do công việc chủ biên một tờ nhật báo thằng thúc, chiếm đoạt hết số giờ làm việc trong ngày).

Tác giả "nói chuyện thêm" với độc giả ở cuối sách: "Trong mấy truyện dài tôi đã viết hồi đó, **Gọi Bình Minh** là cuốn tôi còn yêu thích hơn cả." (GBM, tr. 230)

Phải chăng chuyện "con yêu, con ghét" ở đây đến từ mức độ ấp ủ và gửi gấm mà họ Phạm dành cho **Gọi Bình Minh** nhiều hơn các cuốn khác? Hay, trong số những truyện mà ông sáng tác -- từ "Cùm Đỏ" đến "Cõi Mộng Du" -- toàn những cảnh đời nghiệt ngã, u buồn, chỉ riêng **Gọi Bình Minh** có "tiếng chim ríu rít và tiếng người rộn rã ngoài đồng mênh mông vọng lại. Vừng đông với những tia nắng vừa cất lên, chan hòa ở trước mặt." (GBM, tr. 228).

Về cách dựng truyện, **Gọi Bình Minh** là một truyện dài, nhưng bị cắt khúc giữa, với nhân vật chính từ ngôi thứ ba chuyển sang ngôi thứ nhất, trở thành hai câu chuyện trong một truyện. Đúng ra, có lẽ tác giả muốn mượn một thủ pháp điện ảnh *(flashback)* để phá vỡ cái khuôn kết cấu bình thường.

Ngoại trừ những "xen" dữ dội bất ngờ do hai tin trên báo dẫn vào truyện, hơi "*à l'américaine*" quá, toàn bộ khung cảnh (bên ngoài cũng như nội tâm nhân vật) -- đúng như tác giả tự nhận định -- "rõ rệt là Việt Nam."

Nếu tác giả đã "yêu thích viết lại và cho in," thì hẳn Gọi Bình Minh phải là cuốn truyện dài được độc giả yêu thích của những năm cuối thế kỷ này.

LÊ TAM CA

Trung tâm Quecbec, VBVNHN bầu Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 89-91

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Trung Tâm Québec đã họp Đại Hội thường niên vào ngày 26 tháng 11 năm 1989 vừa qua tại Montréal để kiểm điểm các hoạt động trong hai năm 1987 - 1989 và bầu lại Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 1989-1991. Thành phần gồm có:

- Chủ Tịch: Trang Châu
- Phó Chủ Tịch Nội Vụ: Võ Kỳ Điền
- Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ: Quán Phong Lâm Công Quận
- Tổng Thư Ký: Lưu Nguyễn
- Thủ Quỹ: Viễn Du

Đại hội đã hoạch định chương trình hoạt động cho hai năm tới, đặt trọng tâm vào việc kiện toàn và phát triển các sinh hoạt của Trung Tâm Québec. Ban Chấp Hành cũng đã quyết định tạo mối liên lạc mật thiết hơn nữa với các Trung Tâm Văn Bút Québec và Canada để có thể cung cấp mạnh mẽ cho quyền lợi của các văn nghệ sĩ đang bị cầm tù và đang bị tước đoạt tự do tại quê nhà.

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại PHÁP:
* Le Tai Dien
21 Jean Racine
95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại TÂY ĐỨC:
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại CANADA:
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
(604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại Úc:
* Tòa soạn báo Việt Luận
PO Box 592
Bankstown, NSW 2200
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnamese Lang & Cult. Pub.
PO Box. 133
Pascoe Vale South
Vic. 3044 - Australia

Tại NHẬT BẢN
* Mekong Center
F140 Tokyo - To, Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262 Ichodanchi
72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại HOA KỲ:

Minnesota:
* Saigon Bookstore
1721 E. Lake St.
Minneapolis, MN 55407
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Tòa soạn tuần báo
Người Việt Tây Bắc
3111 M.L King Jr. Way
Seatle, WA 98144
Tel. (206) 722-6984

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.,
Falls Church, VA 92201
Tel. (703) 524-2011

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E Colonial Dr.
Orlando. FL. 32803
(305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa. FL 33609
(813) 874-0526

New York
* Tú Quỳnh
85 Boweris St. #8B
New York, NY-10002
(212) 925-1513

Massachusetts
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA. 02122

Colorado
* Đức Hòa
333 S. Federal Blvd. #128
Denver, CO. 80219

Louisiana
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiên Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey
LA 70058
(504) 340-4626

Missouri
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO. 64106
(816) 421-6838

New Mexico
* Kim's Cafe
1800 Central Ave.
Albuquerque, NM. 87106

Texas
* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003

* Văn Hóa Publishing
2606 Main St. #114
Houston, TX 77002

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
(713) 650-1770

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Airport Blvd.
Austin, TX 78753

California:
* Toà soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Te. (408) 971-9808

* Tây Đô
2855 F Senter Rd.
San Jose, CA 95111
Te. (408) 224-4130

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San José, CA 95100

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683.
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
USA

Đã Phát Hành Khắp Nơi

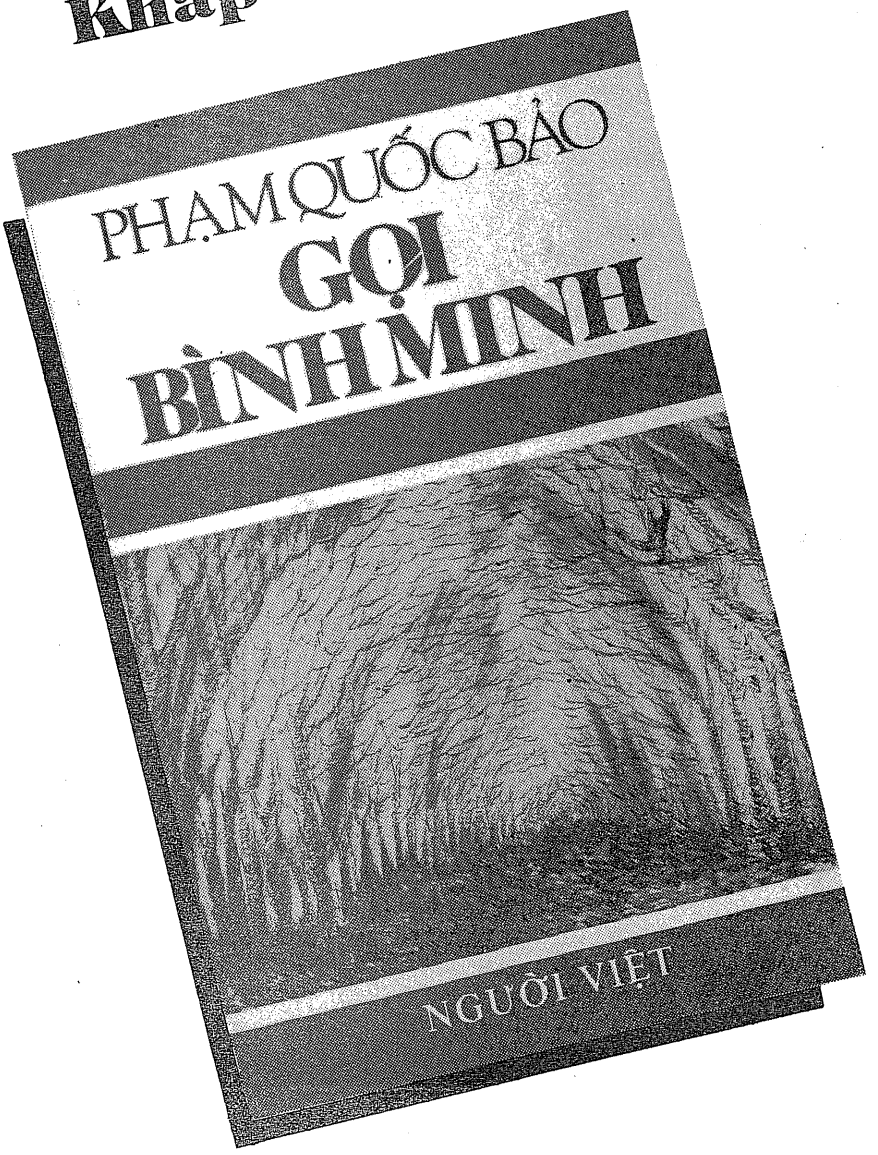

Tìm đọc
Tác phẩm đầu tay của
một cây bút nữ sâu sắc
hải ngoại

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

Với sự cộng tác của

NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

✲ CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

PHỤ KHOA

* Bệnh dàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

ĐẶC BIỆT: Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

THẾ KỶ 21
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:**

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo ☐ 36 số báo

Kèm theo đây là check/money order Ngày _____

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Các nước khác
6 số báo	$ 12	$ 18	US$ 20	US$ 21
12 số báo	$ 24	$ 36	US$ 40	US$ 42
24 số báo	$ 48	$ 72	US$ 80	US$ 84
36 số báo	$ 72	$ 120	US$ 120	US$ 126

TRUNG TÂM TRUY TẦM
UNG THƯ NGỰC (VÚ)

BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH
CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN

9513 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8833

- Dùng kỹ thuật tối tân để khám phá ung thư thật sớm
- Chỉ dẫn kỹ càng cách thức tự khám ngực để khám phá ung thư ngực thật sớm
- Có nữ chuyên viên nhiều kinh nghiệm khám và chụp hình ngực

Đường nào cũng tới La Mã
Xa lộ nào cũng dẫn bạn tới nhà hàng

BÒ 7 MÓN PAGODE SAIGON
Gourmet Restaurant

710 W. Las Tunas Dr #7 San Gabriel
(Góc Las Tunas và Mission)
(818) 282-6327

VISA
MasterCard

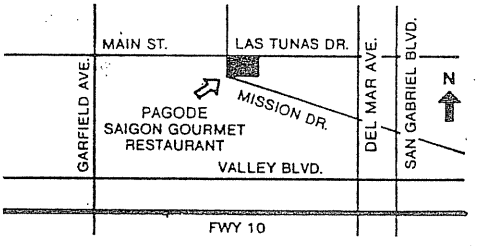

* BÒ NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NHÚNG DẤM
* TÔM NƯỚNG VỈ

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"	*9. Bún Mộc*
2. Chả cá Thăng Long	*10. Bánh cuốn "Thanh Trì"*
3. Bún vịt xáo măng	*11. Bún ốc*
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"	*13. Bánh đúc đậu rán*
5. Bún Bung	*14. Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
6. Bún Riêu	*15. Miến gà*
7. Bún giả cầy	*16. Miến lươn*
8. Bún Thang	*17. Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

BROOKHURST FOOT CLINIC
Bác Sĩ
ĐẶNG BỈNH CHÚC
Bác Sĩ Việt Nam duy nhất
Chữa Bệnh về Chân tại Nam Cali

Member California Podiatric Medical Association
Member Academy of Ambulatory Foot Surgeons

Palm Court Plaza
15444 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
(Góc Brookhurst/McFadden - đối diện chợ RALPH'S)

Chuyên Trị Và Giải Phẫu
Tất Cả Những Bệnh Tật
Và Chấn Thương Nơi Chân

Nhận Medical, Medicare và Bảo Hiểm
Nhận đến thăm bệnh tại nhà
Xin gọi điện thoại để lấy hẹn trước
Trường hợp khẩn cấp, xin gọi
(714) 775-5373
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai đến thứ Bảy: từ 10 giờ sáng
đến 7 giờ tối
Chủ Nhật: Làm theo hẹn

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ
PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

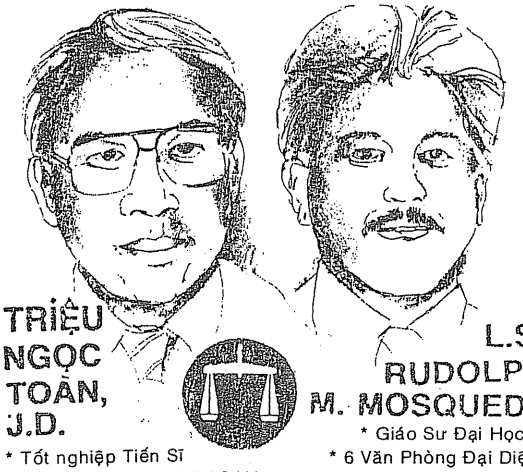

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.
* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA
* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.)
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỜI BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ 2-7: 10AM-7PM
Chủ Nhật: Theo hẹn.

Los Angeles Office
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: **1-800-331-4725**

Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683 (Cạnh Siêu Thị 99)

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Postcript printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עברית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra các cỡ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

VISA

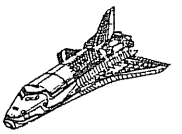

Mastercard

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Đầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414 & 892-9316 Fax: (714) 894-1381

ĐÃ XUẤT BẢN

PHẠM QUỐC BẢO
Cùm Đỏ
Truyện Ký, 7.25 MK
Cõi Mộng Du
Truyện dài, 7.00 MK
Đời Từng Mảnh
Cõi Mộng Du tập II, 8.00 MK
Dâu Bể
Tập truyện, 8.00 MK

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Mùa Biển Động
Truyện dài, (hết)
Bão Nổi
Truyện dài (hết)
Ngựa Nản Chân Bon
Tập truyện (hết)

NGUYỄN BÁ TRẠC
Ngọn Cỏ Bồng
Tập Thơ Văn (Hết)

NGUYỄN MẠNH TRINH
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh
Thi tuyển (Hết)

NGUYỄN XUÂN QUANG
Người Căm Thù Ruồi
Tập truyện, 6.00 MK

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Người Đi Trên Mây
Truyện dài, 10.00 MK

VÕ NGÃ
Gối Gốc Mai
Thi tuyển (Hết)

THẾ GIANG
Thằng Người Có Đuôi
Tập truyện (tái bản), 10.00 MK

NGUYÊN PHONG
Hành Trình Về Phương Đông
(tái bản), 10.00 MK

LÊ THÁI BẰNG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Nguyên tác John Hohenberg
Ký Giả Chuyên Nghiệp
Biên khảo, 19.50 MK

TỪ NGUYÊN
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin
Biên khảo, 12.00 MK

LƯU ĐÌNH VONG
Thơ Giập Mật
Thơ, 9.00 MK

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tâm Dung
Thơ, 7.00 MK

KIỆT TẤN
Thương Nàng Bấy Nhiêu
Tập truyện, 12.00 MK

NHIỀU TÁC GIẢ
Mùa Hè 1999
Tập truyện, 6.50 MK

NGUYỄN HỮU BÀO
Thơ Tuổi Thơ
Thơ cho thiếu nhi, 8.00 MK

BÙI BÍCH HÀ
Buổi Sáng Một Mình
Tập truyện, 12.00 MK

ĐANG IN

XUÂN VŨ
Thiên Đàng Treo
Tập truyện XHCN

SẼ XUẤT BẢN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Bụi và Rác
(Người Đi Trên Mây, tập II)
Truyện dài

NHIỀU TÁC GIẢ
Tuyển tập truyện ngắn
trúng giải kỳ thi viết văn Hè 88
do nhật báo Người Việt tổ chức

HẸN NHAU Ở

BI/DA sàigòn

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN

để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đích thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI

để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU

để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

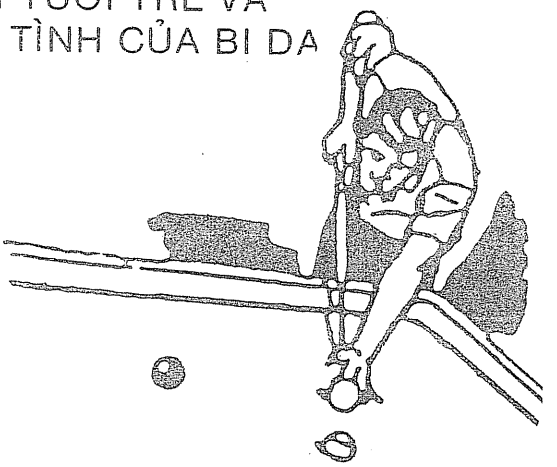

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

BULK RATE
U.S. POSTAGE
PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT NO. 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

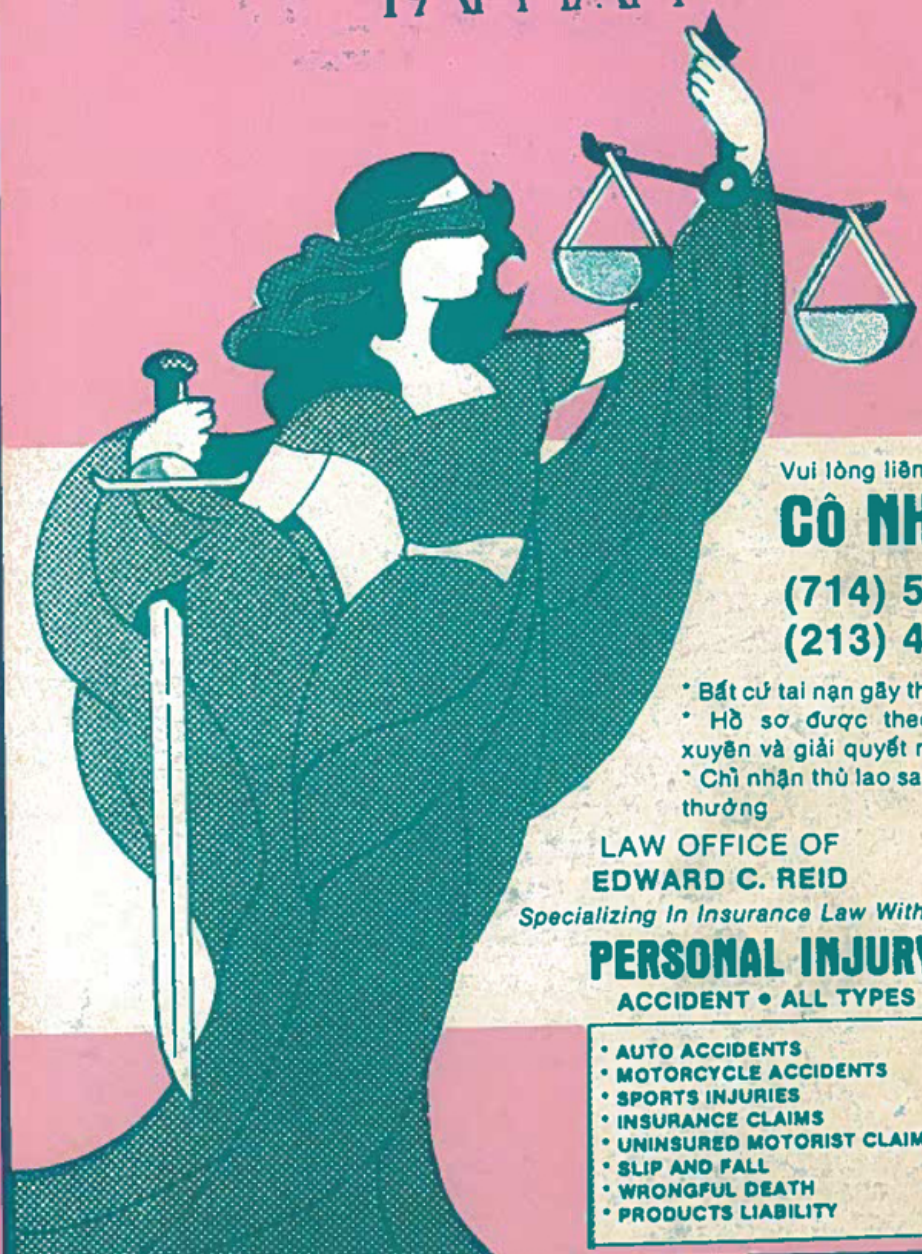

Vui lòng liên lạc ngay:

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

(213) 434-4421

* Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
* Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF
EDWARD C. REID

Specializing In Insurance Law With Emphasis On:

PERSONAL INJURY

ACCIDENT • ALL TYPES

- AUTO ACCIDENTS
- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- SPORTS INJURIES
- INSURANCE CLAIMS
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION NO RECOVERY – NO FEE

Giá $2.50 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00